

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ: Đại học

Ngành đào tạo: Sư phạm Địa lí

Mã số: 7140219

Thanh Hóa, Tháng 9 năm 2023

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 2588/QĐ-ĐHHD, ngày 18 tháng 9 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH

Tên chương trình (Tiếng Việt):	Sư phạm Địa lí
Tên chương trình (Tiếng Anh):	Geography Teacher Education
Trình độ đào tạo:	Đại học
Mã ngành đào tạo:	7140219
Khoa/Bộ môn quản lý chương trình:	Bộ môn Địa lí
Đối tượng tuyển sinh	Theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT
Thời gian đào tạo:	4 năm
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Số tín chỉ yêu cầu:	130
Điều kiện tốt nghiệp:	Hoàn thành chương trình theo quy định hiện hành
Tên gọi văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân
Vị trí làm việc:	<i>Sau khi tốt nghiệp, các cử nhân Đại học SP Địa lí có thể đảm nhiệm các vị trí việc làm sau:</i> <ul style="list-style-type: none">- Giảng dạy Địa lí tại các trường phổ thông, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề trong cả nước;- Làm công tác quản lý giáo dục: chuyên viên Phòng GDPT thuộc Sở GD&ĐT, các Phòng giáo dục.- Làm việc ở các cơ sở ngoài giáo dục: Viện Địa lí, viện Chính Sách và Chiến Lược phát Triển Nông Nghiệp Nông Thôn,...- Giảng dạy Địa lí tại các trường đại học, cao đẳng sau khi học lên bậc Thạc sĩ, Tiến sĩ đáp ứng yêu cầu chuyên môn.
Khả năng học tập nâng cao trình độ:	- Thạc sĩ, tiến sĩ trong và ngoài nước - Học văn bằng hai ở các ngành phù hợp
Chương trình tham khảo:	1) Chương trình khung ĐHSP Địa lí, ĐHSP Hà Nội năm 2022 https://hnue.edu.vn/Portals/0/SP-Dia-Khung-

	<p>CTDT.pdf (truy cập 7/2023)</p> <p>2) Chương trình khung ĐHSP Địa lí, ĐH Thái Nguyên năm 2022 https://tnue.edu.vn/data/media/2022/9/40/28/103/thanhpt/files/Khung%20CT%C4%90T%20SP%20%C4%90%E1%BB%8Ba%20%C3%BD%20(K57).pdf (truy cập 7/2023)</p> <p>3) Chương trình khung ĐHSP Địa lí, Trường ĐH Vinh năm 2021 http://vinhuni.edu.vn/upload/ctdt/chinhquy/7140219_SPDialy.pdf (truy cập 7/2023)</p> <p>4) Chương trình khung ĐHSP Địa lí, Trường ĐH SP - ĐH Huế năm 2021 http://www.dhsphue.edu.vn/media/db_html_cm_p_010406/10__mt_ctdt_nganh_dia_ly.pdf (truy cập 7/2023)</p>
--	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

II. MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH

2.1. Mục tiêu

2.1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lí trình độ đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng có: Phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; kiến thức nền tảng về khoa học Xã hội, kiến thức thực tế vững chắc và kiến thức lý thuyết sâu, rộng về khoa học Giáo dục và khoa học Địa lí; năng lực tổ chức dạy học, giáo dục và phát triển chương trình môn học Địa lí ở trường phổ thông; khả năng nghiên cứu, sáng tạo, học lên ở những bậc học cao hơn để phát triển bản thân và nghề nghiệp, đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục và hội nhập quốc tế.

2.1.2. Mục tiêu cụ thể

2.1.2.1. Kiến thức

- PO1. Có kiến thức nền tảng về lý luận chính trị, pháp luật, khoa học xã hội- môi trường; khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; kiến thức về giáo dục quốc phòng - an ninh và giáo dục thể chất phục vụ công tác chuyên môn và cuộc sống;
- PO2. Có kiến thức nền tảng về khoa học Giáo dục, kiến thức lý thuyết sâu, rộng về lý luận và phương pháp dạy học địa lý phục vụ giảng dạy ở các trường phổ thông;
- PO3. Có kiến thức chuyên sâu về khoa học Địa lí (Trái Đất và bản đồ, Địa lí tự nhiên, Địa lí kinh tế-xã hội) phục vụ nghiên cứu và giảng dạy ở các trường phổ thông.

2.1.2.2. Kỹ năng

- PO4. Kỹ năng ngoại ngữ, tin học, chuyên đổi số, nghiên cứu khoa học phục vụ công tác chuyên môn;

- PO5. Các năng lực, kỹ năng sư phạm, gồm có 3 nhóm: Năng lực dạy học, năng lực giáo dục và năng lực tổ chức hoạt động sư phạm.

- PO6. Các kỹ năng chuyên môn giải quyết các vấn đề về khoa học Địa lí: Sử dụng bản đồ, tranh ảnh; xây dựng biểu đồ và phân tích số liệu thống kê địa lí; quan sát thực tế;...

2.1.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

- PO7. Có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức kỷ luật và tác phong chuẩn mực; có khả năng cải tiến, dẫn dắt chuyên môn và phát huy trí tuệ tập thể; khả năng tự học, tự nghiên cứu để phát triển ở trình độ đào tạo cao hơn.

2.2. Chuẩn đầu ra

2.2.1. Kiến thức

- PLO1: Vận dụng được kiến thức cơ bản về Lý luận chính trị; quản lý ngành và pháp luật Việt Nam; kiến thức về Giáo dục quốc phòng - An ninh và giáo dục thể chất vào công việc chuyên môn và cuộc sống;

- PLO2: Trình bày được kiến thức cơ bản về khoa học Xã hội và nhân văn, môi trường; khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; từ đó vận dụng được hệ thống kiến thức này vào công việc chuyên môn và cuộc sống;

- PLO3: Khái quát hóa được kiến thức về khoa học Giáo dục, lý luận và phương pháp dạy học Địa lí; từ đó vận dụng vào thực hiện kế hoạch giáo dục và kế hoạch bài dạy của giáo viên;

- PLO4: Phân tích được kiến thức chuyên sâu về khoa học Trái Đất và Bản đồ học, Địa lí tự nhiên, Địa lí kinh tế-xã hội; kiến thức nền tảng về công nghệ viễn thám và hệ thống tin địa lí (GIS), từ đó vận dụng vào nghiên cứu và giảng dạy Địa lí ở trường phổ thông;

- PLO5: Phân tích được các thành phần, mối quan hệ, các quá trình, quy luật và sự thay đổi của hệ thống tự nhiên ở các quy mô lãnh thổ (toàn cầu, khu vực, quốc gia và địa phương) phục vụ công tác chuyên môn ở trường phổ thông;

- PLO6: Phân tích được các thành phần, mối quan hệ, các quá trình, quy luật và sự thay đổi của hệ thống kinh tế - xã hội ở các quy mô lãnh thổ (toàn cầu, khu vực, quốc gia và địa phương). Nhận diện và giải thích được sự tương tác giữa các hệ thống tự nhiên với hệ thống kinh tế - xã hội ở quy mô lãnh thổ khác nhau (toàn cầu, khu vực, quốc gia và địa phương) phục vụ công tác chuyên môn ở trường phổ thông.

2.2.2. Kỹ năng

- PLO7: Sử dụng được ngoại ngữ (Tiếng Anh) đạt trình độ bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ bậc 6 dùng cho Việt Nam;

- PLO8: Khai thác hiệu quả các ứng dụng của công nghệ thông tin, công nghệ số và các phần mềm tin học ứng dụng chuyên ngành Địa lí trong nghiên cứu và dạy học;

- PLO9: Xây dựng và tổ chức thực hiện được kế hoạch giáo dục và kế hoạch bài dạy;

- PLO10: Sử dụng thành thạo các công cụ và trang thiết bị trong học tập (Bản đồ, tranh ảnh,..), xây dựng biểu đồ và phân tích số liệu thống kê địa lí phục vụ nghiên cứu và dạy học Địa lí ở trường PT;

- PLO11: Quan sát, thực hành, thực tế chuyên môn phục vụ nghiên cứu và dạy học.

2.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

- PLO12: Thể hiện được khả năng giao tiếp và hợp tác, làm việc độc lập và làm việc nhóm; bảo vệ được quan điểm cá nhân, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ; lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, phát huy trí tuệ tập thể;

- PLO13: Yêu quê hương, đất nước; yêu nghề, yêu thương học sinh; trung thực, trách nhiệm và tận tâm trong công việc chuyên môn; Phát triển bản thân, chuyên môn nghiệp vụ và học tập suốt đời.

III. NỘI DUNG ĐÀO TẠO CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Loại giờ				Học ở học kì	Điều kiện tiên quyết	BM quản lý HP
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
A	KIẾN THỨC GD ĐẠI CƯƠNG		39							
I	Lý luận chính trị		13							
1	196055	Triết học Mác Lênin	3	32	26		135	2		LL Mác-Lênin
2	196060	Kinh tế chính trị Mác- Lê nin	2	21	18		90	3	1	LL Mác-Lênin
3	196065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21	18		90	4	1	LL Mác-Lênin
4	198030	Lịch sử Đảng CSVN	2	21	18		90	5	1	LSD-TTHCM
5	197035	Tư -tưởng Hồ Chí Minh	2	21	18		90	5	1	LSD-TTHCM
6	197030	Pháp luật đại cương	2	18	24		90	4		Luật

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Loại giờ				Học ở học kì	Điều kiện tiên quyết	BM quản lý HP
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
II	Khoa học Xã hội và nhân văn -Môi trường		13							
7	154888	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3	27	26	10	135	5		QTKD
8	121005	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	18	24	0	90	1		VNH-DL
9	118001	Môi trường và con người	2	18	24	0	90	2		Sinh học
10	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		2							
a	125016	Thống kê xã hội	2	18	18	6	90	2		Địa lí
b	123240	Xã hội học đại cương	2	18	18	6	90	2		Xã hội học
11	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		2							
a	123050	Tiếng Việt thực hành	2	18	24		90	1		Ngữ văn
b	123185	Thực hành văn bản tiếng Việt	2	18	24		90	1		Ngữ văn
12	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		2							
a	124195	Lịch sử văn minh thế giới	2	18	18	6	90	1		Lịch sử
b	124115	Kiến thức địa phương Thanh Hóa	2	18	18	6	90	1		Lịch sử
III	Khoa học tự nhiên- công nghệ		3							
13	172555	Công nghệ số	3	20	0	50	135	2		MMT&UD
IV	Ngoại ngữ		10							
14	133031	Tiếng Anh 1	4	36	24	24	180	1		Ngoại ngữ KC
15	133032	Tiếng Anh 2	3	27	18	18	135	2	14	Ngoại ngữ KC
16	133033	Tiếng Anh 3	3	27	18	18	135	3	15	Ngoại ngữ KC
V	Giáo dục thể chất		4							
	191004	Giáo dục thể chất 1	2	2		28	90	1		LL&PP GDTC
	191031	Giáo dục thể chất 2						2		Bóng – ĐK
	<i>Chọn 1 trong 5 học phần</i>		2							

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Loại giờ				Học ở học kì	Điều kiện tiên quyết	BM quản lý HP
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
a	191031	Bóng chuyên	2			30	90	2		Bóng-ĐK
b	191032	Thể dục Aerobic	2			30	90	2		
c	191033	Bóng đá	2			30	90	2		
d	191034	Bóng rổ	2			30	90	2		
e	191035	Vovinam - Việt võ đạo	2			30	90	2		
VI	Giáo dục quốc phòng		165						4	TT GDQP
B	KIẾN THỨC GDCN		91							
I	Kiến thức cơ sở		10							
17	181080	Tâm lí học	4	36	48		180	2	1	Tâm lí học
18	182005	Giáo dục học	4	36	48		180	3	17	Giáo dục học
19	198000	Quản lý HCNN và QLGD	2	18	24		90	7	18	Giáo dục học
II	Kiến thức ngành		65							
20	125125	Phương pháp NCKH (Ngành Địa lí)	2	18	18	6	90	3		Địa lí
21	125005	Bản đồ học đại cương	3	27	30	6	135	1		Địa lí
22	125124	Địa lý tự nhiên đại cương (Phần 1)	4	36	36	12	180	1		Địa lí
23	125088	Địa lý tự nhiên đại cương (Phần 2)	3	27	30	6	135	3	22	Địa lí
24	125013	Địa lí tự nhiên các châu lục (Phần 1)	3	27	30	6	135	3	22	Địa lí
25	125120	Địa lí tự nhiên các châu lục (Phần 2)	2	18	18	6	90	4	24	Địa lí
26	125267	Địa lý KT-XH đại cương 1	3	27	30	6	135	4	23	Địa lí
27	125269	Địa lý KT-XH đại cương 2	3	27	30	6	135	5	26	Địa lí
28	125010	Địa lí KT-XH thế giới 1	4	36	36	12	180	6	27	Địa lí
29	125038	Địa lí KT-XH thế giới 2	2	18	18	6	90	6	27	Địa lí
30	125027	Địa lý tự nhiên Việt Nam 1	3	27	30	6	135	4	24	Địa lí
31	125047	Địa lý tự nhiên Việt	3	27	30	6	135	5	30	Địa lí

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Loại giờ				Học ở học kì	Điều kiện tiên quyết	BM quản lý HP
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
		Nam 2								
32	125127	Địa lí KT-XH Việt Nam (phần KQ và các ngành KT)	4	36	36	12	180	6	27, 31	
33	125132	Địa lý các vùng kinh tế Việt Nam	3	27	30	6	135	7	32	Địa lí
34	125133	Lý luận và PPDH Địa lí	4	36	30	18	180	5	18	Địa lí
35	125134	Thực hành PPDH môn Địa lí	4	36	18	30	180	6	34	Địa lí
36	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		3							
a	125136	Kiểm tra đánh giá trong dạy học Địa lí	3	27	30	6	135	6	34	Địa lí
b	125123	Áp dụng các phương pháp dạy học tích cực trong môn Địa lí	3	27	30	6	135	6	34	Địa lí
37	125049	Thực tế địa lí kinh tế- xã hội	2	3	6	48	90	7	32	Địa lí
38	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		3							
a	125061	Ứng dụng GIS trong thành lập Bản đồ giáo khoa	3	27	9	27	135	7	13; 21	Địa lí
b	125045	Hệ thống thông tin địa lí	3	27	9	27	135	7	13; 21	Địa lí
39	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		2							
a	125090	Địa lí địa phương Thanh Hóa	2	18	18	6	90	4		Địa lí
b	128108	Địa lí du lịch VN	2	18	18	6	90	4		Địa lí
40	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		3							
a	125122	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học địa lí	3	27	9	27	135	7	13	Địa lí
b	125310	Xây dựng biểu đồ và phân tích SLTK Địa lí	3	27	9	27	135	7	13	Địa lí
41	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		2							
a	125198	Thực tế địa lý tự	2	3	6	48	90	4	21, 30	Địa lí

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Loại giờ				Học ở học kì	Điều kiện tiên quyết	BM quản lý HP
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
		nhiên tổng hợp								
b	125302	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong môn địa lí	2	3	6	48	90	4	21, 30	Địa lí
III	Kiến thức bổ trợ		3							
42	<i>Chọn 1 trong 4 học phần</i>		3							
a	125303	Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội	3	27	30	6	135	7		Địa lí
b	125305	QL Tài nguyên và môi trường địa phương	3	27	30	6	135	7		Địa lí
c	125304	Đô thị và phát triển bền vững	3	27	30	6	135	7		Địa lí
d	128001	Kinh tế và phát triển	3	27	30	6	135	7		Địa lí
IV	TTN/Khóa luận/HP thay thế		13							
43	125208	Kiến tập sự phạm	2			60		5	34	Địa lí
44	125072	Thực tập sự phạm	5			150		8	35,36, 43	Địa lí
	125060	Khóa luận tốt nghiệp	6				270			Địa lí
	<i>Học phần thay thế</i>									
45-46	<i>Chọn 2 trong 4 học phần</i>		6							
a	125312	Biến đổi khí hậu	3	27	30	6	135	8		Địa lí
b	125313	Xây dựng và sử dụng câu hỏi trắc nghiệm khách quan trong dạy học địa lí ở trường phổ thông.	3	27	30	6	135	8		Địa lí
c	125318	Hội nhập kinh tế thế giới của Việt Nam	3	27	30	6	135	8		Địa lí
d	125319	Địa lí đô thị	3	27	30	6	135	8		Địa lí
	Tổng		130							

IV. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Loại HP		Số tiết thực hiện		
				Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	BT, TL	Thực hành
Học kỳ: 1, số tín chỉ: 17 (bắt buộc: 15, tự chọn: 02)								
1	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>							
a	124195	Lịch sử văn minh thế giới	2		x	18	18	6
b	124115	Kiến thức địa phương TH	2		x	18	18	6
2	121005	Cơ sở văn hóa VN	2	x		18	18	6
3	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>							
a	123050	Tiếng Việt thực hành	2		x	18	18	6
b	123185	Thực hành văn bản tiếng Việt	2		x	18	18	6
4	133031	Tiếng Anh 1	4	x		36	24	24
5	125124	Địa lý tự nhiên đại cương (Phần 1)	4	x		36	36	12
6	125005	Bản đồ học đại cương	3	x		27	30	6
Học kỳ: 2, số tín chỉ: 17 (bắt buộc: 17, tự chọn: 0)								
7	196055	Triết học Mác-Lênin	3	x		32	26	
2	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>							
a	125016	Thống kê xã hội	2		x	18	18	6
b	123240	Xã hội học đại cương	2		x	18	18	6
9	118001	Môi trường và con người	2	x		18	24	
10	172555	Công nghệ số	3	x		20	0	50
11	133032	Tiếng Anh 2	3	x		27	18	18
12	181080	Tâm lý học	4	x		36	48	
Học kỳ: 3, số tín chỉ: 17 (bắt buộc: 17, tự chọn: 0)								
13	196060	Kinh tế chính trị Mác- LN	2	x		21	18	
14	133033	Tiếng Anh 3	3	x		27	18	18
15	182005	Giáo dục học	4	x		36	48	
16	125125	Phương pháp NCKH (Ngành Địa lí)	2	x		18	18	6
17	125013	Địa lý tự nhiên các châu lục (Phần 1)	3	x		27	30	6
18	125088	Địa lý tự nhiên đại cương (Phần 2)	3	x		27	30	6
Học kỳ: 4, số tín chỉ: 16 (bắt buộc: 14, tự chọn: 02)								
19	196065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	x		21	18	
20	197030	Pháp luật đại cương	2	x		18	12	12

21	<i>Chọn 1 trong 2 học phần:</i>							
a	125198	Thực tế địa lí tự nhiên tổng hợp	2	x		3	9	48
b	125302	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong môn địa lí	2	x		9	6	36
22	125027	Địa lí tự nhiên Việt Nam 1	3	x		27	30	6
23	125120	Địa lí tự nhiên các châu lục (phần 2)	2	x		18	18	6
24	125267	Địa lí KT-XH đại cương 1	3	x		27	30	6
25	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>							
a	125090	Địa lí địa phương Thanh Hóa	2		x	18	18	6
b	128108	Địa lí du lịch VN	2		x	18	18	6
Học kỳ: 5, số tín chỉ: 19 (bắt buộc: 19, tự chọn: 0)								
26	198030	Lịch sử đảng cộng sản VN	2	x		21	18	
27	197035	Tư tưởng HCM	2	x		21	18	
28	154888	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3	x		27	26	10
29	12529	Địa lí KT-XH đại cương 2	3	x		27	30	6
30	125047	Địa lí tự nhiên Việt Nam 2	3	x		18	18	6
31	125133	Lý luận và PPDH địa lí	4	x		18	18	6
32	125208	Kiến tập sư phạm	2	x				60
Học kỳ: 6, số tín chỉ: 17 (bắt buộc: 14, tự chọn: 03)								
33	125010	Địa lí KT-XH thế giới 1	4	x		36	36	12
34	125038	Địa lí KT-XH thế giới 2	2	x		18	18	6
35	125134	Thực hành phương pháp dạy học địa lí	4	x		36	18	30
36	125127	Địa lí KT-XH Việt Nam (phần KQ và các ngành KT)	4	x		27	30	6
37	<i>Chọn 1 trong 2 HP</i>							
a	125136	Kiểm tra đánh giá trong dạy học Địa lí	3		x	27	30	6
b	125123	Áp dụng các phương pháp dạy học tích cực trong môn Địa lí	3		x	27	30	6
Học kỳ: 7, số tín chỉ 16 (bắt buộc: 07, tự chọn: 09)								
38	198000	Quản lý HCNN và QLGD	2	x		18	24	
39	125132	Địa lí các vùng kinh tế VN	3	x		27	30	6
40	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>							
a	125061	Ứng dụng GIS trong thành	3		x	27	9	27

		lập Bản đồ giáo khoa						
b	125045	Hệ thống thông tin Địa lí	3		x	27	9	27
41	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>							
a	125122	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học địa lí	3		x	27	9	27
b	125124	Xây dựng biểu đồ và phân tích SLTK Địa lí	3		x	27	9	27
42	125049	Thực tế địa lí KT-XH	2	x		3	9	48
43	<i>Chọn 1 trong 4 học phần</i>							
a	125303	Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội	3		x	27	30	6
b	125305	Quản lí tài nguyên và môi trường địa phương	3		x	27	30	6
c	125304	Đô thị và phát triển bền vững	3		x	27	30	6
d	128001	Kinh tế và phát triển	3		x	27	30	6
Học kỳ: 8 số tín chỉ 11 (bắt buộc: 5, tự chọn: 6)								
44	125072	Thực tập sư phạm	5	x				150
	125060	Khóa luận TN	6	x				
	Học phần thay thế KLTN		6					
45-46	<i>Chọn 2 trong 4 học phần</i>							
a	125312	Biến đổi khí hậu	3		x	27	30	6
b	125313	Xây dựng và sử dụng câu hỏi trắc nghiệm khách quan trong dạy học địa lí ở trường phổ thông	3		x	27	30	6
c	125318	Hội nhập kinh tế TG của VN	3		x	27	30	6
d	125319	Địa lí đô thị	3		x	27	30	6

V. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP

5.1. Đội ngũ giảng viên:

STT	Trình độ	Nam	Nữ	Tổng
1	Giáo sư	0	0	0
2	Phó giáo sư	1	1	2
3	Tiến sĩ	6	14	20
4	Thạc sĩ	0	5	5
5	Đại học	0	0	0

5.2. Phòng học:

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích (m ²)	Học phần	Thời gian sử dụng (học kỳ/năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của phó giáo sư, giảng viên cơ hữu					
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	1	1.379	Tất cả các học phần	Năm học	
1.2	Phòng học từ 100-200 chỗ	7	3.500	Tất cả các học phần	Năm học	
1.3	Phòng học từ 50-100 chỗ	156	15.600	Tất cả các học phần	Năm học	
1.4	Số phòng học đa phương tiện			Tất cả các học phần	Năm học	
1.5	Phòng làm việc của giáo sư, PGS, GV toàn thời gian	149	745	Tất cả các học phần	Năm học	
2	Thư viện, trung tâm học liệu	1	5.256	Tất cả các học phần	Năm học	
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, Thực hành, thực tập luyện tập	46	4.600		Năm học	

5.3. Địa điểm thực hành/ thực tập/ thực tế/ tham quan:

TT	Tên học phần	Cơ quan/ Địa điểm
1	Thực tế địa lý tự nhiên tổng hợp	Các điểm học tập thực tế tại các tỉnh phía Bắc: Ninh Bình - Quảng Ninh- Lạng Sơn - Phú Thọ - Vĩnh Phúc - Hà Nội.
2	Thực tế địa lí kinh tế-xã hội	Các điểm học tập thực tế tại các tỉnh miền Trung: Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam.
3	Kiến tập SP	Các trường THPT trong tỉnh
4	Thực tập SP	Các trường THPT trong tỉnh

VI. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

A. KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG

I. LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ.

6.1. TRIẾT HỌC MÁC - LÊ NIN/ MARXIST PHILOSOPHY

- Số tín chỉ: 03 (32 LT; 26 TL; 0 TH)
- Mã học phần: 196055
- Bộ môn quản lý học phần: Lý luận Mác - Lênin.
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần gồm 3 chương: Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học trong đời sống xã hội. Chương 2 Trình bày quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức; nội dung phép biện chứng duy vật biện chứng; lý luận nhận thức duy vật biện chứng; Chương 3 Trình bày quan điểm duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội; về nguồn gốc ra đời và bản chất của giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội, ý thức xã hội, con người, vai trò của con người trong lịch sử.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp những kiến thức căn bản, hệ thống về triết học Mác - Lênin.
- CO2: Thiết lập cho sinh viên thế giới quan duy vật và phương pháp luận duy vật biện chứng làm cơ sở cho việc nhận thức các vấn đề, các nội dung của các môn học khác và hoạt động của bản thân.
- CO3: Nhận thức đúng về giá trị, bản chất khoa học, cách mạng và vai trò của Triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được những kiến thức căn bản của triết học Mác – Lênin.
- CLO2: Từng bước thiết lập cho sinh viên thế giới quan duy vật và phương pháp luận duy vật biện chứng làm cơ sở cho việc nhận thức các vấn đề, các nội dung của các môn học khác và hoạt động của bản thân.
- CLO3: Đánh giá đúng giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của Triết học Mác – Lênin và về vai trò, sức sống của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Khái luận về triết học và triết học Mác – Lênin	3	1	0	0	0	12
Chủ nghĩa duy vật biện chứng	15	11	0	0	0	48
Chủ nghĩa duy vật lịch sử	14	14	0	0	0	75
Tổng	32	26	0	0	0	135

5. Hình thức dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1 CLO2, CLO3	30%
	Tham gia thảo luận	Rubric 2	CLO1	

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
		<i>(đánh giá mức độ tham gia thảo luận)</i>	CLO2, CLO3	
	Trắc nghiệm/viết	Rubric 3 <i>(Tính theo tỷ lệ số câu đúng/tổng số câu hoặc đánh giá mức độ nhận thức và liên hệ thực tiễn)</i>	CLO1 CLO2 CLO3	
	Bài tập cá nhân/tuần/tháng	Rubric 4 <i>(đánh giá khả năng tự nghiên cứu)</i>	CLO1 CLO2, CLO3	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				
2	Kiểm tra viết	Rubric 5 <i>(đánh giá bài kiểm tra viết)</i>	CLO1 CLO2, CLO3	20%
III. Thi cuối kỳ				
3	Trắc nghiệm	Rubric 5 <i>(đánh giá bài thi trắc nghiệm)</i>	CLO1 CLO2, CLO3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên lên lớp theo đúng số tiết đã được quy định (Dự lớp ít nhất là 80% số tiết lên lớp) mới được dự thi.
- Đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên, giữa kỳ, cuối kỳ.
- Có thái độ nghiêm túc trong học tập (chuẩn bị thảo luận, làm bài tập đầy đủ theo yêu cầu của CBGD...).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* **Giáo trình chính:**

1) Bộ Giáo dục & ĐT (2021), *Giáo trình Triết học Mác-Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

* **Tài liệu tham khảo:**

1) Bộ Giáo dục & ĐT (2021), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

2) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X; XI, XII, XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1986; 1991; 1996; 2001; 2006; 2011, 2016, 2021.

6.2. KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC-LÊNIN/ POLITICAL ECONOMY

- Số tín chỉ: 02 (21 LT; 18 TL; 0 TH)
- Mã học phần: 196060
- Bộ môn quản lý học phần: Lý luận Mác - Lênin.
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác- Lênin

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm 6 chương: Chương 1 trình bày đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình

bày những quan điểm cốt lõi của chủ nghĩa Mác –Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; những vấn đề chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, các quan hệ lợi ích kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi lý luận về kinh tế chính trị Mác – Lênin bao gồm hệ thống các khái niệm, phạm trù, nội dung các quy luật kinh tế, bản chất của nền kinh tế hàng hoá, kinh tế TBCN và sự vận dụng lý lý luận này trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam.

- CO2: Hình thành cho sinh viên kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện đúng bản chất các quan hệ kinh tế trong nền kinh tế thị trường hiện nay.

- CO3: Giúp sinh viên xác định được cơ sở lý luận của các chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà ta hiện nay; hình thành ý thức hệ, niềm tin vào sự thắng lợi của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được những kiến thức căn bản của kinh tế chính trị Mác - Lênin.

- CLO2: Phân tích, đánh giá và nhận diện đúng bản chất quan hệ lợi ích kinh tế trong nền kinh tế thị trường hiện nay ở Việt Nam và trên thế giới.

- CLO3: Tin tưởng và chấp hành nghiêm túc các chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước ta hiện nay góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân thực thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	0	0	0		6
Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.	4	4	0	0		10
Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường.	6	8	0	0		10
Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường.	3	2	0	0		18
Kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.	3	2	0	0		18
Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.	3	2	0	0		18
Tổng	21	18	0	0		90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1 CLO2 CLO3	10%
	Tham gia thảo luận	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1 CLO2 CLO3	10%
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				
2	Làm bài kiểm tra	Rubric 3 (đánh giá bài kiểm tra)	CLO1 CLO2	30%
III. Thi cuối kỳ				
3	Viết	Rubric 4 (đánh giá bài thi viết)	CLO1 CLO2	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* **Giáo trình chính:**

1) Bộ GD&ĐT, Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin (Dành cho bậc đại học - không chuyên lý luận chính trị), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021)

* **Tài liệu tham khảo:**

1) Bộ GD&ĐT (2006), Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin Mác - Lênin (Dùng cho các khối ngành không chuyên kinh tế - quản trị kinh doanh trong các trường đại học, cao đẳng), Nxb CTQG, Hà Nội.

2) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1986, 1991, 1996, 2001, 2006, 2011, 2016.

6.3. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC/ SCIENTIFIC SOCIALISM

- Số tín chỉ: 02 (21 LT; 18 TL; 0 TH)

- Mã học phần: 196065

- Bộ môn quản lý học phần: Lý luận Mác - Lênin.

- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm 7 chương: Chương 1 trình bày quá trình hình thành phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học. Từ chương 2 đến chương 7 trình bày các quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; bản chất, đặc trưng của chủ nghĩa xã hội, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội-giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản, cốt lõi trong lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin.

- CO2: Hình thành cho sinh viên kỹ năng vận dụng lý luận để phân tích, đánh giá đúng các vấn đề nảy sinh trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- CO3: Có phẩm chất đạo đức cách mạng và bản lĩnh chính trị vững vàng; có niềm tin vào sự tất thắng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và trên thế giới.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được những nội dung cơ bản, cốt lõi trong lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin

- CLO2: Vận dụng lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học để xem xét, đối sánh với thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Có kiến thức lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học để hiểu và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- CLO3: Tin tưởng và chấp hành nghiêm túc các chủ trương, chính sách và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	0	0	0	0	9
Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	4	3	0	0	0	18
Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	4	3	0	0	0	18
Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa	3	4	0	0	0	18
Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	3	2	0	0	0	9
Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	3	4	0	0	0	9
Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	2	2	0	0	0	9
Tổng	21	18	0	0	0	90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Bài kiểm tra 1	Rubric 1 (<i>đánh giá bài kiểm tra</i>)	CLO1 CLO2	30%
	Bài kiểm tra 2	Rubric 1 (<i>đánh giá bài kiểm tra, bài thảo luận nhóm</i>)	CLO1 CLO2 CLO3	
	Bài kiểm tra 3	Rubric 2 (<i>đánh giá bài kiểm tra, bài thảo luận nhóm</i>)	CLO1 CLO2 CLO3	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				
2	Kiểm tra giữa kỳ	Rubric 3 (<i>đánh giá bài kiểm tra giữa kỳ</i>)	CLO1 CLO2 CLO3	20%
III. Thi cuối kỳ				
3	Trắc nghiệm	Theo đáp án, thang điểm đánh giá	CLO1, CLO2, CLO3	50%

7. Yêu cầu đối với người học

- Người học phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.

- Người học phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.

- Người học phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* **Giáo trình chính:**

1) Bộ giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học* (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

* **Tài liệu tham khảo:**

1) *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học* (2005), Bộ Giáo dục & Đào tạo, NXB CTQG.

2) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII, XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1986; 1991; 1996; 2001; 2006; 2011, 2016, 2021.

6.4. LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM/ HISTORY OF THE COMMUNIST PARTY OF VIET NAM.

- Số tín chỉ: 2 (21 LT; 18 TL; 0 TH)
- Mã số học phần: 198030
- Bộ môn quản lý học phần: Lịch sử Đảng & Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - LêNin

1. Mô tả tóm tắt học phần

Tìm hiểu quá trình lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử: Đảng ra đời và đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, giải phóng dân tộc thống nhất đất nước (1945 - 1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay). Sinh viên biết phân tích, chứng minh các sự kiện lịch sử. Từ đó, vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.

2. Mục tiêu của học phần:

- CO1: Nắm vững được vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam qua các giai đoạn: đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước giai đoạn (1945 -1975); thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và công cuộc đổi mới đất nước thông qua Nghị quyết các Đại hội Đảng từ năm 1975 đến nay.

- CO2: Vận dụng những tri thức về sự lãnh đạo của Đảng vào thực tiễn cuộc sống. Biết đấu tranh phản bác những quan điểm sai trái của các thế lực thù địch để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Tóm tắt được quá trình lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ cách mạng: đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước giai đoạn (1945 -1975); thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay)

- CLO2: Giải thích được bản chất của các sự kiện Lịch sử Đảng: nội dung, đường lối, chủ trương của Đảng trong quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử

- CLO3: Rèn luyện đạo đức, lập trường tư tưởng chính trị kiên định, vững vàng. Tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- CLO4: Tích cực đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái thù địch tấn công vào nền tảng tư tưởng của Đảng và xuyên tạc về sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam.

4. Nội dung học phần:

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng cộng sản Việt nam	2					10

Chương 1. Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền.	6	6				25
Chương 2. Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975).	6	6				25
Chương 3. Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 đến nay)	7	6				30
Tổng	21	18	0	0	0	90

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp: Thuyết trình, đặt vấn đề, gợi mở, thảo luận nhóm....

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Bài tập cá nhân/tuần: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 1	CLO 1 CLO 2	30%
2	Bài tập nhóm/ tháng: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 2	CLO 2 CLO 3	
3	Bài thu hoạch cá nhân cuối kỳ: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 3	CLO 1 CLO 2 CLO 3	
II	Kiểm tra giữa kỳ: (01)			
	Hình thức: viết	Rubric 5	CLO1 CLO2 CLO3	20%
III	Thi cuối kì			
	Hình thức: Thi trắc nghiệm trên máy tính	Rubric 6	CLO 1 CLO 2 CLO 3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.
- Sinh viên phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* **Giáo trình chính:**

1) Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb. Chính trị Quốc gia, Sự thật.

*** Tài liệu tham khảo:**

- 1) Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Một số chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Tập 1,2,3, Nxb. Chính trị Quốc gia.
- 2) Văn kiện Đảng cộng sản Việt Nam, Toàn tập, (từ tập 01 đến tập 69). Nxb. Chính trị Quốc gia, Sự thật.

6.5. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH/HO CHI MINH'S IDEOLOGY.

- Số tín chỉ: 02 (21 LT; 18 TL; 0 TH)
- Mã học phần: 197035
- Bộ môn quản lý học phần: Lịch sử Đảng & Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - LêNin

1. Mô tả học phần

Tìm hiểu những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam: Khái niệm, cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh, các giai đoạn hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước; về vấn đề Đại đoàn kết; văn hóa, đạo đức và con người. Quá trình vận động, phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Nắm vững được những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh: Khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và xây dựng chủ nghĩa xã hội
- CO2: Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác. Xây dựng rèn luyện đạo đức, nhân cách. Thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nắm vững và khái quát được những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh. Xác định bản chất khoa học, cách mạng và tính sáng tạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh
- CLO2: Vận dụng kiến thức đã học để phân tích, làm rõ vai trò nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng Cộng sản Việt Nam.
- CLO3: Đánh giá, nhận định các vấn đề chính trị, xã hội của Việt Nam và thế giới một cách đúng đắn trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ đó, phê phán những quan điểm sai trái của các thế lực thù địch nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.
- CLO4: Xây dựng nhân cách, đạo đức tốt đẹp theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Có bản lĩnh chính trị vững vàng, chấp hành nghiêm các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập TTHCM	2					6
Chương 2: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh	4	2				18
Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội	4	4				24
Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân	4	4				24
Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế	2	2				12
Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và con người	5	6				33
Tổng	21	18	0	0	0	90

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề, gợi mở, thảo luận nhóm

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Bài tập cá nhân/tuần: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 1	CLO 1 CLO 2	30%
2	Bài tập nhóm/ tháng: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 2	CLO 2 CLO 3	
3	Bài thu hoạch cá nhân cuối kỳ: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 3	CLO 1 CLO 2 CLO 3	
II	Kiểm tra giữa kỳ: (01)			
	Hình thức: viết	Rubric 5	CLO 1 CLO 2	20%
III	Thi cuối kì			
	Hình thức: Thi trắc nghiệm trên máy tính	Rubric 6	CLO 1 CLO 2 CLO 3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

7.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

7.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Sinh viên phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình chính:

1) Bộ Giáo dục và đào tạo (2021), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội

Tài liệu tham khảo:

1) *Hồ Chí Minh (2011), toàn tập*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội (Từ tập 01 đến tập 15)

2) Hội đồng Lý luận Trung ương (2003), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản chính trị quốc gia Hà Nội.

6.6. PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG/ GENERAL LAW

- Số tín chỉ: 02 (18 LT; 24 TL; 0 TH)
- Mã học phần: 197030
- Bộ môn quản lý học phần: Luật
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần gồm những vấn đề chung về nhà nước và pháp luật; kiến thức pháp lý cơ bản của một số ngành luật: Luật hiến pháp, luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình và Luật lao động.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có kiến thức lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật; kiến thức pháp lý cơ bản của một số ngành luật: Luật hiến pháp, Luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.

- CO2: Người học vận dụng những kiến thức pháp lý đã học để giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tiễn đời sống xã hội.

- CO3: Hình thành ý thức tôn trọng pháp luật; rèn luyện tác phong sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học hiểu được các vấn đề lý luận chung về Nhà nước và pháp luật;

- CLO2: Phân tích được một số nội dung cơ bản quy định trong các ngành luật: Luật hiến pháp, Luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.

- CLO3: Vận dụng được kiến thức pháp lý đã học để tiếp cận và bước đầu giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn đời sống xã hội.

- CLO4: Có ý thức tôn trọng pháp luật và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Một số vấn đề cơ bản về Nhà nước và Pháp luật	6	6		0		30
Chương 2: Luật Hiến pháp và Luật Hành chính	4	4		0		20
Chương 3: Luật Phòng, chống tham nhũng	2	3		0		10
Chương 4: Luật Dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình	2	5		0		10
Chương 5: Luật Hình sự	2	3		0		10
Chương 6: Luật Lao động	2	3		0		10
Tổng	18	24	0	0	0	90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm;

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Viết	Rubric viết	CLO1	30%
			CLO2	
			CLO3	
2	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO3	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1	
			CLO2	
			CLO3	
4	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1	
			CLO2	
			CLO3	
			CLO4	
II. Kiểm tra giữa kì (01)				20%
1	Viết	Rubric viết	CLO1,2,3	
III. Thi cuối kì				50%
1	Trắc nghiệm	Rubric trắc nghiệm	CLO1,2,3,4	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp;
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm;
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 03 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ;
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi;
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1 Học liệu bắt buộc:

1. Lê Văn Minh (chủ biên) (2016), *Pháp luật đại cương*, NXB Lao động.

8.2 Học liệu tham khảo:

- 1) Lê Minh Tâm, Nguyễn Minh Đoan (2015), *Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật*, NXB Công an nhân dân.
- 2) Thái Vĩnh Thắng, Vũ Hồng Anh (2015), *Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân.

II. KHOA HỌC XÃ HỘI & NHÂN VĂN-MÔI TRƯỜNG

6.7. KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO/Business Startup and Innovation

- Số tín chỉ: 03 (27 LT; 26 TL; 10 TH)
- Mã học phần: 154888
- Bộ môn quản lý học phần: Quản trị kinh doanh
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần được thiết kế kết hợp cả lý thuyết và thực hành nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo từ đó giúp người học chủ động phát triển tư duy đổi mới sáng tạo và tìm kiếm các định hướng khởi nghiệp trên cơ sở phát huy tối đa năng lực bản thân. Học phần tập trung vào các nội dung chính như hình thành tư duy đổi mới sáng tạo; tìm kiếm và phát triển ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; xây dựng mô hình, đề án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và rèn luyện các năng lực để trở thành một người khởi nghiệp ĐMST.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức nền tảng về khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo từ đó có thể vận dụng thành thạo vào trong học tập, NCKH và thực tiễn công việc.
- CO2: Người học rèn được khả năng tư duy đổi mới sáng tạo từ đó có thể vận dụng vào trong công việc và trong khởi nghiệp.
- CO3: Người học có thể hình thành và đề xuất ý tưởng ĐMST; vận hành đề án khởi nghiệp ĐMST từ đó kiến tạo ra các giá trị mới cho bản thân, tổ chức và xã hội.
- CO4: Người học hiểu được yêu cầu và cách thức rèn luyện các năng lực cần thiết để trở thành một người khởi nghiệp ĐMST từ đó chủ động xây dựng lộ trình hoàn thiện bản thân, đáp ứng yêu cầu về ĐMST.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Có thể khái quát, tổng hợp và so sánh được các lý thuyết về khởi nghiệp và ĐMST từ đó có thể vận dụng vào trong thực tiễn công việc.

- CLO2: Thành thạo trong phân tích và vận dụng các kỹ thuật tư duy sáng tạo như Mindmap, Scamper, động não... vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

- CLO3: Phân tích, lựa chọn và đề xuất được ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có tính khả thi.

- CLO4: Xây dựng được bản kế hoạch khởi nghiệp ĐMST hoàn chỉnh và tự tin thuyết trình bảo vệ ý tưởng/dự án khởi nghiệp ĐMST trước hội đồng.

- CLO5: Phân tích được điểm mạnh, điểm yếu về năng lực khởi nghiệp ĐMST của bản thân từ đó chủ động xây dựng bản kế hoạch hoàn thiện năng lực.

- CLO6: Tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp và làm việc nhóm giúp lan tỏa tinh thần khởi nghiệp ĐMST mọi người.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Tổng quan về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	4	4		0		20
Chương 2: Tư duy đổi mới sáng tạo	5	5		3		25
Chương 3: Hình thành ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	4	4		3		20
Chương 4: Mô hình khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	5	4				25
Chương 5: Xây dựng và trình bày dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	5	5		4		25
Chương 6: Năng lực của nhà khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	4	4				20
Tổng	27	26	0	10	0	135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm; Pitching (thuyết trình gọi vốn đầu tư); Day học theo dự án.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2 CLO3,5 CLO5,6	30%
2	Chuyên cần	Rubric	CLO6	

		chuyên cần		
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO3	
			CLO4	
			CLO6	
4	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO3	
			CLO4	
			CLO6	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				
1	Xây dựng dự án (theo nhóm) hoặc Trắc nghiệm	Rubric dự án Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5,6	20%
III. Thi cuối kì				
1	Trắc nghiệm (dùng chung)	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	50%
2	Bài tập lớn theo quy định (<i>sinh viên đủ đk làm BTL sẽ xây dựng và thuyết trình dự án khởi nghiệp ĐMST theo nhóm gồm tối đa 3 SV</i>)	Rubrics BTL Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5,6	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Giáo trình/Bộ tài liệu tham khảo bắt buộc:**

1) Nguyễn Đặng Tuấn Minh (2017) *Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo – tư duy và công cụ*, NXB Phụ nữ.

*** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:**

1) Lê Hoàng Bá Huyền, Lê Thị Lan (2022), *Khởi nghiệp ĐMST – Lý thuyết & Thực tiễn*, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.

2) Nguyễn Ngọc Huyền (2018), *Giáo trình Khởi sự kinh doanh*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

6.8. CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM/ BASIC OF VIETNAMESE CULTURE

- Số tín chỉ: 02 (18 LT; 24 TL; 0 TH)
- Mã học phần: 121005
- Bộ môn quản lý học phần: Việt Nam học - Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả tóm tắt học phần

Nội dung học phần: Khái niệm cơ bản về văn hóa Việt Nam; phân vùng văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hoá Việt Nam từ cội nguồn cho đến hiện đại; các thành tố của văn hóa Việt Nam; bản sắc văn hóa Việt Nam; các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam. Từ đó bước đầu định hướng nhận thức về sự phát triển của nền văn hóa Việt Nam hiện đại trên cơ sở giữ gìn, phát huy những giá trị truyền thống, tiếp thu những giá trị văn hóa mới.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức nền tảng về văn hóa học và lịch sử văn hóa Việt Nam, vận dụng giải quyết, phân tích các vấn đề văn hóa - xã hội.

- CO2: Người học nắm được kỹ năng giao tiếp, văn hóa ứng xử từ đó có thể vận dụng vào trong công việc và cuộc sống.

- CO3: Người học có thái độ tôn trọng các giá trị văn hóa Việt Nam, có ý thức giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa trong bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội đương đại. Đồng thời người học có thái độ tôn trọng các giá trị khác biệt của các nền văn hóa khác.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nhận diện, khái quát và so sánh được các khái niệm, lý thuyết về văn hóa học và lịch sử văn hóa Việt Nam, từ đó có thể vận dụng vào trong thực tiễn công việc.

- CLO2: Nhận biết được những hiệu ứng, dấu ấn văn hóa trên tất cả các phương diện của đời sống xã hội như văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội. Từ đó chỉ ra sự giao lưu, tiếp xúc và tiếp biến văn hóa.

- CLO3: Vận dụng kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, ứng xử chuẩn mực, phù hợp với truyền thống văn hóa của dân tộc vào trong công việc và thực tiễn cuộc sống.

- CLO4: Hình thành được thái độ học tập tích cực, phát huy được khả năng tư duy sáng tạo, độc lập. Đồng thời, hình thành thái độ và tinh thần yêu quý, trân trọng các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa, đồng thời kiên quyết loại trừ những hủ tục lạc hậu và yếu tố lệch lạc, phản văn hóa.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: Văn hóa – những khái niệm cơ bản	3	2	0	0	0	0
Nội dung 2: Cấu trúc, đặc trưng và chức năng cơ bản của văn hoá	2	2	0	0	0	10
Nội dung 3: Định vị văn hoá Việt Nam	2	2	0	0	0	5
Nội dung 4: Tiến trình văn hoá Việt Nam	2	2	0	0	0	10
Nội dung 5: Các vùng văn hoá Việt Nam	1	2	0	0	0	5
Nội dung 6: Văn hoá nhận thức	2	2	0	0	0	10
Nội dung 7: Văn hoá tổ chức đời sống	0	2	0	0	0	5
Nội dung 8: Văn hoá tín ngưỡng	1	0	0	0	0	10

Nội dung 9: Văn hóa tôn giáo	2	2	0	0	0	10
Nội dung 10: Văn hoá ẩm thực, trang phục, nhà ở và đi lại	0	2	0	0	0	10
Nội dung 11: Văn hoá giao tiếp và văn hóa nghệ thuật	1	2	0	0	0	10
Nội dung 12: Phong tục cổ truyền	1	2	0	0	0	5
Nội dung 13: Tổng kết	1	2	0	0	0	0
Tổng	18	24	0	0	0	90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Đề đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO4	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1	
3	Thảo luận nhóm	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	CLO2	
4	Thuyết trình	Rubric đánh giá thuyết trình	CLO3	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				
1	Tự luận	Rubric đánh giá kiểm tra giữa kì	CLO2	20%
III. Thi cuối kì				
50%				
1	Trắc nghiệm (dùng chung)	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric BTL	CLO1,2,3,4	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Giáo trình/Bộ tài liệu tham khảo bắt buộc:**

- 1) Trần Ngọc Thêm (1998), *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, NXB Giáo dục.

*** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:**

- 2) Trần Quốc Vương (2008), *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, NXB Giáo dục.
- 3) Đào Duy Anh (2002), *Việt Nam văn hóa sử cương*, NXB Văn hóa nghệ thuật, Hà Nội.

6.9. MÔI TRƯỜNG VÀ CON NGƯỜI/ENVIRONMENT AND HUMAN

- Số tín chỉ: 02 (18LT; 24 TL; 0 TH)
- Mã số học phần: 118001
- Bộ môn quản lý học phần: Bộ môn Sinh học, Khoa KHTN.
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Các vấn đề cơ bản về môi trường, tài nguyên thiên nhiên, các nguyên lý sinh thái học cơ bản trong khoa học môi trường; vị trí của con người trong hệ sinh thái; mối quan hệ giữa môi trường, tài nguyên thiên nhiên với sự phát triển kinh tế - xã hội; tác động của con người đến môi trường; các biện pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; an toàn và vệ sinh lao động trong lao động sản xuất và cuộc sống.

2. Mục tiêu của học phần:

- CO1: Người học được trang bị các kiến thức cơ bản về môi trường; vai trò, mối quan hệ của môi trường đối với con người; các vấn đề sinh thái, phát triển bền vững; các vấn đề về vệ sinh và an toàn lao động trong lao động sản xuất và cuộc sống.

- CO2: Người học được trang bị các kỹ năng để nhận diện các vấn đề về môi trường, các vấn đề về vệ sinh và an toàn lao động cũng như việc xử lý các vấn đề nói trên trong thực tiễn.

- CO3: Người học có ý thức, trách nhiệm, lối sống thân thiện với môi trường, có khả năng tự chịu trách nhiệm trong ứng xử với môi trường.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Phân tích được mối quan hệ của các thành phần trong cấu trúc của hệ sinh thái, từ đó giải thích được cơ sở của đa dạng sinh học, vai trò của con người trong việc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

- CLO2: Nhận diện và phân tích được những vấn đề về vệ sinh và an toàn lao động.

- CLO3: Giải thích được các khái niệm về môi trường, cơ sở sinh thái của môi trường; nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường, các biện pháp ngăn ngừa gây ô nhiễm môi trường.

- CLO4: Phân tích được mối quan hệ giữa dân số, tài nguyên và môi trường, từ đó xây dựng được ý thức, trách nhiệm, lối sống thân thiện với môi trường, có khả năng tự giải quyết các vấn đề về môi trường phát sinh trong thực tiễn

- CLO5: Có kỹ năng bảo vệ môi trường và vệ sinh, an toàn lao động.

- CLO6: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm tìm kiếm, phân tích và xử lý thông tin, giải quyết một vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực môi trường;

4. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<p>Chương 1. Các vấn đề chung về môi trường và khoa học môi trường</p> <p>1.1. Khái niệm, phân loại môi trường</p> <p>1.1.1. Khái niệm về môi trường</p> <p>1.1.2. Phân loại môi trường</p> <p>1.2. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu của khoa học môi trường</p> <p>1.2.1. Đối tượng</p> <p>1.2.2. Nhiệm vụ</p> <p>1.3. Chức năng của môi trường</p> <p>1.3.1. Chức năng cung cấp không gian sinh sống cho con người và sinh vật</p> <p>1.3.2. Chức năng chứa đựng và cung cấp các nguồn tài nguyên thiên nhiên</p> <p>1.3.3. Chức năng chứa đựng và tự làm sạch các phế thải của con người và sinh vật</p> <p>1.3.4. Chức năng lưu trữ và cung cấp các nguồn thông tin</p>	2	3				15
<p>Chương 2. Các nguyên lý sinh thái học trong khoa học môi trường</p> <p>2.1. Nhân tố sinh thái.</p> <p>2.1.1. Khái niệm chung.</p> <p>2.1.2. Các định luật có liên quan.</p> <p>2.2. Ảnh hưởng của nhân tố sinh thái.</p> <p>2.2.1. Ảnh hưởng của các yếu tố sinh thái vô sinh lên đời sống sinh vật.</p> <p>2.2.2. Ảnh hưởng của các yếu tố sinh thái hữu sinh lên đời sống sinh vật.</p> <p>2.3. Quần thể và quần xã sinh vật.</p> <p>2.3.1. Khái niệm về quần thể và những đặc trưng của quần thể.</p> <p>2.3.2. Quần xã sinh vật và những đặc trưng của quần xã.</p> <p>2.4. Hệ sinh thái.</p> <p>2.4.1. Định nghĩa và cấu trúc của hệ sinh thái.</p>	3	4				15

<p>2.4.2. Đặc trưng của hệ sinh thái.</p> <p>2.5. Hệ sinh thái và con người.</p> <p>2.5.1. Vị trí của của con người trong hệ sinh thái.</p> <p>2.5.2. Ảnh hưởng của thức ăn lên con người.</p> <p>2.5.3. Tác động của con người lên hệ sinh thái qua các thời kỳ lịch sử.</p>						
<p>Chương 3. Dân số và vấn đề sử dụng tài nguyên thiên nhiên</p> <p>3.1. Dân số</p> <p>3.1.1. Một số chỉ số cơ bản của dân số</p> <p>3.1.2. Gia tăng dân số trên thế giới</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lịch sử gia tăng dân số và bùng nổ dân số - Tình hình gia tăng dân số giữa các nhóm nước phát triển và đang phát triển - Dự báo phát triển dân số trên thế giới <p>3.1.3. Gia tăng dân số của Việt Nam</p> <p>3.1.4. Hậu quả của gia tăng dân số nhanh</p> <p>3.2. Một số vấn đề chung về tài nguyên thiên nhiên</p> <p>3.2.1. Khái niệm TNTN</p> <p>3.2.2. Phân loại TNTN</p> <p>3.2.3. Vai trò của TNTN</p> <p>3.2.4. Một số vấn đề về sử dụng TNTN</p> <p>3.3. Một số loại TNTN</p>	4	6				15
<p>Chương 4. Ô nhiễm môi trường</p> <p>4.1. Khái quát về ô nhiễm môi trường</p> <p>4.2. Ô nhiễm môi trường nước</p> <p>4.2.1. Khái niệm</p> <p>4.2.2. Các nguồn và tác nhân gây ô nhiễm môi trường nước</p> <p>4.2.3. Hiện trạng ô nhiễm môi trường nước trên thế giới</p> <p>4.2.4. Hậu quả của ô nhiễm môi trường nước và giải pháp khắc phục</p> <p>4.3. Ô nhiễm môi trường không khí</p> <p>4.3.1. Khái niệm</p> <p>4.3.2. Các nguồn và tác nhân gây ô nhiễm môi trường không khí</p>	3	4				15

<p>4.3.3. Hiện trạng ô nhiễm môi trường không khí</p> <p>4.3.4. Hậu quả ô nhiễm môi trường không khí và giải pháp khắc phục</p> <p>4.4. Ô nhiễm môi trường đất</p> <p>4.4.1. Khái niệm</p> <p>4.4.2. Các tác nhân gây ô nhiễm môi trường đất</p> <p>4.4.3. Hiện trạng ô nhiễm môi trường đất</p> <p>4.4.4. Hậu quả ô nhiễm môi trường đất và giải pháp khắc phục</p> <p>4.5. Các ô nhiễm khác</p>						
<p>Chương 5. Những vấn đề môi trường toàn cầu và phát triển bền vững</p> <p>5.1. Những vấn đề môi trường toàn cầu</p> <p>5.1.1. Lắng đọng axit</p> <p>5.1.2. Hiệu ứng nhà kính</p> <p>5.1.3. Suy thoái tầng ôzôn</p> <p>5.2. Các công cụ quản lý môi trường</p> <p>5.2.1. Công cụ pháp lý</p> <p>5.2.2. Công cụ kinh tế</p> <p>5.2.3. Công cụ kỹ thuật</p> <p>5.3. Phát triển bền vững</p> <p>5.3.1. Khái niệm và yêu cầu của PTBV</p> <p>5.3.2. Nguyên tắc của PTBV</p> <p>5.3.3. Nội dung của PTBV</p> <p>5.3.4. Chiến lược phát triển bền vững của Việt nam</p>	3	4				15
<p>Chương 6: Vệ sinh, an toàn lao động</p> <p>6.1. Một số vấn đề chung về vệ sinh và an toàn lao động</p> <p>6.2. Chính sách, pháp luật về an toàn lao động, vệ sinh lao động;</p> <p>6.3. Tổ chức quản lý và thực hiện các quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động ở cơ sở;</p> <p>6.4. Các yếu tố nguy hiểm, có hại đời sống, sản xuất và biện pháp khắc phục, phòng ngừa.</p>	3	3				15
Tổng	18	24	0	0	0	90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp và phương tiện dạy học, trong đó chú trọng đến các phương pháp dạy học tích cực như: Vấn đáp; dạy học theo dự án; thảo luận nhóm; tự học, tự nghiên cứu ...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Đề đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận, trắc nghiệm	Rubric viết	CLO1,2,4,5	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần (tinh thần thái độ học tập, xây dựng bài, ý thức xây dựng phong trào học tập của lớp...)	CLO1,2,3,4	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm (Kết quả bài thảo luận, sự hợp tác nhóm, khả năng làm việc nhóm...)	CLO1,2,3,4	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5,6	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	
III. Thi cuối kỳ				
1	Trắc nghiệm	Trắc nghiệm trên máy	CLO1,2,3,4,5,6	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubrics BTL	CLO1,2,3,4,5,6	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có đủ 03 bài điểm, 01 bài điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Học liệu:

* *Giáo trình chính:*

1) Lê Văn Khoa (chủ biên) (2011). *Giáo trình Môi trường và con người*, Nxb GDHN

* *Tài liệu tham khảo:*

1) Nguyễn Xuân Cự, Nguyễn Thị Phương Loan (2011), *Giáo trình Môi trường và con người*, NXB GD.

2) *Luật bảo vệ môi trường 2020 (Luật số: 72/2020/QH14).*

6.10. Chọn ½ học phần:

6.10a. THỐNG KÊ XÃ HỘI /SOCIAL STATISTICS.

- Số tín chỉ học tập: 02 (18 LT; 24 TL, BT; 0 TH)
- Mã học phần: 125016
- Bộ môn quản lý học phần: Địa lí
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

Học phần cung cấp những kiến thức lý thuyết, thống kê các phương pháp, công cụ và quá trình thống kê về các vấn đề xã hội; qua đó giúp người học biết sử dụng và lựa chọn các phương pháp trong thống kê xã hội (điều tra, thu thập số liệu; xử lý số liệu; phân tích) áp dụng trong các công việc cụ thể và phân tích, giải thích kết quả điều tra một cách rõ ràng, chính xác.

2. Mục tiêu học phần:

- CO1: Trình bày được nội dung các thuật ngữ cơ bản của thống kê, quá trình nghiên cứu thống kê và giải thích cách tính các mức độ thường dùng trong thống kê để phản ánh các hiện tượng kinh tế xã hội; có thể giải thích được những nội dung thống kê trong một số lĩnh vực xã hội chủ yếu như mức sống, dân số, lao động, giáo dục, y tế.

- CO2: Xây dựng được phiếu điều tra xã hội (bảng hỏi) đơn giản, tính toán được một số mức độ thường dùng trong thống kê, các chỉ tiêu phân tích dãy số thời gian; có thể xây dựng và phân tích ảnh hưởng của các nhân tố cấu thành GDP, năng suất lao động, tiền lương. Trong một số lĩnh vực thống kê xã hội, sinh viên có thể phân tích được biến động dân số, phân tích nghèo đói và bất bình đẳng và tính toán được một số chỉ tiêu thống kê xã hội phổ biến.

- CO3: Có ý thức trong việc áp dụng các lý thuyết thống kê trong công việc, nhất là trong nghiên cứu khoa học, điều hành doanh nghiệp.

2. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu và trình bày được các nội dung cơ bản của công tác thống kê các vấn đề xã hội; áp dụng cách tính các mức độ thường dùng trong thống kê để phản ánh các hiện tượng kinh tế xã hội; phân tích và giải thích được sự thay đổi của các thông số kinh tế xã hội theo thời gian và không gian.

- CLO2: Xây dựng được phiếu điều tra xã hội học, tiến hành các bước điều tra xã hội, xử lý các số liệu sơ cấp; tính toán các mức độ thường dùng trong thống kê, phân tích các giải thích sự biến động của các hiện tượng kinh tế xã hội qua các số liệu thu thập được.

- CLO3: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập; Chủ động học tập, nghiên cứu tài liệu; tích cực tham gia hoạt động nhóm; có trách nhiệm trong việc nâng cao ý thức tự học, thái độ nghiêm túc trong các hoạt động tập thể.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Những vấn đề chung về thống kê xã hội (LT:2, TL:2) 1. Đối tượng, nhiệm vụ, nội dung môn học 2. Khái quát các giai đoạn phát triển khoa học thống kê 3. Đặc điểm của khoa học thống kê hiện đại 4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu 5. Những quy định của Nhà nước về thống kê	2	2				15
Chương 2. Khái niệm cơ bản về thống kê (LT:4, BT:6) 1. Một số vấn đề lý thuyết thống kê 2. Dữ liệu, số liệu 3. Những đơn vị thống kê 4. Lập bảng biểu và biểu diễn dữ liệu thống kê 5. Những số liệu thống kê	4	3				20
Chương 3. Quá trình nghiên cứu thống kê (LT:4, TL:2, BT:4) 1. Khái niệm về quá trình nghiên cứu thống kê 2. Xác định đối tượng và xây dựng hệ thống khái niệm, chỉ tiêu thống kê 3. Điều tra thống kê 4. Xử lý thống kê 5. Dự báo thống kê	4	3		2		19
Chương 4. Thống kê dân số, lao động (LT:4, TL:2, BT:3) 1. Thống kê dân số 2. Thống kê nguồn lao động 3. Thống kê lực lượng lao động 4. Thống kê lao động trong doanh nghiệp	4	4		2		18
Chương 5. Thống kê một số vấn đề xã hội (LT:4, TL:2, BT:3)	4	6		2		18

1. Thống kê về chất lượng cuộc sống						
2. Thống kê bảo hiểm xã hội						
3. Thống kê bảo trợ xã hội và cứu trợ xã hội						
Tổng	18	18		6	0	90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2, 3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1,2, 3,	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO3	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2, 3	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2, 3	
6	Bài tập	Rubic bài tập	CLO1,2, 3	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Bài tập, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2, 3	20%
III. Thi cuối kì				
1	Tự luận (Bài tập)	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 03 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra GK.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên

trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Giáo trình bắt buộc:**

1) PGS.TS Trần Thị Kim Thu (2012), *Giáo trình Lý thuyết thống kê*, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân.

*** Tài liệu tham khảo:**

1) Nguyễn Ngọc Cương (2002), *Thống kê Xã hội học*, NXB GD.

2) Bùi Xuân Phong (2002), *Thống kê và ứng dụng*, NXB Thống kê.

6.10b. XÃ HỘI HỌC ĐẠI CƯƠNG / INTRODUCTION TO SOCIOLOGY.

- Số tín chỉ: 2 (18 LT; 18 TL; 6 TH)

- Mã học phần: 123240

- Bộ môn quản lý học phần: Xã hội học

- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần Xã hội học đại cương gồm: Đối tượng, chức năng, lịch sử hình thành và phát triển của xã hội học, một số khái niệm quan trọng trong xã hội học: tương tác xã hội, hành động xã hội, thiết chế xã hội, nhóm xã hội, xã hội hóa, di động xã hội, phân tầng xã hội, biến đổi xã hội..., phương pháp nghiên cứu cơ bản của xã hội học, mối quan hệ của xã hội học với các ngành khoa học khác.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Phát triển khả năng nhận diện, phân tích các quy luật của sự nảy sinh, biến đổi và phát triển của các sự kiện, hiện tượng xã hội, hành vi con người trong mối quan hệ với xã hội.

- CO2: Hình thành và phát triển các kĩ năng phân tích, đánh giá các vấn đề xã hội theo hướng tiếp cận xã hội học

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ có khả năng:

- CLO1: Sinh viên hệ thống hoá được: đối tượng, chức năng, cơ cấu, phương pháp nghiên cứu của xã hội học

- CLO2: Sinh viên khái quát hoá được quá trình hình thành và phát triển của ngành xã hội học, quan điểm của một số nhà xã hội học tiêu biểu

- CLO3: Sinh viên giải thích được các khái niệm: hành động xã hội, tương tác xã hội, tổ chức xã hội, cơ cấu xã hội và phân tích, đánh giá được các vấn đề xã hội ở các phạm trù này diễn ra trong đời sống

- CLO4: Sinh viên nhận diện và phân tích được các không gian văn hoá, quá trình xã hội hoá, sự biến đổi của xã hội từ đó giải thích được các phạm trù xã hội trong cuộc sống.

- CLO5: Sinh viên hệ thống được đề cương nghiên cứu vấn đề xã hội từ góc độ xã hội học, thiết kế được chương trình nghiên cứu xã hội học

- CLO6: Chủ động, tích cực, sáng tạo, ứng dụng vào thực tiễn nghiên cứu khoa học xã hội để giải quyết các vấn đề xã hội từ hướng tiếp cận xã hội học

4. Nội dung học phần

Nội Dung	Hình thức tổ chức dạy học học phần							Tổng
	Lý thuyết	Xêmina	Làm việc nhóm	Khác (điền giả, thực tế...)	Tự học, tự NC	Tư vấn của GV	KT-ĐG	
<u>Nội dung 1:</u> Xã hội học là một khoa học	2				8	x		10
<u>Nội dung 2:</u> Lịch sử hình thành và phát triển của Xã hội học	2	2			8	x	1 bài	12
<u>Nội dung 3:</u> Hành động xã hội và tương tác xã hội	2	2			10	x		14
<u>Nội dung 4:</u> Tổ chức xã hội và Thiết chế xã hội	2	2			10	x	1 bài	14
<u>Nội dung 5</u> Cơ cấu xã hội	4	4			10	x		14
<u>Nội dung 6</u> Văn hóa		2			10	x	1 bài	14
<u>Nội dung 7</u> Xã hội hóa	2	2			10	x		14
<u>Nội dung 8</u> Biến đổi xã hội	2	2			10	x	1 bài	14
<u>Nội dung 9</u> Thực hành nghiên cứu xã hội học	2	2		6	14	x		26
Tổng	18	18		6	90		4 bài	132

5. Phương pháp dạy học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Các câu hỏi về kiến thức chung về các vấn đề xã hội từ cách tiếp cận xã hội học - Sinh viên tự lựa chọn vấn đề xã hội - Mục đích: giúp sinh viên xác định và đánh giá được các vấn đề xã hội trong cuộc sống. - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập	Rubric 1	CLO 1, CLO2	30%
2	Phân tích hành động học tập của sinh viên để hiểu về hành động xã hội (1 phạm trù quan trọng trong nghiên cứu XHH) - Báo cáo sản phẩm - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung hành động xã hội, tương tác xã hội. - Yêu cầu: sinh viên làm việc cá nhân hoàn thiện một sản phẩm gồm 1 bản trình chiếu và 1 bản viết tay về chủ đề nghiên cứu.	Rubric 2	CLO1, CLO3	
3	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến những biến đổi ở trong xã hội - Bài tập cá nhân - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung biến đổi xã hội - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 3	CLO1, CLO4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Phân tích một vấn đề xã hội tồn tại trong giới trẻ hiện nay - Mục đích: Đánh giá kỹ năng nhận diện, phân tích vấn đề. - Yêu cầu: sinh viên làm việc nhóm	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO5	20%
III	Thi cuối kỳ			
	- Hình thức: + <i>Phần lý thuyết</i> : thi trắc nghiệm + <i>Phần vận dụng</i> : đánh giá, phân tích một vấn đề xã hội từ góc nhìn xã hội học. - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập của học phần. - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 6	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp,
- Thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên:
- + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thực hành theo hướng dẫn của giáo viên;
- + Thực hiện đầy đủ các bài thực hành được giao;

- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình bắt buộc:*

1) Phạm Tất Dong, Lê Ngọc Hùng (đồng chủ biên) (2008), *Xã hội học*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

* *Tài liệu tham khảo:*

- 1) Phạm Tất Dong, Nguyễn Sinh Huy (2004), *Xã hội học*, NXB Thống kê
- 2) Nguyễn Sinh Huy (1999), *Xã hội học đại cương*, ĐHQG, Hà Nội

6.11. Chọn 1 trong 2 học phần

6.11a. TIẾNG VIỆT THỰC HÀNH/ Vietnamese in use

- Số tín chỉ: 02 (18LT; 24TL; 0 TH)
- Mã học phần: 123205
- Bộ môn quản lý học phần: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Nghe, nói, đọc, viết là những kỹ năng quan trọng cần được hình thành, phát triển ở mỗi giai đoạn trong quá trình nhận thức và tư duy của con người. Học phần Tiếng Việt thực hành tập trung trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tiếng Việt như: văn bản, câu, từ, ngữ âm; từ đó thông qua hệ thống bài tập rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Việt như: phân tích và tạo lập văn bản; đặt câu, dùng từ và chính tả trong văn bản.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Có kiến thức cơ bản về tiếng Việt như: văn bản, câu, từ, ngữ âm và về các kỹ năng sử dụng tiếng Việt trên các phương diện từ tạo lập và tiếp nhận văn bản đến đặt câu, dùng từ, chính tả trong văn bản.

- CO2: Phát triển năng lực phân tích, đánh giá, miêu tả những vấn đề nghiên cứu về tiếng Việt một cách chính xác khoa học, sáng tạo; có kỹ năng nhận diện và phân tích và tạo lập các đơn vị tiếng Việt từ văn bản, câu, từ và chính tả và thực tiễn sử dụng tiếng Việt, từ đó có khả năng vận dụng linh hoạt tiếng Việt trong thực tiễn và nghề nghiệp.

- CO3: Chủ động, tích cực và sáng tạo trong việc vận dụng những tri thức về tiếng Việt vào việc phát hiện và giải quyết những vấn đề cụ thể đặt ra trong quá trình tìm hiểu và nghiên cứu. Từ đó nâng cao nhận thức về phát triển năng lực sử dụng tiếng Việt của bản thân và về việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt; yêu nghề, có phẩm chất đạo đức tốt, có tác phong chuẩn mực, có đam mê tìm hiểu, nghiên cứu và khám phá, sáng tạo

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Vận dụng được kiến thức về văn bản vào việc thực hành tạo lập và phân tích các văn bản; có kỹ năng phân tích và tạo lập văn bản; kỹ năng đặt câu, dùng từ và kỹ năng chính tả.

- CLO2: Có kỹ năng nhận diện, phân tích, tổng hợp và đánh giá các vấn đề về tiếng Việt; có kỹ năng truyền đạt, kỹ năng sử dụng tiếng Việt chuẩn mực, hiệu quả trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn; có kỹ năng giao tiếp và hợp tác làm việc nhóm, làm việc độc lập để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp trong học tập và nghiên cứu khoa học.

- CLO3: Yêu nghề, có phẩm chất đạo đức tốt, đam mê tìm hiểu và khám phá; có ý thức và tác phong chuẩn mực; có lòng tự hào và ý thức tôn trọng tiếng Việt.

- CLO4: Có năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề về tiếng Việt; có tư duy độc lập, sáng tạo và ý thức trách nhiệm cao trong học tập, nghiên cứu; có khả năng tự định hướng, dẫn dắt chuyên môn; có năng lực ra quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định trong lĩnh vực nghiên cứu; có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Rèn luyện kỹ năng tạo lập văn bản	5	6	0		0	20
Rèn luyện kỹ năng tiếp nhận văn bản	5	5	0		0	20
Rèn luyện kỹ năng đặt câu trong văn bản	4	6	0		0	20
Rèn luyện kỹ năng dùng từ trong văn bản	2	5	0		0	15
Rèn luyện kỹ năng chính tả tiếng Việt	2	2	0		0	15
Tổng	18	24	0	0	0	90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần kết hợp linh hoạt các hình thức dạy học: Thuyết trình, thảo luận, thực hành, tự học, tự nghiên cứu ...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

STT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Chuyên cần	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3	20%
2	Thảo luận/Thuyết trình	Rubric2/Rubric4	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	
3	Bài tập/Thực hành /Viết	Rubric3/Rubric5	CLO1, CLO2	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
1	Viết	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO4	30%
III	Thi cuối kì			
1	Viết	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ số giờ học trên lớp theo quy định (không nghỉ quá 20% tổng số giờ học).

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ (chuẩn bị bài ở nhà, đọc tài liệu, tham gia thảo luận và làm các bài tập tại lớp, làm kiểm tra giữa môn và thi hết môn) theo đúng yêu cầu của giảng viên phụ trách môn học.

- Sinh viên vi phạm quy định (nghỉ học, đi muộn không có lí do chính đáng; không làm bài tập, bài thi, nộp bài không đúng hạn; vi phạm quy chế thi; trích dẫn tài liệu và làm bài gian dối...) tùy theo mức độ sẽ bị trừ điểm thành phần tương ứng.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình bắt buộc:*

[1]. Bùi Minh Toán - Lê A – Đỗ Việt Hùng (2012), *Tiếng Việt thực hành*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

* *Tài liệu tham khảo:*

[1]. Nguyễn Minh Thuyết (chủ biên) (1997), *Tiếng Việt thực hành*, Nxb Giáo dục.

[2]. Phan Thiều (1998), *Rèn luyện ngôn ngữ*, tập 1, 2, Nxb Giáo dục.

6.11b. THỰC HÀNH VĂN BẢN TIẾNG VIỆT/ Practice Vietnamese text

- Số tín chỉ: 02 (18LT; 24TL; 0TH)

- Mã học phần: 123185

- Bộ môn quản lý học phần: Ngữ văn

- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Trên cơ sở giới thiệu các vấn đề chung nhất về tiếng Việt, học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn bản tiếng Việt. Đó là: khái niệm và đặc trưng của văn bản, câu trong văn bản, đoạn văn, hình thức nội dung văn bản và các loại văn bản thuộc phong cách chức năng của tiếng Việt. Từ đó, người học có khả năng vận dụng những kiến thức lý thuyết để tạo lập và phân tích văn bản theo các phương diện cụ thể.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Có kiến thức vững chắc về tiếng Việt và văn bản tiếng Việt như: khái niệm và đặc trưng của văn bản, câu trong văn bản, đoạn văn, hình thức nội dung văn bản và các loại văn bản thuộc phong cách chức năng của tiếng Việt.

- CO2: Phát triển năng lực phân tích, đánh giá, miêu tả những vấn đề nghiên cứu về văn bản tiếng Việt một cách chính xác khoa học, sáng tạo; có kỹ năng nhận diện và phân tích và tạo lập các văn bản tiếng Việt thuộc các phong cách chức năng, từ đó có khả năng vận dụng linh hoạt trong thực tiễn và nghề nghiệp.

- CO3: Chủ động, tích cực và sáng tạo trong việc vận dụng những tri thức về văn bản tiếng Việt vào việc phát hiện và giải quyết những vấn đề cụ thể đặt ra trong quá trình tìm hiểu và nghiên cứu. Từ đó nâng cao nhận thức về phát triển năng lực sử dụng tiếng Việt của bản thân và về việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt; yêu nghề, có phẩm chất đạo đức tốt, có tác phong chuẩn mực, có đam mê tìm hiểu, nghiên cứu và khám phá, sáng tạo

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Có kỹ năng vận dụng linh hoạt những vấn đề lý thuyết vào việc thực hành tạo lập và phân tích văn bản thuộc các phong cách chức năng tiếng Việt.

- CLO2: Có kỹ năng nhận diện, phân tích, tổng hợp và đánh giá các vấn đề về văn bản tiếng Việt; có kỹ năng truyền đạt, kỹ năng sử dụng tiếng Việt chuẩn mực, hiệu quả trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn; có kỹ năng giao tiếp và hợp tác làm việc nhóm, làm việc độc lập để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp trong học tập và nghiên cứu khoa học.

- CLO3: Yêu nghề, có phẩm chất đạo đức tốt, đam mê tìm hiểu và khám phá; có ý thức và tác phong chuẩn mực; có lòng tự hào và ý thức tôn trọng tiếng Việt.

- CLO4: Có năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề về tiếng Việt; có tư duy độc lập, sáng tạo và ý thức trách nhiệm cao trong học tập, nghiên cứu; có khả năng tự định hướng, dẫn dắt chuyên môn; có năng lực ra quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định trong lĩnh vực nghiên cứu; có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Mở đầu về văn bản	3	3	0		0	15
Văn bản, đặc trưng và phân loại văn bản	5	5	0		0	20
Câu trong văn bản	3	5	0		0	15
Đoạn văn	4	6	0		0	20
Những vấn đề về nội dung và hình thức của văn bản	3	5	0		0	20
Tổng	18	24	0	0	0	90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần kết hợp linh hoạt các hình thức dạy học: Thuyết trình, thảo luận, thực hành, tự học, tự nghiên cứu ...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

STT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên			
1	Chuyên cần	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3	20%
2	Thảo luận/Thuyết trình	Rubric2/Rubric4	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	
3	Bài tập/Thực hành /Viết	Rubric3/Rubric5	CLO1, CLO2	
II	Kiểm tra giữa kỳ			
1	Viết	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO4	30%
III	Thi cuối kì			
1	Viết	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO4	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ số giờ học trên lớp theo quy định (không nghỉ quá 20% tổng số giờ học).

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ (chuẩn bị bài ở nhà, đọc tài liệu, tham gia thảo luận và làm các bài tập tại lớp, làm kiểm tra giữa môn và thi hết môn) theo đúng yêu cầu của giảng viên phụ trách môn học.

- Sinh viên vi phạm quy định (nghỉ học, đi muộn không có lí do chính đáng; không làm bài tập, bài thi, nộp bài không đúng hạn; vi phạm quy chế thi; trích dẫn tài liệu và làm bài gian dối...) tùy theo mức độ sẽ bị trừ điểm thành phần tương ứng.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình bắt buộc:*

[1]. Phan Mậu Cảnh, (2008) *Lý thuyết và thực hành văn bản tiếng Việt*, Nxb ĐH Quốc Gia Hà Nội.

* *Tài liệu tham khảo:*

[1]. Phan Thiệu (1998), *Rèn luyện ngôn ngữ*, tập 1, 2, Nxb Giáo dục.

[2]. Bùi Minh Toán - Lê A – Đỗ Việt Hùng (2012), *Tiếng Việt thực hành*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

6.12. Chọn ½ học phần:

6.12a. LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI/HISTORY OF WORLD CIVILIZATION

- Số tín chỉ: 02 (18LT; 18 TL; 6TH)

- Mã học phần 124195

- Bộ môn quản lý học phần: Bộ môn Lịch sử

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần Lịch sử văn minh thế giới cung cấp một hệ thống kiến thức cơ sở về điều kiện tự nhiên, dân cư, lịch sử của sự ra đời các nền văn minh trong lịch sử: Văn minh Ai Cập cổ đại, văn minh Lưỡng Hà cổ đại, văn minh Arập cổ đại, văn minh Ấn Độ cổ trung đại, văn minh Trung Hoa cổ trung đại, văn minh Đông Nam Á cổ trung đại, văn minh Hy Lạp và La Mã cổ đại, văn minh Tây Âu trung đại, văn minh cận đại, văn minh nhân loại thời hiện đại. Trên nền tảng đó loài người đã đạt được những thành tựu rực rỡ về toán học, vật lý, thiên văn, hoá học, văn học, nghệ thuật, kiến trúc, điêu khắc.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: SV trình bày được các điều kiện ra đời của các nền văn minh: tự nhiên, xã hội, cư dân... giải thích các yếu tố tự nhiên, xã hội chi phối đến sự hình thành và giá trị của các nền văn minh; Nêu được các thành tựu của các nền văn minh cổ đại, trung đại, cận đại và hiện đại của nhân loại

- CO2: SV hình thành và phát triển các kĩ năng tìm kiếm tư liệu, trình bày vấn đề; phân tích đánh giá các giá trị văn minh nhân loại; lý giải sự kế thừa văn minh nhân loại đối với sự phát triển văn minh hiện đại và đương đại

- CO3: SV nhận thức được vị trí, tầm quan trọng của môn Lịch sử văn minh thế giới, hình thành và nuôi dưỡng trách nhiệm giữ gìn, phát huy các giá trị văn minh nhân loại trong nền văn minh đương đại

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học có hệ thống kiến thức cơ bản, cốt lõi về các nền văn minh trong lịch sử nhân loại

- CLO2: Lí giải được các yếu tố chi phối đến sự ra đời, các giá trị của nền văn minh các quốc gia, khu vực qua ừng thời kì lịch sử

- CLO3: Người học vận dụng các nội dung học phần vào quá trình giảng dạy chuyên đề trong chương trình lịch sử ở trường phổ thông

- CLO4: Người học nhận thức được vị trí, tầm quan trọng của bộ môn Lịch sử văn minh thế giới, có tình yêu và trách nhiệm đối với việc giữ gìn, phát huy các giá trị văn minh nhân loại

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Một số vấn đề khái niệm-Văn minh Bắc Phi và Tây Á 1.1. Một số vấn đề khái niệm 1.2. Văn minh Ai Cập cổ đại 1.3. Văn minh Lưỡng Hà cổ đại	3	3				15
Chương 2: Văn minh Ấn Độ cổ trung đại 2.1. Điều kiện tự nhiên, cư dân và lịch sử Ấn Độ cổ trung đại 2.2. Thành tựu văn minh	3	3				15
Chương 3. Văn minh Trung Quốc cổ trung đại 3.1. Điều kiện tự nhiên, cư dân và lịch sử Trung Quốc cổ trung đại 3.2. Những thành tựu chủ yếu	3	3				15
Chương 4. Văn minh Hy Lạp-La Mã cổ đại 4.1.Điều kiện tự nhiên, cư dân và lịch sử Hy La cổ đại 4.2. Các thành tựu chủ yếu	3	3		2		15
Chương 5. Tây Âu trung đại 5.1. Điều kiện ra đời Tây Âu trung đại 5.2. Thành tựu văn minh Tây Âu thế kỉ V-VIV 5.3. Văn hóa Phục hưng	3	3		2		15
Chương 6: Văn minh công nghiệp và văn minh thế kỉ XX	3	3		2		15

6.1. Điều kiện ra đời văn minh công nghiệp						
6.2. Văn học, nghệ thuật cận đại						
6.3. Văn minh thế kỉ XX						
Tổng	18	18	0	6	0	90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần sử dụng kết hợp đa dạng và linh hoạt các phương pháp dạy học: nêu và giải quyết vấn đề, sử dụng hệ thống câu hỏi gợi mở, sử dụng tranh, ảnh, video, sử dụng công nghệ thông tin, thảo luận... Đặc biệt chú ý vận dụng phương pháp thảo luận nhóm

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá ý thức học tập	CLO4	30%
2	Bài tập	Rubric đánh giá bài tập	CLO1,2,3,4	
3	Báo cáo	Rubric đánh giá báo cáo	CLO1,2,3,4	
4	Làm việc nhóm	Rubric làm việc nhóm	CLO1,2,3,4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Tự luận	Đề và đáp án	CLO1,2,3	20%
III	Thi cuối kì			
1	Tự luận	Đề và đáp án	CLO1,2,3,4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 03 điểm kiểm tra thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* **Giáo trình/Bộ tài liệu tham khảo bắt buộc:**

1) Vũ Dương Ninh (Chủ biên) (1998), *Lịch sử văn minh thế giới*, Nxb. Giáo

dục, Hà Nội.

*** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:**

2) Almanach, *Những nền văn minh thế giới* (2015), Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

3) Lương Duy Thứ (Chủ biên) (1997), *Đại cương văn hóa phương Đông*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

6.12b. KIẾN THỨC ĐỊA PHƯƠNG THANH HÓA/THANH HOA' KNOWLEDGE

- Số tín chỉ: 2 (18 LT; 18 TL; 06 TH)

- Mã học phần: 124115

- Bộ môn quản lý học phần: Lịch sử

- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Học phần giới thiệu khái quát về vị trí địa lý và các điều kiện tự nhiên, lịch sử của Thanh Hóa, các yếu tố về dân cư, tộc người, các di tích lịch sử - văn hoá, các nhân vật lịch sử tiêu biểu, các làng nghề thủ công truyền thống tiêu biểu, đặc điểm nền văn hoá vật chất và tinh thần của xứ Thanh...; những định hướng phát triển kinh tế, những thách thức trên bước đường hiện đại hoá, công nghiệp hoá của Thanh Hoá.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học xác định các đặc điểm địa Lịch sử tự nhiên, dân cư của Thanh Hóa, so sánh với các tỉnh khác, thống kê lịch sử hình thành, sự phân chia hành chính, đặc điểm nền văn hóa vật thể và phi vật thể của Thanh Hóa; thống kê các nghề và làng nghề truyền thống tiêu biểu của Thanh Hoá; mô tả các vùng kinh tế, trung tâm kinh tế, các khu công nghiệp hiện nay của Thanh Hóa.

- CO2: SV hình thành và phát triển các kỹ năng tìm kiếm tư liệu, trình bày vấn đề; phân tích đánh giá thuận lợi và khó khăn của các điều kiện tự nhiên-xã hội, tiềm năng phát triển của Thanh Hóa

- CO3: SV nhận thức được vị trí, tầm quan trọng của bộ môn Kiến thức địa phương Thanh Hóa, hình thành và nuôi dưỡng trách nhiệm giữ gìn, phát huy các giá trị văn hóa – lịch sử Thanh Hóa trong sự phát triển kinh tế xã hội hiện nay

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học có hệ thống kiến thức cơ bản, cốt lõi về các điều kiện tự nhiên xã hội, văn hóa vật chất và tinh thần, đóng góp của Thanh Hóa trong lịch sử

- CLO2: Lí giải được các yếu tố chi phối đến các điều kiện phát triển, các giá trị văn hóa Thanh Hóa; phát huy các thuận lợi trong phát triển hiện nay

- CLO3: Người học vận dụng các nội dung học phần vào quá trình giảng dạy trong chương trình lịch sử ở trường phổ thông

- CLO4: Người học nhận thức được vị trí, tầm quan trọng của bộ môn Kiến thức địa phương Thanh Hóa, có tình yêu và trách nhiệm đối với việc giữ gìn, phát huy các giá trị của tỉnh nhà trong thời kỳ phát triển và hội nhập.

4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng chương.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Một số vấn đề chung. Khái quát về điều kiện tự nhiên – Thanh Hóa qua các thời kỳ 1.1. Khái niệm 1.2. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên 1.3. Phân chia hành chính và tên gọi	3	3				15
Chương 2: Đặc điểm nền văn hóa Thanh Hóa 2.1. Điều kiện ra đời nền văn hóa Thanh Hóa 2.2. Đặc điểm văn hóa Thanh Hóa	3	3				15
Chương 3. Sự phát triển kinh tế của Thanh Hoá qua các thời kỳ lịch sử 3.1. Các nghề truyền thống và làng nghề truyền thống tiêu biểu của Thanh Hoá. 3.2. Các khu công nghiệp kinh tế trọng điểm	3	3				15
Chương 4. Những đóng góp to lớn của Thanh Hoá trong các cuộc kháng chiến chống xâm lược của dân tộc 4.1. Thời kì Bắc thuộc 4.2. Thời phong kiến tự chủ 4.3. Thời kỳ chống Pháp và chống Mỹ	3	3		2		15
Chương 5. Các di tích lịch sử-văn hoá và danh thắng tiêu biểu của Thanh Hoá 5.1. Các di tích lịch sử văn hóa 5.2. Các danh thắng tiêu biểu	3	3		2		15
Chương 6. Các nhân vật lịch sử và Danh nhân văn hóa tiêu biểu của Thanh Hoá 6.1. Nhân vật lịch sử tiêu biểu 6.2. Các danh nhân văn hóa	3	3		2		15
Tổng	18	18	0	6	0	90

5. Phương pháp dạy - học

Học phân sử dụng kết hợp đa dạng và linh hoạt các phương pháp dạy học: nêu và giải quyết vấn đề, sử dụng hệ thống câu hỏi gợi mở, sử dụng tranh, ảnh, video, sử dụng công nghệ thông tin, thảo luận... Đặc biệt chú ý vận dụng phương pháp thảo luận nhóm

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá ý thức học tập	CLO4	30%
2	Bài tập	Rubric đánh giá bài tập	CLO1,2,3,4	
3	Báo cáo	Rubric đánh giá báo cáo	CLO1,2,3,4	
4	Làm việc nhóm	Rubric làm việc nhóm	CLO1,2,3,4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Tự luận	Đề và đáp án	CLO1,2,3	20%
III	Thi cuối kì			
1	Tự luận	Đề và đáp án	CLO1,2,3,4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 03 điểm kiểm tra thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình bắt buộc:*

[1]. Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa (2000) *Địa chí Thanh Hoá tập 1*: Thanh Hoá, Nxb VHTT

* *Tài liệu tham khảo:*

[1]. Hà Văn Tấn (1990, 1994), *Lịch sử Thanh Hóa* Tập 1, tập 2, Nxb KHXH, HN

[2]. Lê Văn Trường (2002), *Địa lý Thanh Hoá*, Nxb Thanh Hóa..

. KHOA HỌC TỰ NHIÊN - CÔNG NGHỆ

6.13. CÔNG NGHỆ SỐ/DIGITAL TECHNOLOGY

- Số tín chỉ: 3 (20 LT; 0 TL; 50 TH)

- Mã học phần: 172555

- Bộ môn quản lý học phần: Mạng máy tính và Ứng dụng

- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Học phần Công nghệ số gồm các nội dung: Kiến thức, kỹ năng cơ bản về sử dụng công nghệ thông tin trong thế giới hiện đại và ứng dụng công nghệ thông tin vào việc chuyển đổi số.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

- CO2: Hợp tác và làm việc trong môi trường số.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông;

- CLO2: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ số;

- CLO3: Ứng dụng công nghệ số trong việc học, tự học và trong công việc;

- CLO4: Ứng xử phù hợp trong môi trường số;

- CLO5: Hợp tác trong môi trường số.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Chương 1: Máy tính và xã hội tri thức (3, 0, 2) 1.1. Các khái niệm cơ bản 1.2. Phần mềm hệ thống và phần mềm ứng dụng 1.3. Vai trò của máy tính và các thiết bị thông minh trong nền kinh tế tri thức 1.4. Thế giới thiết bị số	3	0	0	2		12
Chương 2: Mạng máy tính và Internet (2, 0, 3) 2.1. Mạng máy tính 2.2. Internet và Internet of Things 2.3. Các dịch vụ Internet 2.4. An toàn, an ninh mạng	2	0	0	3		10
Chương 3: Chuyển đổi số (5, 0, 0) 3.1. Giới thiệu 3.2. Cuộc cách mạng công nghiệp (CMCN) lần thứ tư 3.3. Chuyển đổi số trong doanh nghiệp 3.4. Chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước 3.5. Chuyển đổi số trong xã hội	5	0	0	0		15

Chương 4. Giáo dục công dân số (3, 0, 0) 4.1. Cơ sở pháp lý trong môi trường số 4.2. Kỹ năng công dân số 4.3. Giáo dục công dân số	3	0	0	0		9
Chương 5: Các ứng dụng văn phòng số (4, 0, 35) 5.1. Soạn thảo văn bản 5.2. Sử dụng phần mềm trình chiếu 5.3. Sử dụng phần mềm bảng tính 5.4. Phân tích dữ liệu với phần mềm bảng tính	4	0	0	35		65
Chương 6. Một số công cụ hỗ trợ trên môi trường số (3, 0, 10) 6.1. Công cụ lưu trữ dữ liệu 6.2. Công cụ giao tiếp trực tuyến 6.3. Công cụ điều tra/khảo sát trực tuyến	3	0	0	10		24
Tổng	20	0	0	50	0	135

5. Phương pháp dạy học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Các câu hỏi về kiến thức chung của học phần công nghệ số - Trắc nghiệm (online hoặc trên giấy tùy điều kiện thực hiện) - Mục đích: giúp sinh viên củng cố kiến thức đã được học - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập	Rubric 1	CLO1, CLO4, CLO5	30%
2	Kỹ thuật trình chiếu - Báo cáo sản phẩm - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung kỹ thuật trình chiếu - Yêu cầu: sinh viên làm việc theo nhóm hoàn thiện một sản phẩm là bản trình chiếu phù hợp với cụ thể với một chủ đề theo yêu cầu.	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5	
3	Thực hành bảng tính - Thực hành trên máy tính	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3	

	- Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung bảng tính - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập			
4	Thực hành các công cụ hỗ trợ (Google Driver, Google Form,...) - Thực hành trên máy tính - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung sử dụng các công cụ hỗ trợ - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 4	CLO1, CLO2, CLO3	
II Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Soạn thảo văn bản - Thực hành trên máy tính - Mục đích: Đánh giá kỹ năng soạn thảo văn bản – là một trong các kỹ năng sử dụng máy tính gắn với việc học tập và công việc suốt cuộc đời. - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 5	CLO1, CLO2	20%
III Thi cuối kỳ				
	- Hình thức: + <i>Phần lý thuyết</i> : thi trắc nghiệm trên máy tính, thời gian làm bài 30 phút + <i>Phần thực hành</i> : thi thực hành trên máy tính về kỹ năng sử dụng phần soạn thảo văn bản Word và xử lý bảng tính Excel, thời gian làm bài 45 phút - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập của học phần. - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 6	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp,
- Thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên:
- + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thực hành theo hướng dẫn của giáo viên;
- + Thực hiện đầy đủ các bài thực hành được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

1) Lê Thị Hồng, Phạm Thế Anh, Nguyễn Thế Cường, Phạm Thị Hồng (2020), *Tin học căn bản*, NXB Khoa học và Kỹ thuật.

8.2. Tài liệu tham khảo:

1) Bộ Thông tin và truyền thông (2021), *Cẩm nang chuyển đổi số*, Nhà xuất bản Thông tin và truyền thông.

IV. NGOẠI NGỮ

6.14. TIẾNG ANH 1/ (ENGLISH 1)

- Số tín chỉ: 4 (36 LT; 24 TL, BT; 24 TH)
- Mã học phần: 133031
- Bộ môn quản lý học phần: Ngoại ngữ không chuyên
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Giới thiệu ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và rèn luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh trình độ A2 (bậc 2/6) theo chuẩn năng lực ngoại ngữ chung được quy định bởi Bộ Giáo Dục và Đào Tạo Việt Nam.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh ở trình độ A2, vận dụng, thực hành các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết theo các chủ đề cụ thể trong môn học.

- CO2: Rèn luyện khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân, làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.

3. Chuẩn đầu ra học phần:

- CLO1: Phát âm rõ ràng, tương đối chính xác các từ, cụm từ đã học. Nhận diện, phân loại được các chủ đề ngữ pháp một cách có hệ thống, tổng hợp các từ vựng liên quan đến các chủ đề trong bài, vận dụng, phân tích, tổng hợp các cấu trúc theo nội dung học.

- CLO2: Sử dụng từ và cấu trúc để thành lập đoạn hội thoại ngắn, kết hợp câu để thành lập đoạn hội thoại và trình bày ngắn gọn về các chủ đề quen thuộc; sử dụng từ vựng và cấu trúc để thành lập câu, nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu, kết hợp câu thành đoạn văn ngắn theo chủ đề; tóm tắt, giải thích, thực hành làm các bài Đọc, phân tích, lựa chọn được đáp án chính xác khi Nghe;

- CLO3: Người học nhận thức được tầm quan trọng của môn học, chấp hành các quy định của học phần, nghiêm túc, chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần, Có khả năng sáng tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ. Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau.

- CLO4: Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất, áp dụng kỹ năng giao tiếp khi làm việc nhóm, áp dụng các kiến thức đã học để thực hiện các nhiệm vụ, vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc, có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy – học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	KT-ĐG	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: 1.1. Test đầu vào (Kiểm tra thường xuyên: Bài số 1).	10	3	3	4	2	52

<p>1.2. IPA: phonemic chart - vowels, consonants, monothongs, diphthongs</p> <p>1.3. Verb “to be”, Possessive Pronounce, Relexive Pronounce, Lesson 1A, 1B.</p> <p>1.4. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 1, Writing, p.p. 15-17)</p> <p>1.5. Possessive Adjective - Article - Lesson 1C, 4A, 2A</p> <p>1.6. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 1, Listening, p.p. 18-24)</p> <p>1.7. Kiểm tra thường xuyên: Bài số 2 - Adjective and Adverb - Verb - Lesson 2B, 2C</p>						
<p>Nội dung 2:</p> <p>2.1. Simple Present - Lesson 3A, B, C</p> <p>2.2. Write a paragraph in about 120 words to describe a famous person - Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 2, Reading, p.p.26-34)</p> <p>2.3. Preposition - Lesson 4B, 4C</p> <p>2.4. Possessive Adjective - Article - Lesson 1C, 4A, 2A</p> <p>2.5. Kiểm tra giữa kỳ Lesson 5A, 6B, 6C</p> <p>2.6. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 2, Listening, p.p.38-44)</p>	11	3	3	5	1	52
<p>Nội dung 3:</p> <p>3.1. Simple Past - Lesson 7A, 7B, 7C</p> <p>3.2. Workbook Unit 7A,B,C - Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 3, Reading, p.p.46-54)</p> <p>3.3. Kiểm tra thường xuyên: Bài số 3 - Past Continuous - Past Simple & Past Continuous - Lesson 8C</p> <p>3.4. Workbook Lesson 8C - Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 3, Writing, p.p.55-57)</p>	11	3	3	5	1	52

3.5. Noun - Lesson 8B, 9A, 9B 3.6. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 3, Listening, p.p.58-64) - Make a video on topic given by teacher. 3.7. Comparison of Adjective and Adverb.						
Nội dung 4: 4.1. Future Expression with “be going to”, Future Structures - Simple Present - Lesson 10B, 10C 4.2. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 4, Writing, p.p.75-77) 4.3. Kiểm tra thường xuyên: Bài số 4 4.4. Present Perfect - Lesson 12A, B 4.4. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 4, Listening and speaking p.p.78-85)	4	3	3	4	2	24
Tổng	36	12	12	18	6	180

5. Phương pháp dạy – học: Trình bày, thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Phương pháp kiểm tra – đánh giá:

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên: 05			30%
1	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2,	
2	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2,	
3	Bài kiểm tra viết	Rubric 1	CLO1, CLO2,	
4	Bài kiểm tra nói	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO4	
5	Đánh giá chuyên cần	Rubric 3	CLO3 CLO4	
II	Kiểm tra giữa kỳ: 01			20%
	Bài kiểm tra trắc nghiệm + tự luận (Viết)	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	
III	Thi cuối kì			50%
	Ngân hàng đề thi	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo:

Giáo trình bắt buộc

1) Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson, 2012, *English File-Elementary 3rd edition*. Oxford University Press.

2) Nguyễn Thị Quyết, 2018, *Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A*. Nhà xuất bản Thanh Hoá.

Tài liệu tham khảo

1) Raymond Murphy (2013). *Grammar in use. Ngữ pháp tiếng Anh thông dụng. 130 bài tập thực hành*. NXB Thời đại

2) Cambridge ESOL (2011). *Cambridge Preliminary English Test 2*. Cambridge University Press

6.15. TIẾNG ANH 2/ (ENGLISH 2)

- Số tín chỉ: 3 (27 LT; 18 TL, BT; 18 TH)

- Mã học phần: 133032

- Bộ môn quản lý học phần: Bộ môn Ngoại Ngữ không chuyên – khoa Ngoại Ngữ

- Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 1

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Giới thiệu ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và rèn luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh nửa đầu trình độ B1 (bậc 3/6) theo chuẩn năng lực ngoại ngữ chung được quy định bởi Bộ Giáo Dục và Đào Tạo Việt Nam.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Cung cấp cho người học kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh của nửa đầu trình độ B1, vận dụng, thực hành các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết theo các chủ đề cụ thể trong môn học.

- CO2: Rèn luyện khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân, làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. Xây dựng bài thuyết trình theo nhóm, đánh giá bài thuyết trình của nhóm khác. Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.

3. Chuẩn đầu ra học phần:

- CLO1: Nhấn trọng âm, âm điệu các nhóm từ, câu đã học một cách tương đối chính xác. Nhận diện, phân loại, tổng hợp được các chủ đề ngữ pháp một cách có hệ thống, phân loại, chọn lọc các từ vựng liên quan đến các chủ đề trong bài, vận dụng, phân tích, tổng hợp các cấu trúc theo nội dung học.

- CLO2: Sử dụng từ và cấu trúc để thành lập đoạn hội thoại, kết hợp câu để thành lập đoạn hội thoại, bài thuyết trình ngắn và trình bày về các chủ đề của học phần; sử dụng từ vựng và cấu trúc để thành lập câu, nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu, kết hợp câu thành đoạn văn, bài văn theo chủ đề; tóm tắt, giải thích, thực hành làm

các bài Đọc, kết hợp nội dung bài đọc thành ý tưởng trong bài nói và viết; phân tích, lựa chọn được đáp án chính xác khi Nghe, kết hợp nội dung bài nghe thành ý tưởng của bài nói và viết;

- CLO3: Người học nhận thức được tầm quan trọng của môn học, chấp hành các quy định của học phần, nghiêm túc, chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần, Có khả năng 58ang tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ. Sẵn 58ang lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau.

- CLO4: Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất, áp dụng kỹ năng giao tiếp khi làm việc nhóm, áp dụng các kiến thức đã học để thực hiện các nhiệm vụ, vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc, có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy – học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	KT-ĐG	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<p>Nội dung 1:</p> <p>4.6. Present perfect vs. past simple tense</p> <p>Present perfect continuous</p> <p>Present perfect continuous or present perfect simple</p> <p>Past perfect</p> <p>Past perfect continuous</p> <p>Future perfect and future perfect continuous</p> <p>4.6. Could have (done), Must (have) and can't (have), May (have) and might (have), Ought to, should, have to</p> <p>Conditional sentences type 1 and 2</p> <p>Conditional sentences type 3</p> <p>Review 1/Subjunctive/Passive</p> <p>1.3. Bài kiểm tra điều kiện 1</p> <p>1.4. Reported speech</p> <p>-ing and the infinitive</p> <p>Be/get used to something (I'm used to...)</p> <p>Prefer and would rather, Had better do something; It's time someone did something</p> <p>Defining relative clauses</p> <p>Non-defining relative clauses</p>	7	2	2	3	1	33
Nội dung 2:						

<p>2.1. Still and yet, Anymore / any longer / no longer, Although/though/even though, In spite of / despite, Even;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Review 2; - Unit 1 A, B <p>2.2. Unit 1C; 2 A, B</p> <p>2.3. Kiểm tra giữa kỳ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Unit 2C - Revise & Check 1&2 - Unit 3 A <p>2.4. Make a discussion in a group on the contents of lessons.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Do the exercises on the textbook - Do exercises on Unit 2C, 3A 	7	2	2	4	1	33
<p>Nội dung 3:</p> <p>3.1. Unit 3B, C</p> <ul style="list-style-type: none"> - Exercises in the textbook Unit3B - Exercises in the textbook Unit 3C - Exercises in workbook Unit 3B, 3C <p>3.2. Unit 4A, B</p> <ul style="list-style-type: none"> - Exercises in Unit 4B, C - Talk about your shopping habit <p>3.3. Bài kiểm tra thường xuyên 2</p> <ul style="list-style-type: none"> - Unit 4C; - Revise and check 3&4, <p>3.4. Exercises in HLBB1 Unit 4C, Revise and check 3&4</p>	7	3	2	4	1	33
<p>Nội dung 4:</p> <p>4.1. Unit 5A, B</p> <ul style="list-style-type: none"> - Exercises in Unit 5A, B, C <p>4.2. Exercises in workbook Unit 5A, B Unit 5C, 6A</p> <p>4.3. Consult Unit 5C, 6 A,</p> <ul style="list-style-type: none"> - Exercises in workbook Unit 5C, 6 A. <p>4.4. Unit 6B, C</p> <p>4.5. Listen to “Spotlight English News” and summarize the main content.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Write a composition on the given topic <p>Kiểm tra thường xuyên: Bài số 3</p> <p>4.6. Revise and check 5&6;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Exercises in workbook Revise and check 5&6 	6	2	3	2	2	36
Tổng	27	9	9	13	5	135

5. Phương pháp dạy – học: Trình bày, thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Phương pháp kiểm tra – đánh giá:

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên: 05			
1	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2,	30%
2	Bài kiểm tra viết	Rubric 1	CLO1, CLO2,	
3	Bài kiểm tra nói	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO4	
4	Đánh giá chuyên cần	Rubric 3	CLO3 CLO4	
II	Kiểm tra giữa kỳ: 01			
	Bài kiểm tra trắc nghiệm + tự luận (Viết)	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2	20%
III	Thi cuối kì			
	Ngân hàng đề thi	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như đọc hiểu, phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo:

Giáo trình bắt buộc:

- 1) Clive Oxenden, Christina Latham–Koenig and Paul Seligson, 2013. *English File–Preintermediate 3rd edition*. Oxford University Press. (Ký hiệu HLBB1)
- 2) Nguyễn Thị Quyết, 2018. *Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ B (cuốn 2)*. Nhà xuất bản Thanh Hoá. (Ký hiệu HLBB2)

Tài liệu tham khảo:

- 1) Raymond Murphy (2013), *Essential Grammar In Use*, NXB Thời đại (HLTK1)
- 2) Cambridge ESOL (2013), *Cambridge Preliminary English Test 3*, Cambridge University Press. (HLTK2)
- 3) Cambridge ESOL (2014), *Cambridge Preliminary English Test 4*, Cambridge University Press. (HLTK3)

6.16. TIẾNG ANH 3/ (ENGLISH 3)

- Số tín chỉ: 3 (27 LT; 18 TL, BT; 18 TH)
- Mã học phần: 133033
- Bộ môn quản lý học phần: Ngoại ngữ không chuyên
- Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 2

1. Mô tả tóm tắt học phần

Nội dung học phần: Giới thiệu ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và rèn luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh nửa cuối trình độ B1 (bậc 3/6)

theo chuẩn năng lực ngoại ngữ chung được quy định bởi Bộ Giáo Dục và Đào Tạo Việt Nam.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Cung cấp cho người học kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh của nửa cuối trình độ B1, vận dụng, thực hành các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết theo các chủ đề cụ thể trong môn học.

- CO2: Rèn luyện khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân, làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. Xây dựng bài thuyết trình theo nhóm, đánh giá bài thuyết trình của nhóm khác. Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.

3. Chuẩn đầu ra học phần:

- CLO1: Nhận trọng âm, âm điệu các nhóm từ, câu đã học một cách tương đối chính xác. Nhận diện, phân loại, tổng hợp được các chủ đề ngữ pháp một cách có hệ thống, phân loại, chọn lọc các từ vựng liên quan đến các chủ đề trong bài, vận dụng, phân tích, tổng hợp các cấu trúc theo nội dung học.

- CLO2: Sử dụng từ và cấu trúc để thành lập đoạn hội thoại, kết hợp câu để thành lập đoạn hội thoại, bài thuyết trình ngắn và trình bày về các chủ đề của học phần; sử dụng từ vựng và cấu trúc để thành lập câu, nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu, kết hợp câu thành đoạn văn, bài văn theo chủ đề; tóm tắt, giải thích, thực hành làm các bài Đọc, kết hợp nội dung bài đọc thành ý tưởng trong bài nói và viết; phân tích, lựa chọn được đáp án chính xác khi Nghe, kết hợp nội dung bài nghe thành ý tưởng của bài nói và viết;

- CLO3: Người học nhận thức được tầm quan trọng của môn học, chấp hành các quy định của học phần, nghiêm túc, chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần, Có khả năng 61ang tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ. Sẵn 61ang lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau.

- CLO4: Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất, áp dụng kỹ năng giao tiếp khi làm việc nhóm, áp dụng các kiến thức đã học để thực hiện các nhiệm vụ, vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc, có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy – học			Thực hành	KT-ĐG	Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)					
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: 1.1. Course Introduction - Course Orientation Bài 7A (1) & Bài 1.2 (2) - Grammar: Infinitive with “to” 1.2. Bài tập luyện 2.1 (2): 1.3. Practice doing test more outside						

<p>the classroom</p> <p>- Build up skills in practice test.</p> <p>Bài 7B (1) & Bài 1.1 (2)</p> <p>1.4. Group discussion: giving opinion to a person using adjective describing people.</p> <p>1.5. 7C (1) & Bài 8.1. (2)</p> <p>1.6. Progress test 1: Multiple choice test</p> <p>1.7. Practice doing test more outside the classroom</p> <p>- Build up skills in practice test.</p>	7	2	2	3	1	44
<p>Nội dung 2:</p> <p>4.4. Unit 8B (1) & 9.2 (2)</p> <p>Topics: Environment</p> <p>2.2. Share their idea about the things can do to help the environment</p> <p>2.3. Bài 9A & Bài 10.1</p> <p>Topic: What would you do if...</p> <p>2.4. Give a report to the class about giving advice</p> <p>2.5. Mid-term Test</p> <p>2.6. Unit 9C (1) & 2 7.2 (2)</p> <p>Topics: Leisure</p> <p>2.5. Apply grammar theory to do different exercises.</p>	7	2	2	4	1	33
<p>Nội dung 3:</p> <p>3.1. Bài 10B (1) & Bài 3.1 (2)</p> <p>Topic: famous people</p> <p>3.2. Bài 10C (1) & Bài 10.2 (2)</p> <p>Topics: Music and festival</p> <p>3.3. Progress test 2 – Writing test</p> <p>3.4. Bài 11A (1) & 7.1 (2)</p> <p>Topic: Bad losers</p>	7	3	2	4	1	33
<p>Nội dung 4:</p> <p>4.1. Bài 11B (1) & Bài 4.1 (2)</p> <p>Topics: Morning person</p> <p>4.2. Bài 12A (1) & Bài 12.1 (2)</p> <p>Topic: News around the world</p> <p>4.3. Bài 12B (1) & Bài 12.2 (2)</p> <p>Topic: Gossips</p> <p>4.4. Progress Test 3 – speaking test</p>	6	2	3	2	2	25
Tổng	27	9	9	13	5	135

5. Phương pháp dạy – học: Trình bày, thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Phương pháp kiểm tra – đánh giá:

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên: 05			
1	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2,	30%
2	Bài kiểm tra viết	Rubric 1	CLO1, CLO2,	
3	Bài kiểm tra nói	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO4	
4	Đánh giá chuyên cần	Rubric 3	CLO3 CLO4	
II	Kiểm tra giữa kỳ: (01)			
	Bài kiểm tra trắc nghiệm + tự luận (Viết)	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2	20%
III	Thi cuối kì			
	Ngân hàng đề thi	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo:

Giáo trình bắt buộc:

1. Clive Oxenden, Christina Latham–Koenig and Paul Seligson, 2011. *English File–Pre-intermediate 3rd edition*. Oxford University Press.
2. Sue Ireland, Joanna Kosta. *Target PET*. Richmond Publishing.

Tài liệu tham khảo:

1. Cambridge ESOL (2011), *Cambridge Preliminary English Test 5*, Cambridge University Press
2. Cambridge ESOL (2015), *Cambridge Preliminary English Test 6*, Cambridge University Press

V. GIÁO DỤC THỂ CHẤT

1. Giáo dục thể chất 1/ Physical edycation 1

- Số tín chỉ: 02 (2 LT; 0 TL, BT; 28 TH)
- Mã học phần: 191004
- Bộ môn quản lý học phần: LL&PPGD-GDTC
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất trong trường Đại học; lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp

tập luyện, hoạt động ngoại khóa; bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác; lịch sử hình thành và phát triển, nguyên lý kỹ thuật động tác môn đá cầu.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên có được những kiến thức lý thuyết cơ bản về môn học lý luận và phương pháp giáo dục thể chất trong trường đại học cũng như cơ sở khoa học của công tác giáo dục thể chất và hiểu được nguồn gốc, lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức tập luyện thi đấu.

- CO2: Sinh viên hiểu các nguyên lý, kỹ thuật của bài thể dục tay không phát triển chung 9 động tác và kỹ thuật động tác môn đá cầu.

- CO3: Kỹ năng thực hiện chính xác bài thể dục phát triển chung 9 động tác và thực hiện tốt kỹ thuật động tác môn đá cầu vào trong quá trình tập luyện

- CO4: Sinh viên hiểu và ứng dụng các kiến thức cơ bản của bài TD tay không và môn Đá cầu rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất trong trường đại học; lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức tập luyện thi đấu, hoạt động ngoại khóa bài thể dục phát triển chung tay không 9 động tác và kỹ thuật môn đá cầu. Rèn luyện thể lực chung và chuyên môn cho người học.

- CLO2: Có kỹ năng thực hiện chính xác bài Thể dục phát triển chung tay không 9 động tác và kỹ năng thực hiện tốt kỹ thuật đá cầu

- CLO3: Vận dụng vận dụng các kiến thức lý luận bài tập Thể dục phát triển chung tay không 9 động tác và môn Đá cầu.vào quá trình học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực góp phần tham gia các hoạt động học tập khác trong trường học ở các điều kiện khác nhau.

- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.

- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.

- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDDT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: (LT) -Giáo dục thể chất trong các trường đại học -Sự hình thành, phát triển và ý nghĩa,	2					6

tác dụng của tập luyện và một số điều luật cơ bản.						
Nội dung 2: II.(TH) Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác: -Động tác: Tay -Động tác: Lườn -Động tác: Vận mình				2		6
Nội dung 3: (TH) Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác. -Động tác: Bụng -Động tác: Lưng -Động tác: Chân				2		6
Nội dung 4: (TH) Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác. -Động tác: Toàn thân -Động tác: Thăng bằng -Động tác: bật nhảy				2		6
Nội dung 5: (TH) Ôn Tập phối hợp bài tập phát triển chung tay không 9 động tác (Tay, Lườn, Vận mình; Bụng, Lưng, Chân, Toàn thân, Thăng bằng và bật nhảy).				2		6
Nội dung 6: (TH) Ôn tập và kiểm tra bài tập phát triển chung tay không 9 động tác (Tay, Lườn, Vận mình; Bụng, Lưng, Chân, Toàn thân, Thăng bằng và bật nhảy).				2		6
Nội dung 7: (TH) - Giới thiệu môn học, lịch sử, luật thi đấu môn đá cầu - Học các động tác khởi động hỗ trợ chuyên môn. - Học kỹ thuật tâng cầu (mu chính diện, lòng bàn chân, đùi, má ngoài bàn chân)				2		6
Nội dung 8: (TH) - Ôn tập kỹ thuật tâng cầu. kỹ thuật tâng cầu (mu chính diện, lòng bàn chân, đùi, má ngoài bàn chân).				2		6
Nội dung 9: (TH) - Học kỹ thuật đỡ cầu bằng đùi và chuyền cầu bằng mu bàn chân bên				2		6

thuận và không thuận.						
Nội dung 10: (TH) - Học kỹ thuật đỡ cầu bằng ngực và chuyển cầu bằng mu bàn chân.				2		6
Nội dung 11: (TH) - Học kỹ thuật phát cầu thấp chân chính diện.				2		6
Nội dung 12: (TH) Hoàn thiện kỹ thuật và đấu tập.				2		6
Nội dung 13: (TH) Hoàn thiện kỹ thuật và đấu tập.				2		6
Nội dung 14: (TH) - Hoàn thiện kỹ thuật môn học kiểm tra kỹ thuật phát cầu thấp chân chính diện				2		6
Nội dung 15: (TH) - Kiểm tra đánh giá nội dung môn học.				2		6
Tổng				28		90

5. Phương pháp dạy - học

- Chuẩn bị của giảng viên: Dựa vào Đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt, giảng viên chuẩn bị bài giảng bám sát chuẩn đầu ra của học phần (bao gồm các kiến thức và kỹ năng cần đạt được của học phần). Mỗi khóa học có sĩ số và chất lượng sinh viên khác nhau, giảng viên cần nắm rõ tình hình lớp để điều chỉnh phương pháp giảng dạy sao cho kết thúc học phần sinh viên đạt được những năng lực cần thiết như đã đề ra.

- Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), Phương pháp phân tích và thị phạm động tác; Phương pháp trực quan; Phương pháp trò chơi vận động; Phương pháp giảng dạy phân chia – hợp nhất; Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi – Đáp; Phương pháp thi đấu; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Liệt kê các phương pháp kiểm tra đánh giá sử dụng trong quá trình đào tạo (*chuyên cần, bài tập, hoạt động nhóm, báo cáo, thuyết trình, vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận, ...*).

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp	Câu hỏi(Rubric 1)	CLO.1.2.3	30%
2	Thực hành	Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác (Rubic 1)	CLO.3.4	
3	Thực hành	Kỹ thuật tăng cầu (Rubric1)	CLO. 5.6	

II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác (Rubric 2)	CLO.4.5.6	20%
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	- Kỹ thuật tăng cầu nhiều điểm trạm - Kỹ thuật phát cầu thấp chân bằng mu chính diện (Rubric 3)	CLO.2.3.4.5.6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ ĐK dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

- 1). Đồng Văn Triệu, Lê Anh Thơ (2000), *Lý luận và phương pháp giảng dạy giáo dục thể chất trong trường học*, Nxb TDTT, Hà Nội
- 2). Nguyễn Xuân Sinh (2009), *Thể dục*, Nxb TDTT, Hà Nội.
- 3). Đặng Ngọc Quang (2003), *Giáo trình Đá cầu*, NXB ĐHSP.

8.2. Tài liệu tham khảo:

- 4). ỦY BAN TDTT (2003), *Luật Đá cầu*, NXB TDTT.

2. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 2 (chọn 1/5 học phần)

a. Bóng chuyền

- Số tín chỉ: 02 (0 LT; 0 TL, BT; 30 TH)
- Mã học phần: 191031
- Bộ môn quản lý học phần: Bóng - Điền kinh
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

1. Mô tả học phần

- *Nội dung học phần*: Các nội dung về lý thuyết bao gồm: Ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; các kỹ thuật bóng chuyền; Luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nội dung về thực hành: Kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền (Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay (đệm bóng) trước mặt, phát bóng trước mặt, chuyền bóng cáo tay trước mặt, chắn bóng và đập bóng).

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên có được những kiến thức lý thuyết cơ bản về ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền.

- CO2: Sinh viên hiểu được các nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng chuyền: Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng thấp tay, cao tay trước mặt và luật thi đấu bóng chuyền.

- CO3: Kỹ năng thực hiện chính xác kỹ thuật: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng chuyền, Kỹ thuật chuyền bóng, Kỹ thuật phát bóng, Biết kỹ thuật đập bóng cơ bản chính diện theo phương lấy đà ở vị trí số 4, kỹ thuật chuyền bóng cao tay trước mặt, kỹ thuật chắn bóng, có thể tham thi đấu phong trào môn bóng chuyền.

- CO4: Sinh viên hiểu và vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về: ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; các nguyên lý, nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng chuyền: Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng thấp tay, cao tay trước mặt và luật thi đấu bóng chuyền.

- CLO2: Có kỹ năng thực hiện chính xác các kỹ thuật của môn bóng chuyền: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng chuyền, Kỹ thuật chuyền bóng, Kỹ thuật phát bóng.

- CLO3: Biết vận dụng vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này.

- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.

- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.

- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDDT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1. Ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; Các kỹ thuật bóng chuyền, luật thi đấu và trọng tài bóng chuyền; Tư thế chuẩn bị và di chuyển				2		6
Nội dung 2. Tư thế chuẩn bị và di chuyển: Đi, chạy, nhảy, trượt, lướt; Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng)..				2		6

Nội dung 3. - Ôn tập tư thế chuẩn bị và di chuyển: Đi, chạy, nhảy, trượt, lướt. - Học kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng).				2		6
Nội dung 4. Ôn tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng).				2		6
Nội dung 5. - Ôn tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng). - Học kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).				2		6
Nội dung 6. Ôn tập kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).				2		6
Nội dung 7. - Ôn tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng). - Ôn kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).				2		6
Nội dung 8. Ôn tập và kiểm tra kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng).				2		6
Nội dung 9. - Luyện tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam). - Giới thiệu kỹ thuật chuyền bóng cao tay trước mặt.				2		6
Nội dung 10. - Luyện tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam). - Giới thiệu kỹ thuật đập bóng cơ bản chính diện theo phương lấy đà ở vị trí số 4.				2		6
Nội dung 11. - Luyện tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật				2		6

phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam). - Giới thiệu kỹ thuật chắn bóng cá nhân.						
Nội dung 12. Luyện tập kỹ thuật chuyên bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).				2		6
Nội dung 13. Luyện tập kỹ thuật chuyên bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).				2		6
Nội dung 14. Ôn tập và kiểm tra kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ), phát bóng cao tay trước mặt (Nam).				2		6
Nội dung 15 Ôn tập và kiểm tra kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ), phát bóng cao tay trước mặt (Nam).				2		6
Tổng				30		90

5. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), Phương pháp phân tích và thị phạm động tác; Phương pháp trực quan; Phương pháp trò chơi vận động; Phương pháp giảng dạy phân chia - hợp nhất; Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi - Đáp; Phương pháp thi đấu; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra - đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp/ Chuyên cần	Câu hỏi (Rubric 1)	CLO.1,2	30%
2	Thực hành	Tư thế chuẩn bị và các bước di chuyển (Rubric 1)	CLO.3,4,5	
3	Thực hành	Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt đối với nam và thấp tay trước mặt đối với nữ	CLO.4,5,6	

		(Rubric 1)		
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Kỹ thuật chuyên bóng thấp tay trước mặt (Đệm bóng) có người tung bóng (Rubric 2)	CLO.5,6	20%
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	- Chuyên bóng thấp tay trước mặt (Đệm bóng) có người tung bóng. - Phát bóng cao tay trước mặt đối với Nam và phát bóng thấp tay trước mặt đối với Nữ. (Rubric 3)	CLO.1,2,3,4,5,6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính :

1). Nguyễn Việt Minh (Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (2007), *Giáo trình Bóng chuyên*, NXB ĐHSP

8.2. Tài liệu tham khảo:

- 2). Ủy ban TDTT (2007), *Luật bóng chuyên - Bóng chuyên bãi biển*, NXB, TDTT.
- 3). Đinh Văn Lãm (Chủ biên) (2006), *Giáo trình Bóng chuyên*, NXB TDTT, Hà Nội.

b. Bóng đá

- Số tín chỉ: 02 (0 LT; 0 TL, BT; 30 TH)
- Mã học phần: 191033
- Bộ môn quản lý học phần: Bóng - Điền kinh
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

1. Mô tả học phần

- *Nội dung học phần*: Học phần này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản của môn Bóng đá gồm: Lịch sử hình thành và phát triển; luật thi đấu; nguyên lý, kỹ thuật cơ bản (Các kỹ thuật đá bóng, Chiến thuật tấn công, Chiến thuật phòng thủ, phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức tập luyện và trọng tài);

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên có được những kiến thức lý thuyết cơ bản về ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng đá.

- CO2: Sinh viên hiểu được các nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng đá: Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng, ném biên.

- CO3: Kỹ năng thực hiện chính xác kỹ thuật: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng đá, Kỹ thuật sút bóng cầu môn, Kỹ thuật chuyền bóng, Biết kỹ thuật ném biên cơ bản đứng tại chỗ.

- CO4: Sinh viên hiểu và vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá để rèn luyện giáo dục thể chất vào trong cuộc sống hàng ngày.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về: ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; các nguyên lý, nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng đá: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng đá, Kỹ thuật sút bóng cầu môn, Kỹ thuật chuyền bóng, Biết kỹ thuật ném biên cơ bản đứng tại chỗ và luật thi đấu bóng đá.

- CLO2: Có kỹ năng thực hiện chính xác các kỹ thuật của môn bóng đá: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng đá, Kỹ thuật chuyền bóng lòng trong bàn chân, Kỹ thuật sút bóng bằng mu chính diện.

- CLO3: Biết vận dụng vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá để rèn luyện giáo dục thể chất vào trong cuộc sống hàng ngày.

- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.

- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.

- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDDT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: (LT) Lịch sử phát triển của Bóng đá, tính năng tác dụng. Luật bóng đá, Giới thiệu các Kỹ thuật trong môn bóng đá				2		6
Nội dung 2: (TH) Bài tập khởi động Học một số kỹ thuật dừng và đỡ bóng, kỹ thuật tâng bóng.				2		6
Nội dung 3: (TH) Luyện tập một số kỹ thuật dừng và đỡ bóng, kỹ thuật tâng bóng. KT đá bóng bằng mu trong bàn chân.				2		6

<p>Nội dung 4: (TH) Luyện tập đá bóng bằng mu trong bàn chân. Giới thiệu kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân. <i>Kiểm tra bài số 1</i></p>				2		6
<p>Nội dung 5: (TH) Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân, mu trong bàn chân.</p>				2		6
<p>Nội dung 6: (TH) Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân, mu trong bàn chân</p>				2		6
<p>Nội dung 7: (TH) Học kỹ thuật ném biên, Giới thiệu kỹ thuật đá bóng mu lai má trong bàn chân. <i>Kiểm tra giữa kỳ</i></p>				2		6
<p>Nội dung 8: (TH) Luyện tập kỹ thuật ném biên. Giới thiệu KT đá bóng bằng mu chính diện.</p>				2		6
<p>Nội dung 9: (TH) Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân, kỹ thuật ném biên</p>				2		6
<p>Nội dung 10: (TH) Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân, kỹ thuật ném biên.</p>				2		6
<p>Nội dung 11: (TH) Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân, kỹ thuật ném biên Giới thiệu kỹ thuật đánh đầu. <i>Kiểm tra bài số 2</i></p>				2		6
<p>Nội dung 12: (TH) Luyện tập kỹ thuật ném biên. Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân. Giới thiệu bài tập chuyên bóng sút cầu môn</p>				2		6
<p>Nội dung 13: (TH) Luyện tập ném biên, kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân. Giới thiệu bài tập chuyên bóng đánh đầu vào cầu môn.</p>				2		6

Giới thiệu các bài tập phòng thủ: Nhóm, khu vực. <i>Kiểm tra bài số 3</i>					
Nội dung 14: (TH) Giới thiệu bài tập phối hợp 2 đánh 1 sút cầu môn. Giới thiệu bài tập đá phạt hàng rào. Giới thiệu bài tập thi đấu và trọng tài.				2	6
Nội dung 15: (TH) Giới thiệu các bài tập phòng thủ: Nhóm, khu vực. Kiểm tra bổ sung, kết thúc nội dung học tập.				2	6
Tổng				30	90

5. Phương pháp dạy - học

- Phương pháp thuyết trình (Lý thuyết); Phương pháp phân tích và thị phạm động tác (Phương pháp trực quan); Phương pháp trò chơi vận động; Giảng dạy phân chia – hợp nhất; Giảng dạy tập luyện nguyên vẹn động tác; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi – Đáp, thực hành động tác; Phương pháp thi đấu, trọng tài; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp	Đánh giá nhanh trên lớp (Rubric 1)	CLO.1.2	30%
2	Thực hành	Đá bóng bằng lòng bàn chân vào ô 2x2m (Nam 12m, Nữ 10m) (Rubric 1)	CLO.3.4.	
3	Thực hành	Ném biên trong hành lang 3m (Rubric1)	CLO. 5.6.	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Đá bóng bằng mu trong bàn chân vào cầu môn 2 x 3m (Nam 15m, Nữ 12m) (Rubric 2)	CLO. 4.5.6.	20%
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	- Ném biên trong hành lang 3m - Đá bóng bằng mu trong bàn chân vào cầu môn 2 x 3m (Nam 20m, Nữ 16m50) (Rubric 3)	CLO.1.2.3.4.5.6.	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

1). PGS.TS Trần Đức Dũng, Giáo trình Bóng Đá, Nxb Thể dục thể thao, Hà Nội 2007

8.2. Tài liệu tham khảo:

- 1). Ủy ban TDTT, *Luật Bóng đá sân 5,11 người*, Nxb TDTT.
- 2). TS. Phạm Quang, Giáo trình Bóng đá, Nxb TDTT, Hà Nội 2007

c. Vovinam

- Số tín chỉ: 02 (0 LT; 0 TL, BT; 30 TH)
- Mã học phần: 191005
- Bộ môn quản lý học phần: LL&PPGD-GDTC
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

1. Mô tả học phần (*Mô tả tóm tắt nội dung học phần*)

Học phần bao gồm những nội dung, kiến thức cơ bản về môn VOVINAM như: Lý luận chung về chấn thương TDTT và lý thuyết môn Vovinam – Việt võ đạo, nguồn gốc, sự hình thành và phát triển môn phái Vovinam; Các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn, đỉnh tấn, chảo mã tấn, hạc tấn (Độc cước tấn) và Hồi tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá, các bài tập thể lực trong Vovinam từ đó tập luyện về quyền pháp (long hổ quyền); Các nguyên lý cơ bản, nguyên lý kỹ thuật; phương pháp giảng dạy; phương pháp tổ chức tập luyện của môn vovinam.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Trang bị cho sinh viên hiểu biết về các nguyên nhân gây chấn thương trong thể thao và cách đề phòng để đảm bảo an toàn trong tập luyện và nhận thức đúng về tôn chỉ, mục đích, ý nghĩa tác dụng tập luyện Vovinam – Việt võ đạo
- CO2: Vận dụng được kỹ thuật cơ bản về nhập môn Vovinam – Việt võ đạo và thực hiện chính xác các thế tấn, đòn tay, đòn chân, chiến lược, phương pháp tập luyện bài long hổ quyền rèn luyện thể lực cho người học.
- CO3: Sinh viên thực hiện chính xác về Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật động tác cơ bản như trung bình tấn; chảo mã tấn; đỉnh tấn và hạc tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá; quyền pháp; các bài tập thể lực trong Vovinam.
- CO4: Sinh viên hiểu và vận dụng các kiến thức về môn Vovinam để rèn luyện giáo dục thể chất đưa vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về: Lý luận chung về chấn thương TDDT và lý thuyết môn Vovinam – Việt võ đạo, nguồn gốc, sự hình thành và phát triển môn phái Vovinam; Các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn, đỉnh tấn, chảo mã tấn, hạc tấn (Độc cước tấn) và Hồi tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá, các bài tập thể lực trong Vovinam từ đó tập luyện về quyền pháp.

- CLO2: Thực hiện chính xác các kỹ thuật động tác của môn Vovinam: Tư thế chuẩn bị và các kỹ thuật động tác cơ bản trung bình tấn; chảo mã tấn; đỉnh tấn và hạc tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá; quyền pháp; các bài tập thể lực.

- CLO3: Biết vận dụng vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn Vovinam để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này.

- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.

- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.

- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDDT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: - Trung bình tấn - Đỉnh tấn - Chảo mã tấn - Hạc tấn (Độc cước tấn) - Hồi tấn				2		6
Nội dung 2: - Đám thẳng - Đám ngang (Đám móc) - Đám mức				2		6
Nội dung 3: -Đá thẳng -Đá vòng cầu (Đá tạt) -Đá cạnh chân				2		6
Nội dung 4:				2		6

Bài Long hổ quyền (Từ động tác 1 – 10)						
Nội dung 5: (Ôn tập) Bài Long hổ quyền (Từ động tác 1 – 10)				2		6
Nội dung 6: Bài Long hổ quyền (Từ động tác 10 – 20)				2		6
Nội dung 7: (Ôn tập) Bài Long hổ quyền (Từ động tác 10 – 20)				2		6
Nội dung 8: Bài Long hổ quyền (Từ động tác 21 – 30)				2		6
Nội dung 9: (Ôn tập) Bài Long hổ quyền (Từ động tác 21 – 30)				2		6
Nội dung 10: Bài Long hổ quyền (Từ động tác 31 – 40)				2		6
Nội dung 11: (Ôn tập) - Bài long hổ quyền (từ động tác 31- 40)				2		6
Nội dung 12: - Bài Long hổ quyền (Từ động tác 31 – 40)				2		6
Nội dung 13: (TH) Bài Long hổ quyền (Từ động tác 41 –45)				2		6
Nội dung 14: (TH) Hoàn thiện bài long hổ quyền (Từ động tác 1 – 45)				2		6
Nội dung 15: (TH) - Ôn tập và KT bài Long hổ quyền				2		6
Tổng				30		90

5. Phương pháp dạy - học

- Chuẩn bị của giảng viên: Dựa vào Đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt, giảng viên chuẩn bị bài giảng bám sát chuẩn đầu ra của học phần (bao gồm các kiến thức và kỹ năng cần đạt được của học phần). Mỗi khóa học có sĩ số và chất lượng sinh viên khác nhau, giảng viên cần nắm rõ tình hình lớp để điều chỉnh phương pháp giảng dạy sao cho kết thúc học phần sinh viên đạt được những năng lực cần thiết như đã đề ra.

- Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), Phương pháp phân tích và thị phạm động tác; Phương pháp trực quan; Phương pháp trò chơi vận động; Phương pháp giảng dạy phân chia – hợp nhất; Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi – Đáp; Phương pháp thi đấu; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp/ Chuyên cần	Câu hỏi (Rubric 1)	CLO.1,2	30%
2	Thực hành	Tấn pháp, thủ pháp (Rubric 1)	CLO.3,4	
3	Thực hành	Kiểm tra kỹ thuật động tác các đòn đấm (Rubric 1)	CLO.3,4,5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Kiểm tra kỹ thuật động tác các đòn đá (Rubric 2)	CLO.4,5,6	20%
III	Thi cuối kỳ			
	Thực hành	Bài long hồ quyền (Rubric 3)	CLO.2,3,4,5,6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính

1). Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiêu (2008) “*Kỹ thuật Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)*” tập 1, NXB TĐTT.

8.2. Tài liệu tham khảo:

2). Nguyễn Chánh Tú (2014). *Phòng ngừa chấn thương trong tập luyện và thi đấu Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)*

3). Nguyễn Chánh Tú (2014), *Vovinam phân thể Nhu khí công quyền 2*, NXB TĐTT, HN.

d. Bóng rổ

- Số tín chỉ: 02 (0 LT; 0 TL, BT; 30 TH)
- Mã học phần: 191034
- Bộ môn quản lý học phần: Bóng – Điền kinh
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

1. Mô tả học phần

Học phần này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản của môn Bóng rổ bao gồm: Lịch sử hình thành và phát triển; luật thi đấu; nguyên lý, kỹ thuật cơ bản môn bóng rổ (Tur thể chuẩn bị, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật chuyền bóng, kỹ thuật bắt bóng, kỹ thuật tại chỗ ném rổ, kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ, Chiến thuật tấn công, Chiến thuật phòng thủ, phương pháp giảng dạy); phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài; các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn bóng rổ.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sau khi học xong học phần này sinh viên có được hệ thống những kiến thức cơ bản về môn Bóng rổ.

- CO2: Người học biết vận dụng các kiến thức lý luận môn bóng rổ, thành thạo một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và có kỹ năng hoàn thành thuần thục chính xác, thực hiện tốt kỹ thuật vào quá trình học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực góp phần tham gia các hoạt động học tập khác trong trường học ở các điều kiện khác nhau.

- CO3: Có năng lực, kỹ năng hoàn thành công việc cơ bản vào thực tiễn học tập và rèn luyện ngoại khóa, tổ chức tập luyện và thi đấu phong trào.

- CO4: Vận dụng các kiến thức lý luận, kỹ thuật bóng rổ vào quá trình học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực góp phần tham gia các hoạt động học tập khác trong trường học ở các điều kiện khác nhau.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về: Ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng rổ; các nguyên lý, nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng rổ; Tur thể chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng trước mặt, cao tay trước mặt.

- CLO 2: Thành thạo một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện, kỹ năng hoàn thành thuần thục chính xác, thực hiện tốt kỹ thuật và tổ chức tập luyện môn bóng rổ.

- CLO 3: : Biết vận dụng vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này.

- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.

- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.

- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TĐTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<p>Nội dung 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vị trí, tác dụng tập luyện - Lịch sử phát triển môn bóng rổ. - Luật thi đấu bóng rổ: - Giới thiệu kỹ thuật môn học 				2		6
<p>Nội dung 2: (TH)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật dẫn bóng - Kỹ thuật di chuyển không bóng: Di chuyển ngang phải, trái, tiến lùi, chạy nghiêng, chạy đổi hướng - Kỹ thuật dẫn bóng: <ul style="list-style-type: none"> + Dẫn bóng tại chỗ + Dẫn bóng di chuyển một tay và hai tay luân phiên + Dẫn bóng nhanh 				2		6
<p>Nội dung 3: (TH)</p> <p>Ôn tập :- Kỹ thuật di chuyển không bóng: Di chuyển ngang phải, trái, tiến lùi, chạy nghiêng, chạy đổi hướng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật dẫn bóng: <ul style="list-style-type: none"> + Dẫn bóng tại chỗ + Dẫn bóng di chuyển một tay và hai tay luân phiên + Dẫn bóng nhanh <p>Kiểm tra bài 1: Luật Bóng rổ.</p>				2		6
<p>Nội dung 4: (TH)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ôn kỹ thuật dẫn bóng nhanh - Học kỹ thuật tại chỗ ném rổ một tay trên cao - Giới thiệu kỹ thuật tại chỗ ném rổ 2 tay trước ngực 				2		6
<p>Nội dung 5: (TH)</p> <p>Học kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Kỹ thuật di chuyển hai bước bật nhảy ném rổ tựa bằng bằng một tay trên cao + Kỹ thuật di chuyển 2 bước ném rổ một tay dưới thấp (Giới thiệu) 				2		6
<p>Nội dung 6: (TH)</p>				2		6

<p>Ôn:+ Kỹ thuật di chuyển 2 bước ném rổ một tay trên cao</p> <ul style="list-style-type: none"> + Kỹ thuật dẫn bóng nhanh <p>Học kỹ thuật chuyên - bắt bóng:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Kỹ thuật chuyên, bắt bóng bằng 2 tay trước ngực + Kỹ thuật phối hợp di chuyển chuyên bắt bóng bằng 2 tay trước ngực + Kỹ thuật chuyên, bắt bóng bằng 1 tay. 					
<p>Nội dung 7: (TH)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu chiến thuật: <ul style="list-style-type: none"> + Tấn công nhanh + Phòng thủ khu vực. <p>Kiểm tra giữa kỳ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật dẫn bóng nhanh <p>Nội dung kiểm tra:</p> <p>Kỹ thuật dẫn bóng nhanh 20m tính thời gian</p> <p>Cách thực hiện kỹ thuật :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đứng sau vạch xuất phát cầm bóng, khi có hiệu lệnh của giáo viên thì sinh viên đẩy bóng rồi thực hiện dẫn bóng nhanh 20 m - Thực hiện dẫn đúng kỹ thuật, dẫn bằng một tay hoặc hai tay luân phiên. Dẫn bóng theo đường thẳng từ vạch xuất phát đến điểm đích 20m, Khi qua vạch đích phải kiểm soát được bóng không được bỏ bóng chạy qua vạch đích <p>Dẫn bóng phạm luật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không được bỏ bóng chạy rồi bắt bóng tiếp tục dẫn bóng - Không được ngửa lưng bàn tay giữ bóng để dẫn bóng. - Không được dẫn bóng bằng cả hai tay cùng tiếp xúc bóng. - Không được để bóng chạm chân trong quá trình dẫn bóng - Không được bật nhảy không chế bóng rồi dẫn bóng - Không được lăn bóng bắt bóng rồi dẫn bóng 				2	6
<p>Nội dung 8: (TH)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập phát triển thể lực chuyên môn. 				2	6

- Ôn tập kỹ thuật: + Kỹ thuật di chuyển 2 bước ném rổ một tay trên cao + Kỹ thuật dẫn bóng nhanh - Tổ chức thi đấu						
Nội dung 9: (TH) Kỹ thuật tại chỗ nhảy ném rổ một tay trên cao - Tổ chức thi đấu				2		6
Nội dung 10: (TH) Chiến thuật: - Tấn công nhanh - Tổ chức thi đấu				2		6
Nội dung 11: (TH) Chiến thuật phòng thủ khu vực 2-1-2, 2-3 Chiến thuật phòng thủ kèm người 1/2 sân - Tổ chức thi đấu				2		6
Nội dung 12: (TH) Hoàn thiện kỹ thuật và đấu tập.				2		6
Nội dung 13: (TH) Hoàn thiện kỹ thuật và đấu tập.				2		6
Nội dung 14: (TH) - Hoàn thiện kỹ thuật môn học kiểm tra kỹ thuật: - Dẫn bóng nhanh 20 m - Di chuyển hai bước bật nhảy ném rổ tựa bảng bằng một tay trên cao.				2		6
Nội dung 15: (TH) - Kiểm tra đánh giá nội dung môn học.				2		6
Tổng				30		90

5. Phương pháp dạy - học

- Chuẩn bị của giảng viên: Dựa vào Đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt, giảng viên chuẩn bị bài giảng bám sát chuẩn đầu ra của học phần (bao gồm các kiến thức và kỹ năng cần đạt được của học phần). Mỗi khóa học có sĩ số và chất lượng sinh viên khác nhau, giảng viên cần nắm rõ tình hình lớp để điều chỉnh phương pháp giảng dạy sao cho kết thúc học phần sinh viên đạt được những năng lực cần thiết như đã đề ra.

- Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), Phương pháp phân tích và thị phạm động tác; Phương pháp trực quan; Phương pháp trò chơi vận động; Phương pháp giảng dạy phân chia – hợp nhất; Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi – Đáp; Phương pháp thi đấu; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp	Câu hỏi(Rubric 1)	CLO.1.2.3	30%
2	Thực hành	Kỹ thuật dẫn bóng (Rubric 1)	CLO.3.4.	
3	Thực hành	Kỹ thuật di chuyển hai bước bật nhảy ném rổ tựa bằng bằng một tay trên cao (Rubric1)	CLO.5.6.	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Kỹ thuật dẫn bóng nhanh 20 m tính thời gian. (Rubric 2)	CLO.4.5.6.	20%
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	-Kỹ thuật dẫn bóng nhanh 20 m tính thời gian. -Kỹ thuật di chuyển hai bước bật nhảy ném rổ tựa bằng bằng một tay trên cao. (Rubric 3)	CLO2.3.4.5.6.	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

1. Nguyễn Hữu Bằng, Đỗ Mạnh Hưng (2007), Giáo trình Bóng rổ, NXB, ĐHSP.

8.2. Tài liệu tham khảo:

1. Ủy ban thể dục thể thao (2006), Luật Bóng rổ, NXB TDTT.
2. Lê Trọng Đồng, Nguyễn Văn Trường (2019), Giáo trình bóng rổ, NXB ĐH Thái Nguyên.

e. Thể dục aerobic

- Số tín chỉ: 02 (0 LT; 0 TL, BT; 30 TH)
- Mã học phần: 193032
- Bộ môn quản lý học phần: LL&PPGD GDTC
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Thực hành kỹ thuật cơ bản môn thể dục aerobic, kiến thức, kỹ năng về thực hành bao gồm: Các tư thế cơ bản của tay, các bước cơ bản chân, nhóm độ khó, thấp, đội hình và bài liên kết thể dục aerobic. Qua đó sinh viên biết cách tập luyện môn aerobic, góp phần nâng cao sức khỏe, thực hiện mục tiêu giáo dục giáo dục toàn diện

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên có được những kiến thức lý thuyết cơ bản về ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn Thể dục Aerobic.

- CO2: Sinh viên hiểu các nguyên lý, kỹ thuật, nhịp và tính chất nghệ thuật của bài Thể dục Aerobic.

- CO3 : Sinh viên có kỹ năng hoàn thành, thực hiện tốt kỹ thuật động tác chính xác và đẹp bài Thể dục Aerobic

- CO4: Vận dụng được những kiến thức đã học của Aerobic vào rèn luyện sức khỏe và đời sống.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sinh viên hiểu được kiến thức cơ bản về môn Thể dục Aerobic và biết vận dụng các kiến thức về môn Thể dục Aerobic vào quá trình học tập và rèn luyện sức khỏe.

- CLO2: Kỹ năng thực hiện kỹ thuật động tác trong môn Thể dục Aerobic chính xác, đúng nhịp và nhạc.

- CLO3: Vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn Thể dục Aerobic để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày phục vụ mục tiêu rèn luyện sức khỏe và thẩm mỹ.

- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.

- CLO 5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.

- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: - Lịch sử phát triển, ý nghĩa tác dụng, của môn Aerobic -Tổ chức thi đấu Aerobic; -Bảy bước cơ bản				2		6

Nội dung 2 Các tư thế cơ bản				2		6
Nội dung 3: - Các tư thế cơ bản - Nhóm độ khó, thấp, - Học mới tổ hợp I (động tác 1 đến động tác 3)				2		6
Nội dung 4: - Ôn Nhóm độ khó, thấp, tổ hợp I (động tác 1 đến động tác 3) - Học mới tổ hợp II (động tác 4 đến động tác 7)				2		6
Nội dung 5: -Ôn tổ hợp II (động tác 4 đến động tác 7) -Học mới tổ hợp III (động tác 8 đến động tác 11)				2		6
Nội dung 6: - Ôn Liên kết 3 tổ hợp I,II,III -Học mới tổ hợp IV (động tác 12 đến động tác 15)				2		6
Nội dung 7: -Ôn tổ hợp IV (động tác 12 đến động tác 15) -Học mới tổ hợp V (động tác 16 đến động tác 19)				2		6
Nội dung 8: -Ôn tổ hợp V (động tác 16 đến động tác 19) Liên kết 5 tổ hợp từ I - V				2		6
Nội dung 9: -Liên kết 5 tổ hợp từ I – V -Học mới tổ hợp VI (động tác 20 đến động tác 23)				2		6
Nội dung 10: -Ôn tổ hợp VI (động tác 20 đến động tác 23) -Học mới tổ hợp VII (động tác 24 đến động tác 26)				2		6
Nội dung 11: -Ôn tổ hợp VII (động tác 24 đến động tác 26)				2		6

-Hoàn thiện Liên kết tổ hợp từ I – VII						
Nội dung 12: Hoàn thiện bài liên kết				2		6
Nội dung 13: Hoàn thiện bài liên kết				2		6
Nội dung 14: Hoàn thiện bài liên kết				2		6
Nội dung 15: - Ôn bài hoàn thiện. - Kiểm tra đánh giá nội dung môn học				2		6
Tổng				30		90

5. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), Phương pháp phân tích và thị phạm động tác; Phương pháp trực quan; Phương pháp trò chơi vận động; Phương pháp giảng dạy phân chia - hợp nhất; Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi - Đáp; Phương pháp thi đấu; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra - đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Thực hành	Các tư thế cơ bản, nhóm độ khó, thấp (7 bước cơ bản, Nhóm độ dẻo) (Rubric 1)	CLO1,2,3	30%
2	Thực hành	Các tổ hợp đơn lẻ (tổ hợp I,II) (Rubric 1)	CLO1,2,3,4	
3	Điểm danh và kiểm tra	Ý thức học tập, chuyên cần.	CLO 4,5,6	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Liên kết tổ hợp đơn lẻ từ I đến III (Rubric 2)	CLO1,2,3,4,5	20%
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	Toàn bộ bài Aerobic tổ hợp I đến VII (Rubric 3)	CLO1,2,3,4,5,6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ ĐK dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc :

1). Đinh Khánh Thu (2014) *Giáo trình Thể dục Aerobic*; TDTT HN.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:

2). Nguyễn Xuân Sinh, Lê Văn Lãm, Trần Phúc Phong, Trương Anh Tuấn (2009) *Thể dục*; TDTT HN.

3). Đặng Quốc Nam (2014), *Thể dục tập I, II* NXB TDTT

VI. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG

1) Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam/*National defense and security policy of the Communist Party of Vietnam*

- Số tín chỉ: 3 (37 LT; 8 TL; 0 TH)

- Bộ môn quản lý học phần: Bộ môn Chính trị

- Học phần tiên quyết: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

1. Mô tả học phần

Học phần gồm những kiến thức cơ bản về quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc và những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam; chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, gắn kết kinh tế - xã hội với quốc phòng- an ninh và đối ngoại, xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia, về xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

2. Mục tiêu của học phần.

- CO1: Nắm được những kiến thức cơ bản của lý luận, quan điểm của Đảng; tính tất yếu, yêu cầu đặt ra về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân và nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

- CO2: Phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng nghiên cứu, phân tích, tổng hợp; làm việc độc lập và phối hợp nhóm. Hình thành nền nếp sinh hoạt, ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong quân sự trong học tập.

- CO3: Xây dựng bản lĩnh chính trị vững vàng, nêu cao cảnh giác cách mạng, tích cực phòng chống “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng và an ninh.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Có hệ thống tri thức tương đối toàn diện về lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; về quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước có liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- CLO2: Vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng về bảo vệ Tổ quốc với tình hình thực tiễn gắn với trách nhiệm bản thân trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện và tham gia các phong trào hành động cách mạng.

- CLO3: Phát huy và đề cao trách nhiệm công dân, gương mẫu trong nhận thức và hành động, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái, lệch lạc; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
<i>Bài 1:</i> Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu môn học	2					10
<i>Bài 2:</i> Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc	2	2				10
<i>Bài 3:</i> Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	4					15
<i>Bài 4:</i> Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	4					15
<i>Bài 5:</i> Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân	4					15
<i>Bài 6:</i> Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại	4					15
<i>Bài 7:</i> Những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam	4	2				15
<i>Bài 8:</i> Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới	4					15
<i>Bài 9:</i> Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng	4	2				15
<i>Bài 10:</i> Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc	2	2				10
<i>Bài 11:</i> Những vấn đề cơ bản về bảo vệ						10

an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội						
Tổng	37	8				135

5. Phương pháp dạy học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thảo luận.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	+ Mức độ chuyên cần và ý thức, thái độ của sinh viên trong học tập (sự hiện diện trên lớp; thực hiện nội quy, quy định; ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong quân sự; ...)	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	25%
2	+ Khả năng nhận thức nội dung học tập của sinh viên (viết tiểu luận, hoặc kiểm tra bài cũ hay kiểm tra nhận thức trên lớp, hoặc kết quả tham gia thảo luận, hoặc chuẩn bị bài mới theo hướng dẫn ...)	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Sau khi học một số chuyên đề (kết thúc bài 7), sinh viên sẽ làm bài kiểm tra bằng hình thức trắc nghiệm (dạng điền khuyết và dạng nhiều lựa chọn). * Tiêu chí đánh giá đối với bài trắc nghiệm: - Thời gian: 15 phút - Tổng số câu trắc nghiệm: 10 câu (Trong đó có 5 câu dạng điền khuyết). - Sinh viên lựa chọn nội dung trả lời điền vào chỗ trống đối với dạng điền khuyết và khoanh tròn vào phương án đúng với dạng câu hỏi nhiều lựa chọn; mỗi câu đúng được tính 01 điểm.	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3,	25%
III	Thi cuối kì			
	- Sinh viên đủ điều kiện theo quy định sẽ tham gia thi kết thúc học phần bằng hình thức thi trắc nghiệm, thời gian thi 45 phút	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3,	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các bài kiểm tra học trình, thi kết thúc học phần theo quy định và phải có đủ 80% đối với sinh viên hệ chính quy hoặc 75% đối với hệ vừa làm vừa học thời gian có mặt nghe giảng lý thuyết trên lớp và thực hành tại thao trường (*theo Quyết định số 1690/2021/QĐ-ĐHHD ngày 31 tháng 8 năm 2021 về quy định tổ chức dạy học và đánh giá kết quả môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh*).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

***Giáo trình chính:**

1. Đào Huy Hiệp, *Giáo trình Giáo dục quốc phòng - an ninh* (dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng) tập 1, Nxb Giáo dục.

*** Tài liệu tham khảo:**

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2017. Giáo trình *Học thuyết Mác – Lênin về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
2. Lê Ngọc Cường, Lê Doãn Thuật, Tạ Ngọc Vàng, 2014. *Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh*, Nxb. Giáo dục Việt Nam.

2) Công tác quốc phòng và an ninh/Defense and security

- Số tín chỉ: 2 (22 LT; 8 TL; 0 TH)
- Bộ môn quản lý học phần: Bộ môn Chính trị
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông và phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hiểu và nắm được những nội dung cơ bản về âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch trong chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ và lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo đối với cách mạng Việt Nam. Những kiến thức cơ bản trong phòng, chống vi phạm pháp luật trên các lĩnh vực (môi trường; trật tự an toàn giao thông; xâm hại danh dự, nhân phẩm; vi phạm pháp luật trên không gian mạng; an ninh phi truyền thống).

- CO2: Phát triển tư duy sáng tạo, nghiên cứu, phân tích, tổng hợp về quốc phòng và an ninh. Hình thành lối sống kỷ luật và tác phong quân sự.

- CO3: Phát huy truyền thống yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Từ đó tích cực tham gia các phong trào hành động cách mạng, sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng và an ninh.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Có hệ thống tri thức về âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù đối với cách mạng Việt Nam, hiểu biết cơ bản về các mối đe dọa an ninh phi truyền thống và một số loại vi phạm pháp luật phổ biến trong bối cảnh hiện nay.

- CLO2: Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, biết liên hệ, vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng về quốc phòng, an ninh và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới gắn với trách nhiệm bản thân trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện và tham gia các phong trào hành động cách mạng.

- CLO3: Phát huy và đề cao trách nhiệm công dân, gương mẫu trong nhận thức và hành động, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái, lệch lạc; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Bài 1: Phòng, chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam	4					
Bài 2: Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam	4	2				
Bài 3: Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường	4					
Bài 4: Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông	4					
Bài 5: Phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác	2	2				
Bài 6: An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng	2	2				
Bài 7: An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam	2	2				
Tổng	22	8				

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thảo luận.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	+ Mức độ chuyên cần và ý thức, thái độ của sinh viên trong học tập (sự hiện diện trên lớp; thực hiện nội quy, quy định; ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong quân sự; ...)	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	25%
2	+ Khả năng nhận thức nội dung học tập của sinh viên (viết tiểu luận, hoặc kiểm tra bài cũ hay kiểm tra nhận thức trên lớp, hoặc kết quả tham gia thảo luận, hoặc chuẩn bị bài mới theo hướng dẫn ...)	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Sau khi học một số chuyên đề sinh viên sẽ làm bài kiểm tra bằng hình thức trắc nghiệm (dạng điền khuyết và dạng nhiều lựa chọn). * Tiêu chí đánh giá đối với bài trắc nghiệm:	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3,	25%

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 15 phút - Tổng số câu trắc nghiệm: 10 câu (Trong đó có 5 câu dạng điền khuyết). - Sinh viên lựa chọn nội dung trả lời điền vào chỗ trống đối với dạng điền khuyết và khoanh tròn vào phương án đúng với dạng câu hỏi nhiều lựa chọn; mỗi câu đúng được tính 01 điểm. 			
III	Thi cuối kì			
	- Sinh viên đủ điều kiện theo quy định sẽ tham gia thi kết thúc học phần bằng hình thức thi trắc nghiệm, thời gian thi 35 phút	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3,	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các bài kiểm tra học trình, thi kết thúc học phần theo quy định và phải có đủ 80% đối với sinh viên hệ chính quy hoặc 75% đối với hệ vừa làm vừa học thời gian có mặt nghe giảng lý thuyết trên lớp và thực hành tại thao trường (*theo Quyết định số 1690/2021/QĐ-ĐHHD ngày 31 tháng 8 năm 2021 về quy định tổ chức dạy học và đánh giá kết quả môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh*).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* Tài liệu bắt buộc:

1. Đào Huy Hiệp, *Giáo trình giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1*, Nxb. Giáo dục.
2. Tạ Ngọc Vãng, Bùi Văn Thịnh, 2012. *Giáo trình giáo dục an ninh - trật tự*, Nxb Giáo dục. - *an ninh* (dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng) tập 1, Nxb Giáo dục Việt Nam.

* Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Giáo dục và đào tạo, 2017. *Tài liệu tập huấn cán bộ quản lý giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh*, 2017.
2. Lê Ngọc Cường, Lê Doãn Thuật, Tạ Ngọc Vãng, 2014 *Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh*, Nxb. Giáo dục.

3) Quân sự chung

- Số ĐVHT: 02 (LT:14; TH: 16)
- Mã học phần: GDQP 3
- Bộ môn quản lý học phần: Quân sự
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm: Chế độ học tập, sinh hoạt, công tác trong ngày, trong tuần. Các chế độ nền nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại, các động tác về điều lệnh đội ngũ; kiến thức về quân, binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam, bản đồ quân sự, cách phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao.

2. Mục tiêu của học phần.

Trang bị cho sinh viên kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

- CO1: Sinh viên nắm được các chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần. Các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại. Có hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam; có hiểu biết ban đầu về bản đồ địa hình quân sự; biết cách phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Biết vận dụng một cách sáng tạo các nội dung đã học vào học tập các nội dung mới.

- CO2: Rèn luyện cho sinh viên về tư thế, tác phong, ý thức tổ chức kỷ luật cao. Rèn luyện thuần thục động tác điều lệnh đội ngũ từng người có súng, biết cách thực hành tập hợp đội ngũ tiểu đội, trung đội. Thành thạo điều lệnh đội ngũ và ý thức tổ chức kỷ luật góp phần nâng cao ý thức, tác phong học tập GDQPAN và vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại Trung tâm và nhà trường. Biết thực hành định hướng bản đồ, xác định điểm đứng, xác định tọa độ, chỉ thị mục tiêu, đo cự li diện tích trên bản đồ.

- CO3: Thông qua môn học giúp sinh viên nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong việc chấp hành các nội quy của Trung tâm GDQPAN góp phần xây dựng Nhà trường vững mạnh. Xây dựng ý thức trách nhiệm và nêu cao tinh thần giữ gìn, bảo quản tốt vũ khí, trang bị được giao trong quá trình học tập. Xây dựng phương pháp học tập khoa học, thái độ nghiêm túc.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nắm vững được nội dung, thuần thục động tác, có ý thức tổ chức kỷ luật cao, vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại nhà trường.

- CLO2: Tư thế, tác phong nhanh nhẹn, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập. Có kỹ năng sống trong học tập, công tác theo tác phong quân sự, phát triển khả năng tư duy sáng tạo trong hoạt động quân sự.

- CLO3: Có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong việc chấp hành các nội quy của Trung tâm GDQPAN góp phần xây dựng nhà trường vững mạnh. Có ý thức học tập và rèn luyện, thành thạo sử dụng các loại vũ khí trang bị, xây dựng lòng tin vào vũ khí trang bị hiện có, đáp ứng tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

4. Nội dung học phần

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học		
		Tổng số tiết	Lý thuyết	Thực hành
1	Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần	2	2	
2	Các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại	2	2	
3	Điều lệnh đội ngũ đơn vị	4		4
4	Điều lệnh đội ngũ từng người có súng	4		4
5	Hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội	4	4	

6	Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự	4	2	2
7	Phòng tránh địch tiến công hoá lực bằng vũ khí công nghệ cao	4	2	2
8	Ba môn quân sự phối hợp	6	2	4
	Cộng	30	14	16

5. Phương pháp dạy - học

- Sử dụng phương pháp thuyết trình, phân tích giảng giải nội dung.
- Sử dụng phương pháp thực hành làm mẫu động tác theo 3 bước: Làm nhanh khái quát động tác; làm chậm, phân tích động tác; Làm tổng hợp có phân chia các cử động.
- Sử dụng phương pháp nêu tình huống, kết luận hướng dẫn hành động...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Đánh giá chuyên cần bao gồm: (ý thức chấp hành kỷ luật trong học tập, mang mặc trang phục trong học tập, ghi chép bài, thời gian tham gia học tập).	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	50%
2	Nắm chắc các nội dung, thái độ học tập của sinh viên	Rubric rèn luyện	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	
II	Thi kết thúc học phần (01)			
	Sinh viên đủ điều kiện theo quy định sẽ tham gia thi kết thúc học phần bằng hình thức thi trắc nghiệm, thời gian thi 30 phút	Rubric kiểm tra trắc nghiệm	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các bài kiểm tra học trình, thi kết thúc học phần theo quy định và phải có đủ 80% đối với sinh viên hệ chính quy hoặc 75% đối với hệ vừa làm vừa học thời gian có mặt nghe giảng lý thuyết trên lớp và thực hành tại thao trường (theo Quyết định số 1690/2021/QĐ-ĐHHD ngày 31 tháng 8 năm 2021 về quy định tổ chức dạy học và đánh giá kết quả môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Học liệu bắt buộc:

1. Nguyễn Đức Đăng, 2012. *Giáo trình giáo dục quốc phòng - an ninh, tập 2*. NXB giáo dục Việt Nam.

8.2. Học liệu tham khảo:

1. BGD&ĐT, Vụ giáo dục quốc phòng, 2005, *Giáo trình giáo dục quốc phòng Đại học, Cao đẳng, tập 1, Quân sự chung*, (dùng cho đào tạo giảng viên giáo dục quốc phòng).

2. Bộ quốc phòng 2015. *Điều lệnh đội ngũ quân đội nhân dân Việt Nam*. NXB Quân đội nhân dân.

3. Bộ quốc phòng 2015. *Điều lệnh quản lý bộ đội quân đội nhân dân Việt Nam*. NXB Quân đội nhân dân.

4) Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật

- Số ĐVHT: 04 (4 LT; 0 TL; 56 TH)

- Mã học phần: GDQP 4

- Bộ môn quản lý học phần: Quân sự

- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật gồm: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, sử dụng súng tiểu liên AK và lựu đạn.

2. Mục tiêu của học phần.

Trang bị cho sinh viên kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

- CO1: Nắm chắc được tác dụng, tính năng, cấu tạo chung của súng tiểu liên AK và thuần thục động tác bắn súng tiểu liên AK. Tác dụng, tính năng, cấu tạo chung và biết sử dụng lựu đạn. Đặc điểm và cách đánh một số mục tiêu trong chiến đấu tiến công và biết cách phòng ngự đánh bại các đợt tiến công của địch.

- CO2: Rèn luyện cho sinh viên về tư thế, tác phong, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập. Rèn luyện thành thục tư thế, động tác bắn cơ bản, biết cách thực hành bắn trúng, bắn chụm vào mục tiêu ban ngày bằng súng tiểu liên AK. Biết cách lợi dụng địa hình, địa vật và thực hiện tốt các tư thế động tác vận động trong chiến đấu, xử lý được một số tình huống trong quá trình tiến công địch cũng như trong quá trình phòng ngự, đánh bại các đợt tiến công của địch.

- CO3: Không ngừng học tập và rèn luyện, nâng cao trình độ sử dụng vũ khí trang bị, xây dựng lòng tin vào vũ khí trang bị hiện có, đáp ứng tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thông qua môn học giúp sinh viên nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong việc chấp hành các nội quy của Trung tâm GDQPAN góp phần xây dựng nhà trường vững mạnh. Xây dựng ý thức trách nhiệm và nêu cao tinh thần giữ gìn, bảo quản tốt vũ khí, trang bị được giao trong quá trình học tập.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nắm chắc nội dung, thuần thục động tác có ý thức tổ chức kỷ luật cao vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại Trung tâm và nhà trường.

- CLO2: Tư thế, tác phong nhanh nhẹn, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập. Thuần thục và thành thạo tư thế, động tác nằm chuẩn bị bắn súng tiểu liên AK.

- CLO3: Có ý thức học tập và rèn luyện, tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong việc chấp hành các nội quy của Trung tâm GDQPAN góp phần xây dựng nhà trường vững mạnh đáp ứng tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

4. Nội dung học phần

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học HP		
		Tổng số tiết	Lý thuyết	Thực hành
1	Từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới)	4		4
2	Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng. Ném lựu đạn bài 1	8	2	6
3	Từng người trong chiến đấu tiến công	16		16
4	Từng người trong chiến đấu phòng ngự	8		8
5	Kỹ thuật bắn súng tiêu liên AK	24	2	22
	Cộng	60	4	56

5. Phương pháp dạy - học

- Sử dụng phương pháp thuyết trình, phân tích giảng giải nội dung.
- Sử dụng phương pháp thực hành làm mẫu động tác theo 3 bước: Làm nhanh khái quát động tác; làm chậm, phân tích động tác; Làm tổng hợp có phân chia các cử động.
- Sử dụng phương pháp nêu tình huống, kết luận hướng dẫn hành động

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số 05)			
1	Đánh giá chuyên cần bao gồm: (ý thức chấp hành kỷ luật trong học tập, mang mặc trang phục trong học tập, ghi chép bài, thời gian tham gia học tập). Nắm chắc các nội dung, thái độ học tập của sinh viên	Rubric đánh giá chuyên cần, rubric rèn luyện	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	50%
2	Kiểm tra viết (02 bài)	Rubric kiểm tra	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	
3	Kiểm tra thực hành bắn súng trên máy bắn tập MBT-03	Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	
II	Thi kết thúc học phần			
	Sinh viên đủ điều kiện theo quy định sẽ tham gia thi kết thúc học phần bằng hình thức thi thực hành bắn súng trên máy bắn tập MBT-03	Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các bài kiểm tra học trình, thi kết thúc học phần theo quy định và phải có đủ 80% đối với sinh viên hệ chính quy hoặc 75% đối với hệ vừa làm vừa học thời gian có mặt nghe giảng lý thuyết trên lớp và thực hành tại thao trường (theo Quyết định số 1690/2021/QĐ-ĐHHD ngày 31 tháng 8 năm 2021 về quy định tổ chức dạy học và đánh giá kết quả môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Tài liệu chính:

Nguyễn Đức Đăng, 2012, *Giáo trình giáo dục quốc phòng và an ninh tập 2*, NXB giáo dục Việt Nam.

8.2. Tài liệu tham khảo:

Bộ Tổng Tham Mưu, Cục Quân huấn, 2012, *Giáo trình huấn luyện kỹ thuật chiến đấu bộ binh, tập 1*, NXB Quân đội nhân dân Việt Nam

B. KHÔI KIẾN THỨC GDCN

I. KIẾN THỨC CƠ SỞ

17. TÂM LÝ HỌC/PSYCHOLOGY

- Mã HP: 181080
- Số tín chỉ: 04 (36 LT; 48 TL; 0 TH)
- Bộ môn quản lý học phần: Tâm lý học
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Tâm lý học cung cấp một hệ thống kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng của tâm lý người; sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức; Hoạt động nhận thức (nhận thức cảm tính, nhận thức lý tính); Nhân cách và sự phát triển nhân cách; Lý luận về sự phát triển trẻ em; Tâm lý học lứa tuổi học sinh THCS và THPT; Hoạt động dạy học; Hành vi đạo đức; Nhân cách người thầy giáo...

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Nhận diện được đặc điểm tâm lý con người nói chung và đặc điểm tâm lý học sinh THCS, THPT nói riêng.

- CO2: Phân tích được đặc điểm hoạt động dạy, hoạt động học, sự hình thành khái niệm, sự phát triển trí tuệ và mối quan hệ giữa dạy học – phát triển trí tuệ; cấu trúc tâm lý và các con đường hình thành hành vi đạo đức cho học sinh.

- CO3: Phân tích được đặc điểm của nghề dạy học, các thành phần cơ bản trong năng lực của người thầy giáo, các nguyên tắc trong giao tiếp sư phạm.

- CO4: Vận dụng các kiến thức Tâm lý học để giải quyết các nhiệm vụ học tập cho bản thân; Có khả năng giải quyết các tình huống thực tế trong dạy học, giáo dục và trong cuộc sống.

- CO5: Nhận thức được được ý nghĩa, tầm quan trọng của kiến thức tâm lý học đối với đời sống, đặc biệt hoạt động nghề nghiệp sau này; Hình thành hứng thú học tập và tăng thêm yêu nghề, không ngừng rèn luyện để có được những kiến thức, kinh nghiệm cần thiết đảm bảo tốt cho hoạt động nghề nghiệp trong tương lai.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO 1: Phân tích được một cách khái quát về tâm lý con người nói chung và tâm lý học sinh ở các lứa tuổi THCS, THPT; đặc điểm, cấu trúc nhân cách người thầy giáo.

- CLO2: Xác định được cơ sở khoa học của việc vận dụng được kiến thức cơ bản của Tâm lý học vào việc tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục ở trường THCS, THPT.

- CLO3: Phân tích được các bước xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học, phát triển trí tuệ, kỹ năng, kỹ xảo, đạo đức, nhân cách cho học sinh.

- CLO4: Vận dụng được kiến thức Tâm lý học vào giảng dạy, giáo dục và ứng xử sư phạm ở trường THCS, THPT; hợp tác, giao tiếp với đồng nghiệp, học sinh và cộng đồng để thích ứng tốt với yêu cầu nghề nghiệp.

- CLO5: Hình thành ý thức rèn luyện để hoàn thiện bản thân, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, tự chịu trách nhiệm trước các quyết định và hành vi của mình trong dạy học, giáo dục và trong cuộc sống; Có tư duy phản biện, độc lập và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề trong hoạt động dạy học và giáo dục; có kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm hiệu quả và có khả năng thích ứng tích cực với sự đổi mới trong công tác giáo dục.

4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy – học					Tự học
	Giờ lên lớp (t)			TH	Khác	
	LT	TL	BT			
<p>Chương 1: TÂM LÝ HỌC LÀ MỘT KHOA HỌC</p> <p>1. Đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học</p> <p>1.1. Tâm lý học là gì ?</p> <p>1.2. Đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học</p> <p>2. Bản chất, chức năng, phân loại hiện tượng tâm lý</p> <p>2.1. Bản chất hiện tượng tâm lý người theo quan điểm TLH DVBC</p> <p>2.2. Chức năng của tâm lý</p> <p>2.3. Phân loại các hiện tượng tâm lý</p> <p>3. Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý</p> <p>3.1. Các nguyên tắc phương pháp luận chỉ đạo việc nghiên cứu tâm lý</p> <p>3.2. Các phương pháp nghiên cứu tâm lý</p>	3	3				13,5
<p>Chương 2: SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TÂM LÝ, Ý THỨC</p> <p>1. Cơ sở tự nhiên của tâm lý người</p> <p>1.1. Di truyền và tâm lý</p> <p>1.2. Não và tâm lý</p> <p>2. Cơ sở xã hội của tâm lý người</p> <p>2.1. Nền văn hoá xã hội và tâm lý</p> <p>2.2. Hoạt động và tâm lý</p> <p>2.2.1. Khái niệm hoạt động</p> <p>2.2.2. Đặc điểm của hoạt động</p> <p>2.2.3. Cấu trúc của hoạt động</p>	3	3				13,5

<p>2.2.4. Vai trò của hoạt động đối với sự nảy sinh hình thành TL</p> <p>2.3. Giao tiếp và tâm lý</p> <p>2.3.1. Khái niệm giao tiếp</p> <p>2.3.2. Các loại giao tiếp</p> <p>2.3.3. Vai trò của giao tiếp với sự nảy sinh, hình thành TL</p> <p>3. Sự nảy sinh và hình thành phát triển tâm lý, ý thức về phương diện cá thể</p> <p>3.1. Sự hình thành và phát triển TL về phương diện cá thể</p> <p>3.1.1. Quan điểm TLHĐVBC về sự phát triển tâm lý</p> <p>3.1.2. Các giai đoạn phát triển tâm lý</p> <p>3.2. Sự hình thành phát triển ý thức</p> <p>3.2.1. Khái niệm chung về ý thức</p> <p>3.2.1.1. Ý thức là gì?</p> <p>3.2.1.2. Cấu trúc của ý thức</p> <p>3.2.2. Các cấp độ của ý thức</p> <p>3.2.3. Sự hình thành, phát triển ý thức cá nhân</p> <p>4. Chú ý- Điều kiện của hoạt động có ý thức</p> <p>4.1. Khái niệm chú ý</p> <p>4.2. Các thuộc tính của chú ý</p> <p>4.3. Các loại chú ý</p>						
<p>Chương 3: HOẠT ĐỘNG NHẬN THỨC</p> <p>1. Nhận thức cảm tính</p> <p>1.1. Khái niệm chung về cảm giác, tri giác</p> <p>1.1.1. Định nghĩa cảm giác, tri giác</p> <p>1.1.2. Đặc điểm cảm giác, tri giác</p> <p>1.1.3. Đặc điểm nhận thức cảm tính</p> <p>1.1.4. Phân loại cảm giác, tri giác</p> <p>1.2. Các quy luật của cảm giác, tri giác</p> <p>2. Nhận thức lý tính</p> <p>2.1. Tư duy</p> <p>2.1.1. Khái niệm chung về tư duy</p> <p>2.1.1.1. Định nghĩa tư duy</p> <p>2.1.1.2. Đặc điểm của tư duy</p> <p>2.1.2. Các giai đoạn của quá trình tư</p>	6	6				27

<p>duy</p> <p>2.1.3. Các thao tác của tư duy</p> <p>2.1.4. Các loại tư duy</p> <p>2.2. Tưởng tượng</p> <p>2.2.1. Khái niệm chung về tưởng tượng</p> <p>2.2.1.1. Định nghĩa tưởng tượng</p> <p>2.2.1.2. Đặc điểm của tưởng tượng</p> <p>2.2.2. Các cách sáng tạo hình ảnh mới trong tưởng tượng</p> <p>3. Trí nhớ</p> <p>3.1. Khái niệm chung về trí nhớ</p> <p>3.1.1. Định nghĩa</p> <p>3.1.2. Đặc điểm trí nhớ</p> <p>3.2. Các quá trình cơ bản của trí nhớ</p> <p>3.2.1. Quá trình ghi nhớ</p> <p>3.2.2. Quá trình giữ gìn</p> <p>3.2.3. Quá trình nhận lại và nhớ lại</p> <p>3.2.4. Sự quên và cách chống quên</p> <p>3.3. Các biện pháp để rèn luyện trí nhớ</p> <p>4. Ngôn ngữ và nhận thức</p> <p>4.1. Khái niệm ngôn ngữ</p> <p>4.2. Chức năng của ngôn ngữ</p> <p>4.3. Các dạng hoạt động ngôn ngữ</p> <p>4.4. Vai trò của ngôn ngữ đối với hoạt động nhận thức</p>						
<p>Chương 4: NHÂN CÁCH VÀ SỰ HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN NHÂN CÁCH</p> <p>1. Khái niệm chung về nhân cách</p> <p>1.1. Định nghĩa</p> <p>1.2. Đặc điểm của nhân cách</p> <p>2. Các thuộc tính tâm lý của nhân cách</p> <p>2.1. Xu hướng</p> <p>2.1.1. Khái niệm xu hướng</p> <p>2.2.2. Các mặt biểu hiện của xu hướng</p> <p>2.2. Năng lực</p> <p>2.2.1. Năng lực là gì?</p> <p>2.2.2. Các mức độ của năng lực</p> <p>2.2.3. Phân loại năng lực</p> <p>2.2.4. Mối quan hệ giữa năng lực và</p>	6	9				31,5

<p>tư chất, thiên hướng và tri thức, KN, KX</p> <p>2.3. Tính cách</p> <p>2.3.1. Tính cách là gì?</p> <p>2.3.2. Cấu trúc của tính cách</p> <p>2.4. Khí chất</p> <p>2.4.1. Khí chất là gì?</p> <p>2.4.2. Các kiểu khí chất</p> <p>2.5. Tình cảm, ý chí</p> <p>2.5.1. Tình cảm</p> <p>2.5.1.1. Khái niệm chung về tình cảm</p> <p>2.5.1.2. Đặc điểm tình cảm</p> <p>2.5.1.3. Vai trò của tình cảm</p> <p>2.5.1.4. Các mức độ của đời sống tình cảm</p> <p>2.5.1.5. Các qui luật của đời sống tình cảm</p> <p>2.5.2. Ý chí</p> <p>2.5.2.1. Ý chí là gì? Các phẩm chất của ý chí</p> <p>2.5.2.2. Hành động ý chí</p> <p>2.5.2.3. Hành động tự động hóa</p> <p>3. Sự hình thành và phát triển nhân cách.</p> <p>3.1. Giáo dục và nhân cách</p> <p>3.2. Hoạt động và nhân cách</p> <p>3.3. Giao tiếp và nhân cách</p> <p>3.4. Sự tự hoàn thiện nhân cách</p>						
<p>Chương 5: NHẬP MÔN TÂM LÝ HỌC LỨA TUỔI – SỰ PHẠM</p> <p>1. Khái quát về TLHLT và TLHSP</p> <p>1.1. Đối tượng, nhiệm vụ của TLHLT và TLHSP</p> <p>1.2. Quan hệ giữa tâm lý học lứa tuổi và TLH sự phạm</p> <p>2. Lý luận về sự phát triển tâm lý trẻ em</p> <p>2.1. Quan niệm về trẻ em</p> <p>2.2. Quan niệm về sự phát triển tâm lý trẻ em</p> <p>2.2.1. Các quan điểm sai lầm về sự phát triển TL trẻ em</p> <p>2.2.2. Quan điểm TLH DVBC về sự phát triển tâm lý</p>	3	3				13,5

<p>2.3. Quy luật chung của sự phát triển tâm lý trẻ em</p> <p>3. Sự phân chia các giai đoạn phát triển tâm lý trẻ em</p> <p>3.1. Khái niệm về giai đoạn phát triển tâm lý</p> <p>3.2. Sự phân chia các giai đoạn phát triển tâm lý trẻ em</p>						
<p>Chương 6: TÂM LÝ HỌC TUỔI HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ (THIẾU NIÊN)</p> <p>1. Vị trí, ý nghĩa của giai đoạn phát triển tâm lý lứa tuổi học sinh THCS</p> <p>2. Những điều kiện của sự phát triển tâm lý ở lứa tuổi học sinh THCS</p> <p>2.1. Sự cải tổ về mặt cơ thể</p> <p>2.2. Sự thay đổi điều kiện sống</p> <p>3. Hoạt động học tập và sự phát triển trí tuệ</p> <p>3.1. Đặc điểm hoạt động học tập ở trường THCS</p> <p>3.2. Đặc điểm của sự phát triển trí tuệ ở tuổi học sinh THCS</p> <p>4. Hoạt động giao tiếp của học sinh THCS</p> <p>4.1. Giao tiếp của thiếu niên với người lớn</p> <p>4.2. Giao tiếp của thiếu niên với bạn cùng tuổi</p> <p>5. Sự phát triển nhân cách của tuổi học sinh THCS.</p> <p>5.1. Sự hình thành tự ý thức</p> <p>5.2. Sự phát triển tình cảm</p> <p>6. Một số vấn đề tư vấn TLH đường cho học sinh THCS</p>	3	3				13.5
<p>Chương 7: TÂM LÝ HỌC TUỔI HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG</p> <p>1. Những yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý tuổi học sinh THPT</p> <p>1.1. Khái niệm tuổi thanh xuân</p>						

<p>Hoạt động học tập và sự phát triển trí tuệ tuổi học sinh THPT</p> <p>1.2. Đặc điểm phát triển cơ thể</p> <p>1.3. Điều kiện xã hội của sự phát triển</p> <p>2. Hoạt động học tập và sự phát triển trí tuệ</p> <p>2.1. Đặc điểm hoạt động học tập</p> <p>2.2. Đặc điểm của sự phát triển trí tuệ</p> <p>3. Những đặc điểm nhân cách chủ yếu</p> <p>3.1 Sự phát triển của ý thức</p> <p>3.2. Sự hình thành thế giới quan</p> <p>3.3. Giao tiếp và đời sống tình cảm</p> <p>4. Hoạt động lựa chọn nghề nghiệp</p> <p>5. Một số vấn đề tư vấn hướng nghiệp cho học sinh THPT</p>	3	3				13,5
<p>Chương 8: TÂM LÝ HỌC DẠY HỌC</p> <p>1. Hoạt động dạy</p> <p>2. Hoạt động học</p> <p>2.1. Khái niệm hoạt động học</p> <p>2.2. Đặc điểm hoạt động học</p> <p>2.3. Hình thành hoạt động học</p> <p>2.3.1. Hình thành động cơ học tập</p> <p>2.3.2. Hình thành mục đích học tập</p> <p>2.3.3. Hình thành các hành động học</p> <p>3. Sự hình thành khái niệm trong dạy học</p> <p>3.1. Khái niệm về khái niệm</p> <p>3.2. Bản chất tâm lý của quá trình hình thành khái niệm</p> <p>3.3. Sự hình thành khái niệm</p> <p>3.3.1. Một số nguyên tắc chung</p> <p>3.3.2. Cấu trúc chung của quá trình hình thành khái niệm</p> <p>4. Sự hình thành kỹ năng, kỹ xảo</p> <p>4.1. Sự hình thành kỹ năng</p> <p>4.2. Sự hình thành kỹ xảo</p> <p>5. Dạy học và sự phát triển trí tuệ</p> <p>5.1. Khái niệm về sự phát triển trí tuệ</p> <p>5.2. Các chỉ số của sự phát triển trí tuệ</p> <p>5.3. Quan hệ giữa dạy học và sự phát</p>	3	6				18

triển trí tuệ 6. Tăng cường việc dạy học và sự phát triển trí tuệ 6.1. Hướng tăng cường một cách hợp lý hoạt động dạy 6.2. Hướng thay đổi một cách cơ bản nội dung và PP của hoạt động dạy học						
Chương 9: TÂM LÝ HỌC GIÁO DỤC 1. Đạo đức và hành vi đạo đức 1.1. Khái niệm đạo đức 1.2. Hành vi đạo đức 1.2.1. Khái niệm 1.2.2. Tiêu chuẩn đánh giá hành vi đạo đức 2. Cấu trúc tâm lý của hành vi đạo đức 2.1. Tri thức và niềm tin đạo đức 2.2. Động cơ và tình cảm đạo đức 2.3. ý chí và thói quen đạo đức 3. Con đường giáo dục đạo đức cho học sinh 3.1. Tổ chức giáo dục của nhà trường 3.2. Giáo dục đạo đức trong tập thể lớp học sinh 3.3. Giáo dục đạo đức trong gia đình 3.4. Sự tự tu dưỡng là yếu tố quyết định trực tiếp trình độ đạo đức của mỗi HS	3	3				13,5
Chương 10: TÂM LÝ HỌC NHÂN CÁCH NGƯỜI THẦY GIÁO 1. Đặc điểm lao động sư phạm của người thầy giáo 1.1. Nghề mà đối tượng quan hệ trực tiếp là con người 1.2. Nghề mà công cụ chủ yếu là nhân cách của chính mình 1.3. Nghề tái sản xuất mở rộng sức lao động xã hội 1.4. Nghề đòi hỏi tính khoa học, tính nghệ thuật và tính sáng tạo 1.5. Nghề lao động trí óc chuyên nghiệp	3	9				22,5

<p>2. Cấu trúc nhân cách của người thầy giáo</p> <p>2.1. Một số phẩm chất nhân cách của người thầy giáo</p> <p>2.2. Năng lực của người thầy giáo</p> <p>2.2.1. Năng lực dạy học</p> <p>2.2.2. Năng lực giáo dục</p> <p>2.2.3. Năng lực tổ chức hoạt động sư phạm</p> <p>3. Giao tiếp sư phạm của người thầy giáo</p> <p>3.1. Khái niệm về giao tiếp sư phạm</p> <p>3.2. Các nguyên tắc giao tiếp sư phạm</p> <p>3.2.1. Nguyên tắc giao tiếp sư phạm là gì?</p> <p>3.2.2. Các nguyên tắc giao tiếp sư phạm</p> <p>4. Sự hình thành uy tín của người thầy giáo</p>						
Tổng	36	48	0	0	0	180

5. Phương pháp dạy- học

Phương pháp thuyết trình; Thảo luận, hoạt động nhóm; Thực hành...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số	
I	Kiểm tra thường xuyên (05)				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 5	10%	30%
2	Bài tập cá nhân, tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1,2,3,4	10%	
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO1,2,3,4	10%	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Viết	Rubric đánh giá giữa kì	CLO1,4	20%	
III	Thi cuối kì				
	Viết	Rubric đánh giá cuối kỳ	CLO 1,2,3,4	50%	

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 5 con điểm thường xuyên và 1 con điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Giáo trình chính**

1. Nguyễn Quang Uẩn (CB) (2007), *Giáo trình Tâm lý học đại cương*, Nxb Thế giới.

2. Lê Văn Hồng (2001), *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.

*** Tài liệu tham khảo :**

1. Dương Thị Thoan (CB), Phạm Thị Thu Hòa - Nguyễn Thị Hương (2021), *Nhận thức nghề nghiệp của sinh viên sư phạm trường Đại học Hồng Đức*, Nxb Lao động - Xã hội, Hà Nội.

2. Hoàng Anh - Nguyễn Kim Thanh (1997), *Giao tiếp sư phạm*, Nxb Giáo dục.

6.18. GIÁO DỤC HỌC/ PEDAGOGICS

- Số tín chỉ: 04 (36 LT; 48 TL; 0 TH)

- Mã học phần: 182005

- Bộ môn quản lý học phần: Giáo dục học

- Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương

1. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần gồm hệ thống những lý luận cơ bản về Giáo dục học, như: đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu Giáo dục học; các khái niệm của Giáo dục học; vai trò của di truyền, môi trường, giáo dục và hoạt động cá nhân đối với sự hình thành, phát triển nhân cách; mục tiêu giáo dục Việt Nam và những nhiệm vụ giáo dục trong nhà trường; những vấn đề cơ bản của lý luận dạy học; những vấn đề cơ bản của lý luận giáo dục, công tác của người giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông. Trên cơ sở đó sinh viên liên hệ với thực tiễn dạy học và giáo dục trong nhà trường phổ thông, rèn luyện kỹ năng tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục, xác định phương hướng rèn luyện các phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của bản thân.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có kiến thức cơ bản về giáo dục học đại cương, lý luận dạy học, lý luận giáo dục ở bậc phổ thông; hiểu biết chức năng, nhiệm vụ, đặc điểm lao động của người giáo viên phổ thông và nội dung, nhiệm vụ, phương pháp công tác của người giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông.

- CO2: Người học hình thành một số kỹ năng cơ bản như: xác định được các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình hình thành nhân cách học sinh; sử dụng nguyên tắc dạy học, nguyên tắc giáo dục, lựa chọn nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và giáo dục phù hợp với đặc điểm học sinh THCS, THPT; có khả năng thực hiện chức năng,

nhiệm vụ của người giáo viên chủ nhiệm lớp, giải quyết các tình huống sư phạm trong thực tiễn giáo dục.

- CO3: Người học có thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức rèn luyện kỹ năng tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục, xác định phương hướng rèn luyện các phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của bản thân.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Phân tích được chức năng, nhiệm vụ của khoa học giáo dục học; đánh giá được vai trò của các yếu tố di truyền, môi trường và giáo dục đối với sự hình thành, phát triển nhân cách học sinh; hiểu rõ mục đích, mục tiêu giáo dục Việt Nam, hệ thống giáo dục quốc dân và những nhiệm vụ giáo dục trong nhà trường phổ thông.

- CLO2: Phân tích được những vấn đề lý luận cơ bản về quá trình dạy học, quá trình giáo dục ở trường phổ thông; Phân tích được vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và đặc điểm lao động sư phạm của nhà giáo và của người giáo viên chủ nhiệm lớp.

- CLO3: Phát hiện, giải quyết được những tình huống sư phạm trong thực tiễn dạy học và giáo dục ở trường phổ thông trên cơ sở vận dụng các nguyên tắc, phương pháp dạy học và giáo dục.

- CLO4: Tự đánh giá được kết quả học tập môn học; có khả năng thích ứng với những thay đổi của đổi mới giáo dục; xác định được phương hướng rèn luyện các phẩm chất, năng lực nghề nghiệp sư phạm của bản thân, có tinh thần tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với nghề nghiệp.

4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp (t)			TH	Khác	
	LT	TL	BT			
Chương I: Một số vấn đề cơ bản về nhà nước, quản lý hành chính nhà nước, quản lý giáo dục và công chức, viên chức 1. Nhà nước CHXHCN Việt nam 2. Quản lí hành chính nhà nước 3. Quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo 4. Công chức, viên chức 5. Những thay đổi liên quan tới tiền lương, việc làm của cán bộ, công chức, viên chức từ ngày 1/7/2020	6	7				28,5
Chương II: Đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo 1. Khái quát về tình hình giáo dục Việt Nam giai đoạn 2011-2020 2. Nghị quyết số 29 - NQ/TW ngày 4 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo 3. Nghị quyết số 88/2014/QH1 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2014) về đổi mới	6	9				31,5

chương trình, sách giáo khoa phổ thông						
Chương III: Luật giáo dục 1. Sự cần thiết phải ban hành Luật Giáo dục 2. Nội dung cơ bản của Luật Giáo dục	3	4				15
Chương IV: Điều lệ, quy định của Bộ GD và ĐT đối với giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông 1. Khái quát bố cục Điều lệ nhà trường 2. Nội dung cơ bản của Điều lệ nhà trường	3	4				15
Tổng	36	48	0	0		180

5. Phương pháp dạy học: Phương pháp thuyết trình; thảo luận; hoạt động nhóm; thực hành...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (05)			
1	Chuyên cần (10%)	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO5,6,7	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học (10%)	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-5	
3	Bài tập nhóm (10%)	Rubc đánh giá bài tập nhóm	CLO1-6	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Viết	Rubric đánh giá giữa kì	CLO1,2,4,5	20%
III	Thi cuối kì			
	Vấn đáp/trắc nghiệm/viết	Rubric đánh giá cuối kì	CLO1-6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Phải có tối thiểu 5 con điểm thường xuyên và 1 con điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi, hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* **Giáo trình chính:**

1. Trần Thị Tuyết Oanh (chủ biên), 2006, Giáo trình Giáo dục học, Tập 1,2, NXB ĐHSP.

* **Tài liệu tham khảo:**

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), Thông tư số 32/2020/TT - BGDĐT ban hành *Điều lệ trường THCS, trường THPT*.

6.19. QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC VÀ QUẢN LÝ GIÁO DỤC/ STATE ADMINISTRATIVE MANAGEMENT AND EDUCATIONAL MANAGEMENT

- Số tín chỉ: 02 (18 LT; 24 TL; 0 TH)
- Mã học phần: 198000
- Bộ môn quản lý học phần: Giáo dục học
- Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học.

1. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước và quản lý giáo dục và đào tạo, cụ thể là: Bản chất, nguyên tắc tổ chức nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, lý luận về quản lý hành chính nhà nước và quản lý giáo dục và đào tạo; Luật công chức, viên chức; Đường lối quan điểm của Đảng, Nhà nước về giáo dục và đào tạo; Luật giáo dục; Điều lệ trường mầm non, tiểu học, THCS & THPT.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước và quản lý giáo dục và đào tạo cụ thể là: Bản chất, nguyên tắc tổ chức nước CHXH CN Việt Nam, lý luận về QLHCNN và QL GD và ĐT, luật công chức, viên chức; Đường lối quan điểm của Đảng, Nhà nước về giáo dục và đào tạo; Luật giáo dục; Điều lệ trường mầm non, tiểu học, THCS & THPT của bộ Giáo dục & Đào tạo.

- CO2: Người học hình thành một số kỹ năng cơ bản: kỹ năng nhận biết cơ cấu tổ chức nhà nước về GD-ĐT, cơ cấu quản lý, phân cấp quản lý trong GD-ĐT; kỹ năng vận dụng đường lối quan điểm của Đảng, Nhà nước về GD-ĐT vào thực tiễn nghề nghiệp; kỹ năng vận dụng các quy định luật pháp (Luật công chức, viên chức; Luật Giáo dục; Điều lệ GD các cấp học) vào điều kiện thực tiễn nghề nghiệp...

- CO3: Người học có thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, tin tưởng vào đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước; có thái độ chấp hành nghiêm túc luật pháp và những văn bản pháp quy; xác định đúng đắn trong việc rèn luyện, tu dưỡng, phấn đấu vươn lên trong học tập, rèn nghề đáp ứng yêu cầu của thực tiễn nghề nghiệp.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Người học phân tích được bản chất của Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Nhà nước, cơ cấu tổ chức bộ máy Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam; hiểu rõ khái niệm quản lý hành chính nhà nước, nội dung quản lý hành chính nhà nước, phương pháp, hình thức, phương tiện quản lý hành chính nhà nước.

- CLO2: Người học phân biệt được khái niệm công chức, viên chức; hiểu rõ đường lối quan điểm của Đảng, Nhà nước về giáo dục và đào tạo và vận dụng được nội dung các văn bản luật (Luật công chức, viên chức; Luật giáo dục; Điều lệ trường phổ thông có nhiều cấp học) vào thực tiễn.

- CLO3: Người học có khả năng làm việc nhóm và tự lập kế hoạch học tập, độc lập nghiên cứu và giải quyết các nhiệm vụ môn học.

- CLO4: Người học tự định hướng, thích nghi với môi trường nơi làm việc, sống và làm việc tuân theo phân cấp, phân quyền và pháp luật trong các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập...; có tinh thần tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với hoạt động học tập và nghề nghiệp tương lai.

4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp (t)			TH	Khác	
	LT	TL	BT			
Chương I: Một số vấn đề cơ bản về nhà nước, quản lý hành chính nhà nước, quản lý giáo dục và công chức, viên chức 1. Nhà nước CHXHCN Việt nam 2. Quản lý hành chính nhà nước 3. Quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo 4. Công chức, viên chức 5. Những thay đổi liên quan tới tiền lương, việc làm của cán bộ, công chức, viên chức từ ngày 1/7/2020	6	7				28,5
Chương II: Đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo 1. Khái quát về tình hình giáo dục Việt Nam giai đoạn 2011-2020 2. Nghị quyết số 29 - NQ/TW ngày 4 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo 3. Nghị quyết số 88/2014/QH1 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2014) về đổi mới chương trình, sách giáo khoa phổ thông	6	9				31,5
Chương III: Luật giáo dục 1. Sự cần thiết phải ban hành Luật Giáo dục 2. Nội dung cơ bản của Luật Giáo dục	3	4				15
Chương IV: Điều lệ, quy định của Bộ GD và ĐT đối với giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông 1. Khái quát bố cục Điều lệ nhà trường 2. Nội dung cơ bản của Điều lệ nhà trường	3	4				15
Tổng	18	24	0	0	0	90

5. Phương pháp dạy học: Phương pháp thuyết trình; thảo luận; hoạt động nhóm; thực hành...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (05)			
1	Chuyên cần (10%)	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO5,6,7	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học (10%)	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-5	
3	Bài tập nhóm (10%)	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO1-5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Viết	Rubric đánh giá giữa kì	CLO1,2,3,5	20%
III	Thi cuối kì			
	Vấn đáp/trắc nghiệm/viết	Rubric đánh giá cuối kì	CLO1-5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Phải có tối thiểu 3 con điểm thường xuyên và 1 con điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi, hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* Giáo trình bắt buộc:

[1]. Phạm Viết Vượng. (2006), *Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành Giáo dục & đào tạo*, NXB Đại học sư phạm.

* Tài liệu tham khảo:

[1]. Ban chấp hành Trung ương Đảng (2013), *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*.

[2]. Bộ Giáo dục và đào tạo, Điều lệ các bậc học. (Thông tư 52, 28, 32) của Bộ giáo dục và Đào tạo về Ban hành điều lệ trường mầm non, tiểu học, THCS và THPT

II. KIẾN THỨC NGÀNH

6.20. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC (Ngành Địa lí) /RESEARCH METHODOLOGY OF SCIENTIFIC (Geography)

- Số tín chỉ: 02 (18 LT; 18 TL; 6 TH)
- Mã học phần: 125125
- Bộ môn quản lý học phần: Địa lí
- Các học phần tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp những vấn đề chung về phương pháp nghiên cứu khoa học trong nghiên cứu và dạy- học Địa lí; Các phương pháp nghiên cứu khoa học trong nghiên cứu và dạy- học Địa lí; Quy trình tiến hành một đề tài nghiên cứu khoa học trong nghiên cứu dạy- học Địa lí bao gồm các bước: Xác định đề tài nghiên cứu và xây dựng đề cương nghiên cứu; xây dựng kế hoạch nghiên cứu; triển khai nghiên cứu.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp kiến thức chung nhất về phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học trong nghiên cứu và dạy- học Địa lí;
- CO2: Trang bị cho sinh viên Địa lí và giáo viên Địa lí ở trường phổ thông các kiến thức và kỹ năng thực hiện một đề tài nghiên cứu phục vụ nghiên cứu và dạy- học địa lí
- CO3: Hình thành cho sinh viên tinh thần say mê, sáng tạo trong nghiên cứu khoa học, rèn luyện đức tính trung thực, trách nhiệm trong công việc.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày, khái quát được kiến thức chung nhất về phương pháp nghiên cứu khoa học trong nghiên cứu và dạy- học Địa lí.
- CLO2: Khái quát, phân tích được kiến thức về các phương pháp nghiên cứu khoa học trong nghiên cứu và dạy- học Địa lí.
- CLO3: Trình bày được quy trình tiến hành một đề tài nghiên cứu khoa học trong nghiên cứu và dạy- học Địa lí, từ đó vận dụng vào phân tích một đề tài nghiên cứu khoa học cụ thể.
- CLO4: Có kỹ năng: Làm việc nhóm; Xác định tên đề tài; Xây dựng kế hoạch nghiên cứu; triển khai nghiên cứu (Thu thập xử lý số liệu, thực nghiệm sư phạm, viết công trình nghiên cứu và thuyết trình bảo vệ công trình).
- CLO5: Có năng lực tự học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; đam mê, sáng tạo trong nghiên cứu; trung thực và trách nhiệm trong công việc.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: Những vấn đề chung về phương pháp nghiên cứu khoa học trong dạy- học Địa lí 1.1. Phương pháp luận 1.2. Khái niệm về nghiên cứu khoa học trong dạy- học Địa lí và những đặc điểm có liên quan 1.3. Các hướng nghiên cứu khoa học (nói chung) và NCKH trong dạy- học Địa lí 1.4. Đối tượng và nhiệm vụ của bộ môn Lí luận và PPDH Địa lí 1.5. Một số xu hướng trong dạy và học	4	0		0		10

Địa lí hiện nay trên thế giới và Việt Nam 1.6. Các quan điểm tiếp cận cơ bản cần vận dụng khi thực hiện các đề tài NCKH trong dạy- học Địa lí 1.7. Hệ thống các phương pháp nghiên cứu 1.8. Vị trí, chức năng và nhiệm vụ của môn Địa lí trong nhà trường PT 1.9. Mối quan hệ giữa nội dung nghiên cứu khoa học trong dạy- học Địa lí						
Nội dung 2: Các phương pháp nghiên cứu khoa học trong dạy- học Địa lí 2.1. Các phương pháp nghiên cứu lý thuyết 2.2. Các phương pháp nghiên cứu thực tiễn	4	4		0		5
Nội dung 3: Quy trình tiến hành một đề tài nghiên cứu khoa học trong dạy- học Địa lí 3.1. Xác định đề tài và xây dựng đề cương nghiên cứu 3.2. Xây dựng kế hoạch nghiên cứu 3.3. Triển khai nghiên cứu	10	14		6		10
Tổng	18	18	0	6		90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần sử dụng kết hợp đa dạng và linh hoạt các phương pháp dạy học: nêu và giải quyết vấn đề, sử dụng hệ thống câu hỏi gợi mở, sử dụng đồ dùng trực quan, sử dụng công nghệ thông tin, đóng vai, thảo luận... Đặc biệt chú ý vận dụng phương pháp thảo luận nhóm

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá ý thức học tập	CLO4	30%
2	Bài tập	Rubric đánh giá bài tập	CLO1,2,3,4	
3	Báo cáo	Rubric đánh giá báo cáo	CLO1,2,3,4	
4	Làm việc nhóm	Rubric làm việc nhóm	CLO1,2,3,4	

II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Tự luận	Đề và đáp án	CLO1,2,3	20%
III	Thi cuối kì			
1	Tự luận	-Đề và đáp án	CLO1,2,3,4,5	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3,4,5	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 03 điểm kiểm tra thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

-Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Giáo trình/Bộ tài liệu tham khảo bắt buộc:**

1) Nguyễn Trọng Phúc (2011), *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong dạy học - học Địa lí*, NXB Đại học SP.

*** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:**

1) Vũ Cao Đàm (2012), *Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nxb Giáo dục

2) Vũ Hồng Tiến (Chủ biên) (2022), *Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học*, Nxb ĐHQGHN.

6. 21. BẢN ĐỒ HỌC ĐẠI CƯƠNG/MAP LEARN GRAND CHAPTER

- Số tín chỉ học tập: 3 (27 LT; 30 TL; 6 TH)

- Mã môn học: 125005

- Bộ quản lý học phần: Địa lí

- Học phần tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp hệ thống các khái niệm bản đồ học, bản đồ địa lý. Trong đó, đi sâu nghiên cứu và hiểu một cách đầy đủ về cơ sở toán học, ngôn ngữ bản đồ, tổng quát hoá bản đồ, phân loại bản đồ và quy trình thành lập bản đồ, các phương pháp biểu hiện bản đồ; phương pháp so sánh, phân tích và tổng hợp,... bản đồ địa lý; biết sử dụng ngôn ngữ bản đồ trong thành lập và sử dụng bản đồ.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Người học nắm vững hệ thống khái niệm bản đồ học, bản đồ địa lý và các yếu tố của bản đồ. Nắm vững đặc điểm về cơ sở toán học, ngôn ngữ bản đồ, tổng quát hoá bản đồ, phân loại bản đồ và quy trình thành lập bản đồ và cách sử dụng bản đồ.

- CO2: Nhận biết các phép chiếu hình bản đồ; biết rõ quy luật chia mảnh và đánh số hiệu đối với bản đồ tỷ lệ lớn; các phương pháp biểu hiện bản đồ; phương pháp so sánh, phân tích và tổng hợp... bản đồ địa lý;

- CO3: Biết sử dụng ngôn ngữ bản đồ trong thành lập và sử dụng bản đồ. Mỗi nhóm sinh viên thực hiện biên tập một bản đồ địa lý.

- CO4: Có thái độ chủ động, chia sẻ trong công việc; xây dựng thái độ làm việc chuyên nghiệp, có trách nhiệm với công việc.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Nắm vững hệ thống khái niệm bản đồ học, bản đồ địa lý và các yếu tố của bản đồ. Nắm vững đặc điểm về cơ sở toán học, ngôn ngữ bản đồ, tổng quát hoá bản đồ, phân loại bản đồ và quy trình thành lập bản đồ và cách sử dụng bản đồ.

- LO2: Thành thạo các phép chiếu hình bản đồ; quy luật chia mảnh và đánh số hiệu đối với bản đồ tỷ lệ lớn; các phương pháp biểu hiện bản đồ.

- CLO3: Sử dụng được ngôn ngữ bản đồ trong thành lập và sử dụng bản đồ.

- CLO4: Có khả năng tự định hướng nghiên cứu, có trách nhiệm với việc học tập và nghiên cứu của bản thân. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các kế hoạch trong lĩnh vực địa lý.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương I. Nhập môn Bản đồ học 1. Định nghĩa 2. Đối tượng và nhiệm vụ của Bản đồ học 3. Những bộ môn cơ bản của khoa học bản đồ 4. Mối quan hệ giữa Bản đồ học với các bộ môn khoa học và nghệ thuật 5. Lịch sử phát triển Bản đồ học 6. Lịch sử phát triển ngành đo vẽ ở Việt Nam	3					10
Chương II. Trái Đất - Khối elipsoit Trái Đất 1. Hình dạng, kích thước khối elipsoit Trái Đất 2. Các điểm và đường cơ bản trên elipsoit Trái Đất 3. Toạ độ địa lý và phương pháp xác định toạ độ địa lý	3	3				10
Chương III: Bản đồ địa lý 1. Khái niệm về sơ đồ, hoành đồ, bản đồ địa lý 2. Các yếu tố cấu thành bản đồ địa lý 3. Vai trò và ý nghĩa thực tiễn của bản đồ	3	3				10
Chương IV. Cơ sở toán học của bản đồ 1. Tỷ lệ bản đồ 2. Sơ lược về phép chiếu hình bản đồ địa lý	3	4		2		10

<p>3-Phân loại phép chiếu</p> <p>4-Các phép chiếu phương vị</p> <p>5-Các phép chiếu hình nón</p> <p>6-Phép chiếu hình ống</p> <p>7-Một số lưới chiếu bản đồ thường dụng cho bản đồ Việt Nam và Đông Dương</p> <p>8-Cách nhận biết phép chiếu</p> <p>9- Lựa chọn phép chiếu trong thiết kế, biên tập và thành lập bản đồ</p> <p>10-Hệ thống phân mảnh và danh pháp bản đồ</p> <p>11-Khung bản đồ</p>						
<p>Chương V. Ngôn ngữ bản đồ</p> <p>1. Những đặc điểm về ngôn ngữ bản đồ</p> <p>2. Hệ thống ký hiệu quy ước bản đồ.</p> <p>3. Các phương pháp biểu hiện bản đồ</p>	3	4				15
<p>Chương VI: Tổng quát hoá bản đồ</p> <p>1. Tổng quát hóa bản đồ là gì?</p> <p>1.1-Tại sao lại phải tổng quát hóa bản đồ</p> <p>1.2. Khái niệm</p> <p>2-Các nhân tố ảnh hưởng tới sự tổng quát hóa bản đồ</p> <p>3. Các dạng tổng quát hóa và các phương pháp tổng quát hóa bản đồ chủ yếu</p>	3	4				20
<p>Chương VII. Phân loại bản đồ - tập bản đồ địa lý</p> <p>1. Phân loại bản đồ</p> <p>1.1-Ý nghĩa</p> <p>1.2- Nguyên tắc của sự phân loại bản đồ</p> <p>2. Các hệ thống phân loại bản đồ chủ yếu</p> <p>2.1. Phân loại bản đồ theo lãnh thổ biểu hiện</p> <p>2.2. Sự phân loại bản đồ theo nội dung biểu hiện (chủ đề)</p> <p>2.3. Sự phân loại theo mục đích</p> <p>2.4. Phân loại bản đồ theo tỷ lệ</p> <p>3. Các kiểu bản đồ địa lý</p> <p>3.1-Các bản đồ bộ phận và bản đồ đại cương</p> <p>3.2-Các bản đồ phân tích và bản đồ tổng hợp</p> <p>4.Tập bản đồ địa lý (átlát) và sự phân loại</p> <p>4.1. Khái niệm và các tính chất của tập bản đồ</p> <p>4.2. Phân loại các tập bản đồ</p>	3	4				20
<p>Chương VIII. Thành lập bản đồ địa lý</p> <p>1. Khái quát công tác thành lập bản đồ địa lý</p>	3	4		2		20

1.1- Khái quát chung 1.2-Nội dung thành lập bản đồ 2.Thiết kế bản đồ 2.1-Khái quát công tác thiết kế bản đồ 2.2- Tài liệu trong thiết kế bản đồ 2.3. Thiết kế mô hình bản đồ 3. Thu thập thụng tin 3.1. Thu thập thông tin nguyên thủy 3.2. Thông tin tài liệu 4. Biên vẽ bản đồ 4.1. Khái niệm chung về công tác biên vẽ bản đồ 4.2. Nội dung các bước trong quá trình biên vẽ theo công nghệ truyền thống 5. Các phương pháp cơ bản thành lập bản đồ 5.1. Phương pháp đo đạc trực tiếp từ thực địa 5.2. Phương pháp ảnh hàng không 5.3. Phương pháp viễn thám 5.4. Phương pháp biên vẽ từ tài liệu bản đồ 5.5. Phương pháp thống kê 6.Công nghệ thành lập bản đồ 6.1-Công nghệ truyền thống 6.2-Công nghệ số 7. Gợi ý thiết kế, xây dựng một số loại bản đồ chuyên đề 7.1-Các bản đồ tài nguyên 7.2-Các bản đồ kinh tế công nghiệp 7.3-Các bản đồ kinh tế nông nghiệp 7.4-Các bản đồ vùng kinh tế					
Chương IX. Sử dụng bản đồ địa lý 1-Khái niệm 2-Các phương pháp sử dụng bản đồ 2.1-Đọc bản đồ 2.2-Đo đạc trên bản đồ 2.3- Đánh giá bản đồ 2.4- So sánh bản đồ 2.5-Mô hình hoá bản đồ 3.Các hình thức sử dụng bản đồ 4. Phân tích bản đồ	3	4	2	20	
Tổng	27	30	6	135	

5. Phương pháp dạy - học

Kết hợp các phương pháp dạy học: phương pháp thuyết trình, phương pháp phát vấn, phương pháp thảo luận nhóm, và sử dụng các phương tiện thiết bị hiện đại.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Đề đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2	20%
III. Thi cuối kì				
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3,4	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 04 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình bắt buộc:*

1. Lâm Quang Dộc (1995), *Bản đồ học*, NXB ĐHSP Hà Nội.

2. K.A. Xalisp (2005). *Bản đồ học*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

* *Tài liệu tham khảo:*

3. Phạm Ngọc Đình (Chủ biên) (1995), Hoàng Xuân Linh, Đỗ Thị Minh Tinh,. *Thực hành bản đồ và đo vẽ địa phương*. NXB Trường ĐHSP Hà Nội 1.

4. Át lát địa lý Việt Nam (2018), Nhà xuất bản Giáo dục.

6.22. ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN ĐẠI CƯƠNG (PHẦN 1)/ GENERAL PHYSICAL GEOGRAPHY (PART 1)

- Số tín chỉ: 04 (36 LT; 36 TL; 12 TH)

- Mã học phần: 125124

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Địa lí

- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Học phần Địa lí tự nhiên đại cương (phần 1) bao gồm những nội dung cơ bản sau: Vũ trụ và các thiên thể trong vũ trụ; Hệ Mặt trời và các giả thuyết về hệ Mặt trời; Trái đất và một số đặc điểm của Trái đất; những kiến thức về khoáng vật và đá, những tác dụng địa chất nội sinh và ngoại sinh; nguồn gốc hình thành khoáng sản và những đặc điểm nổi bật của chúng; Khái niệm và nguồn gốc thạch quyển, địa hình bề mặt Trái đất; Hoạt động địa mạo của các nhân tố ngoại sinh; Địa mạo các miền núi lửa, miền núi, đồng bằng, cao nguyên; Các quá trình địa mạo và địa hình bờ biển, đáy đại dương; Bức xạ Mặt trời và cân cân bức xạ; nhiệt độ và nước trong khí quyển; khí áp và gió; khí hậu.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học hiểu được các khái niệm về Vũ trụ và các thiên thể trong vũ trụ; Hệ Mặt trời và các giả thuyết về hệ Mặt trời; Trái đất và một số đặc điểm của Trái đất; nắm vững những kiến thức về khoáng vật và đá, những tác dụng địa chất nội sinh và ngoại sinh; nguồn gốc hình thành khoáng sản và những đặc điểm nổi bật của chúng; Khái niệm và nguồn gốc thạch quyển, địa hình bề mặt Trái đất; Hoạt động địa mạo của các nhân tố ngoại sinh; Địa mạo các miền núi lửa, miền núi, đồng bằng và cao nguyên; Các quá trình địa mạo và địa hình bờ biển, đáy đại dương; Bức xạ Mặt trời và cân cân bức xạ; Nhiệt độ và nước trong khí quyển; Khí áp và gió; Khí hậu.

- CO2: Người học có kỹ năng vẽ được các hình minh họa cho các vấn đề về Hệ Mặt trời, sự chuyển động biểu kiến của trái đất quanh Mặt trời và hiện tượng ngày đêm dài ngắn khác nhau theo mùa ở các vĩ độ; sự thay đổi góc nhập xạ của Mặt trời, sự hình thành các vành đai khí áp và các loại gió.

- CO3: Người học có kỹ năng tính toán được giờ tại các địa phương khác nhau, biết đổi ngày theo quy ước quốc tế để phục vụ cho cuộc sống thường ngày và giao dịch quốc tế đơn giản; Biết tính toán góc nhập xạ trên bề mặt Trái Đất vào các ngày phân, ngày chí và các ngày khác trong năm.

- CO4: Người học có thể giải thích được các vấn đề thường ngày như hiện tượng thủy triều, tuần trăng, nhật thực, nguyệt thực, ngày đêm dài ngắn khác nhau theo mùa, hiện tượng phơn, sự phân mùa của khí hậu...

- CO5: Người học có kỹ năng về nhận biết đá và khoáng vật, kỹ năng xác định tuổi của các lớp đất đá, xác định các yếu tố nếp uốn, đặc điểm nếp uốn; nhận biết được các loại, kiểu địa hình và các đặc trưng cơ bản của chúng trên bề mặt đất gắn với nguồn gốc hình thành.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Làm rõ được các khái niệm về Vũ trụ và các thiên thể trong vũ trụ; Hệ Mặt trời và các giả thuyết về hệ Mặt trời; Trái đất và một số đặc điểm của Trái đất; nắm vững những kiến thức về khoáng vật và đá, những tác dụng địa chất nội sinh và ngoại sinh; nguồn gốc hình thành khoáng sản và những đặc điểm nổi bật của chúng; Khái niệm và nguồn gốc thạch quyển, địa hình bề mặt Trái đất; Hoạt động địa mạo của các nhân tố ngoại sinh; Địa mạo các miền núi lửa, miền núi, đồng bằng và cao nguyên; Các quá trình địa mạo và địa hình bờ biển, đáy đại dương; Bức xạ Mặt trời và cân cân bức xạ; Nhiệt độ và nước trong khí quyển; Khí áp và gió; Khí hậu.

- CLO2: Vẽ được các hình minh họa về Hệ Mặt trời, sự chuyển động biểu kiến của

trái đất quanh Mặt trời và hiện tượng ngày đêm dài ngắn khác nhau theo mùa ở các vĩ độ; sự thay đổi góc nhập xạ của Mặt trời, sự hình thành các vành đai khí áp và các loại gió.

- CLO3: Tính toán được giờ tại các địa phương khác nhau, biết đổi ngày theo quy ước quốc tế để phục vụ cho cuộc sống thường ngày và giao dịch quốc tế đơn giản; Biết tính toán góc nhập xạ trên bề mặt Trái Đất vào các ngày phân, ngày chí và các ngày khác trong năm.

- CLO4: Giải thích được các vấn đề thường ngày như hiện tượng thủy triều, tuần trăng, nhật thực, nguyệt thực, ngày đêm dài ngắn khác nhau theo mùa, hiện tượng phong, sự phân mùa của khí hậu; Nhận biết được các loại, kiểu địa hình và các đặc trưng cơ bản của chúng trên bề mặt đất gắn với nguồn gốc hình thành; nhận biết được đá và khoáng vật, kỹ năng xác định tuổi của các lớp đất đá, xác định các yếu tố nếp uốn, đặc điểm nếp uốn.

- CLO5: Thể hiện thái độ và tinh thần gìn giữ, tôn trọng các quy luật tự nhiên; đồng thời đưa ra được những kiến nghị và giải pháp khai thác tự nhiên bền vững và hiệu quả.

- CLO6: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lý thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến các lĩnh vực địa lý tự nhiên.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Trái đất là một hành tinh trong hệ Mặt trời 1-Vũ trụ và hệ Ngân hà. 2-Hệ Mặt Trời. 3-Các giả thuyết về hệ Mặt Trời	2	2				15
Chương 2. Trái đất 1-Hình dạng và kích thước Trái đất 2-Các vận động cơ bản của Trái đất 3- Cấu trúc và thành phần hóa học của Trái đất 4-Một số đặc điểm của Trái đất	2	2		4		20
Chương 3: Đại cương về khoáng vật và các loại đá 1-Khái niệm. 2-Tính đối xứng của tinh thể. 3-Tính chất vật lý của khoáng vật. 4-Phân loại khoáng vật. 5-Về sự cộng sinh của khoáng vật. 6-Vai trò của khoáng vật trong nền kinh tế quốc dân. 7- Đá macma 8- Đá trầm tích 9- Đá biến chất	3	4	4			15

<p>Chương 4: Niên biểu địa chất và các tác dụng địa chất</p> <p>1-Cơ sở địa tầng học. 2- Tuổi địa chất và phương pháp xác định. 3-Bảng Địa niên biểu 4-Khái niệm tác dụng địa chất 5-Phân loại tác dụng địa chất. 6-Đặc điểm của các tác dụng địa chất. 7- Các tác dụng địa chất ngoại sinh 8- Tác dụng macma</p>	3	2				15
<p>Chương 5: Vận động kiến tạo của vỏ Trái Đất và khoáng sản</p> <p>1-Các chuyển động kiến tạo, phân loại và phương pháp nghiên cứu. 2- Các kết quả của chuyển động kiến tạo. 3-Đứt gãy. 4-Động đất. 5-Tác dụng biến chất 6-Các thuyết địa kiến tạo. 7-Khái niệm về khoáng sản học. 8-Nguồn gốc thành tạo các mỏ khoáng sản.</p>	3	2				15
<p>Chương 6. Thạch quyển. Địa hình bề mặt Trái đất</p> <p>1. Khái niệm chung 2. Hoạt động địa mạo do nước và địa hình do chúng tạo thành 3. Hoạt động địa mạo của gió và băng hà 4. Địa mạo các miền núi lửa 5. Địa hình miền núi 6. Địa hình đồng bằng và cao nguyên 7. Các quá trình địa mạo và địa hình bờ biển 8. Địa hình đáy đại dương</p>	15	16		2		20
<p>Chương 7. Các vấn đề chung về Khí quyển</p> <p>1. Khái niệm về khí quyển 2. Nguồn gốc và đặc điểm phân bố 3. Sự phát triển của khí quyển 4. Thành phần và cấu tạo khí quyển 5-Thời tiết và khí hậu</p>	2	2				20
<p>Chương 8. Bức xạ Mặt trời và cân cân bức xạ</p> <p>1-Khái niệm chung về bức xạ 2. Bức xạ Mặt Trời 3- Bức xạ Mặt Trời đến bề mặt đất 4-Cân bằng nhiệt của bề mặt đất</p>	2	2				20

Chương 9. Nhiệt độ và nước trong Khí quyển 1. Chế độ nhiệt của khí quyển 2. Biến trình ngày của nhiệt độ không khí. 3. Biến trình năm của nhiệt độ không khí. 4. Sự thay đổi nhiệt độ của không khí theo chiều thẳng đứng. 5. Phân bố nhiệt độ không khí trên bề mặt đất 6. Các vòng đai nhiệt 7. Khái niệm chung 8. Các đại lượng đặc trưng của hơi nước 9- Sự bốc hơi và biến trình của độ ẩm không khí 10- Hạt nhân ngưng kết	2	2				20
Chương 10. Khí áp. Gió. Khí hậu 1. Khí áp 2. Gió, khối khí, front 3- Hoàn lưu khí quyển 4. Phân loại và phân đới khí hậu 5. Các đới và các kiểu khí hậu trên Trái Đất.	2	2	2			20
Tổng	36	36	12	0		180

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Đề đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (05)				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1, 2, 3, 4	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1, 2, 3, 4	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5, 6	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1, 2, 3, 4, 5, 6	
5	Thuyết trình, thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1, 2, 3, 4, 5, 6	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1, 2, 3, 4	20%
III. Thi cuối kì				
				50%

1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1, 2, 3, 4
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1, 2, 3, 4, 5, 6

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giảng viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 05 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình bắt buộc:*

1. Nguyễn Trọng Hiếu (chủ biên). *Địa lý tự nhiên đại cương 1*. NXB ĐHSP Hà Nội, 2011.

2. Tổng Duy Thanh (Chủ biên) (2004), *Giáo trình địa chất cơ sở*. NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

* *Tài liệu tham khảo:*

1. Hoàng Ngọc Oanh (chủ biên). *Địa lý tự nhiên đại cương 2*, NXB ĐHSP Hà Nội. 2013.

2. Phùng Ngọc Đĩnh (1998), *Địa chất đại cương và địa chất lịch sử*. Nhà xuất bản ĐHSP Hà Nội.

3. Địa hình bề mặt Trái Đất. Đỗ Hưng Thành. Nhà xuất bản Giáo dục, 2000.

6.23. ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN ĐẠI CƯƠNG PHẦN 2/General physical Geography (part 2)

- Số tín chỉ: 03 (27 LT; 30 TL; 6 TH)

- Mã học phần: 125088

- Bộ môn quản lý học phần: Địa lí

- Điều kiện tiên quyết: Địa lý tự nhiên đại cương (phần 1)

1. Mô tả học phần

Cung cấp toàn bộ các kiến thức về đặc điểm, vai trò của nguồn nước trên Trái Đất; các loại, hình thức tồn tại và sự thay đổi của các dạng nước trên lục địa, biển và đại dương; các kiến thức về đặc điểm, tính chất, sự hình thành và phân bố các loại đất trên thế giới; Đặc điểm, tính chất, sự tích nghi của sinh vật và sự phân bố các hệ sinh thái trên Trái đất; loài người và các chủng tộc; lớp vỏ cảnh quan và các quy luật địa lí của Trái đất; những tác động của con người tới cảnh quan tự nhiên,... Các kỹ năng phân tích các bản đồ, số liệu; vẽ biểu đồ; tính toán; nhận xét và giải thích. Thông qua nội dung bài giảng và quá trình học tập, NH có khả năng vận dụng những kiến thức đó vào thực tiễn sau khi ra trường.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Trình bày và phân tích được các đặc điểm, sự phân bố của thủy quyển, thổ nhưỡng, sinh quyển, lớp vỏ cảnh quan trên Trái đất; Nhận xét và giải thích các hiện tượng, quy luật tự nhiên của các thành phần: thủy quyển, thổ nhưỡng, sinh quyển, lớp vỏ cảnh quan trên Trái đất.

- CO2: Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, làm việc nhóm, khả năng sáng tạo, làm việc độc lập; Phân tích, nhận xét, giải thích các vấn đề liên quan đến thủy quyển, thổ nhưỡng, sinh quyển, lớp vỏ cảnh quan trên Trái đất; Tính toán, vẽ các biểu đồ, sơ đồ; Đọc bản đồ, lược đồ, sơ đồ về thủy quyển, thổ nhưỡng, sinh quyển.

- CO3: Có ý thức bảo vệ môi trường, yêu thiên nhiên và có những hành động thiết thực để hạn chế các biến đổi bất thường của tự nhiên.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Hiểu và nắm vững vai trò, đặc điểm, tính chất, sự phân bố của thủy quyển, thổ nhưỡng, sinh quyển, lớp vỏ cảnh quan trên Trái đất; Phân tích và giải thích được các hiện tượng thủy văn, sự hình thành, biến đổi thổ nhưỡng, sinh vật, lớp vỏ cảnh quan, các quy luật địa lý diễn ra trên bề mặt Trái đất ở các phạm vi lãnh thổ khác nhau.

- CLO2: Hiểu và nhận biết những tác động qua lại giữa con người và các thành phần tự nhiên; những hệ quả của sự tác động đó và các biện pháp bảo vệ thủy quyển, thổ nhưỡng, sinh quyển, lớp vỏ cảnh quan trên Trái đất.

- CLO3: Nhận xét, phân tích bản đồ, lược đồ, biểu đồ và các bảng số liệu về thủy văn, thổ nhưỡng, sinh quyển; Vẽ sơ đồ, biểu đồ; tính toán các đại lượng thủy văn, thổ nhưỡng, sinh vật.

- CLO4: Giải thích, đánh giá các mức độ tác động của con người tới các thành phần: thủy quyển, thổ nhưỡng, sinh quyển và lớp vỏ cảnh quan Địa lý.

- CLO5: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập; Chủ động học tập, nghiên cứu tài liệu; tích cực tham gia hoạt động nhóm; có trách nhiệm trong việc nâng cao ý thức bảo vệ môi trường tự nhiên trước các hoạt động KT-XH hiện nay.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<u>Nội dung 1</u> : Các khái niệm mở đầu về thủy quyển	2	0				10
<u>Nội dung 2</u> : Nước trên bề mặt lục địa: Sông ngòi	2	3				10
<u>Nội dung 3</u> : Nước trên bề mặt lục địa: Hồ đầm; nước dưới đất và nước ngầm	2	2				9
<u>Nội dung 4</u> : Đặc điểm của biển và đại dương	2	2		2		10
<u>Nội dung 5</u> : Sóng biển, Thủy triều, Hải lưu	2	2				9
<u>Nội dung 6</u> : Các vấn đề chung về thổ	2	3				10

nhuờng, các nhân tố và quá trình hình thành đất					
<u>Nội dung 7:</u> Thành phần và các đặc tính lí, hóa chính của đất	2	2			9
<u>Nội dung 8:</u> Các quy luật phân bố và sự phân bố đất thế giới - Một số vấn đề về sử dụng và bảo vệ đất	2	3		2	10
<u>Nội dung 9:</u> Những vấn đề chung về sinh quyển - Các nhân tố sinh thái	2	2			9
<u>Nội dung 10:</u> Quần xã sinh vật và hệ sinh thái	2	2			10
<u>Nội dung 11:</u> Các quy luật và sự phân bố sinh vật trên Trái đất	2	2		2	10
<u>Nội dung 12:</u> Loài người trên Trái Đất - Một số vấn đề sử dụng và bảo vệ tính đa dạng của nguồn tài nguyên sinh vật	2	2			9
<u>Nội dung 13:</u> Lớp vỏ cảnh quan của Trái đất - Các quy luật địa lí chung của Trái đất	2	3			10
<u>Nội dung 14:</u> Các đới cảnh quan trên Trái đất - Con người và môi trường địa lí	1	2			10
Tổng	27	30		6	135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Đề đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1, 2,	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1, 2, 3, 4	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1, 2, 4, 5	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1, 2, 4, 5	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1, 2, 4	20%
III. Thi cuối kì				
				50%

1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1, 2, 3, 4, 5	
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1, 2, 3, 4, 5	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 04 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình bắt buộc:*

[1]. Hoàng Ngọc Oanh (2006), *Địa lý tự nhiên đại cương* (tập 2), NXB ĐHSP Hà Nội.

[2]. Nguyễn Kim Chương (Chủ biên), Nguyễn Trọng Hiếu, Lê Thị Ngọc Khanh, Đỗ Thị Nhung (2005), *Địa lý tự nhiên đại cương 3* (Giáo trình CĐSP), Nhà xuất bản ĐHSP, Hà Nội.

* *Tài liệu tham khảo:*

[3]. Lê Bá Thảo (1983), *Cơ sở Địa lý tự nhiên tập 2*, NXBGD HN.

[4]. Nguyễn Dược, Nguyễn Trọng Hiếu (1999), *Thổ nhưỡng và sinh quyển*, NXB Giáo dục.

6.24. ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN CÁC CHÂU LỤC (PHẦN I)/NATURAL GEOGRAPHY OF CONTINENTS (PART 1)

- Số tín chỉ: 03 (27 LT; 30 TL; 6 TH)

- Mã học phần: 125013

- Bộ môn quản lý học phần: Địa lí

- Điều kiện tiên quyết: Địa lý tự nhiên đại cương (Phần 1)

1. Mô tả học phần

Học phần Địa lý tự nhiên các châu lục (Phần 1) trang bị các kiến thức về địa lý tự nhiên các châu lục (châu Á, châu Âu và châu Phi), các khu vực và một số quốc gia tiêu biểu: Vị trí địa lí, hình dạng và giới hạn lãnh thổ; cấu trúc địa chất – địa hình và khoáng sản; các nhân tố hình thành khí hậu và đặc điểm các đới khí hậu, đặc điểm chung về sông – hồ và các lưu vực sông lớn, các đới cảnh quan; vấn đề sử dụng hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ở các khu vực thuộc các châu (châu Á, Âu, Phi).

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức nền tảng về: Vị trí, hình dạng, giới hạn lãnh thổ và đặc điểm của các thành phần tự nhiên của các châu lục: châu Á, châu Âu, châu

Phi; kiến thức về đặc điểm địa lí tự nhiên cụ thể của các khu vực và một số quốc gia tiêu biểu trên thế giới

- CO2: Người học có kỹ năng phân tích, đánh giá được mối quan hệ giữa các thành phần, quy luật và sự thay đổi của hệ thống tự nhiên ở các quy mô lãnh thổ (châu lục, khu vực và quốc gia); trang bị kiến thức về vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên, bảo vệ môi trường ở các khu vực, châu lục (châu Á, châu Âu, châu Phi).

- CO3: Người học có kỹ năng tìm kiếm, xử lí thông tin thành thạo và chính xác; kỹ năng sử dụng thành thạo các bản đồ trong học tập, nghiên cứu; nhận xét, phân tích được biểu đồ, bảng số liệu thống kê, lát cắt địa hình...

- CO4: Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, làm việc nhóm, phối hợp giải quyết vấn đề; nâng cao tính sáng tạo, cách làm việc khoa học.

- CO5: Biết tôn trọng các quy luật tự nhiên, có ý thức quan tâm đến một số vấn đề liên quan đến tự nhiên của đất nước; có ý thức và hành động thiết thực bảo vệ tài nguyên, môi trường...

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Hiểu rõ và trình bày được: đặc điểm, ý nghĩa của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, lịch sử hình thành phát triển lãnh thổ các châu lục (Á, Âu, Phi). Hiểu rõ và giải thích được đặc điểm của các thành phần tự nhiên ở các châu lục, các khu vực, quốc gia thuộc châu Á, châu Âu, châu Phi.

- CLO2: Hiểu rõ và giải thích được đặc điểm của các thành phần tự nhiên ở các châu lục, các khu vực, quốc gia thuộc châu Á, châu Âu, châu Phi.

- CLO3: Tìm kiếm, chọn lọc thông tin để cập nhật số liệu, tri thức về thế giới, khu vực, đất nước; liên hệ thực tế địa phương, đất nước để làm rõ hơn kiến thức địa lí. Tìm kiếm, chọn lọc thông tin để cập nhật số liệu, tri thức về thế giới, khu vực, đất nước; liên hệ thực tế địa phương, đất nước để làm rõ hơn kiến thức địa lí.

- CLO4: Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, làm việc nhóm, phối hợp giải quyết vấn đề; nâng cao tính sáng tạo, cách làm việc khoa học.

- CLO5: Có năng lực đưa ra được kết luận về các vấn đề liên quan đến tự nhiên của các châu lục, các khu vực; có ý thức bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên ở mỗi miền, khu vực tự nhiên ở nước ta.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Địa lí tự nhiên châu Á 1.1. Khái quát về địa lí tự nhiên châu Á 1.1.1. Vị trí địa lí, hình dạng, giới hạn lãnh thổ 1.1.2. Cấu trúc địa chất, đặc điểm địa hình và khoáng sản 1.1.3. Khí hậu 1.1.4. Sông ngòi, hồ và băng hà 1.1.5. Các đới cảnh quan tự nhiên	10	10		2		45

1.2. Địa lí các khu vực châu Á 1.2.1. Bắc Á 1.2.2. Trung và Nội Á 1.2.3. Đông Á 1.2.4. Tây Á 1.2.5. Nam Á 1.2.6. Đông Nam Á						
Chương 2. Địa lí tự nhiên châu Âu 2.1. Khái quát về địa lí tự nhiên châu Âu 2.1.1. Vị trí địa lí, hình dạng, giới hạn lãnh thổ 2.1.2. Cấu trúc địa chất, đặc điểm địa hình và khoáng sản 2.1.3. Khí hậu 2.1.4. Sông ngòi và hồ 2.1.5. Các đới cảnh quan tự nhiên 2.2. Địa lí các khu vực châu Âu 2.2.1. Bắc Âu 2.2.2. Đông Âu 2.2.3. Tây và Trung Âu 2.2.4. Nam Âu	9	10		2		45
Chương 3. Địa lí tự nhiên châu Phi 3.1. Khái quát về địa lí tự nhiên châu Phi 3.1.1. Vị trí địa lí, hình dạng, giới hạn lãnh thổ 3.1.2. Cấu trúc địa chất, đặc điểm địa hình và khoáng sản 3.1.3. Khí hậu 3.1.4. Sông ngòi và hồ 3.1.5. Các đới cảnh quan tự nhiên 3.2. Địa lí các khu vực châu Phi 3.2.1. Bắc Phi 3.2.2. Đông Phi 3.2.3. Tây và Trung Phi 3.2.4. Nam Phi	8	10		2		45
Tổng	27	30		6		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1,2, 4,5	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4,5	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	20%
III. Thi cuối kỳ (01)				
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3,4,5	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 04 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình bắt buộc:*

[1]. Nguyễn Phi Hạnh (2009), *Giáo trình Địa lí các châu lục T1*, NXB Đại học Sư phạm.

[2]. Nguyễn Phi Hạnh (2008), *Giáo trình Địa lí các châu lục T2*, NXB Đại học Sư phạm.

* *Tài liệu tham khảo*

[1]. Nguyễn Phi Hạnh (1998), *Địa lí tự nhiên các lục địa (tập 1)*, NXB ĐHSPT.

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Atlas địa lí thế giới*, NXB GD.

[3] Vũ Tự Lập (2004), *Địa lí tự nhiên Việt Nam*, NXB Sư phạm 2004.

6.25. ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN CÁC CHÂU LỤC (PHẦN II)/)/NATURAL GEOGRAPHY OF CONTINENTS (PART 2)

- Số tín chỉ: 02 (18 LT; 18 TL; 6 TH)

- Mã học phần: 125120

- Bộ môn quản lý học phần: Địa lí

- Điều kiện tiên quyết: Địa lí tự nhiên các châu lục (Phần I)

1. Mô tả học phần

Học phần Địa lí tự nhiên các châu lục (Phần 2) trang bị các kiến thức về: Đặc điểm tự nhiên của các châu lục (châu Mỹ, châu Nam cực và châu Đại Dương), các khu vực và quốc gia đại diện ở các châu: vị trí, hình dạng, giới hạn lãnh thổ; đặc điểm của các hợp phần địa lí tự nhiên (cấu trúc địa chất và khoáng sản, địa hình, khí hậu, thủy văn, thổ nhưỡng, sinh vật; sự phân hoá của thiên nhiên); tác động của con người đến thiên nhiên các châu lục (châu Mỹ, Đại Dương, Nam Cực); vấn đề bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên ở các châu lục.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Người học nắm vững kiến thức về: đặc điểm, ý nghĩa của vị trí, hình dạng, giới hạn lãnh thổ của các châu lục; hiểu rõ và phân tích được đặc điểm của các thành phần tự nhiên ở các châu lục, khu vực và một số quốc gia tiêu biểu thuộc châu Mỹ, châu Đại Dương và châu Nam Cực.

- CO2: Vận dụng để phân tích, đánh giá được mối quan hệ giữa các thành phần tự nhiên, quy luật và sự thay đổi của hệ thống tự nhiên ở các quy mô lãnh thổ (châu lục, khu vực và quốc gia). Người học có kiến thức về vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên, bảo vệ môi trường ở các khu vực, châu lục (châu Mỹ, châu Đại Dương, châu Nam Cực).

- CO3: Người học có kĩ năng tìm kiếm, xử lí thông tin thành thạo và chính xác; sử dụng các bản đồ trong học tập, nghiên cứu; nâng cao kĩ năng nhận xét, phân tích được biểu đồ, bảng số liệu thống kê, lát cắt địa hình...

- CO4: Kĩ năng tự học, tự nghiên cứu, làm việc nhóm, phối hợp giải quyết vấn đề; nâng cao tính sáng tạo, cách làm việc khoa học.

- CO5: Bồi dưỡng ý thức trách nhiệm, tình yêu đối với thiên nhiên và với những con người trên các lãnh thổ khác nhau của thế giới. Biết tôn trọng các quy luật tự nhiên, có ý thức và hành động thiết thực bảo vệ tài nguyên, môi trường.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Hiểu rõ được đặc điểm, ý nghĩa của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, lịch sử hình thành phát triển lãnh thổ các châu lục (Mỹ, Đại Dương, Nam Cực). Hiểu rõ và giải thích được đặc điểm của các thành phần tự nhiên ở các châu lục, các khu vực, quốc gia thuộc châu Mỹ, Đại Dương, Nam Cực.

- CLO 2: Phân tích, đánh giá được thế mạnh, hạn chế của tất cả các thành phần tự nhiên, mối quan hệ giữa tự nhiên và sự phát triển KT-XH. Giải thích được tính cấp thiết của việc sử dụng hợp lí tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- CLO3: Tìm kiếm, chọn lọc thông tin để cập nhật số liệu, tri thức về thế giới, khu vực, đất nước; liên hệ thực tế địa phương, đất nước để làm rõ hơn kiến thức địa lí. Sử dụng bản đồ, lược đồ để trình bày về mối quan hệ không gian của các đối tượng địa lí; nhận xét, phân tích được biểu đồ, số liệu thống kê, lát cắt địa hình...

- CLO4: Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, làm việc nhóm, phối hợp giải quyết vấn đề; nâng cao tính sáng tạo, cách làm việc khoa học. Có ý thức kỉ luật, nghiêm túc, luôn bình tĩnh, tự tin, chủ động học tập; độc lập trong tự học, tự nghiên cứu.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Địa lí tự nhiên châu Mỹ 1.1. Khái quát địa lí tự nhiên châu Mỹ 1.1.1. Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ 1.1.2. Cấu trúc địa chất, đặc điểm địa hình và khoáng sản 1.1.3. Khí hậu Bắc Mỹ, Nam Mỹ 1.1.4. Sông ngòi và hồ (Bắc Mỹ, Nam Mỹ) 1.1.5. Các đới cảnh quan tự nhiên (Bắc Mỹ, Nam Mỹ) 1.2. Địa lí các khu vực châu Mỹ 1.2.1. Bắc Mỹ 1.2.2. Trung Mỹ và Caribê 1.2.3. Nam Mỹ	8	8		2		40
Chương 2. Địa lí tự nhiên châu Đại Dương 2.1. Phạm vi, vị trí địa lí, hình dạng, kích thước của các lãnh thổ thuộc châu Đại Dương 2.2. Cấu trúc địa chất, đặc điểm địa hình và khoáng sản 2.3. Khí hậu 2.4. Sông, hồ và nước ngầm 2.5. Các đới cảnh quan tự nhiên	6	6		2		30
3.1. Khái niệm về lục địa Nam cực, vùng Nam cực. Sơ lược lịch sử khám phá và nghiên cứu lục địa Nam cực 3.2. Cấu trúc địa chất và đặc điểm địa hình 3.3. Khí hậu, sinh vật 3.4. Mục đích của việc nghiên cứu châu Nam Cực. Hiệp ước về châu Nam Cực	4	4		2		20
Tổng	18	18	0	6	0	90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Đề đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1,2,3,4	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	20%
III. Thi cuối kì				
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3,4	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 03 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* **Giáo trình bắt buộc:**

[1]. Nguyễn Phi Hạnh (2009), Giáo trình Địa lí các châu lục T1, NXB Đại học Sư phạm.

[2]. Nguyễn Phi Hạnh (2008), Giáo trình Địa lí các châu lục T2, NXB Đại học Sư phạm.

*** Tài liệu tham khảo**

- [1]. Nguyễn Phi Hạnh (1998), *Địa lí tự nhiên các lục địa (tập 1)*, NXB ĐHSP.
[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Át lát địa lí thế giới*, NXB GD.
[3] Vũ Tự Lập (2004), *Địa lí tự nhiên Việt Nam*, NXB Sư phạm.

6.26. ĐỊA LÝ KINH TẾ - XÃ HỘI ĐẠI CƯƠNG 1/GENERAL SOCIOECONOMIC GEOGRAPHY 1

- Số tín chỉ: 03 (27 LT; 30 TL; 6 TH)
- Mã học phần: 125267
- Bộ môn quản lí học phần: Địa lí
- Điều kiện tiên quyết: Địa lí tự nhiên đại cương (Phần 2)

1. Mô tả học phần

Học phần Địa lí kinh tế- xã hội đại cương 1 cung cấp những kiến thức cơ bản về: các khái niệm, đối tượng nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu địa lý kinh xã hội; các khái niệm, phân loại tài nguyên thiên nhiên và vấn đề sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên trên thế giới; vấn đề môi trường và phát triển bền vững; các vấn đề về địa lý dân cư và các hình thức quần cư; các vấn đề cơ bản của địa lý xã hội (địa lý tôn giáo, chỉ số phát triển con người); cách vận dụng lý luận dạy học địa lý vào học phần địa lý kinh tế- xã hội đại cương 1.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị những kiến thức về các khái niệm, đối tượng nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu địa lý kinh - xã hội; biết cách phân loại tài nguyên thiên nhiên và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên trên thế giới; vấn đề môi trường và phát triển bền vững; liên hệ cụ thể tại địa bàn nơi sinh sống. Học phần cũng giúp người học trang bị những kiến thức về các khía cạnh xã hội của con người như: vấn đề tôn giáo, ngôn ngữ, văn hóa, dân tộc, các hình thức quần cư, chỉ số phát triển con người HDI.

- CO2: Người học có kỹ năng thu thập số liệu, xử lí bảng số liệu thống kê, phân tích biểu đồ, đọc bản đồ dân cư, tài nguyên, môi trường...;hoàn thiện kỹ năng phân tích, so sánh và đưa ra kết luận; hoàn thiện kỹ năng biên tập các bản đồ chuyên đề địa lý KT- XH; bổ sung thêm cho người học tư duy lãnh thổ; định hướng không gian; Kỹ năng vận dụng các kiến thức đại cương để viết các báo cáo nhỏ về tình hình dân cư, tài nguyên thiên nhiên và vấn đề sử dụng tài nguyên, tác động của các hoạt động KT- XH đến tài nguyên, môi trường địa phương.

- CO3: Người học ý thức được tầm quan trọng của các loại tài nguyên thiên nhiên; vấn đề môi trường và phát triển bền vững; vấn đề dân cư- dân tộc- chủng tộc, vấn đề phát triển con người... từ đó có những thái độ tích cực trong việc nhìn nhận, đánh giá và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên trên thế giới; giảm thiểu tác động của các hoạt động KT- XH đến tài nguyên, môi trường trên thế giới và ở địa phương thông qua các hoạt động tích cực mỗi ngày.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Làm rõ được những kiến thức về khái niệm, đối tượng nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu địa lý kinh - xã hội. Biết

cách phân loại TNTN và đánh giá vấn đề sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên trên thế giới; vấn đề môi trường và phát triển bền vững; liên hệ cụ thể tại địa bàn nơi sinh sống.

- CLO2: Phân tích đánh giá các khía cạnh xã hội của đời sống con người như: tôn giáo, ngôn ngữ, văn hóa, dân tộc, các hình thức quần cư, chỉ số phát triển con người HDI. Từ đó giải thích và dự báo được xu hướng phát triển trong tương lai và vai trò của con người trong việc phát triển kinh tế- xã hội bền vững.

- CLO3: Thành thạo các kỹ năng phân tích biểu đồ, bảng số liệu thống kê; kỹ năng đọc bản đồ dân cư, tài nguyên, môi trường...; kỹ năng biên tập các bản đồ chuyên đề địa lý dân cư, phân bố và sử dụng tài nguyên, môi trường thế giới; có tư duy lãnh thổ; định hướng không gian. Hoàn thiện kỹ năng vận dụng các kiến thức đại cương để viết các báo cáo nhỏ về tình hình dân cư, tài nguyên và sử dụng tài nguyên, tác động đối với môi trường ở địa phương.

- CLO4: Thể hiện thái độ và tinh thần tôn trọng các quy luật tự nhiên, quy luật phát triển kinh tế; có ý thức trách nhiệm công dân đối với sự phát triển KTXH của đất nước; ý thức bảo vệ tài nguyên, môi trường trong quá trình phát triển kinh tế. Có ý thức kỉ luật, nghiêm túc, luôn bình tĩnh, tự tin, chủ động học tập; độc lập trong tự học, tự nghiên cứu và năng lực vận dụng kiến thức đã học vào thiết kế giáo án các tiết học có nội dung địa lí KT- XH ở trường phổ thông.

- CLO5: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lí thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực địa lí kinh tế xã hội đại cương.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu 1.1. Vị trí của địa lý kinh tế - xã hội trong hệ thống khoa học Địa lí. 1.2. Đối tượng nghiên cứu của Địa lý kinh tế- xã hội. 1.3. Các nhiệm vụ nghiên cứu chủ yếu của Địa lý kinh tế - xã hội 1.4. Các quan điểm cơ bản trong nghiên cứu 1.5 Các phương pháp nghiên cứu Địa lý kinh tế - xã hội 1.6 Địa lí kinh tế- xã hội và các khoa học có liên quan	5	5				20
Chương 2. Môi trường, tài nguyên thiên nhiên và nền sản xuất xã hội 2.1. Môi trường địa lí 2.2. Tài nguyên thiên nhiên	8	6		2		30

2.3. Tài nguyên thiên nhiên trên thế giới và việc sử dụng chúng 2.4. Môi trường và phát triển bền vững					
Chương 3. Địa lí dân cư và quần cư 3.1. Sự biến động dân số 3.2. Cơ cấu dân số 3.3. Phân bố dân cư 3.4. Quần cư 3.5. Đô thị hóa	8	10		2	40
Chương 4. Một số vấn đề của Địa lí xã hội 4.1. Địa lí tôn giáo 4.2. Dân tộc, chủng tộc 4.3. Ngôn ngữ 4.3. Chỉ số phát triển con người	4	6		2	30
Chương 5. Vận dụng LLDH Địa lí vào dạy phần Địa lí KT-XH đại cương 1 5.1. Vận dụng LLDH Địa lí vào dạy phần Địa lí KT-XH đại cương 1 5.2. Vận dụng LLDH Địa lí vào chương trình và SGK THPT mới	2	3			15
Tổng	27	30	0	6	135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1,2, 4,5	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4,5	

5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	
III. Thi cuối kì (01)				50%
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3,4,5	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 04 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- SV cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình bắt buộc:*

1) Lê Văn Trường (2005), *Địa lý kinh tế xã hội đại cương*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

* *Tài liệu tham khảo:*

1) Nguyễn Minh Tuệ (chủ biên), (2007), *Địa lý kinh tế - xã hội đại cương*, Nhà xuất bản ĐH Sư phạm Hà Nội.

2) Nguyễn Kim Hồng (2000), *Dân số học đại cương*, NXB Giáo dục; Hà Nội.

3) Các trang Web của: Tổng cục Thống kê Việt Nam, Thời báo kinh tế Việt Nam, phần mềm Encatar....

6.27. ĐỊA LÝ KINH TẾ - XÃ HỘI ĐẠI CƯƠNG 2/GENERAL SOCIOECONOMIC GEOGRAPHY 2

- Số tín chỉ: 03 (27 LT; 30 TL; 6 TH)

- Mã học phần: 125269

- Bộ môn quản lý học phần: Địa lí

- Điều kiện tiên quyết: Địa lí KT- XH đại cương 1

1. Mô tả học phần

Học phần Địa lí kinh tế- xã hội đại cương 2 cung cấp những kiến thức cơ bản về các nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội, cơ cấu và hệ thống không gian của nền kinh tế; tìm hiểu các nhân tố và thực trạng phát triển các ngành kinh tế: nông nghiệp, công nghiệp và

dịch vụ trên thế giới; các vùng kinh tế trên thế giới và ở các nhóm nước khác nhau; liên hệ với thực tiễn phát triển kinh tế- xã hội ở địa phương. Học phần cũng cung cấp các cách thức vận dụng lý luận dạy học địa lý vào học phần địa lý kinh tế - xã hội đại cương 2.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị những kiến thức cơ bản về các nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội; cơ cấu và hệ thống không gian của nền kinh tế; địa lí các ngành kinh tế (nông, lâm, ngư nghiệp; công nghiệp- xây dựng và dịch vụ) trên thế giới; đặc điểm các vùng kinh tế trên thế giới (sự phân hóa các vùng kinh tế- xã hội trên cơ sở tận dụng lợi thế so sánh của từng vùng); liên hệ cụ thể tại địa bàn nơi sinh sống. Trên cơ sở các kiến thức này, SV có thể đánh giá tác động của các vấn đề địa lí KT- XH hiện nay trên thế giới thông qua hệ thống các chỉ tiêu (GDP/người, hệ số mở của nền kinh tế, Chỉ số phát triển con người HDI...), liên hệ cụ thể tại địa bàn nơi sinh sống.

- CO2: Người học có kỹ năng thu thập số liệu, xử lí bảng số liệu thống kê, phân tích biểu đồ, đọc bản đồ dân cư, tài nguyên, môi trường...;hoàn thiện kỹ năng phân tích, so sánh và đưa ra kết luận; hoàn thiện kỹ năng biên tập các bản đồ chuyên đề địa lí KT- XH; bổ sung thêm cho người học tư duy lãnh thổ; định hướng không gian; Kỹ năng vận dụng các kiến thức đại cương để viết các báo cáo nhỏ về tình hình KT- XH, sự phân hóa các vùng kinh tế ở địa phương.

- CO3: Người học có ý thức tôn trọng các quy luật tự nhiên, quy luật phát triển kinh tế; có ý thức trách nhiệm công dân đối với sự phát triển KT- XH của đất nước; ý thức bảo vệ tài nguyên, môi trường trong quá trình phát triển kinh tế. Giúp SV hình thành ý thức kỉ luật, nghiêm túc, luôn bình tĩnh, tự tin, chủ động học tập; độc lập trong tự học, tự nghiên cứu và năng lực vận dụng kiến thức đã học vào thiết kế giáo án các tiết học có nội dung địa lí KT- XH ở trường phổ thông.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Hiểu và phân tích được những kiến thức cơ bản về các nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội; cơ cấu và hệ thống không gian của nền kinh tế; biết cách đánh giá các nguồn lực phát triển kinh tế- xã hội; biết cách vận dụng để phân tích các nguồn lực phát triển, cơ cấu kinh tế và hệ thống không gian kinh tế- xã hội ở địa phương

- CLO2: Phân tích, đánh giá được các đặc điểm nổi bật về địa lí các ngành kinh tế (nông, lâm, ngư nghiệp; công nghiệp- xây dựng và dịch vụ) trên thế giới bao gồm nguồn lực phát triển, thực trạng phát triển và phân bố, định hướng phát triển...; đặc điểm các vùng kinh tế trên thế giới (sự phân hóa các vùng kinh tế- xã hội trên cơ sở tận dụng lợi thế so sánh của từng vùng). Đánh giá tác động đánh giá tác động của các vấn đề địa lí KT- XH hiện nay trên thế giới thông qua hệ thống các chỉ tiêu (GDP/người, hệ số mở của nền kinh tế, Chỉ số phát triển con người HDI...), liên hệ cụ thể tại địa bàn nơi sinh sống.

- CLO3: Thành thạo các kĩ năng phân tích biểu đồ, bảng số liệu thống kê; kĩ năng đọc bản đồ; kĩ năng biên tập bản đồ chuyên đề địa lí các ngành kinh tế và các vùng kinh tế; hình thành ở SV tư duy lãnh thổ; định hướng không gian. Hoàn thiện kĩ năng vận dụng các kiến thức đại cương để viết các báo cáo nhỏ về tình hình KT- XH, nguồn lực, sự phát triển và phân hóa các ngành kinh tế; sự phân hóa các vùng kinh tế trên thế giới, ở Việt Nam và ở địa phương.

- CLO4: Thể hiện thái độ và tinh thần tôn trọng các quy luật tự nhiên, quy luật phát triển kinh tế; có ý thức trách nhiệm công dân đối với sự phát triển KTXH của đất nước; ý

thức bảo vệ tài nguyên, môi trường trong quá trình phát triển kinh tế. Có ý thức kỉ luật, nghiêm túc, luôn bình tĩnh, tự tin, chủ động học tập; độc lập trong tự học, tự nghiên cứu và năng lực vận dụng kiến thức đã học vào thiết kế giáo án các tiết học có nội dung địa lí KT-XH ở trường phổ thông.

- CLO5: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lí thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực địa lí kinh tế xã hội đại cương.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Một số vấn đề về nền kinh tế 1.1. Các nguồn lực phát triển kinh tế- xã hội 1.2. Cơ cấu nền kinh tế 1.3. Hệ thống không gian của nền kinh tế	3	3				20
Chương 2. Địa lí nông nghiệp 2.1. Những vấn đề lí luận chung 2.2. Những vấn đề lí luận chung 2.3. Các hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp	8	8		2		35
Chương 3. Địa lí công nghiệp 3.1. Những vấn đề lí luận chung 3.2. Địa lí các ngành công nghiệp 3.3. Các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp	8	8		2		35
Chương 4. Địa lí dịch vụ 4.1 Những vấn đề lí luận chung 4.2. Địa lí các ngành dịch vụ	8	8		2		35
Chương 5. Vận dụng LLDH Địa lí vào dạy phần Địa lí KT-XH đại cương 2 5.1. Vận dụng LLDH Địa lí vào dạy phần Địa lí KT-XH đại cương 2 5.2. Vận dụng LLDH Địa lí vào chương trình và SGK THPT mới		3				10
Tổng	27	30	0	6		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Đề đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1,2, 4,5	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4,5	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	20%
III. Thi cuối kì (01)				
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3,4,5	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 04 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- SV cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* **Giáo trình bắt buộc:**

1) Nguyễn Minh Tuệ (chủ biên) (2007), *Địa lý kinh tế - xã hội đại cương*, Nhà xuất bản ĐH Sư phạm Hà Nội.

* **Tài liệu tham khảo:**

1) Lê Văn Trường (2005), *Địa lý kinh tế xã hội đại cương*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

2) Nguyễn Minh Tuệ, Lê Thông (đồng chủ biên) (2011), *Địa lí dịch vụ (tập 1, tập 2)*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.

3) Các trang Web của: Tổng cục Thống kê Việt Nam, Thời báo kinh tế Việt Nam, phần mềm Encatar....

6.28. ĐỊA LÍ KINH TẾ - XÃ HỘI THẾ GIỚI 1/ SOCIOECONOMIC GEOGRAPHY WORLD 1

- Số tín chỉ: 04 (36 LT; 36 TL; 12 TH)
- Mã học phần: 125010
- Bộ môn quản lý học phần: Địa lí
- Điều kiện tiên quyết: Địa lí Kinh tế - xã hội đại cương 2

1. Mô tả học phần

Học phần Địa lí kinh tế- xã hội thế giới 1 cung cấp những kiến thức cơ bản, có hệ thống về nguồn lực phát triển, đặc điểm phát triển kinh tế - xã hội và phân bố các ngành sản xuất và dịch vụ, những vấn đề môi trường - phát triển của một số nước và khu vực châu Á và Châu Âu. Đánh giá và dự báo tác động của các hoạt động kinh tế - xã hội đối với tài nguyên và môi trường các nước châu Á, châu Âu.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị những kiến thức về về nguồn lực phát triển KT-XH, thực trạng và đặc điểm phát triển kinh tế- xã hội của các nước ở khu vực châu Á, châu Âu; người học hiểu rõ được quy luật phát triển và phân bố các ngành, các lĩnh vực kinh tế liên quan mật thiết với những hình thái kinh tế xã hội, lịch sử phát triển ở các quốc gia châu Á, châu Âu; Trên cơ sở đó, người học nắm được những vấn đề đặt ra hiện nay, dự báo tác động đối với sự phát triển kinh tế- xã, phương thức khai thác có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và nhân văn tại các nước châu Á, châu Âu.

- CO2: Người học có kỹ năng phân tích, đánh giá, tổng hợp, lập bảng thống kê và phân tích thống kê các chỉ tiêu về kinh tế xã hội các nước châu Á, châu Âu; kỹ năng phân tích, kỹ năng biên tập các bản đồ chuyên đề trên cơ sở các chỉ tiêu thống kê kinh tế- xã hội của nước châu Á, châu Âu. Tạo cho SV có tư duy lãnh thổ; định hướng không gian. Hoàn thiện kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để viết các báo cáo nhỏ, thuyết trình; phản biện một vấn đề dân cư, kinh tế- xã hội hoặc môi trường ở các nước châu Á, châu Âu;

- CO3: Người học có ý thức tôn trọng các quy luật tự nhiên, quy luật phát triển kinh tế; có ý thức trách nhiệm công dân đối với sự phát triển KT- XH của thế giới và đất nước; ý thức bảo vệ tài nguyên, môi trường trong quá trình phát triển kinh tế. Giúp SV hình thành ý thức kỉ luật, nghiêm túc, luôn bình tĩnh, tự tin, chủ động học tập; độc lập trong tự học, tự nghiên cứu và năng lực vận dụng kiến thức đã học vào thiết kế giáo án các tiết học có nội dung địa lí KT- XH thế giới ở trường phổ thông.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Làm rõ được những thuận lợi, khó khăn của các nguồn lực đối với sự phát triển KT - XH các nước châu Á, châu Âu; đánh giá được thực trạng phát triển KT-XH của các nước ở khu vực châu Á, châu Âu; Phân tích được quy luật phát triển và phân bố các ngành, các lĩnh vực kinh tế liên quan mật thiết với những hình thái kinh tế xã hội, lịch sử phát triển ở các quốc gia châu Á, châu Âu.

- CLO2: Phân tích, đánh giá được những vấn đề đặt ra hiện nay, dự báo tác động đối với sự phát triển kinh tế xã hội của các nước và khu vực, phương thức khai thác có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và nhân văn tại các nước châu Á, châu Âu với những hình thái kinh tế - xã hội khác nhau

- CLO3: Thành thạo các kỹ năng phân tích biểu đồ, bảng số liệu thống kê; kỹ năng đọc bản đồ kinh tế- xã hội; kỹ năng biên tập các bản đồ chuyên đề về các ngành kinh tế,

các vùng kinh tế của các nước gia c châu Á, châu Âu. Hoàn thiện kĩ năng vận dụng các kiến thức để viết các báo nhỏ, hoàn thiện kỹ năng thuyết trình; phản biện một vấn đề kinh tế- xã hội ở các nước châu Á, châu Âu.

- CLO4: Thể hiện quan điểm duy vật biện chứng và tư duy kinh tế; đánh giá đúng các xu hướng tích cực, tiêu cực của sự phát triển KT- XH; hình thành thế giới quan khoa học, nhận thức đúng bản chất các mối quan hệ giữa sự phát triển sản xuất với tài nguyên - môi trường trên thế giới và ở Việt Nam. Có ý thức kỉ luật, nghiêm túc, luôn bình tĩnh, tự tin, chủ động học tập; độc lập trong tự học, tự nghiên cứu và năng lực vận dụng kiến thức đã học vào thiết kế giáo án các tiết học có nội dung địa lí KT- XH thế giới ở trường phổ thông.

- CLO5: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lí thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực địa lí KT- XH thế giới.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Địa lí KT- XH các nước Châu Á 1.1. Khái quát điều kiện tự nhiên, dân cư, kinh tế- xã hội châu Á 1.2. Địa lí KT- XH các nước Đông- Bắc Á 1.3 Địa lí KT- XH các nước Trung Á 1.4 Địa lí KT- XH các nước Nam Á 1.5 Địa lí KT- XH các nước Đông Nam Á 1.6 Địa lí KT- XH các nước Tây Nam Á	18	18		6		90
Chương 2. Địa lí KT- XH các nước châu Âu 2.1 Khái quát điều kiện tự nhiên, dân cư, kinh tế- xã hội châu Âu 2.2. Địa lí KT- XH các nước Bắc Âu 2.3. Địa lí KT- XH hội các nước Trung Âu 2.4. Địa lí KT- XH các nước Nam Âu 2.5. Địa lí KT- XH các nước Đông Âu và SNG	18	18		6		90
Tổng	36	36	0	12		180

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Đề đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (05)				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1,2, 4,5	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4,5	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	20%
III. Thi cuối kì				
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3,4,5	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 04 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- SV cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình bắt buộc:*

1) Bùi Thị Hải Yến (2008), *Địa lí kinh tế- xã hội châu Âu*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

2) Bùi Thị Hải Yến (2009), *Địa lí kinh tế- xã hội châu Á*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

* *Tài liệu tham khảo:*

1) Bùi Thị Hải Yến (2012), *Địa lí kinh tế- xã hội thế giới*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

2) Đặng Hoàng Linh (2016), *Giáo trình Địa- kinh tế*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

6.29. ĐỊA LÍ KINH TẾ - XÃ HỘI THẾ GIỚI 2/SOCIOECONOMIC GEOGRAPHY WORLD 2

- Số tín chỉ: 02 (18 LT; 18 TL; 6 TH)
- Mã học phần: 125038
- Bộ môn quản lý học phần: Địa lí
- Điều kiện tiên quyết: Địa lí Kinh tế - xã hội đại cương 2

1. Mô tả học phần

Học phần Địa lí kinh tế- xã hội thế giới 2 cung cấp những kiến thức cơ bản, có hệ thống về nguồn lực phát triển, đặc điểm phát triển kinh tế - xã hội và phân bố các ngành sản xuất và dịch vụ, những vấn đề môi trường - phát triển của một số nước và khu vực châu Mỹ, châu Phi và châu Đại Dương. Đánh giá và dự báo tác động của các hoạt động kinh tế - xã hội đối với tài nguyên và môi trường các nước tiêu biểu ở châu Mỹ, châu Phi và châu Đại Dương như Hoa Kỳ, Canada, Mêhicô, Braxin, A-chentina, Cu Ba, Cộng hòa Nam Phi, Australia...

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị những kiến thức về nguồn lực phát triển KT- XH, thực trạng và đặc điểm phát triển kinh tế- xã hội của các nước ở khu vực châu Mỹ, châu Phi và châu Đại Dương; giúp SV hiểu rõ được quy luật phát triển và phân bố các ngành, các lĩnh vực kinh tế liên quan mật thiết với những hình thái kinh tế xã hội, lịch sử phát triển ở các quốc gia châu Mỹ, châu Phi và châu Đại Dương; Trên cơ sở đó, SV nắm được những vấn đề đặt ra hiện nay, dự báo tác động đối với sự phát triển kinh tế- xã, phương thức khai thác có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và nhân văn tại các nước châu Mỹ, châu Phi và châu Đại Dương;

- CO2: Người học có kỹ năng phân tích, đánh giá, tổng hợp, lập bảng thống kê và phân tích thống kê các chỉ tiêu về kinh tế xã hội các nước châu Mỹ, châu Phi và châu Đại Dương; kỹ năng phân tích, kỹ năng biên tập các bản đồ chuyên đề trên cơ sở các chỉ tiêu thống kê kinh tế- xã hội của nước châu Mỹ, châu Phi và châu ĐD. Tạo cho SV có tư duy lãnh thổ; định hướng không gian. Hoàn thiện kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để viết các báo cáo nhỏ, thuyết trình; phản biện một vấn đề dân cư, kinh tế- xã hội hoặc môi trường ở các nước châu Mỹ, châu Phi và châu Đại Dương;

- CO3: Người học có ý thức tôn trọng các quy luật tự nhiên, quy luật phát triển kinh tế; có ý thức trách nhiệm công dân đối với sự phát triển KT- XH của thế giới và đất nước; ý thức bảo vệ tài nguyên, môi trường trong quá trình phát triển kinh tế. Giúp SV hình thành ý thức kỉ luật, nghiêm túc, luôn bình tĩnh, tự tin, chủ động học tập; độc lập trong tự học, tự nghiên cứu và năng lực vận dụng kiến thức đã học vào thiết kế giáo án các tiết học có nội dung địa lí KT- XH thế giới ở trường phổ thông.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Làm rõ được những thuận lợi, khó khăn của các nguồn lực đối với sự phát triển KT - XH các nước châu Mỹ, châu Phi và châu Đại Dương; đánh giá được thực trạng phát triển KT- XH của các nước ở khu vực châu Mỹ, châu Phi và châu Đại Dương; Phân tích được quy luật phát triển và phân bố các ngành, các lĩnh vực kinh tế liên quan

mật thiết với những hình thái kinh tế xã hội, lịch sử phát triển ở các quốc gia châu Mỹ, châu Phi và châu Đại Dương.

- CLO2: Phân tích, đánh giá được những vấn đề đặt ra hiện nay, dự báo tác động đối với sự phát triển kinh tế xã hội của các nước và khu vực, phương thức khai thác có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và nhân văn tại các nước châu Mỹ, châu Phi và châu Đại Dương với những hình thái kinh tế - xã hội khác nhau

- CLO3: Thành thạo các kỹ năng phân tích biểu đồ, bảng số liệu thống kê; kỹ năng đọc bản đồ kinh tế- xã hội; kỹ năng biên tập các bản đồ chuyên đề về các ngành kinh tế, các vùng kinh tế của các nước gia châu Mỹ, châu Phi và châu Đại Dương. Hoàn thiện kỹ năng vận dụng các kiến thức để viết các báo nhỏ, hoàn thiện kỹ năng thuyết trình; phản biện một vấn đề kinh tế- xã hội ở các nước châu Mỹ, châu Phi và châu Đại Dương

- CLO4: Thể hiện quan điểm duy vật biện chứng và tư duy kinh tế; đánh giá đúng các xu hướng tích cực, tiêu cực của sự phát triển KT- XH; hình thành thế giới quan khoa học, nhận thức đúng bản chất các mối quan hệ giữa sự phát triển sản xuất với tài nguyên - môi trường trên thế giới và ở Việt Nam. Có ý thức kỉ luật, nghiêm túc, luôn bình tĩnh, tự tin, chủ động học tập; độc lập trong tự học, tự nghiên cứu và năng lực vận dụng kiến thức đã học vào thiết kế giáo án các tiết học có nội dung địa lí KT- XH thế giới ở trường phổ thông.

- CLO5: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lí thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực địa lí KT- XH thế giới.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Địa lí KT- XH các nước Châu Phi 1.1. Khái quát điều kiện tự nhiên, dân cư, kinh tế xã hội châu Phi 1.2. Địa lí kinh tế- xã hội một số nước Châu Phi 1.2.1 Cộng hòa Ả Rập Ai cập 1.2.2 Cộng hòa Nam Phi 1.2.3 Cộng hòa liên bang Nigieria 1.2.4 Cộng hòa Tanzania	7	7		2		35
Chương 2. Địa lí KT- XH các nước châu Mỹ 2.1 Khái quát điều kiện tự nhiên, dân cư, kinh tế xã hội châu Mỹ 2.2. Địa lí kinh tế- xã hội một số nước châu Mỹ 2.2.1 Địa lí KT- XH các quốc gia ở khu vực Bắc Mỹ 2.2.2 Địa lí KT- XH các quốc gia ở khu	7	7		2		35

vực Trung Mỹ và vùng vịnh Caribê 2.2.3 Địa lí KT- XH các quốc gia ở khu vực Nam Mỹ						
Chương 3. Địa lí KT- XH châu Đại dương 3.1. Khái quát điều kiện tự nhiên, dân cư, kinh tế xã hội các nước châu Đại dương 3.2. Địa lí kinh tế- xã hội một số nước châu Đại dương 3.2.1 Địa lí KT- XH Ôxtrâyli 3.2.2 Địa lí KT- XH New Zealand 3.2.3 Địa lí KT- XH Papua New Ghinê	4	4		2		20
Tổng	18	18	0	6		90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1,2, 4,5	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4,5	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	20%
III. Thi cuối kì				
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3,4,5	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 04 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- SV cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Giáo trình bắt buộc:**

1) Bùi Thị Hải Yến (2009), *Địa lí kinh tế- xã hội châu Mỹ, châu Phi và châu Đại Dương*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

*** Tài liệu tham khảo:**

1) Bùi Thị Hải Yến (2012), *Địa lí kinh tế- xã hội thế giới*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

2) Đặng Hoàng Linh (2016), *Giáo trình Địa- kinh tế*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

6.30. ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN VIỆT NAM I/VIETNAM'S NATURAL GEOGRAPHY 1

- Số tín chỉ: 03 (27 LT; 30 TL; 6 TH)

- Mã học phần: 125027

- Bộ môn quản lý học phần: Địa lí

- Điều kiện tiên quyết: Địa lí tự nhiên các châu lục (Phần 1)

1. Mô tả học phần

Học phần địa lí tự nhiên Việt Nam 1 trang bị các kiến thức về: Đặc điểm, ý nghĩa của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ; lịch sử hình thành và phát triển lãnh thổ Việt Nam; đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam; đặc điểm của các thành phần tự nhiên; vấn đề sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên; bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học nắm vững kiến thức về: đặc điểm, ý nghĩa của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, lịch sử hình thành và phát triển lãnh thổ Việt Nam; những đặc điểm cơ bản của các thành phần tự nhiên Việt Nam. Vận dụng để phân tích, đánh giá được mối quan hệ giữa các thành phần, quy luật và sự thay đổi của hệ thống tự nhiên; Người học có kiến thức về sử dụng hợp lí tài nguyên, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững tự nhiên Việt Nam.

- CO2: Người học có kĩ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá sự vật, hiện tượng địa lí; kĩ năng sử dụng thành thạo các bản đồ, biểu đồ, số liệu thống kê...

- CO3: Người học có kĩ năng viết báo cáo, viết bài luận; phản biện vấn đề. Kĩ năng tự học, tự nghiên cứu, làm việc nhóm, phối hợp giải quyết vấn đề; nâng cao tính sáng tạo, cách làm việc khoa học.

- CO4: Người học biết tôn trọng các quy luật tự nhiên, có ý thức quan tâm đến một số vấn đề liên quan đến tự nhiên của đất nước; có ý thức và hành động thiết thực bảo vệ tài

nguyên, môi trường.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Hiểu rõ và trình bày được: đặc điểm, ý nghĩa của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, lịch sử hình thành và đặc điểm chung của các thành phần tự nhiên Việt Nam.

- CLO2: Phân tích được các đặc điểm của từng thành phần tự nhiên nước ta. Nắm vững, đánh giá được thế mạnh, hạn chế của tất cả các thành phần tự nhiên, mối quan hệ giữa tự nhiên và sự phát triển KT-XH. Từ đó có ý thức, hành động thiết thực bảo vệ tự nhiên, môi trường.

- CLO3: Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá sự vật, hiện tượng địa lí; kỹ năng phân tích atlas, latcat địa lí; sử dụng thành thạo các bản đồ, biểu đồ, số liệu thống kê...

- CLO4: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lý thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến tự nhiên của đất nước; có ý thức bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên ở mỗi miền, khu vực tự nhiên ở nước ta.

4. Nội dung chi tiết học phần:

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Đặc điểm chung và lịch sử phát triển của tự nhiên Việt Nam 1.1. Vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ 1.1.1. Vị trí địa lí 1.1.2. Phạm vi lãnh thổ 1.2. Đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam 1.3. Lịch sử phát triển của tự nhiên Việt Nam. 1.3.1. Giai đoạn Tiền Cambri 1.3.2. Cổ kiến tạo 1.3.3. Tân kiến tạo	6	6				30
Chương 2. Đặc điểm chung của địa hình, khí hậu, thủy văn Việt Nam 2.1. Địa hình 2.1.1. Đặc điểm chung của địa hình 2.1.2. Các khu vực địa hình 2.1.3. Thực hành 2.2. Khí hậu 2.2.1. Đặc điểm chung của khí hậu Việt Nam 2.2.2. Các yếu tố khí hậu, so sánh các miền, vùng khí hậu Việt Nam 2.2.3. Thực hành 2.3. Thủy văn	8	10		4		40

2.3.1. Đặc điểm chung của thủy văn Việt Nam						
2.3.2. Mạng lưới sông ngòi Việt Nam phản ánh tác động tổng hợp giữa khí hậu nội chí tuyến gió mùa ẩm và cấu trúc địa hình đồi núi già được Tân kiến tạo làm trẻ lại						
2.3.3. Thủy chế sông ngòi Việt Nam theo sát nhịp điệu mùa mưa và mùa khô của khí hậu chí tuyến gió mùa ẩm.						
Chương 3. Đặc điểm chung của thổ nhưỡng, sinh vật, biển Đông	7	10		2		30
3.1. Thổ nhưỡng						
3.1.1. Đặc điểm chung của thổ nhưỡng Việt Nam						
3.1.2. Các nhóm và loại đất chính						
3.2. Sinh vật						
3.2.1. Đặc điểm chung của sinh vật Việt Nam						
3.2.2. Các hệ sinh thái ở Việt Nam						
3.3. Biển Đông						
3.3.1. Đặc điểm chung của biển Đông Việt Nam						
3.3.2. Đặc điểm địa chất - địa hình và khoáng sản Biển Đông						
3.3.3. Đặc điểm khí tượng - hải văn Biển Đông.						
Chương 4. Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững thiên nhiên Việt Nam	6	4				35
4.1. Đặc điểm chung của tài nguyên thiên nhiên Việt Nam						
4.2. Hiện trạng môi trường tự nhiên Việt Nam						
4.3. Phát triển kinh tế - sinh thái để cải tại tự nhiên Việt Nam						
Tổng	27	30	0	6		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1,2, 3,4	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	20%
III. Thi cuối kì				
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3,4	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 04 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* **Giáo trình bắt buộc:**

1) Vũ Tự Lập (2004), *Địa lí tự nhiên Việt Nam*, NXB ĐH Sư phạm.

* **Tài liệu tham khảo:**

2) Đặng Duy Lợi (Chủ biên) (2012), *Địa lí tự nhiên Việt Nam 1*, NXB ĐHSP.

3) Lê Bá Thảo (2008), *Thiên nhiên Việt Nam*, NXB GD

6.31. ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN VIỆT NAM 2/Viet Nam physical Geography 2

- Số tín chỉ: 03 (27 LT; 30 TL; 6 TH)
- Mã học phần: 125047
- Bộ môn quản lý học phần: Địa lí
- Điều kiện tiên quyết: Địa lí tự nhiên Việt Nam 1

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản, chi tiết về đặc điểm tự nhiên chung và đặc điểm của các thành phần địa lí tự nhiên của các miền, khu vực ở Việt Nam; người học nắm được các kỹ năng quan sát, phân tích, tổng hợp đặc điểm của các thành phần tự nhiên ở mỗi miền, khu vực địa lí tự nhiên để đưa ra những nhận xét và đánh giá khách quan về tiềm năng, thuận lợi, khó khăn của tự nhiên đối với phát triển KT-XH và BVMT. Thông qua nội dung bài giảng và quá trình học tập, NH có khả năng vận dụng những kiến thức đó vào thực tiễn sau khi ra trường.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hiểu và trình bày được các quy luật địa lý, các đặc điểm tự nhiên chung và cơ bản của các thành phần địa lý ở mỗi miền, khu vực địa lí tự nhiên Việt Nam; Phân tích và giải thích được hiện tượng tự nhiên; so sánh và đánh giá được thế mạnh, hạn chế của tự nhiên ở mỗi miền, khu vực địa lí tự nhiên Việt Nam.

- CO2: Có kỹ năng vẽ biểu đồ, xây dựng các lược đồ, bản đồ về Địa lí tự nhiên các miền và khu Việt Nam; Phân tích số liệu, bản đồ lát cắt địa hình, lát cắt địa lí tự nhiên tổng hợp, biểu đồ... về địa lí tự nhiên các miền và khu địa lí tự nhiên Việt Nam; kỹ năng báo cáo, thuyết trình.

- CO3: Có tinh thần, thái độ học tập nghiêm túc; có ý thức, trách nhiệm và có những hành động thiết thực trong việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường Việt Nam.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Hiểu và nắm vững các quy luật địa lý, các đặc điểm tự nhiên chung và đặc điểm của các thành phần tự nhiên ở mỗi miền, khu vực tự nhiên Việt Nam.

- CLO2: Phân tích và giải thích các đặc điểm, hiện tượng tự nhiên ở mỗi miền, khu vực tự nhiên Việt Nam; Xác định thuận lợi, khó khăn và đánh giá thế mạnh, hạn chế của tự nhiên mỗi miền, khu vực trong quá trình phát triển KT-XH và vấn đề BVMT.

- CLO3: Vẽ biểu đồ, sơ đồ; nhận xét và phân tích biểu đồ, bản đồ, lược đồ, bảng số liệu về các miền, khu vực tự nhiên Việt Nam; Nhận biết, phân tích, giải thích, đánh giá được các đặc trưng, tiềm năng, hạn chế, sự khác biệt về tự nhiên của mỗi miền, khu vực tự nhiên Việt Nam.

- CLO4: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập; Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, kỹ năng giải quyết vấn đề; nâng cao tính sáng tạo, cách làm việc khoa học; Chủ động học tập, nghiên cứu tài liệu; tích cực tham gia hoạt động nhóm; có trách nhiệm trong việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường tự nhiên trước các hoạt động KT-XH hiện nay.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Cơ sở lý luận về phân vùng địa lý tự nhiên Việt Nam 1.1. Các quy luật phân hóa địa lý tự nhiên Việt Nam 1.2. Nguyên tắc và phương pháp phân vùng địa lý tự nhiên 1.3. Hệ thống các đơn vị phân vùng địa lý tự nhiên Việt Nam	4	5				25
Chương 2. Miền bắc và Đông Bắc Bắc Bộ 2.1. Đặc điểm địa lý tự nhiên của miền bắc và Đông Bắc Bắc Bộ 2.1.1. Đặc điểm chung 2.1.2. Đặc điểm các thành phần tự nhiên 2.2. Sự phân hóa của miền thành các khu địa lý tự nhiên 2.2.1. Khu Việt Bắc 2.2.2. Khu Đông Bắc 2.2.3. Khu đồng bằng Bắc Bộ	7	7				35
Chương 3. Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ 3.1. Đặc điểm địa lý tự nhiên của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ 3.1.1. Đặc điểm chung 3.1.2. Đặc điểm các thành phần tự nhiên 2.2. Sự phân hóa của miền thành các khu địa lý tự nhiên 3.2.1. Khu Tây Bắc 3.2.2. Khu Bắc Trường Sơn 3.2.3. Khu đồng bằng Thanh Nghệ Tĩnh 3.2.4. Khu đồng bằng Bình Trị Thiên	9	10		2		42
Chương 4. Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ 4.1. Đặc điểm địa lý tự nhiên của miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ 4.1.1. Đặc điểm chung 4.1.2. Đặc điểm các thành phần tự nhiên 2.2. Sự phân hóa của miền thành các khu địa lý tự nhiên	7	8		2		33

4.2.1. Khu Nam Trường Sơn						
4.2.2. Khu đồng bằng ven biển Nam Trung Bộ						
4.2.3. Khu Đông Nam Bộ						
4.2.4. Khu Tây Nam Bộ						
Tổng	27	30	0	6		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1, 2,	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1, 2, 3, 4	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1, 2, 3, 4	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1, 2, 3, 4	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1, 2, 3, 4	20%
III. Thi cuối kì				
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1, 2, 3, 4	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1, 2, 3, 4	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 04 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* **Giáo trình bắt buộc:**

[1]. Đặng Duy Lợi (Chủ biên) (2007), *Giáo trình địa lý tự nhiên Việt Nam (phần khu vực)*, NXB ĐHQG HN.

* *Tài liệu tham khảo*

[2]. Vũ Tự Lập (1995), *Địa lý tự nhiên Việt Nam*, ĐHQG HN.

[3]. Lê Bá Thảo (2006), *Thiên nhiên Việt Nam*, NXB GD.

6.32. ĐỊA LÝ KINH TẾ - XÃ HỘI VIỆT NAM (Phần khái quát và các ngành kinh tế)/ VIETNAM'S ECONOMIC - SOCIAL GEOGRAPHY (General section and economic sectors)

- Số tín chỉ: 04 (36 LT; 36 TL; 12 TH)

- Mã số học phần: 125127

- Bộ môn quản lý học phần: Địa lí

- Điều kiện tiên quyết: Địa lý tự nhiên Việt Nam 2, Địa lí KT- XH đại cương 2

1. Mô tả học phần

Học phần Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam (Phần khái quát và các ngành kinh tế) cung cấp hệ thống các kiến thức về đặc điểm, vai trò của các nguồn lực phát triển KT - XH Việt Nam, gồm: vị trí địa lý, môi trường và tài nguyên thiên nhiên, những vấn đề địa lý dân cư (dân cư, lao động, dân tộc, sự phân bố dân cư và quần cư; chất lượng cuộc sống); Vai trò, đặc điểm, các điều kiện và xu thế phát triển của các ngành kinh tế ở Việt Nam, đặc điểm tổ chức lãnh thổ các ngành kinh tế của Việt Nam, bao gồm: nông – lâm – thủy sản; công nghiệp – xây dựng; các ngành thuộc lĩnh vực dịch vụ: giao thông vận tải, thương mại, du lịch.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học nắm vững những kiến thức về đặc điểm, vai trò của các nguồn lực phát triển KT - XH và những vấn đề địa lý dân cư Việt Nam. Đặc điểm, vai trò, các điều kiện phát triển của các ngành kinh tế; hiện trạng, xu hướng phát triển các ngành kinh tế, các phân ngành kinh tế của Việt Nam; đặc điểm tổ chức lãnh thổ các ngành kinh tế của Việt Nam.

- CO2: Người học có kỹ tính toán, đánh giá các chỉ tiêu phát triển kinh tế; kỹ năng phân tích, so sánh số liệu thống kê; nhận dạng và vẽ các biểu đồ, sơ đồ;

- CO3: Kỹ năng viết báo cáo, viết bài luận; trình bày vấn đề

- CO4: Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề; nâng cao tính sáng tạo, cách làm việc khoa học. Người học có ý thức tổ chức kỉ luật tốt, làm việc nghiêm túc, chủ động.

- CO5: Người học được bồi dưỡng tình yêu quê hương đất nước; có ý thức trách nhiệm công dân đối với sự phát triển KT - XH của đất nước; ý thức bảo vệ tài nguyên, môi trường trong quá trình phát triển kinh tế.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Sinh viên trình bày, hiểu và phân tích được các nguồn lực phát triển KT – XH của đất nước; vai trò, đặc điểm của các ngành kinh tế Việt Nam;

- CLO2: Phân tích mối quan hệ của các yếu tố nguồn lực trong quá trình phát triển KT - XH ở Việt Nam, đánh giá được những ảnh hưởng của các nguồn lực đối với sự phát triển KT - XH; vận dụng và phân tích được các nhân tố tác động đến sự phát triển và

phân bố các ngành kinh tế của Việt Nam; Sinh viên phân tích, đánh giá được hiện trạng và xu hướng phát triển các ngành kinh tế của Việt Nam; nguyên tắc, đặc điểm tổ chức lãnh thổ các ngành kinh tế.

- CLO3: Tính toán được một số chỉ tiêu KT - XH; vẽ biểu đồ, sơ đồ; đọc atlas Địa lí; có tư duy lãnh thổ; định hướng không gian

- CLO4: Thể hiện thái độ và tinh thần gìn giữ, trân trọng các giá trị tài nguyên tự nhiên và KT - XH của đất nước; đồng thời đưa ra được những kiến nghị và giải pháp khai thác tài nguyên bền vững và hiệu quả.

- CLO5: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lý thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực địa lí kinh tế Việt Nam.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Những đặc điểm cơ bản của tự nhiên Việt Nam. 1. Lãnh thổ Việt Nam là một khối thống nhất và toàn vẹn. 2. Lãnh thổ Việt Nam có vị trí địa lí đặc biệt ở Đông Nam Á. 2.1 . Việt Nam nằm trong khu vực có nền kinh tế phát triển năng động nhất thế giới 2.2. Việt Nam nằm gần trung tâm Đông Nam Á và ở ranh giới trung gian, tiếp giáp với các lục địa và đại dương 3. Việt Nam là đất nước có tính biển nhất trong số các nước trên bán đảo Đông Dương 4. Thiên nhiên Việt Nam mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa 5. Việt Nam là một lãnh thổ đa dạng với đồi núi chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích.	3	4		1		20
Chương 2. Tài nguyên thiên nhiên 1. Đặc điểm tài nguyên thiên nhiên 2. Các loại TNTN 2.1. TN đất 2.2. TN nước 2.3. TN sinh vật 2.4. TN khoáng sản	5	4		2		25
Chương 3. Dân số Việt nam 1. Đặc điểm dân số Việt nam	5	5		2		25

1.1. Số dân 1.2. Động lực tăng dân số 1.3. Dân số Việt Nam trong tương lai 2. Kết cấu dân số 3.1. Kết cấu dân tộc 3.2. Kết cấu sinh học 3.3. Kết cấu xã hội 3. Phân bố dân cư 4. Chất lượng cuộc sống						
Chương 4. Quần cư và đô thị hóa 1. Hệ thống quần cư 1.1. Quần cư nông thôn 1.2. Các loại hình thành thị 2. Đô thị hoá 2.1. Quá trình đô thị hoá 2.2. Quá trình đô thị hóa 2.3. Phân bố đô thị ở Việt Nam 2.4. Đặc điểm đô thị hóa	4	4		1		20
Chương 5: Địa lí nông lâm thủy sản 1. Địa lí ngành nông nghiệp 1.1. Khái quát chung 1.2. Địa lí các ngành nông nghiệp chủ yếu 1.3. Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp 2. Địa lí ngành lâm nghiệp 3. Địa lí ngành thủy sản	5	5		02		25
Chương 6: Địa lí công nghiệp 1. Khái quát chung 2. Các ngành công nghiệp chủ yếu 3. Tổ chức lãnh thổ công nghiệp	5	5		02		25
Chương 7: Địa lí giao thông vận tải 1. Vai trò của giao thông vận tải đối phát triển KTXH Việt Nam 2. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố giao thông vận tải 3. Sự phát triển và phân bố các loại hình vận tải chính 4. Các đầu mối giao thông vận tải chủ yếu	03	04		01		20
Chương 8: Địa lí thương mại và du lịch 8.1. Thương mại 8.2. Du lịch	06	05		01		20
Tổng	36	36	0	12		180

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (05)				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1,2, 4,5	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4,5	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	20%
III. Thi cuối kì				
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3,4,5	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 03 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* Giáo trình chính:

[1]. GS,TS Lê Thông (chủ biên) (2011), *Địa lí KT-XH Việt Nam*, Nhà xuất bản Đại học sư phạm, Hà Nội.

[2]. Đỗ Thị Minh Đức (chủ biên) (2011), *Giáo trình Địa lí KTXH Việt Nam* (tập 1, Nhà xb đại học sư phạm, Hà Nội).

* Giáo trình tham khảo

[1]. Nguyễn Minh Tuệ, Lê Thông (đồng chủ biên) (2012), *Địa lí nông lâm thủy sản*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.

[2]. Lê Thông, Nguyễn Minh Tuệ (đồng chủ biên) (2011), *Địa lí dịch vụ* (tập 1), NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.

[3]. Tổng cục thống kê, *Niên giám thống kê Việt Nam* (hàng năm), NXB Thống kê.

6.33 ĐỊA LÍ CÁC VÙNG KINH TẾ VIỆT NAM/SOCIOECONOMIC GEOGRAPHY OF VIETNAM

- Số tín chỉ: 3TC (27 LT; 30 TL; 6 TH)

- Mã học phần: 125132

- Bộ môn quản lý học phần: Địa lí

- Điều kiện tiên quyết: Địa lí KT-XH Việt Nam (phần KQ và các ngành KT)

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần gồm các vấn đề: (1). Những vấn đề chung về vùng và phân vùng: khái niệm các loại vùng kinh tế, quan niệm về vùng và hệ thống phân vùng qua các giai đoạn lịch sử ở Việt Nam; (2). Vị trí địa lý các vùng lãnh thổ (8 vùng kinh tế - xã hội và 4 vùng kinh tế trọng điểm), điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên nhân văn, hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội, bộ khung lãnh thổ (hệ thống đô thị, giao thông), định hướng phát triển của 7 vùng kinh tế - xã hội của nước ta: vùng Trung du miền núi Bắc Bộ, vùng Đồng Bằng Sông Hồng, Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long; (3). Khái quát về 4 vùng kinh tế trọng điểm (VKTTĐ) trong cơ cấu lãnh thổ của Việt Nam: VKTTĐPB, VKTTĐMT, VKTTĐPN, VKTTĐĐBSCL

2. Mục tiêu học phần

- CO1: SV hiểu được các quan niệm về vùng và hệ thống phân vùng qua các giai đoạn lịch sử ở Việt Nam; phân tích đặc điểm về vị trí địa lý, tài nguyên thiên nhiên và điều kiện kinh tế - xã hội. Đánh giá được thế mạnh, hạn chế, cơ hội và thách thức trong phát triển kinh tế - xã hội các vùng kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm ở Việt Nam. Vận dụng các kiến thức nguồn lực để giải thích hiện trạng phát triển các ngành kinh tế - xã hội ở các vùng lãnh thổ của nước ta.

- CO2: Rèn luyện kỹ năng phân tích, xử lý số liệu thống kê, biểu đồ. Thành thạo kỹ năng đọc và phân tích Atlas Địa lý. Hoàn thiện kỹ năng viết và trình bày báo cáo; kỹ năng làm việc nhóm

- CO3: Nhận thức đúng đắn về vai trò của TNTN, nguồn lực phát triển đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của lãnh thổ. Phát triển năng lực tự học, tự tích lũy kiến thức, kinh nghiệm.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Hiểu và vận dụng được các quan niệm, phân loại và hệ thống phân vùng qua các giai đoạn lịch sử ở Việt Nam

- CLO2: Phân tích đặc điểm về vị trí địa lý, tài nguyên thiên nhiên và điều kiện kinh tế - xã hội. Đánh giá được thế mạnh, hạn chế, cơ hội và thách thức trong phát triển kinh tế - xã hội các vùng kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm ở Việt Nam

- CLO3: Vận dụng các kiến thức nguồn lực để giải thích hiện trạng phát triển các ngành kinh tế - xã hội các vùng kinh tế Việt Nam

- CLO4: Hoàn thiện và phát triển kỹ năng phân tích, xử lý số liệu thống kê, biểu đồ.
- CLO5: Thành thạo kỹ năng đọc và phân tích Atlas Địa lý
- CLO6: Hoàn thiện kỹ năng viết và trình bày báo cáo; kỹ năng làm việc nhóm
- CLO7: Phát triển năng lực tự học, tự tích lũy kiến thức, kinh nghiệm.
- CLO8: Năng lực làm chủ nhóm, hợp tác nhóm: lập kế hoạch, điều phối và tổ chức hoạt động nhóm

4. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<p>Nội dung 1: Những vấn đề chung về tổ chức không gian kinh tế - xã hội (LT:4; TL:0)</p> <p>I. Tổ chức không gian kinh tế - xã hội</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm và đặc tính 2. Cấp vị lãnh thổ và đối tượng 3. Nguyên tắc và nội dung 4. Các giải pháp 5. Các hình thức cơ bản của tổ chức không gian KTXH <p>II. Quan niệm về vùng qua các giai đoạn</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Quan niệm 2. Hệ thống vùng qua các giai đoạn lịch sử <p>III. Mối quan hệ giữa phân vùng kinh tế với các vấn đề kinh tế - xã hội ở nước ta</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Phân vùng (Tổ chức không gian kinh tế) với xóa đói, giảm nghèo 2. Phân vùng kinh tế với CNH – HĐH đất nước 3. Phân vùng kinh tế với vấn đề môi trường 4. Phân vùng kinh tế với xóa đói giảm nghèo 	4	0	0	0	0	15
<p>Nội dung 2: Vùng trung du miền núi phía Bắc (LT:3; TL:4)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Vị trí địa lý 2. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên 3. Tài nguyên nhân văn 	3	4	0	0	0	15

4. Hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội 5. Bộ khung lãnh thổ của vùng 6. Định hướng phát triển						
Nội dung 3: Vùng Đồng Bằng Sông Hồng (LT: 3; TL: 4) 1. Vị trí địa lí 2. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên 3. Tài nguyên nhân văn 4. Hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội 5. Bộ khung lãnh thổ của vùng 6. Định hướng phát triển	3	4	0	0	0	15
Nội dung 4: Vùng Bắc Trung Bộ (LT3; TL:3) 1. Vị trí địa lí 2. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên 3. Tài nguyên nhân văn 4. Hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội 5. Bộ khung lãnh thổ của vùng 6. Định hướng phát triển	3	3	0	0	0	10
Nội dung 5: : Vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ (LT: 3; TL: 3) 1. Vị trí địa lí 2. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên 3. Tài nguyên nhân văn 4. Hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội 5. Bộ khung lãnh thổ của vùng 6. Định hướng phát triển	3	3	0	0	0	10
Nội dung 6: Vùng Tây Nguyên (LT: 3; TL: 2) 1. Vị trí địa lí 2. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên 3. Tài nguyên nhân văn 4. Hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội 5. Bộ khung lãnh thổ của vùng 6. Định hướng phát triển	3	2	0	0	0	10
Nội dung 7: Vùng Đông Nam Bộ (LT: 3; TL: 4) 1. Vị trí địa lí 2. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên	3	4	0	0	0	15

3. Tài nguyên nhân văn 4. Hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội 5. Bộ khung lãnh thổ của vùng 6. Định hướng phát triển						
Nội dung 8: Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long (LT: 3; TL: 4) 1. Vị trí địa lí 2. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên 3. Tài nguyên nhân văn 4. Hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội 5. Bộ khung lãnh thổ của vùng 6. Định hướng phát triển	3	4	0	0	0	15
Nội dung 9: Vùng kinh tế trọng điểm Phía Bắc và Miền Trung (LT1; TL: 3; TH: 3) 1. Phạm vi lãnh thổ và vai trò của vùng 2. Các nguồn lực chính để phát triển kinh tế - xã hội 3. Hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội 4. Định hướng phát triển	1	3	0	3	0	15
Nội dung 10: Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và VKTTĐ ĐBSCL (LT1: TL 3; TH: 3) 1. Phạm vi lãnh thổ và vai trò của vùng 2. Các nguồn lực chính để phát triển kinh tế - xã hội 3. Hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội 4. Định hướng phát triển	1	3	0	3	0	15
Tổng	27	30	0	6	0	135

5. Phương pháp dạy – học

Học phần kết hợp các phương pháp dạy học phát huy năng lực và phương pháp đánh giá để hình thành kiến thức mới, rèn luyện các kỹ năng nhằm đạt mục tiêu của học phần.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1, CLO2	30%

2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO3, CLO4	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO7, CLO8	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO3, 6,7,8	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO3,6,8	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO2,3,4,5	20%
III. Thi cuối kì				
1	Vấn đáp	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5,6,7,8	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3,4,5,6,7,8	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

[1]. Lê Thông (Chủ biên), (2011), *Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam*, ĐHSP HN.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

[1]. Nguyễn Viết Thịnh, Đỗ Thị Minh Đức (2006), *Giáo trình Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam*, Nxb Giáo dục.

[2]. Lê Thông – Nguyễn Quý Thao (2012), *Việt Nam, các vùng kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm*, NXB Thế giới.

6.34. LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC ĐỊA LÍ/ THEORY AND METHODS OF TEACHING GEOGRAPHY

- Số tín chỉ: 04 (36 LT; 30 TL; 18 TH)

- Mã học phần: 125133

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Địa lí

- Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học

1. Mô tả học phần

Học phần Lí luận dạy học Địa lí bao gồm những nội dung cơ bản sau: Môn địa lý trong nhà trường phổ thông và quá trình nắm tri thức của học sinh; Vận dụng các nguyên tắc và các hình thức tổ chức dạy học địa lý; Các phương tiện và thiết bị dạy học địa lý; Các phương pháp dạy học, kĩ thuật dạy học địa lý; Hồ sơ chuyên môn, kế hoạch giảng dạy, giáo án địa lý; Kiểm tra, đánh giá trong dạy học địa lý; phát triển chương trình nhà trường và thiết kế chương trình môn Địa lí trong nhà trường phổ thông.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học hiểu được những vấn đề chung về lí luận dạy học địa lí ở trường phổ thông; việc vận dụng các nguyên tắc, quan điểm và xu thế mới vào dạy học địa lý; các phương pháp dạy học địa lý; các phương tiện và thiết bị dạy học địa lý; hình thức tổ chức dạy học địa lý; lập kế hoạch, chỉ đạo HS học tập; kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh; những kỹ năng cần thiết cho việc dạy học địa lý.

- CO2: Người học vận dụng được những kiến thức, kỹ năng chuyên ngành Địa lí đã học vào giảng dạy môn Địa lí ở trường phổ thông: kỹ năng sử dụng các phương pháp, kỹ thuật, hình thức tổ chức dạy học, làm và sử dụng phương tiện dạy học.

- CO3: Người học xây dựng được kế hoạch bài học (soạn giáo án) và lựa chọn các phương pháp dạy học theo chương trình giáo dục phổ thông mới với định hướng năng lực; Biết phát triển chương trình nhà trường và thiết kế chương trình môn Địa lí trong nhà trường phổ thông.

- CO4: Người học sử dụng được các phương tiện và thiết bị dạy học theo hướng phát huy năng lực người học ở trường phổ thông.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Làm rõ được những vấn đề chung về lí luận dạy học địa lí ở trường phổ thông; việc vận dụng các nguyên tắc, quan điểm và xu thế mới vào dạy học địa lý; các phương pháp dạy học địa lý; các phương tiện và thiết bị dạy học địa lý; hình thức tổ chức dạy học địa lý; lập kế hoạch, chỉ đạo HS học tập; kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh; những kỹ năng cần thiết cho việc dạy học địa lý.

- CLO2: Có kỹ năng xây dựng kế hoạch bài học (soạn giáo án) theo chương trình giáo dục phổ thông mới và sử dụng được các phương pháp, kĩ thuật dạy học theo hướng phát huy năng lực người học ở trường phổ thông.

- CLO3: Sử dụng được các phương tiện và thiết bị dạy học theo hướng phát huy năng lực người học; Biết phát triển chương trình nhà trường và thiết kế chương trình môn Địa lí trong nhà trường phổ thông.

- CLO4: Thực hành xây dựng kế hoạch dạy học và giảng dạy môn Địa lí; có ý thức rèn luyện chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đổi mới phương pháp dạy học.

- CLO5: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lí thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến phương pháp dạy học Địa lí

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Môn Địa lý trong nhà trường phổ thông 1. Khoa học địa lí và môn địa lí trong nhà trường phổ thông 2. Điểm giống và khác nhau giữa Khoa học địa lí và môn địa lí trong nhà trường 3. Vị trí chức năng và nhiệm vụ của môn Địa lí trong nhà trường phổ thông. 4. Những vấn đề chung về đổi mới GD phổ thông	4	3				18
Chương 2. Hệ thống tri thức Địa lí trong nhà trường phổ thông và quá trình nắm tri thức của học sinh 1. Các loại tri thức địa lí 2. Các kĩ năng, kĩ xảo địa lí. 3. Quá trình nắm các tri thức Địa lí của học sinh.	4	3				18
Chương 3. Việc vận dụng các nguyên tắc vào dạy học Địa lý 1. Nguyên tắc đảm bảo tính khoa học, tính vừa sức với học sinh 2. Nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống và liên hệ với thực tiễn. 3. Nguyên tắc đảm bảo tính giáo dục 4. Nguyên tắc đảm bảo tính tự lực và phát triển tư duy cho HS.	2	3				18
Chương 4. Các hình thức tổ chức dạy học Địa lí 1. Hình thức tổ chức dạy học, phân loại hình thức tổ chức dạy học địa lí 2. Bài học, tiết học trong dạy học địa lí ở trường phổ thông 3. Các kiểu tiết học địa lí 4. Quan hệ giữa các HTTC dạy học với các loại tri thức địa lí.	2	3				18
Chương 5. Các phương tiện và thiết bị dạy học Địa lí 1. Khái niệm phương tiện dạy học 2. Phân loại các phương tiện dạy học địa lí.	4	3				18

3. Vai trò của các nhóm phương tiện dạy học trong quá trình dạy học địa lí. 4. Quy trình sử dụng các phương tiện, thiết bị dạy học địa lí					
Chương 6. Các phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học Địa lí 1. Khái niệm quan điểm, phương pháp, kỹ thuật dạy học. Phân loại PPDH địa lí 2. Phân loại PPDH. 3. Khái niệm về phương pháp dạy học tích cực 4. Những PPDH tích cực cần được phát triển.	6	3			18
Chương 7. Hồ sơ chuyên môn, kế hoạch giảng dạy, giáo án Địa lí 1. Hồ sơ giáo viên 2. Kế hoạch giảng dạy 3. Giáo án địa lí 4. Soạn GA địa lí theo định hướng sử dụng các PPDH tích cực	6	3			18
Chương 8. Kiểm tra, đánh giá trong dạy học Địa lí 1. Mục đích, ý nghĩa và các nội dung cần đánh giá trong dạy học địa lí 2. Các yêu cầu của đánh giá trong dạy học địa lí (xét về yêu cầu SP) 3. Các loại công cụ đánh giá trong dạy học địa lí	6	3			18
Chương 9. Phát triển chương trình nhà trường Và chương trình giáo dục môn Địa lí 1. Một số quan niệm tiêu biểu về chương trình giáo dục 2. Tiếp cận chương trình giáo dục 3. Khái niệm chương trình môn học 4. Cấu trúc chương trình môn học 5. Phát triển chương trình giáo dục 6. Tiền đề, cấu trúc, quy trình 7. Phát triển chương trình nhà trường 8. Khái niệm chương trình đóng và chương trình mở	2	3			18
Chương 10. Thực hành xây dựng kế hoạch dạy học, kế hoạch bài dạy và giảng dạy môn Địa lí THPT, THCS	0	3		18	18
Tổng	36	30		18	180

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Đề đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (05)				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1, 2, 3, 4	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1, 2, 3	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1, 2, 3, 4,5	
5	Thuyết trình, thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1, 2, 3, 4, 5	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1, 2, 3	20%
III. Thi cuối kì				
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1, 2, 3	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1, 2, 3, 4,5	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 05 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* **Giáo trình bắt buộc:**

1. Nguyễn Dược-Nguyễn Trọng Phúc (2012), *Lý luận dạy học địa lý*, NXB ĐH Sư phạm.

2. Lê Thông (2019), *Hướng dẫn dạy học môn Địa lí THPT theo CTGDPT mới*, NXB ĐHSP.

*** Tài liệu tham khảo:**

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018) *Chương trình giáo dục phổ thông: Chương trình tổng thể; Môn Lịch sử và Địa lí (cấp THCS); Môn Địa lí (cấp THPT)*.
2. Lê Thông - Nguyễn Minh Tuệ (2018), *Day học phát triển năng lực môn Địa lí THPT*, NXB. ĐHSP
3. Phạm Hồng Tung – Nguyễn Việt Thịnh (đồng chủ biên) (2019), *Hướng dẫn dạy học môn Lịch sử và Địa lí THCS theo chương trình giáo dục phổ thông mới*, NXB ĐHSP.
4. Trần Chí Bình (2014), *Năng lực quản lí và phát triển chương trình giáo dục ở THPT*, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Dự án phát triển giáo dục THPT (Tài liệu điện tử).

6.35. THỰC HÀNH PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN ĐỊA LÝ/Practice geography teaching methods

- Số tín chỉ: 04 (36 LT; 18 TL; 30 TH)
- Mã học phần: 125134
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Địa lí
- Điều kiện tiên quyết: Lí luận và phương pháp dạy học Địa lí

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Sinh viên sẽ tiến hành tập giảng các bài của Chương trình địa lí phổ thông (theo Chương trình giáo dục phổ thông mới), từ lớp 6 đến lớp 12 theo quy trình sau: Phổ biến các yêu cầu, sinh viên tiến hành thực hiện, nhóm cùng giáo viên tiến hành nhận xét, rút ra các kết luận sự phạm và đánh giá (thông qua phiếu đánh giá).

2. Mục tiêu học phần

CO1: Sinh viên hiểu và vận dụng được các kiến thức về phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học, nội dung và các bước xây dựng kế hoạch dạy học để thiết kế hoàn chỉnh một tiết dạy Địa lí, một nội dung kiến thức Địa lí trong chương trình phổ Địa lí THCS và PTTH

CO2: Thành thạo kỹ năng sử dụng phương pháp dạy học trong môn Địa lí, xây dựng kế hoạch dạy học. Hình thành các kỹ năng phân tích bài học, kỹ năng tổ chức lớp học, kỹ năng bao quát lớp, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng huy động sự hợp tác của học sinh...

CO3: Sinh viên có thái độ chủ động, tích cực học hỏi, say mê, hứng thú với các bài dạy của mình và của bạn; bồi dưỡng lòng yêu nghề và tác phong sự phạm.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

CLO1: Hiểu và vận dụng được các kiến thức về phương pháp dạy học trong thiết kế 1 tiết học Địa lí ở PT

CLO2: Hiểu và vận dụng các hình thức tổ chức dạy học phù hợp với nội dung bài dạy trong môn Địa lí

CLO3: Phân tích nội dung và các bước xây dựng kế hoạch dạy học trong môn địa lí ở THCS và THPT

CLO4: Thành thạo kỹ năng sử dụng phương pháp dạy học trong môn Địa lí, xây dựng kế hoạch dạy học

CLO5: Hình thành các kỹ năng phân tích bài học, kỹ năng tổ chức lớp học, kỹ năng bao quát lớp, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng huy động sự hợp tác của học sinh...

CLO6: Chủ động, tích cực học hỏi; say mê, hứng thú với bài dạy, bồi dưỡng lòng yêu nghề và tác phong sư phạm

CLO7: Năng lực tổ chức hoạt động giáo dục trong nhà trường

4. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học				Tự học	
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành		Khác
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<p>NỘI DUNG 1: THỰC HÀNH DẠY HỌC ĐỊA LÍ LỚP 6,7,8, 9</p> <p>1.1. Một số yêu cầu chung</p> <p>1.1.1. Chuẩn bị giáo án đánh máy hoặc giáo án điện tử</p> <p>1.1.2. Chuẩn bị đầy đủ về các phương tiện: Bản đồ, thước, phấn, giấy rooki...</p> <p>1.1.3. Thời gian cho một tiết thực hành 50 phút</p> <p>1.1.4. Ăn mặc, tác phong... đúng phong cách sư phạm</p> <p>1.2. Sinh viên thực hiện</p> <p>Bài 1: Các yếu tố cơ bản trên bản đồ (Chủ đề: Bản đồ: Phương tiện thể hiện bề mặt TD; Địa lí 6 – CTGDPT mới)</p> <p>Bài 2: Chuyển động của Trái đất và hệ quả Địa lý (Chủ đề: Trái Đất – Hành tinh của hệ Mặt Trời; Địa lí 6 – CTGDPT mới)</p> <p>Bài 3: Nước ngầm và băng hà (Chủ đề: Nước trên Trái Đất; Địa lí 6 – CTGDPT mới)</p> <p>Bài 4: Các đới thiên nhiên và môi trường núi cao Châu Âu (Chủ đề: Châu Âu – Địa lí 7 – CTGDPT mới)</p> <p>Bài 5: Đặc điểm dân cư, xã hội Châu Á (Chủ đề: Châu Á – Địa lí 7 – CTGDPT mới)</p> <p>Bài 6: Đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ (Chủ đề: Đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ Việt Nam – Địa lí lớp 8 – CTGDPT mới)</p> <p>Bài 7: Biển đảo Việt Nam (Địa lí 8 –</p>	14	6		10	0	60

<p>CTGDPT mới)</p> <p>Bài 8. Địa lý dân cư Việt Nam (Địa lí 9 – CTGDPT mới)</p> <p>Bài 9. Vùng Bắc Trung Bộ (Địa lí 9 – CTGDPT mới)</p> <p>Bài 10. Đô thị hóa ở Việt Nam, đô thị và phát triển vùng (Chủ đề chung – Địa lí 9 – CTGDPT mới)</p>						
<p>NỘI DUNG 2: THỰC HÀNH DẠY HỌC ĐỊA LÍ LỚP 10, 11, 12</p> <p>2.1. Một số yêu cầu chung</p> <p>2.1.1. Chuẩn bị giáo án đánh máy hoặc giáo án điện tử</p> <p>2.1.2. Chuẩn bị đầy đủ về các phương tiện: Bản đồ, thước, phấn, giấy rooki...</p> <p>2.1.3. Thời gian cho một tiết thực hành 50 phút</p> <p>2.1.4. Ăn mặc, tác phong...đúng phong cách sư phạm</p> <p>2.2. Sinh viên thực hiện</p> <p>Bài 1: Các đới và kiểu khí hậu trên Trái Đất (Chủ đề: Khí quyển – Địa lí 10 – CTGDPT mới)</p> <p>Bài 2: Các nguồn lực phát triển kinh tế (Chủ đề: Các nguồn lực, một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế - Địa lí 10 – CTGDPT mới)</p> <p>Bài 3: Thực hành nhận xét sự phân bố các vành đai động đất, núi lửa và các vùng núi trẻ trên bản đồ (Địa lí 10 – CTGDPT mới)</p> <p>Bài 4: Khu vực Đông Nam Á (Địa lí 11 – CTGDPT mới)</p> <p>Bài 5: Tự nhiên, dân cư, xã hội (Chủ đề: Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc) – Địa lí 11 – CTGDPT mới)</p> <p>Bài 6: Đặc điểm phát triển kinh tế (Chủ đề: Hợp chủng quốc Hoa Kỳ - Địa lí 11 – CTGDPT mới)</p> <p>Bài 7: Thiên nhiên nhiệt đới ẩm, gió mùa (Chủ đề: Địa lý tự nhiên – Địa lí 12 – CTGDPT mới)</p> <p>Bài 8. Lao động và việc làm (Chủ đề:</p>	14	8	0	14	0	60

Dân số - Địa lí 12 – CTGDPT mới) Bài 9. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế (Địa lí 12 – CTGDPT mới) Bài 10. Phát triển kinh tế biển ở duyên hải Nam Trung Bộ (Địa lí 12 – CTGDPT mới)						
NỘI DUNG 3: THỰC HÀNH DẠY HỌC MỘT SỐ CHUYÊN ĐỀ THPT Bài 1: Biến đổi khí hậu (Chuyên đề 10.1 – Địa lí 10 – CTGDPT mới) Bài 2. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (Chuyên đề 11.3 – Địa lí 11 – CTGDPT mới) Bài 3: Phát triển làng nghề (Chuyên đề: 12.3 – Địa lí 12 – CTGDPT mới)	8	4	0	6	0	60
Tổng	36	18	0	30	0	180

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; ; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm; đóng vai

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (05)				
1	Tự luận	Rubric tự luận	CLO1,2,3	30%
2	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO6,7	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,6	
4	Giờ dạy mẫu	Rubric giờ dạy mẫu	CLO4,5,7	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Tự luận (Thiết kế hoạt động dạy học)	Tiêu chí đánh giá giáo án	CLO1,2,3	20%
III. Thi cuối kì				
	Thực hành	Đề thi thực hành	CLO4,5,6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính

- [1]. Phạm Hồng Tung – Nguyễn Việt Thịnh (Đồng chủ biên). *Hướng dẫn dạy học môn Lịch sử và Địa lí THCS theo CTGDPT mới*. NXB ĐHSP - 2019
- [2]. Lê Thông (Chủ biên). *Hướng dẫn dạy học môn Địa lí THPT theo CTGDPT mới*. NXB ĐHSP – 2019

8.2. Tài liệu tham khảo

- [3]. Sách giáo khoa địa lí lớp 6,7,8,9,10,11,12 (Cập nhật thay sách đến thời điểm thực hiện học phần)
- [4]. Lê Thông – Nguyễn Minh Tuệ (Đồng chủ biên). *Dạy học phát triển năng lực môn Địa lí THPT*. NXB ĐHSP – 2018

4.36. Chọn 1 trong 2 học phần

6.36a. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ TRONG DẠY HỌC ĐỊA LÍ/Assessment test in teaching Geography

- Số tín chỉ: 03 (27 LT; 30 TL; 6 TH)
- Mã học phần: 125136
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Địa lí
- Điều kiện tiên quyết: Lí luận và phương pháp dạy học Địa lí

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần cung cấp các nội dung kiến thức sau: Mục đích, nhiệm vụ của kiểm tra đánh giá trong giảng dạy Địa lí; cơ sở lý thuyết của kiểm tra, đánh giá trong giảng dạy Địa lí; các phương pháp và công cụ kiểm tra, đánh giá trong dạy học Địa lí; xử lý và phản hồi kết quả kiểm tra đánh giá.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Sinh viên hiểu và phân biệt các khái niệm liên quan đến kiểm tra, đánh giá trong dạy học; vận dụng được cơ sở lý thuyết về phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá; hiểu và vận dụng được các nội dung liên quan đến xử lý và phản hồi kết quả kiểm tra đánh giá.

CO2: Hoàn thiện kỹ năng thiết kế các dạng bài kiểm tra đánh giá trong dạy học Địa lí. Hình thành kỹ năng tổ chức kiểm tra đánh giá trực tiếp và trực tuyến trong giảng dạy Địa lí ở trường phổ thông. Nâng cao năng lực làm việc nhóm và khả năng tự học.

CO3: Hình thành nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của kiểm tra, đánh giá trong dạy học Địa lí ở trường phổ thông. Nâng cao ý thức tự giác, tinh thần hợp tác và tự duy phản biện, đánh giá khách quan trong học tập cá nhân cũng như hoạt động nhóm.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

CLO1: Hiểu và phân biệt các khái niệm liên quan đến kiểm tra, đánh giá trong DH.

CLO2: Vận dụng được cơ sở lý thuyết về phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá

CLO3: Hiểu và vận dụng được các nội dung liên quan đến xử lý và phản hồi kết quả kiểm tra đánh giá.

CLO4: Hoàn thiện kỹ năng thiết kế các dạng bài kiểm tra đánh giá trong dạy học Địa lí

CLO5: Hình thành kỹ năng tổ chức kiểm tra đánh giá trực tiếp và trực tuyến trong giảng dạy Địa lí ở trường phổ thông.

CLO6: Nâng cao năng lực làm việc nhóm và khả năng tự học.

CLO7: Hình thành nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của kiểm tra, đánh giá trong dạy học Địa lí ở trường phổ thông

CLO8: Nâng cao ý thức tự giác, tinh thần hợp tác và tư duy phản biện, đánh giá khách quan trong học tập cá nhân cũng như hoạt động nhóm.

4. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Cơ sở lý luận về kiểm tra đánh giá trong giáo dục 1.1. Vai trò của kiểm tra đánh giá trong giáo dục 1.2. Mục đích, mục tiêu của kiểm tra đánh giá trong giáo dục 1.3. Các hình thái đánh giá trong giáo dục 1.4. Các khái niệm cơ bản 1.5. Các loại hình đánh giá trong giáo dục 1.6. Lý thuyết khảo thí cổ điển và khảo thí hiện đại 1.7. Quy trình và năng lực thiết lập một kế hoạch đánh giá phù hợp	10	8	0	0	0	50
Chương 2: Các phương pháp và công cụ kiểm tra đánh giá trong dạy học Địa lí 2.1. Các phương pháp kiểm tra đánh giá 2.2. Một số công cụ kiểm tra đánh giá 2.3. Kiểm tra đánh giá năng lực của học sinh 2.4. Đánh giá kết quả học tập trên lớp 2.5. Quy trình và kỹ thuật thiết kế đề kiểm tra, thi trắc nghiệm khách quan 2.6. Quy trình và kỹ thuật thiết kế đề kiểm tra, thi kiểu tự luận	10	14	0	6	0	50

2.7. Ứng dụng CNTT trong thiết kế bài kiểm tra trực tuyến						
Chương 3: Xử lý và phản hồi kết quả kiểm tra đánh giá trong dạy học Địa lí						
3.1. Xu hướng đổi mới và triết lý đánh giá vì sự tiến bộ học tập						
3.2. Yêu cầu, nguyên tắc kiểm tra đánh giá hỗ trợ cải tiến chất lượng học tập	7	8	0	0	0	35
3.3. Xử lý kết quả kiểm tra đánh giá						
3.4. Phản hồi kết quả kiểm tra đánh giá						
3.5. Các quan điểm và văn bản hiện hành về kiểm tra đánh giá						
Tổng	27	30	0	6	0	135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; ; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm; đóng vai

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,3,5	30%
2	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO7,8	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO3,4,5,6,8	
4	Tự luận cá nhân	Rubric tự luận	CLO2,3,4	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Tự luận (Thiết kế bài kiểm tra)	Đề thi và đáp án	CLO2,3,4,5	20%
III. Thi cuối kỳ				
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5,6	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubrics BTL	CLO2,3,4,5,6,7	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm KT giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ ĐK dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính

[1]. Nguyễn Công Khanh (chủ biên). Giáo trình kiểm tra đánh giá trong giáo dục. NXB ĐHSP, 2017.

8.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Sách giáo khoa địa lí lớp 6,7,8,9,10,11,12 (Cập nhật thay sách đến thời điểm thực hiện học phần).

[2] Nguyễn Trọng Phúc. *Trắc nghiệm khách quan và vấn đề đánh giá trong giảng dạy Địa lý*. NXB ĐHSP – 2008.

6.36b. ÁP DỤNG CÁC PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TÍCH CỰC TRONG MÔN ĐỊA LÍ/ APPLYING ACTIVE TEACHING METHODS IN GEOGRAPHY

- Số tín chỉ: 03 (27 LT; 30 TL; 6 TH)
- Mã học phần: 125123
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Địa lí
- Điều kiện tiên quyết: Lý luận và PP dạy học địa lí

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp một số vấn đề lý luận cơ bản về dạy và học tích cực; một số kỹ thuật và phương pháp dạy học tích cực đặc biệt chú trọng đến quy trình thực hiện; những đổi mới về chương trình, sách giáo khoa, các phương pháp dạy học tích cực trong môn địa lí ở trường phổ thông; thực hành phân tích nội dung và tiến hành dạy học một số bài cụ thể của chương trình địa lí THCS, THPT.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học nắm vững hệ thống kiến thức về lý luận phương pháp dạy học Địa lí và PP dạy học tích cực; Hiểu và phân tích được chương trình địa lí theo quan điểm tiếp cận mới; Hiểu và vận dụng được kiến thức chuyên sâu về lý luận và PPDH Địa lí để lập kế hoạch dạy học, thiết kế và thực hành bài dạy Địa lí bằng các PPDH tích cực đảm bảo thực hiện đổi mới quá trình dạy học.

- CO2: Người học có kỹ năng lập, triển khai kế hoạch dạy học thành thạo, tổ chức tốt mọi hoạt động trong dạy học; thiết kế bài giảng bằng các thiết bị dạy học hiện đại; xây dựng bản đồ, biểu đồ, phân tích số liệu, thống kê địa lí...

- CO3: Ý thức được tầm quan trọng của dạy học tích cực, hình thành nhận thức về đổi mới chương trình giáo dục phổ thông theo định hướng năng lực nói chung, đổi mới chương trình môn địa lí nói riêng.

- CO4: Có ý thức rèn luyện chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đổi mới phương pháp dạy học.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Làm rõ được hệ thống kiến thức về lý luận phương pháp dạy học Địa lí và PP dạy học tích cực; Hiểu và phân tích được chương trình địa lí theo quan điểm tiếp cận mới; Hiểu và vận dụng được kiến thức chuyên sâu về lý luận và PPDH Địa lí để lập

kế hoạch dạy học, thiết kế và thực hành bài dạy Địa lí bằng các PPDH tích cực đảm bảo thực hiện đổi mới quá trình dạy học.

- CLO2: Lập và triển khai được kế hoạch dạy học thành thạo, tổ chức tốt mọi hoạt động trong dạy học; thiết kế được các bài giảng bằng các thiết bị dạy học hiện đại; xây dựng được bản đồ, biểu đồ, phân tích số liệu, thống kê địa lí...

- CLO3: Có khả năng phân tích, đánh giá về đổi mới chương trình giáo dục phổ thông theo định hướng năng lực nói chung, đổi mới chương trình môn Địa lí nói riêng.

- CLO4: Ý thức được tầm quan trọng của dạy học tích cực, thực hành về đổi mới PPDH theo định hướng năng lực nói chung, đổi mới PPDH trong môn Địa lí nói riêng.

- CLO5: Có ý thức rèn luyện chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đổi mới phương pháp dạy học; Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, nhằm phân tích và xử lý thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến chuyên môn.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Một số vấn đề cơ bản về dạy và học tích cực 1. Dạy và học tích cực 2. Sự khác nhau giữa dạy học thụ động và dạy học tích cực. 3. Đổi mới chương trình giáo dục phổ thông. 4. Đổi mới phương pháp dạy học 5. Đổi mới đánh giá kết quả dạy học.	5	2				15
Chương 2. Chương trình giáo dục phổ thông 2018 1. Quan điểm xây dựng chương trình giáo dục phổ thông. 2. Mục tiêu chương trình GD phổ thông. 3. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực 4. Kế hoạch giáo dục 5. Định hướng về nội dung giáo dục 6. Định hướng về phương pháp GD và đánh giá kết quả GD 7. Điều kiện thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 8. Phát triển chương trình GDPT.	5	2				20
Chương 3. Chương trình GDPT mới và CT môn Địa lí 1. Chương trình giáo dục phổ thông mới. 2. Chương trình môn Địa lí (cấp THCS). 3. Chương trình môn Địa lí (cấp THPT).	5	2				20

Chương 4. Các phương pháp dạy học tích cực trong môn Địa lí 1. Các phương pháp dạy học truyền thống. 2. Các phương pháp dạy học hiện đại. 3. Các kĩ thuật dạy học tích cực. 4. Tổ chức dạy học tích hợp theo chủ đề.	5	2			20
Chương 5. Hướng dẫn dạy học các dạng bài theo định hướng phát triển năng lực 1. Dạng bài hình thành kiến thức mới. 2. Dạng bài thực hành. 3. Dạng bài ôn tập. 4. Hướng dẫn khai thác, sử dụng Atlas Địa lí	7	1		1	20
Chương 6. Thực hành áp dụng PPDH tích cực trong thiết kế và dạy các bài địa lí THCS	0	10		3	20
Chương 7. Thực hành áp dụng PPDH tích cực trong thiết kế và dạy các bài địa lí THPT	0	11		2	20
Tổng	27	30	0	6	135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Đề đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1, 2, 3, 4, 5	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1, 2, 3, 4	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1, 2, 3, 4, 5	
5	Thuyết trình, thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1, 2, 3, 4, 5	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1, 2, 3, 4	20%
III. Thi cuối kì				
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1, 2, 3, 4	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1, 2, 3, 4, 5	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 04 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình bắt buộc:*

[1]. Nguyễn Lăng Bình (2020), *Dạy và học tích cực. Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học*. NXB ĐHSP.

[2]. Lê Thông (2019), *Hướng dẫn dạy học môn Địa lí THPT theo CTGDPT mới*, NXB ĐHSP.

* *Tài liệu tham khảo:*

[1]. Bộ GD & ĐT (2007), *Những vấn đề chung về đổi mới giáo dục THPT*, NXB Giáo dục.

[2]. Lê Thông – Nguyễn Minh Tuệ (2018), *Dạy học phát triển năng lực môn Địa lí THPT*, NXB. ĐHSP

[3] Phạm Hồng Tung – Nguyễn Việt Thịnh (đồng chủ biên) (2019), *Hướng dẫn dạy học môn Lịch sử và Địa lí THCS theo chương trình giáo dục phổ thông mới*, NXB ĐHSP

[4]. Bộ GD &ĐT (2018), *Chương trình tổng thể; chương trình môn Địa lí cấp THPT, THCS*.

6.37. THỰC TẾ ĐỊA LÍ KINH TẾ - XÃ HỘI/ SURVEY OF ECONOMIC - SOCIAL GEOGRAPHY.

- Số tín chỉ: 02 (3 LT; 6 TL; 48 TH)

- Mã học phần: 125049

- Bộ môn quản lý học phần: Địa lí

- Điều kiện tiên quyết: Địa lí KT-XH Việt Nam (phần KQ và các ngành KT)

1. Mô tả học phần

Học phần Thực địa KT-XH cung cấp các kiến thức về KT - XH theo tuyến “Con đường di sản miền Trung”. Người học đi khảo sát, nghe báo cáo thực tế tại một số điểm, một số khu vực kinh tế nông - lâm, công nghiệp, GTVT, du lịch được lựa chọn tại một số tỉnh miền Trung : Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, viết báo cáo thực địa.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Học phần nhằm mục tiêu: Củng cố kiến thức đã học, phân tích được các kiến thức lý luận về KT - XH; Phân tích đặc điểm, thực trạng tình hình KT - XH ở một số đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch, làng nghề ở Việt nam; Phân tích được các yếu tố tác động đến hoạt động của các đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch, làng nghề; Đánh giá được vai trò của một số đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch, làng nghề ở Việt nam.

- CO2: SV có kỹ năng tư duy logic, tổng hợp, phân tích các vấn đề về KT - XH ở một số đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch, làng nghề một cách chính xác, khách quan, khoa học; Hoàn thiện kỹ năng học và tự học, tự nghiên cứu, năng lực làm việc nhóm và viết báo cáo về một vấn đề KT - XH; SV có kỹ năng tự tìm kiếm và lựa chọn những vấn đề nghiên cứu về địa lí KT - XH.

- CO3: Bồi dưỡng tình yêu quê hương đất nước; có ý thức trách nhiệm công dân đối với sự phát triển KT-XH của đất nước; ý thức bảo vệ tài nguyên, môi trường trong quá trình phát triển kinh tế.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Làm rõ và trình bày được: vai trò, đặc điểm hoạt động của một số đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch, làng nghề Việt Nam...; Tóm tắt và so sánh được các lý thuyết về địa lí kinh tế từ đó có thể vận dụng vào trong thực tiễn.

- CLO2: Người học hiểu và phân tích được các nhân tố tác động đến sự phát triển và phân bố các một số đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch, làng nghề Việt Nam; Phân tích, đánh giá được hiện trạng và xu hướng phát triển một số đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch, làng nghề Việt Nam.

- CLO3: Tính toán được một số chỉ tiêu KT-XH; vẽ biểu đồ, sơ đồ; đọc atlas Địa lí; có tư duy lãnh thổ; định hướng không gian.

- CLO4: Có năng lực hiểu rõ những nguyên tắc của phát triển kinh tế, có khả năng phát hiện vấn đề, đề xuất được các giải pháp cần thiết; hình thành ý thức trách nhiệm đối với quá trình phát triển KT-XH của quê hương, đất nước.

- CLO5: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lý thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực địa lí kinh tế - xã hội.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1. Công tác tổ chức (phân nhóm, đoàn,...), chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho đợt thực tế 1. Công tác tổ chức chung. 2. Chuẩn bị phương tiện đi thực địa, điều kiện nghỉ ngơi cho toàn đợt thực tế. 3. Dự trù kinh phí cho mỗi sinh viên.	1	6		0	10	

<p>4. Phối hợp với Quản lí SV, CVHT, ban cán sự lớp chuẩn bị cơ sở vật chất.</p> <p>5. Các vấn đề cần chú ý khi đi thực tế.</p>					
<p>Nội dung 2: Tập huấn các nội dung cần thiết phục vụ cho đợt thực tế</p> <p>1. Giới thiệu và nêu các nhiệm vụ của SV.</p> <p>2. Giới thiệu các giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ cho đợt thực tế.</p> <p>3. Tập huấn các nội dung thiết yếu phục vụ cho đợt thực tế.</p> <p>3.1. Địa lí một số tỉnh thành phố (nguồn lực cơ bản, ngành SX chuyên môn hóa, trung tâm kinh tế)</p> <p>3.2. Địa lí các vùng kinh tế (nguồn lực cơ bản, ngành SX chuyên môn hóa, trung tâm kinh tế)</p> <p>3.3. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn</p> <p>4. Hướng dẫn viết báo cáo thu hoạch thực tế.</p>	2	0	0		20
<p>Nội dung 3: Thực hành, thực tế</p> <p>1. Thực tế tại bãi biển Cửa Lò, đánh giá giá trị nổi bật về phát triển kinh tế biển</p> <p>2. Thực tế Di sản thiên nhiên thế giới Phong Nha-Kẻ Bàng, nghe báo cáo của Trung tâm Văn hóa và Du lịch sinh thái.</p> <p>3. Tham quan Vườn Quốc gia Phong Nha-Kẻ Bàng và thu thập tài liệu thực tế về Vườn Quốc gia Phong Nha-Kẻ Bàng.</p> <p>4. Nghe báo cáo và thu thập tài liệu của Trung tâm Bảo tồn di tích cố đô Huế, tham quan các Di sản văn hoá thế giới Cố đô Huế: Lăng Khải Định, Lăng Tự Đức, Đại nội.</p> <p>5. Quan sát và thu thập tài liệu về các khu công nghiệp, đô thị từ Huế đến Đà Nẵng .</p> <p>6. Tham quan một số thắng cảnh của TP Đà Nẵng, làng nghề chạm khắc đá Ngũ Hành Sơn, khu Bảo tồn thiên nhiên Bà Nà-Núi chúa, vịnh Đà Nẵng.</p> <p>7. Tham quan thực tế Đô thị cổ hội An.</p> <p>8. Thực tế Di sản thế giới Mỹ Sơn.</p> <p>9. Thực tế các thắng cảnh của TP Quy Nhơn</p>	0	0	48		60

10. Thực tế thắng cảnh TP Nha Trang, nghe báo cáo MT biển của Viện HD						
11. Tổng hợp, phân tích tài liệu tham quan, khảo sát.						
12. Viết báo cáo thực tế						
Tổng	3	6		48		90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (0)				
II. Kiểm tra giữa kỳ (0)				
III. Viết báo cáo thực tế (01)				
	Báo cáo thực tế	Rubric báo cáo	CLO1,2,3,4,5	100%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các quy định thực địa
- Báo cáo được đánh máy hoặc viết bằng tay, sạch sẽ, rõ ràng. Được tham khảo các tài liệu đã giới thiệu ở trên hay các website để hoàn chỉnh bài làm, mỗi SV viết một báo cáo thực tế để nộp
- Chuẩn bị bài trước khi đi thực địa theo hướng dẫn trong đề cương môn học.
- Giáo viên có thể thưởng điểm cho sinh viên có nhiều đóng góp cho đợt thực tế (cung cấp tài liệu, chuẩn bị cơ sở vật chất cho đoàn...). Điểm thưởng cộng vào điểm Báo cáo thực địa.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* **Giáo trình bắt buộc:**

1) Lê Thông – Nguyễn Quý Thao (đồng chủ biên) (2012), *Việt Nam các vùng kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm*, NXB Giáo dục Việt Nam.

* **Giáo trình tham khảo**

1) Lê Thông (Chủ biên) (2005), *Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam*, NXB ĐHQG Hà Nội,

2) Lê Bá Thảo (1998), *Việt Nam lãnh thổ và các vùng địa lí*, NXB Thế giới.

3) Nguyễn Việt Thịnh (Chủ biên), 2001, *Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam* (tập 1), NXB Giáo dục.

6.38. Chọn 1 trong 2 học phần

6.38a. ỨNG DỤNG GIS TRONG THÀNH LẬP BẢN ĐỒ GIÁO KHÓA/ GIS APPLICATION IN COURSE MAP MAKING

- Số tín chỉ: 03 (27 LT; 9 TL; 27 TH)

- Mã học phần: 125061

- Bộ môn quản lý học phần: Địa lí

- Điều kiện tiên quyết: Công nghệ số; Bản đồ học đại cương

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về khái niệm, tính chất, Yêu cầu đối với bản đồ giáo khoa, các nguyên tắc, phương pháp thiết kế và biên tập và đặc điểm của bản đồ giáo khoa. Ứng dụng GIS vào thành lập các bản đồ giáo khoa phục vụ cho giảng dạy.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Người học nắm vững những kiến thức cơ bản về khái niệm, tính chất, Yêu cầu đối với bản đồ giáo khoa, các nguyên tắc, phương pháp thiết kế và biên tập và đặc điểm của bản đồ giáo khoa.

- CO2: Nắm được những kiến thức cơ bản về phần mềm mapinfo, các bước cài đặt, tổ chức cơ sở dữ liệu của mapinfo, biên tập và xây dựng các bản đồ giáo khoa và những ứng dụng hiển thị khác của mapinfo.

- CO3: Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu của *Geography Infomation System- GIS* và những phần mềm mapinfo, những cách thức hiển thị bản đồ đáp ứng những yêu cầu trong thành lập bản đồ giáo khoa. Xây dựng cơ sở dữ liệu bản đồ, khả năng cập nhật và làm mới cơ sở dữ liệu và những kỹ năng hiển thị các đối tượng địa lý trên bản đồ giáo khoa.

- CO4: Có khả năng tự định hướng nghiên cứu, có trách nhiệm với việc học tập và nghiên cứu của bản thân. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các kế hoạch trong lĩnh vực xây dựng bản đồ giáo khoa.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Người học nắm vững những kiến thức cơ bản về khái niệm, tính chất, Yêu cầu đối với bản đồ giáo khoa, các nguyên tắc, phương pháp thiết kế và biên tập và đặc điểm của bản đồ giáo khoa.

- CLO2: Nắm được những kiến thức cơ bản về phần mềm mapinfo, các bước cài đặt, tổ chức cơ sở dữ liệu của mapinfo, biên tập và xây dựng các bản đồ giáo khoa và những ứng dụng hiển thị khác của mapinfo.

- CLO3: Kỹ năng xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu của *Geography Infomation System- GIS* và những phần mềm mapinfo, những cách thức hiển thị bản đồ đáp ứng những yêu cầu trong thành lập bản đồ giáo khoa;

- CLO4: Xây dựng cơ sở dữ liệu bản đồ, khả năng cập nhật và làm mới cơ sở dữ liệu và những kỹ năng hiển thị các đối tượng địa lý trên bản đồ giáo khoa.

- CLO5: Vận dụng GIS biên tập được hệ thống các bản đồ giáo khoa phù hợp với chương trình và bậc học.

- CLO6: Có khả năng tự định hướng nghiên cứu, có trách nhiệm với việc học tập và nghiên cứu của bản thân. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các kế hoạch trong lĩnh vực địa lí.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Những kiến thức chung 1. Khái niệm về bản đồ giáo khoa 2. Tính chất, đặc trưng của bản đồ giáo khoa 3. Phân loại bản đồ giáo khoa 4. Ý nghĩa của bản đồ giáo khoa 5. Yêu cầu đối với bản đồ giáo khoa	8	3		2		30
Chương II. Những vấn đề chung thành lập bản đồ giáo khoa 1. Các nguyên tắc, phương pháp thiết kế và biên tập bản đồ giáo khoa 2. Kế hoạch biên tập và biên vẽ bản đồ 3. Yêu cầu về cơ sở toán học 4. Tư liệu biên vẽ bản đồ giáo khoa 5. Thiết kế nội dung bản đồ 6. Ký hiệu và các phương pháp biểu hiện trên bản đồ giáo khoa 7. Vấn đề tổng quát hóa bản đồ 8. Thiết kế bảng chú giải	8	3		2		30
Chương III Thiết kế và biên tập bản đồ giáo khoa trên phần mềm mapinfo 1. Thiết kế và biên tập bản đồ địa lý tự nhiên 1.1. Bản đồ tự nhiên Việt Nam 1.2. Bản đồ miền tự nhiên 2. Thiết kế và biên tập bản đồ tài nguyên 2.1. Bản đồ tài nguyên đất 2.2. Bản đồ tài nguyên nước 2.3. Bản đồ tài nguyên khoáng sản 2.4. Bản đồ tài nguyên rừng 2.5. Bản đồ tài nguyên khí hậu 3. Bản đồ kinh tế, văn hóa- xã hội 3.1. Bản đồ Nông nghiệp 3.2. Bản đồ công nghiệp 3.3. Bản đồ giao thông vận tải 3.4. Bản đồ thương mại và du lịch 3.5. Bản đồ các vùng kinh tế 3.6. Bản đồ dân cư, lao động	11	3		23		30
Tổng	27	9	0	27		90

5. Phương pháp dạy - học

Kết hợp các phương pháp dạy học: phương pháp thuyết trình, phương pháp phát vấn, phương pháp thảo luận nhóm, và sử dụng các phương tiện thiết bị hiện đại.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO 1,2	30%
2	Kiểm tra thực hành	Rubric viết	CLO 3,4,5	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO6	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4,5,6	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5,6	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Tự luận, thực hành	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5,6	20%
III. Thi cuối kì				
1	Tự luận, thực hành	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5,6	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3,4,5,6	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 04 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* **Giáo trình bắt buộc:**

1. Lâm Quang Dộc (2012), *Bản đồ giáo khoa*, Nhà xuất bản ĐHSP Hà Nội.

2. Phạm Thị Xuân, Nguyễn Xuân Bắc (2021), *Lý thuyết và thực hành Mapinfo Professional version 10.5*, Nhà xuất bản ĐHSP TP Hồ Chí Minh.

* **Tài liệu tham khảo:**

1. Nguyễn Việt Thịnh (1997), *GIS –Map* (Tập bài giảng) 1997 – 2000), ĐHSP-Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Bùi Hữu Mạnh (2007), *Hướng dẫn sử dụng Mapinfo Professional v ersion 7.0*, NXB Khoa học và kỹ thuật.

6.38b. HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐỊA LÝ (GIS)/ GEOGRAPHIC INFORMATION SYSTEM

- Số tín chỉ: 03 (27 LT; 9 TL; 27 TH)
- Mã học phần: 125045
- Bộ môn quản lý học phần: Địa lí
- Học phần tiên quyết: Công nghệ số; Bản đồ học đại cương.

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học những nguyên lý cơ bản của GIS, những cách thức tiếp cận và ứng dụng của GIS vào quá trình sản xuất, quản lý xã hội, điều tra và quản lý tài nguyên, môi trường, nghiên cứu khoa học, giáo dục và nhiều lĩnh vực khác. Học phần cũng giới thiệu phần mềm ứng dụng GIS là Mapinfo, với các kỹ thuật ứng dụng gắn với ngành nghề đào tạo.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Học phần nhằm mục tiêu: Người học nắm vững những khái niệm cơ bản về GIS, các thành phần của GIS, cơ sở dữ liệu, đặc điểm của GIS, những phần mềm GIS; lịch sử hình thành và phát triển của GIS trên thế giới; những ứng dụng của GIS trong mọi lĩnh vực: quản lý và bảo vệ tài nguyên môi trường, hoạt động chính phủ, nghiên cứu khoa học
- CO2: Nắm được những kiến thức cơ bản về phần mềm MAP, các bước cài đặt, tổ chức cơ sở dữ liệu của MAP, biên tập và xây dựng các bản đồ chuyên đề và những ứng dụng hiển thị khác của Map;
- CO3: Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu của *Geography Information System- GIS* và những phần mềm MAPINFO, những cách thức hiển thị bản đồ đáp ứng những yêu cầu của ngành học; Xây dựng cơ sở dữ liệu bản đồ, khả năng cập nhật và làm mới cơ sở dữ liệu và những kỹ năng hiển thị các đối tượng địa lý trên bản đồ.
- CO4: Có khả năng tự định hướng nghiên cứu, có trách nhiệm với việc học tập và nghiên cứu của bản thân. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các kế hoạch trong lĩnh vực GIS.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Người học nắm vững những khái niệm cơ bản về GIS: GIS là gì?, các thành phần của GIS, cơ sở dữ liệu, đặc điểm của GIS, những phần mềm GIS; lịch sử hình thành và phát triển của GIS trên thế giới; những ứng dụng của GIS trong mọi lĩnh vực: quản lý và bảo vệ tài nguyên môi trường, hoạt động chính phủ, nghiên cứu khoa học
- CLO2: Nắm được những kiến thức cơ bản về phần mềm MAP, các bước cài đặt, tổ chức cơ sở dữ liệu của MAP, biên tập và xây dựng các bản đồ chuyên đề và những ứng dụng hiển thị khác của Map;
- CLO3: Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu của *Geography Information System- GIS* và những phần mềm MAPINFO, những cách thức hiển thị bản đồ đáp ứng những yêu cầu của ngành học;
- CLO4: Xây dựng cơ sở dữ liệu bản đồ, khả năng cập nhật và làm mới cơ sở dữ liệu và những kỹ năng hiển thị các đối tượng địa lý trên bản đồ.
- CLO5: Rèn luyện sự năng động cần thiết của một nhà địa lý để thích ứng với công nghệ tin học; những kỹ năng ứng dụng GIS- MAP nhằm mục đích đưa khoa học tương thích với thời đại kỹ thuật số.

- CLO6: Có khả năng tự định hướng nghiên cứu, có trách nhiệm với việc học tập và nghiên cứu của bản thân. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các kế hoạch trong lĩnh vực GIS.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<p>Chương 1. Một số khái niệm cơ bản về Hệ thống thông tin địa lý (LT: 8; BTTL: 0; TH:4)</p> <p>I. GIS là gì?</p> <p>II. Các thành phần và hoạt động của GIS</p> <p>III. Cấu trúc và cơ sở dữ liệu của GIS</p> <p>IV. Đặc điểm của GIS</p> <p>V. Giới thiệu những phần mềm của GIS</p> <p>Nội dung thực hành</p> <p>1. Phân loại các đối tượng địa lý;</p> <p>1.1. Đối tượng không gian</p> <p>1.2. Đối tượng phi không gian</p> <p>2. Tìm hiểu các lớp đối tượng từ MAP (Dữ liệu tỉnh Thanh Hóa)</p>	8			4		20
<p>Chương 2: Đặc điểm của GIS, giới thiệu những phần mềm của GIS (LT: 8; BTTL: 3; TH: 4)</p> <p>I. Đặc điểm chung về những hướng ứng dụng của GIS</p> <p>II. Ứng dụng của GIS trong trắc địa và bản đồ</p> <p>III. GIS trong quản lý tài nguyên</p> <p>IV. GIS trong quản lý và quy hoạch môi trường</p> <p>V. Ứng dụng của GIS trong sự phát triển kinh tế xã hội</p> <p>VI. Nghiên cứu và ứng dụng GIS tại Việt Nam</p>	8	3		4		20
<p>Chương 3. Giới thiệu và cài đặt Mapinfo (LT: 8; BTTL: 3; TH: 4)</p> <p>I. Giới thiệu Mapinfo</p> <p>II. Cài đặt Mapinfo</p> <p>III. Những công cụ và thực đơn</p> <p>IV. Thành lập bản đồ chuyên đề</p> <p>V. Số hóa bản đồ</p> <p>VI. Một số ứng dụng khác trong Map</p>	8	3		4		20
<p>Chương 4. Ứng dụng Map trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu và hiển thị bản đồ (LT: 3; BTTL: 3; TH: 15)</p> <p>I. Đối tượng tự nhiên và môi trường</p>	3	3		15		30

II. Dân cư, xã hội						
III. Hoạt động kinh tế khu vực sản xuất vật chất						
IV. Hoạt động kinh tế khu vực dịch vụ						
V. Một số đối tượng tự nhiên, môi trường và kinh tế - xã hội tại Thanh Hóa						
Tổng	27	9	0	27		90

5. Phương pháp dạy - học

Kết hợp các phương pháp dạy học: phương pháp thuyết trình, thực hành, phương pháp phát vấn, phương pháp thảo luận nhóm, và sử dụng các phương tiện thiết bị hiện đại.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Đề đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO 1,2	30%
2	Kiểm tra thực hành	Rubric viết	CLO 3,4,5	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO6	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4,5,6	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5,6	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Tự luận, thực hành	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5,6	20%
III. Thi cuối kì				
1	Tự luận, thực hành	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5,6	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3,4,5,6	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 04 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* **Giáo trình bắt buộc:**

1. Phạm Thị Xuân – Nguyễn Xuân Bắc: *Lý thuyết và thực hành Mapinfo Professional version 10.5*, Nhà xuất bản ĐHSP TP Hồ Chí Minh, năm 2021

2. Nguyễn Việt Thịnh: GIS –Map (Tập bài giảng) 1997 – 2000). ĐHSPT- Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 1997.

*** Tài liệu tham khảo:**

1. Phạm Trọng Mạnh, Phạm Vọng Thành (1999), *Cơ sở hệ thống thông tin địa lý*, Nxb Hà Nội.

6.39. Chọn 1 trong 2 học phần:

6.39a. ĐỊA LÍ ĐỊA PHƯƠNG THANH HOÁ/ THANH HOA GEOGRAPHY

- Số tín chỉ: 02 (18 LT; 18 TL; 6 TH)

- Mã số học phần: 125090

- Bộ môn quản lý học phần: Địa lí

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần Địa lí địa phương trang bị các kiến thức cơ bản về: địa lí tự nhiên, địa lí dân cư và địa lí kinh tế tỉnh Thanh hoá. Cao gồm: Vị trí địa lí; Các nguồn tài nguyên thiên nhiên; Các yếu tố địa chất, địa hình; Đặc điểm dân cư, lao động; Các loại hình quần cư và đô thị hoá; Các nguồn lực phát triển kinh tế; Thực trạng phát triển các ngành kinh tế và các vùng kinh tế ở tỉnh Thanh Hoá.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức nền tảng về địa lí địa phương, từ đó có thể vận dụng giải quyết, phân tích các vấn đề: tự nhiên; dân cư xã hội; nguồn lực phát triển kinh tế; thực trạng, xu hướng phát triển ngành kinh tế và vùng kinh tế ở địa phương.

- CO2: Người học có kỹ năng phân tích, đánh giá được các nguồn lực và thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; xử lí và phân tích được các bản đồ, biểu đồ cũng như bảng số liệu thống kê; có khả năng viết báo cáo.

- CO3: Người học ý thức được tầm quan trọng của các nguồn lực trong quá trình phát triển kinh tế ở địa phương, những thuận lợi và khó khăn do điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội đem lại; từ đó có những thái độ tích cực trong việc nhìn nhận và đánh giá các nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội cũng như đặc điểm, hiện trạng, sự phân bố và xu hướng phát triển kinh tế tại địa phương.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Làm rõ được các khái niệm về tài nguyên thiên nhiên; các khái niệm về nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội; các khái niệm liên quan đến ngành và vùng kinh tế.

- CLO2: Phân tích mối quan hệ của các yếu tố tự nhiên, KT - XH trong quá trình phát triển kinh tế ở địa phương cũng như thực trạng phát triển KT - XH; Làm bật được các đặc điểm tiêu biểu, nổi bật nhất về các nét dân cư, kinh tế - xã hội của địa phương. Từ đó giải thích và dự báo được xu hướng phát triển của địa phương trong tương lai và vai trò của con người trong việc phát triển kinh tế bền vững.

- CLO3: Vận dụng được các kiến thức chuyên ngành vào việc nghiên cứu địa lí địa phương; Phân tích, xử lí được bảng số liệu, lập biểu đồ và rút ra nhận xét, từ đó đánh giá định tính và định lượng thực trạng phát triển KT - XH của địa phương.

- CLO4: Thể hiện thái độ và tinh thần gìn giữ, trân trọng các giá trị tài nguyên tự nhiên và các truyền thống văn hóa của địa phương; đồng thời đưa ra được những kiến nghị và giải pháp khai thác tài nguyên bền vững và hiệu quả.

- CLO5: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lý thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực địa lí địa phương.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên 1) Vị trí địa lí và lãnh thổ 2) Điều kiện tự nhiên và các nguồn tài nguyên thiên nhiên 2.1. Địa chất, địa hình 2.2. Tài nguyên đất 2.3. Tài nguyên nước 2.4. Tài nguyên khí hậu 2.5. Tài nguyên sinh vật 2.6. Tài nguyên khoáng sản 2.7. Tài nguyên rừng 2.8. Tài nguyên biển	4	3		1		10
Chương 2. Dân cư, lao động 1. Đặc điểm dân cư, lao động tỉnh Thanh Hoá. 2. Tôn giáo, dân tộc 3. Quần cư và đô thị hoá	3	3		1		20
Chương 3. Các nguồn lực phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Thanh Hoá 1. Vị trí địa lí 2. Nguồn lực tự nhiên 3. Các nguồn lực kinh tế - xã hội	3	3		1		20
Chương 4. Địa lí các ngành kinh tế tỉnh Thanh Hoá 1. Địa lí ngành nông nghiệp 2. Địa lí ngành công nghiệp 3. Địa lí các ngành dịch vụ	4	3		1		20
Chương 5. Địa lí các vùng kinh tế tỉnh Thanh Hóa 1. Các vùng kinh tế chia theo địa hình 1.1. Vùng trung du miền núi	4	6		2		20

1.2. Vùng đồng bằng						
1.3. Vùng duyên hải						
2. Các vùng kinh tế động lực						
2.1. Nghi Sơn						
2.2. Sầm Sơn						
2.3. Lam Sơn – Sao Vàng						
2.4. Bim Sơn.						
Tổng	18	18	0	6		90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1,2, 4,5	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4,5	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	20%
III. Thi cuối kì (01)				
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3,4,5	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 03 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Tài liệu bắt buộc:**

1) Tỉnh Ủy, Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh Thanh Hóa (2000), *Địa chí Thanh Hóa tập 1* (Địa lí và Lịch sử), tập 3 (Kinh tế). NXb Văn hóa thông tin.

*** Tài liệu tham khảo**

1) Lê Kim Dung (2023), *Đánh giá tổng hợp điều kiện tự nhiên phục vụ quy hoạch sử dụng đất: Trường hợp lưu vực sông Chu (Phần lãnh thổ Việt Nam)*, Nhà XB Khoa học xã hội.

2) Nguyễn Thị Ngọc (2020), *Giao thông vận tải đường bộ tỉnh Thanh Hóa nhìn từ góc độ địa lí kinh tế - xã hội*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội.

6.39b. ĐỊA LÝ DU LỊCH VIỆT NAM/Tourism geography of Vietnam

- Số tín chỉ: 2TC (18 LT; 18 TL; 6 TH)

- Mã học phần: 128108

- Bộ môn quản lý học phần: Địa lí

- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Tổng quan về du lịch và địa lý du lịch (nhập môn, địa lý cầu du lịch, tài nguyên du lịch, tổ chức không gian và quy hoạch du lịch); thực tiễn phát triển du lịch ở Việt Nam (tài nguyên du lịch, hiện trạng phát triển du lịch Việt Nam; các vùng du lịch Việt Nam).

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hiểu và phân tích được các kiến thức lý luận về địa lý du lịch (các khái niệm, các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch, các yếu tố hợp thành lãnh thổ du lịch, mối quan hệ giữa du lịch với kinh tế, xã hội và môi trường). Phân tích được đặc điểm tài nguyên và thực trạng phát triển du lịch Việt Nam và 7 vùng du lịch của nước ta.

- CO2: Hoàn thiện kỹ năng tự học, phối hợp làm việc nhóm và làm chủ nhóm, viết báo cáo thuyết minh một điểm, khu, tuyến du lịch. Xử lý, nhận xét và giải thích các số liệu thống kê về thực trạng phát triển du lịch. Thành thạo kỹ năng lập sơ đồ tuyến, điểm du lịch.

- CO3: Có thái độ chủ động, chia sẻ trong công việc; xây dựng thái độ làm việc chuyên nghiệp, có trách nhiệm với công việc, cộng đồng, xã hội và môi trường.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Hiểu và phân tích được tổng quan về địa lý du lịch

- CLO2: Phân tích và đánh giá được tài nguyên, thực trạng phát triển du lịch Việt Nam và 7 vùng du lịch ở nước ta

- CLO3: Phân tích được mối quan hệ giữa các hợp phần tài nguyên và sự hình thành, phân bố các hình thức tổ chức lãnh thổ du lịch

- CLO4: Xử lý thành thạo các bảng số liệu thống kê du lịch, nhận xét và giải thích các số liệu thống kê, phân biện vấn đề địa lí du lịch

- CLO5: Xây dựng tuyến DL, chương trình DL và viết báo cáo thuyết minh giá trị tài nguyên du lịch trên các tuyến

- CLO6: Hình thành tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình

- CLO7: Thể hiện thái độ và tinh thần gìn giữ, trân trọng các giá trị tài nguyên du lịch của đất nước

4. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Nhập môn Địa lý du lịch (LT:2; TL:0) 1. Địa lý du lịch 2. Tác động của ngành Du lịch 3. Lịch sử hình thành và phát triển ngành Du lịch 4. Các loại hình du lịch 5. Xu hướng phát triển của địa lý du lịch 6. Nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển du lịch	2	0	0	0	0	5
Chương 2: Địa lý cầu du lịch 1. Các thuyết về động cơ du lịch 2. Khách du lịch 3. Cầu du lịch	2	0	0	0	0	5
Chương 3: Tài nguyên du lịch 1. Quan niệm, vai trò, đặc điểm và phân loại 2. Tài nguyên du lịch tự nhiên 3. Tài nguyên du lịch văn hóa 4. Khai thác hợp lý tài nguyên và phát triển du lịch bền vững	2	2	0	0	0	10
Chương 4: Tổ chức không gian và quy hoạch du lịch 1. Quan niệm 2. Vai trò của tổ chức không gian du lịch 3. Các cấp độ trong tổ chức không gian du lịch 4. Quy hoạch phát triển du lịch	2	2	0	0	0	8
Chương 5: Tài nguyên du lịch Việt Nam 1. Vị trí địa lý	2	2	0	0	2	8

2. Tài nguyên du lịch						
Chương 6: Sự phát triển du lịch ở Việt Nam 1. Quá trình phát triển du lịch 2. Thực trạng hoạt động kinh doanh du lịch	2	2	0	0	0	8
Chương 7: Vùng du lịch Trung du và miền núi Bắc Bộ 1. Khái quát 2. Tài nguyên du lịch 3. Thực trạng phát triển du lịch 4. Sản phẩm du lịch đặc trưng và các địa bàn trọng điểm phát triển du lịch 5. Hệ thống khu, điểm, tuyến, trung tâm và đô thị du lịch quốc gia	2	2	0	0	0	8
Chương 8: Vùng du lịch Đồng bằng sông Hồng và Duyên hải Đông Bắc 1. Khái quát 2. Tài nguyên du lịch 3. Thực trạng phát triển du lịch 4. Sản phẩm du lịch đặc trưng và các địa bàn trọng điểm phát triển du lịch 5. Hệ thống khu, điểm, tuyến, trung tâm và đô thị du lịch quốc gia	2	2	0	0	0	8
Chương 9: Vùng du lịch Bắc Trung Bộ 1. Khái quát 2. Tài nguyên du lịch 3. Thực trạng phát triển du lịch 4. Sản phẩm du lịch đặc trưng và các địa bàn trọng điểm phát triển du lịch 5. Hệ thống khu, điểm, tuyến, trung tâm và đô thị du lịch quốc gia	2	2	0	0	0	10
Chương 10: Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ 1. Khái quát 2. Tài nguyên du lịch 3. Thực trạng phát triển du lịch 4. Sản phẩm du lịch đặc trưng và các địa bàn trọng điểm phát triển du lịch 5. Hệ thống khu, điểm, tuyến, trung tâm và đô thị du lịch quốc gia	0	2	0	2	0	10
Chương 11: Vùng du lịch Đông Nam Bộ và vùng du lịch Tây	0	2	0	2	0	10

Nguyên 1. Khái quát 2. Tài nguyên du lịch 3. Thực trạng phát triển du lịch 4. Sản phẩm du lịch đặc trưng và các địa bàn trọng điểm phát triển du lịch 5. Hệ thống khu, điểm, tuyến, trung tâm và đô thị du lịch quốc gia						
Chương 12: Vùng du lịch Đồng bằng sông Cửu Long 1. Khái quát 2. Tài nguyên du lịch 3. Thực trạng phát triển du lịch 4. Sản phẩm du lịch đặc trưng và các địa bàn trọng điểm phát triển du lịch 5. Hệ thống khu, điểm, tuyến, trung tâm và đô thị du lịch quốc gia	0	2	0	2	0	6
Tổng	18	18	0	6		90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; ; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm; đóng vai

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Đề đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,5	30%
2	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5,6	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO4,5,7	
4	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO4,5,6,7	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	20%
III. Thi cuối kỳ (01)				
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,7	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubrics BTL	CLO2,3,4,6	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính

8.1.1. Nguyễn Minh Tuệ-Vũ Đình Hòa (đồng chủ biên) (2017), *Địa lý du lịch - Cơ sở lý luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam*, NXB Giáo dục Việt Nam.

8.2. Tài liệu tham khảo

8.2.2. Nguyễn Thị Phương Nga – Trịnh Thị Phan (2023), *Cơ sở khoa học và thực tiễn phát triển du lịch ở Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội.

8.2.3. Trịnh Thị Phan (2022), *Phát triển du lịch vùng Bắc Trung Bộ - Cơ sở lý luận và thực tiễn*, NXB Thông tin và Truyền thông.

6.40. Chọn 1 trong 2 học phần:

6.40a. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG DẠY HỌC ĐỊA LÍ Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG/APPLICATION OF INFORMATION TECHNOLOGY IN GEOGRAPHICAL TEACHING

- Số tín chỉ: 03 (27 LT; 9 TL; 27 TH)
- Mã học phần: 125122
- Bộ môn quản lý học phần: Địa lí
- Điều kiện tiên quyết: Công nghệ số,

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về tính năng của một số phần mềm tin học ứng dụng và các CD chuyên đề; Hướng dẫn các thao tác làm việc với các phần mềm Excel, Microsoft Powerpoint, Violet, các phần mềm hỗ trợ xử lý ảnh và đoạn video như Adobe Photoshop, HTVideo Editor,... Các đĩa CD chuyên đề như CD MICROSOFT ENCARTA ENCYCLOPEDIA, CD.PCFACT,... Môn học hướng đến hình thành kỹ năng khai thác các phần mềm và CD phục vụ cho dạy học địa lí, nâng cao năng lực sử dụng ICT cho sinh viên.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Người học nắm vững những kiến thức về vai trò và các xu hướng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học địa lí ở trường phổ thông; Hiểu rõ tính năng của các phần mềm tin học chung cũng như các phần mềm địa lí chuyên dụng để khai thác phục vụ cho quá trình dạy học.

- CO2: Nắm vững được yêu cầu, nguyên tắc, cách thức ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong việc tổ chức các hoạt động dạy học và kiểm tra, đánh giá môn Địa lí.

- CO3: Khai thác các phần mềm vi tính để thiết kế bài giảng địa lí; khai thác thông tin trên mạng Internet; kỹ năng thiết kế và trình diễn bài giảng điện tử...

- CO4: Có khả năng tự định hướng nghiên cứu, có trách nhiệm với việc học tập và nghiên cứu của bản thân. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, xây dựng kế

hoạch và triển khai thực hiện các kế hoạch trong lĩnh vực sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Địa lí.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Người học nắm vững những kiến thức về vai trò và các xu hướng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học địa lí ở trường phổ thông; Hiểu rõ tính năng của các phần mềm tin học chung cũng như các phần mềm địa lí chuyên dụng để khai thác phục vụ cho quá trình dạy học.

- CLO2: Sinh viên nắm vững được yêu cầu, nguyên tắc, cách thức ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong việc tổ chức các hoạt động dạy học và kiểm tra, đánh giá môn Địa lí.

- CLO3: Kỹ năng khai thác các phần mềm vi tính để thiết kế bài giảng địa lí; khai thác thông tin trên mạng Internet; kỹ năng thiết kế và trình diễn bài giảng điện tử...

- CLO4: Sinh viên vận dụng linh hoạt, sáng tạo những hiểu biết và kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông vào thực tiễn dạy học và kiểm tra đánh giá môn Địa lí theo định hướng phát triển năng lực người học.

- CLO5: Có khả năng tự định hướng nghiên cứu, có trách nhiệm với việc học tập và nghiên cứu của bản thân. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các kế hoạch trong lĩnh vực sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Địa lí.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT VỀ VAI TRÒ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG DẠY HỌC 1. Một số khái niệm cơ bản 2. Vai trò của công nghệ thông tin trong dạy học 3. Dạy và học địa lí theo cách tiếp cận thông tin	4			4		15
CHƯƠNG 2. GIỚI THIỆU MỘT SỐ PHẦN MỀM, CD CHUYÊN ĐỀ ỨNG DỤNG TRONG DẠY HỌC ĐỊA LÍ 1. Các phần mềm 2. Các CD chuyên đề phục vụ dạy học địa lí	4	2		4		15
CHƯƠNG 3. ỨNG DỤNG MICROSOFT EXCEL TRONG XỬ LÝ SỐ LIỆU VÀ VẼ BIỂU ĐỒ 1. Tạo bảng tính và lập công thức tính trong Excel 2. Các dạng biểu đồ trong Excel 3. Xây dựng các dạng biểu đồ	5	2		5		20
CHƯƠNG 4. ỨNG DỤNG PHẦN MỀM MICROSOFT POWERPOINT, VIOLET,	6	3		6		15

LECTURE MAKER TRONG THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐIỆN TỬ 1. Quy trình và một số lưu ý khi thiết kế bài giảng điện tử 2. Giới thiệu phần mềm Microsoft Powerpoint và Lecture maker 3. Sử dụng phần mềm Violet để thiết kế câu hỏi trắc nghiệm địa lí					
CHƯƠNG 5. KHAI THÁC THÔNG TIN ĐỊA LÍ TỪ ENCARTA VÀ MỘT SỐ ĐĨA CD CHUYÊN ĐỀ 1. Khai thác các tính năng của bộ đĩa CD Microsoft Encarta Encyclopedia 2. Khai thác dữ liệu từ CD Microsoft Encarta Encyclopedia 3. Khai thác các đĩa CD chuyên đề khác	4	2		4	10
CHƯƠNG 6. KHAI THÁC THÔNG TIN TỪ MẠNG INTERNET VÀ SỬ DỤNG MỘT SỐ PHẦN MỀM HỖ TRỢ ĐỂ BIÊN TẬP DỮ LIỆU 1. Các khái niệm cơ bản về Internet 2. Khai thác Internet 3. Sử dụng một số phần mềm hỗ trợ biên tập dữ liệu	4			4	15
Tổng	27	9	0	27	90

5. Phương pháp dạy - học

Kết hợp các phương pháp dạy học: phương pháp thuyết trình, thực hành, phương pháp phát vấn, phương pháp thảo luận nhóm, và sử dụng các phương tiện thiết bị hiện đại.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO 1,2	30%
2	Kiểm tra thực hành	Rubric viết	CLO 3,4,5	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO 5	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4,5	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Tự luận, thực hành	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	20%
III. Thi cuối kì				
1	Tự luận, thực hành	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3,4,5	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 04 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm KT giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình bắt buộc:*

1. Nguyễn Viết Thịnh (chủ biên) (2010), *Windows MS Office Internet dùng trong giảng dạy và nghiên cứu Địa lí*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.

* *Tài liệu tham khảo:*

1. Phó Đức Hòa, Ngô Quang Sơn (2008), *Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học tích cực*; NXB giáo dục; Hà Nội.

2. Nguyễn Trọng Phúc (1997), *Phương tiện thiết bị kỹ thuật trong dạy học Địa lí*, NXB ĐHQG Hà Nội.

6.40b. XÂY DỰNG BIỂU ĐỒ VÀ PHÂN TÍCH SỐ LIỆU THỐNG KÊ ĐỊA LÍ/ BUILDING CHARTS, ANALYZING GEOGRAPHICAL STATISTICS

- Số tín chỉ: 03 (27 LT; 9 TL; 27 TH)

- Mã học phần: 125310

- Bộ môn quản lý học phần: Địa lí

- Điều kiện tiên quyết: Công nghệ số

1. Mô tả học phần

Học phần xây dựng biểu đồ, phân tích SLTK Địa lí cung cấp những kiến thức cơ bản, nền tảng của môn học về: cách phân loại các biểu đồ Địa lí; cách xây dựng các loại biểu đồ, bản đồ phù hợp với các yêu cầu học tập, giảng dạy và nghiên cứu khác nhau; cách phân tích số liệu thống kê khi nghiên cứu và học tập các học phần địa lí; và tiếp tục phát triển nghề nghiệp ở trình độ đào tạo cao hơn.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị những kiến thức nền tảng và chuyên sâu về vẽ 10 dạng biểu đồ; phân tích các bảng số liệu thống kê Địa lí; Hướng dẫn sinh viên cách xây dựng các loại biểu đồ phù hợp với nội dung yêu cầu; cách phân tích số liệu thống kê khi nghiên cứu, học tập và giảng dạy các học phần địa lí. Sau khi học xong, SV có thể vận dụng những kiến thức, phương pháp, phương tiện, để rèn luyện kỹ năng xây dựng các loại biểu đồ, phân tích số liệu thống kê Địa lí một cách khoa học và tối ưu để thiết kế bài giảng Địa lí trong chương trình phổ thông.

- CO2: Người học có những kỹ năng cần thiết để xây dựng biểu đồ và phân tích số liệu thống kê khi nghiên cứu, học tập và giảng dạy các học phần địa lí. Bên cạnh đó hoàn

thiện một số kĩ năng sử dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, làm và sử dụng phương tiện dạy học. Kĩ năng trình bày, viết báo cáo, thuyết trình; phản biện các vấn đề dân cư, kinh tế- xã hội, tài nguyên, môi trường ... dựa trên các bảng SL thống kê.

- CO3: Người học có thái độ cầu thị, chủ động học tập rèn luyện nâng cao trình độ vận dụng vào hoạt động giảng dạy, hoạt động giáo dục đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của người giáo viên Địa lí THPT. Giúp SV hình thành ý thức kỉ luật, nghiêm túc, luôn bình tĩnh, tự tin, chủ động học tập; độc lập trong tự học, tự nghiên cứu và năng lực vận dụng kiến thức đã học vào thiết kế giáo án các tiết học có nội dung địa lí KT- XH ở trường PT.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Hiểu và có kiến thức nền tảng và chuyên sâu về vẽ 10 dạng biểu đồ; về phân tích số liệu thống kê khi nghiên cứu và học tập các học phần Địa lí. SV biết cách xây dựng các loại biểu đồ, bản đồ phù hợp với nội dung yêu cầu và cách phân tích số liệu thống kê khi nghiên cứu và học tập các học phần địa lí.

- CLO2: Vận dụng những kiến thức, phương pháp, phương tiện, để rèn luyện kĩ năng xây dựng các loại biểu đồ, phân tích số liệu thống kê Địa lí một cách khoa học và tối ưu để thiết kế bài giảng Địa lí trong chương trình phổ thông.

- CLO3: Thành thạo những kỹ năng cần thiết về xây dựng biểu đồ và phân tích số liệu thống kê khi nghiên cứu và học tập các học phần địa lí. SV có kĩ năng tự tìm kiếm và lựa chọn những vấn đề nghiên cứu và vận dụng linh hoạt hướng tiếp cận giảng dạy Địa lí từ đặc trưng chuyên ngành. Kĩ năng trình bày, viết báo cáo, thuyết trình; phản biện các vấn đề kinh tế xã hội ... Hoàn thiện kĩ năng thiết kế và sử dụng phương tiện dạy học khi soạn giáo án cho việc dạy học địa lý ở THCS và THPT

- CLO4: Thể hiện thái độ và tinh thần tôn trọng các quy luật tự nhiên, có quan điểm duy vật biện chứng và tư duy kinh tế; SV quan tâm tích cực tới việc nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của bản thân trong xây dựng biểu đồ, bản đồ và phân tích bảng số liệu thống kê; từ đó hình thành thế giới quan khoa học, nhận thức đúng bản chất các mối quan hệ giữa sự phát triển sản xuất với tài nguyên – môi trường;

- CLO5: Có ý thức kỉ luật, nghiêm túc, luôn bình tĩnh, tự tin, chủ động học tập; độc lập trong tự học, tự nghiên cứu và năng lực vận dụng kiến thức đã học. Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lí thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực địa lí.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Ứng dụng CNTT trong xây dựng biểu đồ Địa lí 1.1 Điều kiện dạy học với máy tính 1.2. Các phần mềm cần cho khai thác và xây dựng biểu đồ 1.3. Những thao tác cần chú ý trong xây dựng biểu đồ Địa lí	2					10

Chương 2. Thiết lập bảng tính, xử lý số liệu theo hệ thống chỉ tiêu quốc gia 2.1. Thiết lập, định dạng bảng tính cần sử dụng 2.2. Các bước thiết lập bảng tính 2.3. Xử lý số liệu	4	2		2		20
Chương 3. Hệ thống, kỹ năng lựa chọn các dạng biểu đồ Địa lí 3.1. Hệ thống các biểu đồ thể hiện qui mô và động thái phát triển 3.2. Hệ thống các biểu đồ cơ cấu 3.3. Các dạng biểu đồ khác 3.4 Kỹ năng lựa chọn biểu đồ	5	3		5		20
Chương 4. Kỹ thuật vẽ biểu đồ Địa lí 4.1 Dạng biểu đồ thể hiện qui mô và động thái phát triển (khoảng cách năm đều nhau) 4.2 Dạng biểu đồ thể hiện qui mô và động thái phát triển (khoảng cách năm không đều nhau) 4.3 Dạng biểu đồ thể hiện cơ cấu từ 3 năm trở xuống (biểu đồ tròn, cột chồng) 4.4 Dạng biểu đồ thể hiện cơ cấu từ 3 năm trở lên (biểu đồ miền) 4.5 Dạng biểu đồ Tháp tuổi 4.6 Một số dạng biểu đồ khác (biểu đồ đường rời, biểu đồ ra đa)	8	2		10		45
Chương 5. Phương pháp phân tích bảng số liệu thống kê 5.1 Các số liệu thống kê dùng trong nghiên cứu, học tập và giảng dạy Địa lí 5.2 Thu thập số liệu thống kê 5.3 Phân tích số liệu thống kê	8	2		10		40
Tổng	27	9	0	27		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành trên máy với các phần mềm; thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Đề đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1,2,3,4,5	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	
4	Bài tập thực hành cá nhân	Rubric bài tập cá nhân	CLO1,2,3,4,5	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	20%
III. Thi cuối kì				
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3,4,5	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành trên máy tính,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 04 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- SV cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* **Giáo trình bắt buộc:**

1) Nguyễn Viết Thịnh (chủ biên) (2010), *Windows MS Office Internet dùng trong giảng dạy và nghiên cứu Địa lí*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.

2) Nguyễn Đức Vũ (2020), *Phân tích bảng số liệu, vẽ biểu đồ, lược đồ Việt Nam - Đọc Atlas Địa lí*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

* **Tài liệu tham khảo:**

1) Nguyễn Trọng Phúc, *Phương pháp sử dụng số liệu thống kê trong dạy học Địa lí KT-XH*, NXB ĐHQG Hà Nội, 1997.

2) Đỗ Anh Tài, *Giáo trình phân tích số liệu thống kê*, NXB Thống kê, Hà Nội, 2008.

6.41. Chọn 1 trong 2 học phần:

6.41a. THỰC TẾ ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN TỔNG HỢP/ FIELD GENERAL NATURAL GEOGRAPHY

- Số tín chỉ: 2 (3 LT; 6 TL; 48 TH)
- Mã học phần: 125198
- Bộ môn quản lý học phần: Địa lí
- Điều kiện tiên quyết: Bản đồ học đại cương; Địa lí tự nhiên VN1

1. Mô tả học phần

Học phần Thực địa Địa lí tự nhiên tổng hợp là môn học cơ bản và bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Sư phạm Địa lí. Môn học giúp sinh viên biết lập kế hoạch chuẩn bị thực địa. Xác định được mục tiêu, nhiệm vụ và các phương pháp sử dụng khi đi thực địa. Các bước chuẩn bị đi thực địa. Dự trù kinh phí, chuẩn bị tư trang cá nhân, tài liệu và trang thiết bị cần thiết... Vạch tuyến khảo sát thực địa các thành phần tự nhiên: địa chất, địa mạo, địa hình, khí hậu, thủy văn, thổ nhưỡng, sinh vật. Trong quá trình thực hiện chuyến thực địa sẽ khảo sát các đặc điểm tự nhiên tại một số địa điểm thuộc thành phố Hải Phòng (đảo Cát Hải, Đồ Sơn...), tỉnh Quảng Ninh (Yên Tử, TP Hạ Long, một vài mỏ than...), TP Lạng Sơn và phụ cận, viết báo cáo thực địa

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: củng cố kiến thức địa lí tự nhiên tổng hợp đã học, phân tích được các kiến thức lý luận về các học phần địa lí tự nhiên. Đồng thời phân tích đặc điểm, thực trạng địa chất - địa hình ở một số tỉnh thành khu vực Đông Bắc Việt Nam.

- CO2: Hiểu biết được một số đặc điểm tự nhiên cụ thể ngài thực địa như: sự hình thành địa hình đá vôi, một số dạng địa hình, khoáng sản được hình thành ở khu vực khu vực đông Bắc, đa dạng sinh học tại Vườn quốc gia Cát Bà, các yếu tố khí tượng, công tác dự báo khí tượng và biểu hiện của biến đổi khí hậu qua một số yếu tố khí tượng (nhiệt độ, lượng mưa) ở Trạm KTTV.

- CO3: Hoàn thiện kỹ năng học và tự học, tự nghiên cứu, năng lực làm việc nhóm và viết báo cáo về một vấn đề địa chất và bản đồ, khả năng duy logic, tổng hợp, phân tích các vấn đề môi trường, địa chất và bản đồ ở các dạng địa hình một cách chính xác, khách quan, khoa học.

- CO4: Có thái độ tích cực trong quá trình tham gia thực địa và trung thực trong viết báo cáo thu hoạch; Có tinh thần cầu thị trong việc lĩnh hội kiến thức cơ sở khoa học chuyên ngành trên thực địa.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: củng cố kiến thức địa lí tự nhiên tổng hợp đã học, phân tích được các kiến thức lý luận về các học phần địa lí tự nhiên. Đồng thời phân tích đặc điểm, thực trạng địa chất - địa hình ở một số tỉnh thành khu vực Đông Bắc Việt Nam.

- CLO2: Hiểu biết được một số đặc điểm tự nhiên cụ thể ngài thực địa như: sự hình thành địa hình đá vôi, một số dạng địa hình, khoáng sản được hình thành ở khu vực khu vực đông Bắc, đa dạng sinh học tại Vườn quốc gia Cát Bà, các yếu tố khí tượng, công tác dự báo khí tượng và biểu hiện của biến đổi khí hậu qua một số yếu tố khí tượng (nhiệt độ, lượng mưa) ở Trạm KTTV.

- CLO3: Hoàn thiện kỹ năng học và tự học, tự nghiên cứu, năng lực làm việc nhóm và viết báo cáo về một vấn đề địa chất và bản đồ, khả năng duy logic, tổng hợp,

phân tích các vấn đề môi trường, địa chất và bản đồ ở các dạng địa hình một cách chính xác, khách quan, khoa học.

- CLO4: Có kỹ năng khảo sát, đo đạc địa chất, thực hành đo vẽ bản đồ trên các dạng địa hình đồi núi, sông hồ.

- CLO5: Có khả năng tự định hướng, có trách nhiệm với việc học tập và nghiên cứu của bản thân. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các kế hoạch thực địa.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<p>Nội dung 1: Làm các công tác tổ chức (phân nhóm, đoàn,...), chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho đợt thực tế</p> <p>1.1. Công tác tổ chức chung. 1.2. Chuẩn bị phương tiện đi thực địa, điều kiện nghỉ ngơi cho toàn đợt thực tế. 1.3. Dự trù kinh phí cho mỗi sinh viên: 1.4. Phối hợp với Quản lý SV, CVHT, ban cán sự lớp chuẩn bị cơ sở vật chất cho đợt thực tế 1.5. Các vấn đề cần chú ý khi đi thực tế:</p>	1					7
<p>Nội dung 2: Tập huấn các nội dung cần thiết phục vụ cho đợt thực tế</p> <p>2.1. Giới thiệu và nêu các nhiệm vụ của sinh viên: 2.2. Giới thiệu các giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ cho đợt thực tế 2.3. Tập huấn các nội dung thiết yếu phục vụ cho đợt thực tế 2.4. Hướng dẫn viết báo cáo thu hoạch thực tế.</p>	2					7
<p>Nội dung 3: Thực tế tại mỏ than Hà Tu tỉnh Quảng Ninh</p> <p>1. Tìm hiểu về hiện trạng khai thác than lộ thiên. 2. Tìm hiểu về môi trường trong khu vực khai thác mỏ than Hà Tu. 3. Thăm quan phòng truyền thống, tìm hiểu cơ cấu tổ chức của công ty.</p>				4		7
<p>Nội dung 4: Thực tế và thu thập tài liệu tại Cảng nước sâu Cái Lân, tỉnh Quảng Ninh</p> <p>1. Tìm hiểu về vị trí địa lý 2. Điều địa chất, địa hình 3. Những hoạt động của cảng nước sâu Cái Lân.</p>				4		7
<p>Nội dung 5: Tham quan và thu thập tài liệu</p>				4		7

<p>tại vịnh Hạ Long và đảo Tuần Châu</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Sinh viên trực tiếp quan sát, đo độ cao, độ sâu của các hõm sóng vỗ, ăn mòn trên các đảo đá vôi. 2. Quan sát và phân tích các kiểu thể nằm của đá vôi trong vịnh Hạ Long. 3. Quan sát các kiểu, phân loại hang động 4. Các quá trình địa chất đã và đang diễn ra 5. Quan sát các công trình xây dựng đường nối liền bờ biển với đảo Tuần Châu 6. Những vấn đề mâu thuẫn giữa kinh tế và giá trị môi trường...; 					
<p>Nội dung 6: Tham quan, thu thập tài liệu tại khu vực di tích văn hóa cấp quốc gia Yên Tử</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khảo sát, thu thập các loại đá, vật liệu cấu tạo đá trên núi Yên Tử. 2. Đo đạc các thể nằm trên của đá trên Yên Tử. 3. Đo đạc độ dốc và phương pháp thể hiện độ dốc trên bản đồ địa hình 4. Nhận biết sự khác biệt của các yếu tố thời tiết, thực vật giữa sườn đón gió và khuất gió 5. Các giải pháp đã và đang thực hiện ở Yên Tử trong việc khai thác danh thắng và bảo vệ môi trường ở khu di tích này. 			4		7
<p>Nội dung 7: Nghe báo cáo và thu thập tài liệu về tại Vườn quốc gia Cát Bà (Hải Phòng)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Quan sát về địa chất, địa hình, sinh vật, thổ nhưỡng tại Vườn quốc gia Cát Bà. 2. Nghe báo cáo về sự cần thiết trong vấn đề bảo vệ đa dạng sinh học tại Vườn quốc gia Cát Bà. 			4		7
<p>Nội dung 8: Tham quan và thu thập tài liệu tại Lạng Sơn</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Cửa khẩu Hữu Nghi (Lạng Sơn). 2. Núi Văn Vi 3. Sông Kỳ Cùng và ghềnh Nà Me 			4		7
<p>Nội dung 9: Tham quan thực tế Lạng Sơn (khu di tích Tam Thanh, Nhị Thanh)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Cấu trúc địa chất, các dạng địa hình hang động, 2. Các quá trình địa mạo đang còn tiếp diễn ở các khu vực này 			4		7
<p>Nội dung 10: Tham quan thực tế thắng cảnh Tràng An cổ (Ninh Bình)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Cấu trúc địa chất, các dạng địa hình hang 			4		7

động, 2. Quan sát sự phát triển của địa hình Cacxtơ						
Nội dung 11: Tham quan tại Trạm KTTV TP Thanh Hóa 1. Thực hành quan trắc các yếu tố khí tượng 2. Phân tích các yếu tố khí tượng trên ảnh vệ tinh 3. Xử lý số liệu trước khi đưa lên tin dự báo 4. Nghe báo cáo về đặc điểm khí tượng thủy văn tại trạm KTTV TP Thanh Hóa		4		4		6
Nội dung 12: Tổng hợp, phân tích tài liệu tham quan, khảo sát - Sắp xếp nguồn tài liệu qua nhật kí thực tế, tài liệu thu thập và tham khảo theo từng đơn vị hành chính mà đoàn đã đi thực tế . - Đối chiếu, so sánh các nguồn thông tin thu thập được		5		4		6
Nội dung 13: Viết báo cáo thực tế Báo cáo viết trong khoảng 20 trang, không kể phần tranh ảnh (nên đưa bản đồ, lược đồ, sơ đồ vào báo cáo thực tế, hạn chế đưa tranh ảnh vào báo cáo)				8		8
Tổng	3	9	0	48		90

5. Phương pháp dạy - học

Kết hợp các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp học tập ngoài trời, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (0)				
II. Kiểm tra giữa kỳ (0)				
III. Viết báo cáo thực tế (01)				
	Báo cáo thực tế	Rubric báo cáo	CLO1,2,3,4,5	100%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các quy định thực địa

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các buổi đi thực tế

- Phải có tối thiểu 03 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Báo cáo được đánh máy hoặc viết bằng tay, sạch sẽ, rõ ràng. Được tham khảo các tư liệu đã giới thiệu ở trên hay các website để hoàn chỉnh bài làm, mỗi SV viết một báo cáo thực tế để nộp thay thế thi cuối kỳ.

- Chuẩn bị bài trước khi đi thực địa theo hướng dẫn trong đề cương môn học.

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến trong quá trình đi thực địa.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Giáo trình bắt buộc:**

1. Phùng Ngọc Đĩnh (1996), *Thực hành địa chất*, NXB ĐHQG Hà Nội.

*** Tài liệu tham khảo:**

1) A.M. Berliant (Hoàng Phương Nga, Nhữ Thị Xuân biên dịch) (2004), *Phương pháp nghiên cứu bằng bản đồ*, NXB ĐHQG Hà Nội.

2) Lê Bá Thảo (1983), *Cơ sở địa lí tự nhiên*, NXB ĐHSP Hà Nội.

6.41b. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM HƯỚNG NGHIỆP TRONG MÔN ĐỊA LÍ /Experience, professional activities in teaching Geography

- Số tín chỉ: 02 (9 LT; 6 TL; 36 TH)

- Mã học phần: 125302

- Bộ môn quản lý học phần: Địa lí

- Điều kiện tiên quyết: Bản đồ học đại cương; Địa lí tự nhiên VN1

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Xây dựng mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp gắn với những tình huống, bối cảnh thực tế đáp ứng chuẩn kiến thức nghề nghiệp giáo viên Địa lí THPT, THCS.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hiểu và phân tích được vị trí, mục tiêu, nội dung, các đặc điểm, yêu cầu cần đạt, phương thức tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; các hình thức tổ chức, các nội dung trải nghiệm, hướng nghiệp trong dạy học Địa lí ở THCS, THPT.

- CO2: Phân tích được nội dung chương trình hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong môn Địa lí ở THCS, THPT. Có kỹ năng xây dựng kế hoạch dạy học, thiết kế và tổ chức dạy học hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; vận dụng các hình thức kiểm tra đánh giá hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp

- CO3: Chủ động, tích cực trong tìm hiểu nội dung chương trình, tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phù hợp với đối tượng học sinh

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu và phân tích được vị trí, mục tiêu, nội dung, các đặc điểm, yêu cầu cần đạt của hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp

- CLO2: Phân tích được nội dung chương trình hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong môn Địa lí ở THCS, THPT.

- CLO3: Vận dụng các phương thức tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; các hình thức tổ chức, các nội dung trải nghiệm, hướng nghiệp trong dạy học Địa lí ở THCS, THPT.

- CLO4: Hình thành kỹ năng xây dựng kế hoạch dạy học, thiết kế giáo án hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp

- CLO5: Hình thành kỹ năng tổ chức dạy học hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; và kiểm tra đánh giá hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp

- CLO6: Chủ động, tích cực trong tìm hiểu nội dung chương trình, tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phù hợp với đối tượng học sinh

- CLO7: Bồi dưỡng lòng yêu nghề, say mê sáng tạo và năng lực tổ chức hoạt động ngoại khóa

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA NỘI DUNG DẠY HỌC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP Ở TRƯỜNG PT 1.1. Vị trí, tầm quan trọng, mục tiêu của nội dung dạy học hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp ở trường THPT 1.2. Mục tiêu chương trình 1.3. Nội dung chương trình dạy học hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	2	2	0	6	0	20
Chương 2: CÁC NGUYÊN TẮC VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 2.1. Các nguyên tắc 2.2. Các phương thức và hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp 2.3. Quy trình tổ chức các hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp cho học sinh THPT trong	3	2	0	12	0	20
Chương 3: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 3.1. Mục đích đánh giá 3.2. Căn cứ đánh giá 3.3. Nội dung đánh giá 3.4. Phương pháp, hình thức tổ chức đánh giá 3.5. Kết quả đánh giá	2	2	0	12	0	25
Chương 4: THIẾT KẾ GIÁO ÁN VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM HƯỚNG NGHIỆP	2	0	0	6	0	25

4.1. Thiết kế giáo án						
4.2. Tổ chức thực hiện						
Tổng	9	6	0	36	0	90

5. Phương pháp dạy - học

Học phân áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm, đóng vai

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Đề đạt được các chuẩn đầu ra học phân sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2	30%
2	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO6,7	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO3,4,5	
4	Tự luận (Thiết kế hoạt động trải nghiệm)	Rubric tự luận	CLO3,4,6	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				
1	Vấn đáp	Đề thi và đáp án	CLO1,2,5,6	20%
III. Thi cuối kì				
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO3,4,5,7	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric BTL	CLO3,4,5,6	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính

[1]. Đinh Thị Kim Thoa (chủ biên) (2019), *Hướng dẫn tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp THPT theo CTGDPT mới*, NXB ĐHSP.

8.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), *Tài liệu tập huấn Kỹ năng xây dựng và tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong trường trung học*. Chương trình phát triển Giáo dục Trung học, 2015. TL điện tử

[2] Nguyễn Văn Lê, Hà Thế Truyền (2004), *Một số kinh nghiệm về giáo dục phổ thông và hướng nghiệp trên thế giới*, NXB ĐHSP.

6.42. Chọn 1 trong 4 học phần:

6.42a. QUY HOẠCH VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI/ PLANNING FOR SOCIO – ECONOMIC DEVELOPMENT.

- Số tín chỉ: 03 (27 LT; 30 TL; 6 TH)
- Mã học phần: 125303
- Bộ môn quản lý học phần: Địa lí
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần quy hoạch phát triển kinh tế xã hội gồm 3 phần chính: Phần thứ nhất là một số thuật ngữ phục vụ nghiên cứu chiến lược và quy hoạch phát triển kinh tế xã hội; phần thứ hai là phương pháp luận và phương pháp lập quy hoạch phát triển KTXH ở nước ta; phần thứ ba là giới thiệu một số quy hoạch phát triển KTXH ở Việt Nam.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Trình bày được những kiến thức cơ bản về quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội (khái niệm, căn cứ, bản chất...), trình bày được một số nội dung liên quan đến phát triển kinh tế, xã hội. Nắm được các nội dung cơ bản của phương án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội cho một huyện, tỉnh, vùng, quốc gia. Phân tích được mối quan hệ biện chứng về các nhân tố tác động tới sự phát triển kinh tế xã hội của một huyện, tỉnh, vùng, quốc gia.

- CO2: Vận dụng được kiến thức về phát triển kinh tế, xã hội có liên quan và kiến thức cơ bản các học phần đã học để giải quyết được tình huống quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực chủ yếu, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

CO3: Xây dựng, dự báo được chỉ tiêu cơ bản trong quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, huyện, quy hoạch tổng thể ngành và lĩnh vực chủ yếu.

- CO4: Có trách nhiệm, tự giác, chủ động tham gia làm việc nhóm nghiêm túc, phối hợp với các thành viên trong quá trình nghiên cứu, thảo luận. Tích cực, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học. Sáng tạo trong ứng dụng kiến thức môn học vào điều kiện thực tế.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sinh viên hiểu, trình bày và phân biệt được các khái niệm về được sử dụng trong quy hoạch phát triển KTXH

- CLO2: Biết, hiểu và có thể vận dụng những kiến thức bao gồm: cơ sở lý luận và phương pháp luận quy hoạch, các phương pháp, nội dung, trình tự và các phương pháp lập quy hoạch, các nhiệm vụ của quy hoạch phát triển vùng, quản lý và thực hiện quy hoạch phát triển KTXH ở Việt Nam

- CLO3: Hiểu, phân tích được những quy hoạch phát triển KTXH quan trọng của Việt Nam; - CLO4: Thu thập, xử lý, phân tích tài liệu, số liệu về quy hoạch KTXH; Kỹ năng tổ chức các hoạt động theo nhóm; kỹ năng nghiên cứu các vấn đề quy hoạch KTXH

- CLO5: Phát hiện và giải quyết được những vấn đề quy hoạch KTXH đang diễn ra ở các lãnh thổ khác nhau của Việt Nam. Đọc và xây dựng được các loại BĐ quy hoạch.

- CLO6: Sinh viên có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, làm việc độc lập, làm việc nhóm, vận dụng thực tế, ý thức kỉ luật, nghiêm túc, tự tin, chủ động học tập; độc lập trong tự học, tự nghiên cứu.

- CLO7: Độc lập phát hiện được những vấn đề quy hoạch phát triển KTXH cần phải nghiên cứu. Phân tích, so sánh, tổng hợp những kiến thức về quy hoạch phát triển KTXH ở các lãnh thổ khác nhau. Có tư duy phản biện, tư duy địa lí KT-XH, có năng lực tiếp nhận tốt các vấn đề phát triển KTXH mới, hiểu rõ những nguyên tắc của phát triển kinh tế, hình thành ý thức trách nhiệm đối với quá trình phát triển KTXH của quê hương, đất nước.

4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng chương.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 1.1. Khái quát chung về quy hoạch phát triển KT-XH 1.2. Vị trí, vai trò quy hoạch phát triển KT-XH 1.3. Bản chất của quy hoạch tổng thể KT-XH 1.4. Phương pháp tiếp cận của quy hoạch tổng thể KT-XH 1.5. Đặc điểm, yêu cầu và nguyên tắc cơ bản của quy hoạch tổng thể KT-XH	10	10		02		40
Chương 2: NỘI DUNG QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 2.1. Phân tích, đánh giá thực trạng các nguồn lực tác động đến sự phát triển kinh tế – xã hội 2.2. Đánh giá thực trạng kinh tế - xã hội 2.3. Phân tích, đánh giá các yếu tố bên ngoài tác động đến sự phát triển kinh tế xã hội	10	10		02		40
Chương 3: MỘT SỐ QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI Ở VN 3.1. Quy hoạch ngành 3.2. Quy hoạch tổng thể phát triển các lãnh thổ KTXH	7	10		02		55
Tổng	27	30	0	6		135

5. Phương pháp dạy - học

Kết hợp các phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, phương pháp phát vấn, phương pháp thảo luận nhóm, seminar, phương pháp quan sát, thực địa, và sử dụng các phương tiện dạy học trong Địa lí (Atlas, bản đồ, Googlemap,...) và các thiết bị dạy học hiện đại (máy tính, máy chiếu).

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Đề đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Vấn đáp	Rubric Vấn đáp	CLO1,CLO5, CLO7	30%
2	Viết	Rubric viết	CLO1,CLO2,CLO3, CLO5, CLO7	
3	Thuyết trình/thảo luận	Rubric Thuyết trình Rubric Thảo luận	CLO5, CLO6, CLO7	
4	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO6	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Trắc nghiệm/viết	Đề thi và đáp án	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO7	20%
III	Thi cuối kì			
1	Trắc nghiệm/viết	Đề thi và đáp án	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO6	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO5, CLO6 CLO7	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 03 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Phải tham dự thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Ngô Doãn Vịnh (Chủ biên) (2004), *Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội*, Nhà Xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội.

8.2. Tài liệu

[2] Ngô Doãn Vịnh (2003), *Nghiên cứu chiến lược và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[3] Phạm Kim Giao (2000), *Quy hoạch vùng*, NXB Xây dựng, Hà Nội.

[4] Các quy hoạch phát triển KTXH của Việt Nam trên Cổng thông tin điện tử của Bộ kế hoạch và Đầu tư: <https://www.mpi.gov.vn/Pages/ktxh.aspx?idcm=189>

6.42b. QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỊA PHƯƠNG/ MANAGEMENT OF LOCAL RESOURCES AND ENVIRONMENT.

- Số tín chỉ: 03 (27 LT; 30 TL; 6 TH)

- Mã số học phần: 125305

- Bộ môn quản lý học phần: Địa lí

- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Học phần quản lý tài nguyên và môi trường địa phương trang bị các kiến thức về khái niệm quản lý môi trường, hệ thống quản lý môi trường.; Các tiêu chuẩn môi trường và các quy định trong bảo vệ môi trường, các quy định luật pháp hiện hành về bảo vệ môi trường như Việt Nam.; Các công cụ kỹ thuật, kinh tế trong quản lý môi trường: Đánh giá tác động môi trường, quy hoạch môi trường, quỹ môi trường, bồi thường thiệt hại về môi trường, phí môi trường, thuế môi trường...; Hiện trạng tài nguyên các thành phần môi trường của tỉnh Thanh Hoá như hiện trạng môi trường nước, hiện trạng môi trường đất, hiện trạng môi trường không khí, hiện trạng môi trường chất thải rắn... và các giải pháp bảo vệ môi trường tỉnh Thanh Hoá trong thời gian tới.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức nền tảng về quản lý môi trường, các quy định pháp luật về quản lý môi trường, hiện trạng tài nguyên và thành phần môi trường của tỉnh Thanh Hóa cũng như các kế hoạch bảo vệ môi trường trong thời gian tới của tỉnh Thanh

- CO2: Người học có kỹ năng phân tích, đánh giá được các nguồn lực tài nguyên, những vấn đề môi trường của tỉnh Thanh Hóa.

- CO3: Người học có nhận thức đúng về tiềm năng tài nguyên, những vấn đề về tài nguyên và môi trường của tỉnh Thanh Hóa từ đó có những thái độ đúng đắn trong việc ngăn chặn và phòng ngừa những hành vi phá hoại tài nguyên thiên nhiên và môi trường của địa phương cũng như đất nước.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Làm rõ được các khái niệm về quản lý môi trường, hệ thống quản lý môi trường. Nắm bắt được các văn bản pháp pháp luật hiện hành của Việt Nam và quốc tế về quản lý môi trường

- CLO2: Phân tích được tiềm năng tài nguyên, những vấn đề về tài nguyên và môi

trường của địa phương

- CLO3: Xây dựng được các kế hoạch, các giải pháp bảo vệ tài nguyên và môi trường của tỉnh Thanh Hóa

- CLO4: Thể hiện thái độ và tinh thần gìn giữ, trân trọng các giá trị tài nguyên tự nhiên và môi trường của địa phương

- CLO5: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lý thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến tài nguyên và môi trường.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
HƯỚNG 1: CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 1.1 Khái niệm cơ bản về khoa học, công nghệ môi trường 1.2 Chất lượng môi trường 1.3 Khái niệm về quản lý môi trường 1.4 Hệ thống quản lý môi trường 1.5 Bảo vệ môi trường 1.6 Khái niệm chung về phát triển bền vững 1.7 Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ở Việt Nam	3	0				10
CHƯƠNG 2: TIÊU CHUẨN VÀ QUY ĐỊNH TRONG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG 2.1 Chiến lược và chính sách môi trường 2.1 Chiến lược và chính sách môi trường	3	3				20
CHƯƠNG 3: CÁC PHƯƠNG PHÁP TRONG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG 3.1 Quy hoạch môi trường 3.2 Ngăn ngừa ô nhiễm và vòng đời sản phẩm 3.3 Công cụ kinh tế trong quản lý môi trường 3.4 Hệ thống thông tin môi trường 3.5 Đánh giá tác động môi trường 3.6 Mô hình hóa môi trường	6	6		3		35
CHƯƠNG 4: THỰC TRẠNG TÀI	15	21		3		70

NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THANH HÓA 4.1. Thực trạng tài nguyên và môi trường nước 4.2 Thực trạng tài nguyên khí hậu và môi trường không khí. 4.3. Thực trạng tài nguyên và môi trường đất 4.4. Thực trạng tài nguyên sinh vật 4.5. Thực trạng quản lý chất thải rắn 4.6. Tai biến thiên nhiên và sự cố môi trường 4.7. Biến đổi khí hậu và các ảnh hưởng 4.8. Các chính sách và giải pháp bảo vệ môi trường						
Tổng	27	30	0	6		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Đề đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1,2, 4,5	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4,5	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	20%
III. Thi cuối kì				
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	50%

2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3,4,5	
---	---------------------------	--------------------	--------------	--

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).
- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Phải có tối thiểu 03 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Giáo trình bắt buộc:**

1) Lưu Đức Hải (2009), *Cẩm nang quản lý môi trường*, NXB Giáo dục.

*** Tài liệu tham khảo:**

1) Đặng Ngọc San, Nguyễn Văn Minh, Nguyễn Văn Dũng (2022), *Đặc điểm khí hậu Thanh Hóa*, Đài khí tượng thủy văn tỉnh Thanh Hóa.

2) Vũ Quyết Thắng (2007), *Đánh giá tác động môi trường*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

6.42c. ĐÔ THỊ VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG / URBAN AND SUSTAINABLE DEVELOPMENT

- Số tín chỉ: 03 (27 LT; 30 TL; 6 TH)

- Mã HP: 125304

- Bộ môn quản lý học phần: Địa lí

- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Học phần Đô thị và phát triển bền vững trang bị các kiến thức về: đô thị, phát triển bền vững, phát triển đô thị bền vững; Lược sử phát triển đô thị; Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của đô thị; Tầm qua trọng của sự phát triển đô thị bền vững; Hệ thống các tiêu chí đánh giá đô thị phát triển bền vững; Thực trạng phát triển đô thị bền vững; Các giải pháp và định hướng phát triển đô thị bền vững ở Việt Nam.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sau khi học xong học phần này, người học hiểu được khái niệm về đô thị, phát triển bền vững, phát triển đô thị bền vững, tầm qua trọng của sự phát triển đô thị bền vững; Nắm được hệ thống tiêu chí đánh giá đô thị phát triển bền vững và biết vận dụng để đánh giá được mức độ phát triển của các đô thị cụ thể.

- CO2: Người học có kỹ năng tính toán các chỉ số KT-XH, kỹ năng phân tích, đánh giá, so sánh số liệu thống kê; vẽ các biểu đồ, sơ đồ, các mô hình KTXH; Kỹ năng viết báo

cáo, viết bài luận; Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, kỹ năng giải quyết vấn đề; nâng cao tính sáng tạo, cách làm việc khoa học.

- CO5: Bồi dưỡng tình yêu quê hương đất nước; Ý thức được tầm quan trọng của đô thị và sự phát triển bền vững đối với người học kỉ công nghiệp 4.0 và nhu cầu phát triển KT-XH trong quá trình giáo dục theo định hướng phát triển năng lực người học.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Làm rõ được các khái niệm về đô thị, phát triển bền vững, phát triển đô thị bền vững; vai trò, đặc điểm của 1 đô thị bền vững...; Tóm tắt và so sánh được các lý thuyết về để vận dụng vào trong thực tiễn của 1 đô thị.

- CLO2: Người học hiểu và vận dụng, phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển của 1 đô thị bền vững; Phân tích, đánh giá được vai trò của một đô thị bền vững đối với sự phát triển KT - XH; hiện trạng và xu hướng phát triển các đô thị bền vững trên Thế giới và ở VN.

- CLO3: Phân tích, xử lý được bảng số liệu, lập biểu đồ và rút ra nhận xét, từ đó đánh giá định tính và định lượng thực trạng phát triển các đô thị trên thế giới và ở Việt Nam; Có năng lực hiểu rõ những nguyên tắc, các tiêu chí đánh giá đô thị bền vững.

- CLO4: Thể hiện thái độ và tinh thần nghiên cứu bền bỉ, nghiêm túc; đồng thời đưa ra được những kiến nghị và giải pháp phát triển đô thị vững và hiệu quả.

- CLO5: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lí thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực phát triển đô thị bền vững.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Những vấn đề chung về đô thị và sự phát triển bền vững 1. Một số khái niệm tiêu biểu về: đô thị, phát triển bền vững, phát triển đô thị bền vững. 2. Mối liên hệ giữa đô thị và sự phát triển bền vững. 3. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của đô thị. 4. Tầm qua trọng của sự phát triển đô thị bền vững. 5. Hệ thống các tiêu chí đánh giá đô thị phát triển bền vững.	9	10		2		50
Chương 2. Lược sử phát triển đô thị 1. Nguồn gốc hình thành đô thị 2. Lược sử phát triển đô thị	9	10		2		35
Chương 3. Thực trạng phát triển đô	9	10		2		50

thị bền vững 1. Đô thị và sự phát triển bền vững ở các nước phát triển. Các vấn đề KT, XH&MT 2. Đô thị và sự phát triển bền vững ở các nước đang phát triển. Các vấn đề KT, XH&MT 3. Đô thị và sự phát triển bền vững ở Việt Nam. Các vấn đề KT, XH&MT và các giải pháp phát triển.						
Tổng	27	30	0	6		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1,2, 4,5	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4,5	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	20%
III. Thi cuối kì				
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3,4,5	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 03 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Giáo trình bắt buộc:**

- Conferences&Seminaires (2015), *Phát triển đô thị bền vững*, NXB tri thức.

*** Giáo trình tham khảo**

- Trương Quang Thao (2003), *Đô thị học, những khái niệm mở đầu*, NXB Xây dựng.

- Nguyễn Đăng Sơn (2005), *Phương pháp tiếp cận mới về quy hoạch và quản lý đô thị*, NXB Xây dựng.

- Đặng Thái Hoàng (2010), *Lịch sử đô thị*, NXB Xây dựng.

- Carter H. Edward (1985), *The study of urban geography*, NXB Amold.

- Michael Pacione (2001), *Urban geography:a global perspective*, Routledge.

6.42d. KINH TẾ VÀ PHÁT TRIỂN/ ECONOMY AND DEVELOPMENT

- Số tín chỉ: 03 (27 LT; 30 TL; 6 TH)

- Mã học phần: 128001

- Bộ môn quản lý học phần: Địa lí

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Môn học cung cấp kiến thức về: Hệ thống chỉ tiêu đánh giá tăng trưởng và phát triển kinh tế, phát triển bền vững của các quốc gia. Hệ thống kiến thức về các yếu tố đầu vào trong phát triển kinh tế của một quốc gia; Nội dung của các lý thuyết và mô hình phát triển kinh tế tiêu biểu trên thế giới, tìm hiểu về mô hình phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam. Các vấn đề nảy sinh trong quá trình tăng trưởng và phát triển kinh tế như: công bằng xã hội, nghèo đói, bất bình đẳng, Vai trò, đặc điểm và định hướng phát triển của các ngành kinh tế: nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ,... trong nền kinh tế các nước đang phát triển. Những chiến lược, chính sách đổi mới nền KTXH và thành tựu phát triển KTXH của Việt Nam.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học nắm vững kiến thức về bối cảnh ra đời của các nước đang phát triển, đặc điểm phân chia trình độ trên thế giới; hệ thống kiến thức về tăng trưởng kinh tế, phát triển kinh tế, phát triển bền vững; các vấn đề tăng trưởng và phát triển kinh tế xã hội ở Việt Nam

- CO2: Người học có kiến thức về vai trò, tầm quan trọng, cách khai thác, sử dụng hiệu quả các yếu tố đầu vào trong tăng trưởng và phát triển kinh tế (tài nguyên, lao động,

vốn, khoa học kỹ thuật).

- CO3: Vai trò, đặc điểm, đóng góp của các ngành, các lĩnh vực kinh tế trong quá trình phát triển KTXH của các quốc gia. Các vấn đề kinh tế xã hội nổi bật, phát sinh trong quá trình tăng trưởng và phát triển: vấn đề nghèo đói, bất bình đẳng,...

- CO4: Có kỹ năng tính toán các chỉ số KTXH, vẽ biểu đồ, sơ đồ các mô hình phát triển kinh tế; biết vận dụng kiến thức đã học vào luận giải, đánh giá, viết báo cáo, trình bày về các vấn đề kinh tế xã hội;

- CO5: Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, tư duy tổng hợp; tư duy phản biện, có ý thức tích cực, chủ động làm việc, tự tin; hình thành kỉ luật, nghiêm túc; chăm chỉ, cần cù

- CO6: Có cái nhìn biện chứng giữa tăng trưởng và phát triển kinh tế, mối quan hệ giữa con người với các đối tượng sản xuất, giữa nhu cầu tăng trưởng kinh tế cao với khai thác bảo vệ tài nguyên, môi trường; với bình đẳng và ổn định chính trị xã hội. Nâng cao ý thức, trách nhiệm của cá nhân đối với vấn đề phát triển kinh tế xã hội của đất nước; mỗi cá nhân cần nỗ lực làm việc, cống hiến

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sinh viên hiểu, trình bày và phân tích được: các khái niệm về tăng trưởng kinh tế, phát triển kinh tế, phát triển bền vững; các chỉ tiêu đánh giá tăng trưởng kinh tế, trình độ phát triển kinh tế, phát triển bền vững của các quốc gia; hiểu nội dung các mô hình tăng trưởng kinh tế tiêu biểu; các vấn đề xã hội: nghèo đói, bất bình đẳng, phúc lợi xã hội,...

- CLO2: Sinh viên phân tích, đánh giá được vai trò, đặc điểm của các nguồn lực phục vụ phát triển KTXH của quốc gia; vai trò, đặc điểm của ngành kinh tế (nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ) trong quá trình tăng trưởng và phát triển KT. Các chính sách mà chính phủ các nước sử dụng để phát triển kinh tế xã hội.

- CLO3: Hiểu, phân tích được những chính sách phát triển kinh tế quan trọng của Việt Nam; những thành tựu và hạn chế trong công cuộc đổi mới nền kinh tế của VN.

- CLO4: Vận dụng, tính toán được một số chỉ tiêu KTXH; vẽ biểu đồ, mô hình hóa bằng sơ đồ,... Kỹ năng trình bày vấn đề, viết báo cáo, thuyết trình, phản biện các vấn đề KTXH.

- CLO5: Sinh viên có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, làm việc độc lập, làm việc nhóm, vận dụng thực tế. Bình tĩnh, tự tin, khả năng tư duy độc lập; ý thức chủ động học tập, kỉ luật, nghiêm túc; chăm chỉ, cầu thị.

- CLO6: Có năng lực tiếp nhận những vấn đề mới trong phát triển kinh tế xã hội; hình thành ý thức trách nhiệm đối với quá trình phát triển KT của địa phương, đất nước.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
CHƯƠNG 1: MỞ ĐẦU	2	2				10
CHƯƠNG 2: TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ	6	6		1		15
CHƯƠNG 3. CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ	2	3		1		12

CHƯƠNG 4: NGHÈO ĐÓI VÀ BẤT BÌNH ĐẲNG VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ	2	2		1		10
CHƯƠNG 5. LAO ĐỘNG VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ	2	2		0		10
CHƯƠNG 6: TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ	2	2				10
CHƯƠNG 7: VỐN VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ	2	2		1		10
CHƯƠNG 8: KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ	1	2		0		10
CHƯƠNG 9: NÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG THÔN TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ	2	2		1		13
CHƯƠNG 10. CÔNG NGHIỆP VÀ CÔNG NGHIỆP HÓA VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ	2	2				10
CHƯƠNG 11. NGOẠI THƯƠNG VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ	2	2		1		13
CHƯƠNG 12: CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI CỦA VN	2	3				12
Tổng	27	30	0	6		135

5. Phương pháp dạy - học

Kết hợp các phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, phương pháp phát vấn, phương pháp thảo luận nhóm, seminar, và sử dụng các phương tiện dạy học trong Địa lí (Atlas, bản đồ, Googlemap,...) và các thiết bị dạy học hiện đại (máy tính, máy chiếu)

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Vấn đáp	Rubric Vấn đáp	CLO1, CLO5, CLO7	30%
2	Viết	Rubric viết	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6	
3	Thuyết trình/thảo luận	Rubric Thuyết trình Rubric Thảo luận	CLO3, CLO4, CLO5, CLO6,	
4	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			

	Trắc nghiệm/viết	Đề thi và đáp án	CLO1, CLO3, CLO7	CLO2, CLO4,	20%
III Thi cuối kì					
1	Trắc nghiệm/viết	Đề thi và đáp án	CLO1, CLO3, CLO6	CLO2, CLO4,	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO4, CLO6	CLO5,	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 03 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình bắt buộc

[1] Vũ Thị Ngọc Phùng (2005), *Giáo trình kinh tế phát triển*, NXB Lao động xã hội, Hà Nội

8.2. Tài liệu

[1] Ngô Thắng Lợi (chủ biên) (2010), *Giáo trình kinh tế phát triển*, NXB ĐH Kinh tế quốc dân

[2] Phạm Ngọc Linh, Nguyễn Thị Kim Dung (đồng chủ biên) (2008), *Giáo trình Kinh tế phát triển (dùng cho sinh viên ngoài chuyên ngành)*, NXB đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

[3] Nguyễn Minh Tuệ (chủ biên) (2005), *Địa lí kinh tế - xã hội đại cương*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.

6.43. KIẾN TẬP TẬP SƯ PHẠM/ ATTENDING PEDAGOGICAL INTERNSHIP

- Số tín chỉ: 2 (0 LT; 0 TL, BT; 60 TH)

- Mã học phần: 125208

- Bộ môn quản lý học phần: Địa lí

- Điều kiện tiên quyết: Lý luận và phương pháp dạy học địa lí.

1. Mô tả học phần:

Vận dụng kiến thức về tâm lý học, giáo dục học vào việc giải quyết các tình huống sư phạm trong thực tế; tìm hiểu tình hình thực tiễn địa phương, thực tiễn giáo dục ở

trường THCS và THPT, tập sự công tác dạy học, chủ nhiệm lớp, triển khai bài tập thực hành tâm lý - giáo dục.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: SV Trình bày được tổng quan về hoạt động của một CSKT, cơ cấu tổ chức, chức năng của nhà trường;

- CO2: Trình bày được vai trò và công việc thực tế của một giáo viên.

- CO3: SV phát triển kỹ năng quan sát và ghi chép các hoạt động giáo dục; Kỹ năng giao tiếp với đồng nghiệp, học sinh; Kỹ năng tham gia các hoạt động nhóm; Kỹ năng viết báo cáo tổng hợp.

- CO4: Vận dụng những kiến thức đã học tại trường ĐH vào các hoạt động giáo dục và giảng dạy tại CSKT.

- CO5: Nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp, có thái độ tích cực trong việc rèn luyện và học tập; Có ý thức tuân thủ các quy định và nội quy của trường đến kiến tập; Có tinh thần trách nhiệm cao đối với công việc được giao trong quá trình kiến tập.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: SV có những kiến thức tổng quan về hoạt động của một CSKT, cơ cấu tổ chức, chức năng của nhà trường; vai trò và công việc thực tế của một giáo viên.

- CLO2: SV vận dụng các kiến thức về khoa học cơ bản, lý luận và phương pháp DH bộ môn gắn với thực tiễn quá trình DH ở trường phổ thông bước đầu tổ chức được các hoạt động DH và giáo dục trong môn Địa lí ở trường THCS và THPT.

- CLO3: Có khả năng phân tích, đánh giá, đề xuất việc đổi mới phương pháp DH và tổ chức các hoạt động giáo dục ở trường phổ thông.

- CLO4: Nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp, có thái độ tích cực trong rèn luyện và học tập.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1. Hoạt động tìm hiểu nhà trường 1.1. Nghe báo cáo tổng hợp về nhà trường và kinh nghiệm của giáo viên chủ nhiệm giỏi trong công tác giáo dục học sinh. 1.2. Giáo sinh tìm hiểu về nhà trường và địa phương				20		30
Nội dung 2. Hoạt động làm giáo viên chủ nhiệm lớp 2.1. Nội dung tìm hiểu về hoạt động chủ nhiệm 2.2. Nội dung thực hiện về hoạt động chủ nhiệm 2.3. Tổ chức thực hiện				20		30
Nội dung 3. Hoạt động dạy học				20		30

3.1. Nội dung tìm hiểu về hoạt động dạy học						
3.2. Nội dung thực hiện hoạt động dạy học						
3.3. Tổ chức thực hiện						
Tổng				60		90

5. Phương pháp giảng dạy: Quan sát, thảo luận, thực hành cá nhân và theo nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Theo quy định về công tác KT,TT của nhà trường

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- SV phải thực hiện đầy đủ các quy định, yêu cầu của công tác KTSP do nhà trường ban hành.

- Tuân thủ những yêu cầu và sự hướng dẫn của trường phổ thông

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính

[1]. Lê Thông (2019), *Hướng dẫn dạy học môn Địa lí THPT theo CTGDPT mới*, NXB ĐHSP.

[2]. Phạm Hồng Tung – Nguyễn Việt Thịnh (đồng chủ biên) (2019), *Hướng dẫn dạy học môn Lịch sử và Địa lí THCS theo chương trình giáo dục phổ thông mới*, NXB ĐHSP.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Quyết định số 1435/QĐ-ĐHHD ngày 24 tháng 9 năm 2020, về việc ban hành Quy định kiến tập, thực tập sư phạm của Trường Đại học Hồng Đức.

[2]. Trần Thị Tuyết Oanh (chủ biên) (2006), *Giáo trình Giáo dục học*, Tập 1,2, NXB ĐHSP.

[3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*.

6.44. THỰC TẬP SƯ PHẠM / PEDAGOGICAL INTERNSHIP

- Số tín chỉ: 5 (0 LT; 0 TL, BT; 150 TH)

- Mã học phần: 125072

- Bộ môn quản lý học phần: Địa lí

- Điều kiện tiên quyết: KTSP, Thực hành PPDH môn Địa lí; Hoàn thành tối thiểu 80% khối lượng chương trình đào tạo.

1. Mô tả học phần

SV Vận dụng kiến thức về tâm lý học, giáo dục học vào việc giải quyết các tình huống sư phạm trong thực tế; tìm hiểu tình hình thực tiễn địa phương, thực tiễn giáo dục ở trường THCS và THPT, tập sự công tác dạy học, chủ nhiệm lớp, triển khai bài tập thực hành tâm lý - giáo dục; Thực hành và rèn luyện kỹ năng dạy học môn Địa lí cho sinh viên ở trường phổ thông; Thực hiện các công tác của một giáo viên.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: SV lập được kế hoạch giảng dạy, kế hoạch công tác chủ nhiệm, kế hoạch công tác Đoàn và công tác phong trào thể dục thể thao ngoại khóa.

- CO2: SV xây dựng được kế hoạch bài học môn Địa lí THCS và THPT, kế hoạch giáo dục, giáo án chủ nhiệm theo đúng yêu cầu.

- CO3: Tổ chức hiệu quả hoạt động giảng dạy trên lớp.
- CO4: Tổ chức hiệu quả các hoạt động sinh hoạt chủ nhiệm, sinh hoạt Đoàn; tổ chức các hoạt động thể dục thể thao và hoạt động ngoại khóa, hướng nghiệp.
- CO5: Nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp, có thái độ tích cực trong việc rèn luyện và học tập; Có ý thức tuân thủ các quy định và nội quy của trường đến kiến tập; Có tinh thần trách nhiệm cao đối với công việc được giao trong quá trình kiến tập.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: SV vận dụng các kiến thức về khoa học cơ bản, lý luận và phương pháp DH bộ môn gắn với thực tiễn quá trình DH ở trường phổ thông, tổ chức hiệu quả các hoạt động DH và giáo dục trong môn Địa lí ở trường THCS và THPT.

- CLO2: SV lập được kế hoạch giảng dạy, kế hoạch giáo dục; SV xây dựng tốt kế hoạch bài học môn Địa lí THCS/ THPT, giáo án chủ nhiệm theo đúng yêu cầu; Tổ chức hiệu quả hoạt động giảng dạy và giáo dục

- CLO3: Có khả năng phân tích, đánh giá, đề xuất và thực hiện việc đổi mới phương pháp DH và tổ chức các hoạt động giáo dục ở trường phổ thông.

- CLO4: Nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp, có thái độ tích cực trong việc rèn luyện và học tập, có ý thức đổi mới PPDH và các hoạt động giáo dục.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1. Hoạt động tìm hiểu nhà trường 1.1. Nghe báo cáo tổng hợp về nhà trường và kinh nghiệm của giáo viên chủ nhiệm giỏi trong công tác giáo dục học sinh. 1.2. Giáo sinh tìm hiểu về nhà trường và địa phương				50		75
Nội dung 2. Hoạt động làm giáo viên chủ nhiệm lớp 2.1. Nội dung tìm hiểu về hoạt động chủ nhiệm 2.2. Nội dung thực hiện về hoạt động chủ nhiệm 2.3. Tổ chức thực hiện				50		75
Nội dung 3. Hoạt động dạy học 3.1. Nội dung tìm hiểu về hoạt động DH 3.2. Nội dung thực hiện hoạt động dạy học 3.3. Tổ chức thực hiện				50		75
Tổng				150		225

5. Phương pháp giảng dạy: Quan sát, thảo luận, thực hành cá nhân và theo nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Theo quy định về công tác KT,TT của nhà trường

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các quy định, yêu cầu của công tác TTSP do nhà trường ban hành.

- Tuân thủ những yêu cầu và sự hướng dẫn của trường phổ thông

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính

[1]. Lê Thông (2019), *Hướng dẫn dạy học môn Địa lí THPT theo CTGDPT mới*, NXB ĐHSP.

[2]. Phạm Hồng Tung – Nguyễn Việt Thịnh (đồng chủ biên) (2019), *Hướng dẫn dạy học môn Lịch sử và Địa lí THCS theo chương trình giáo dục phổ thông mới*, NXB ĐHSP.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Quyết định số 1435/QĐ-ĐHHĐ ngày 24 tháng 9 năm 2020, về việc ban hành Quy định kiến tập, thực tập sư phạm của Trường Đại học Hồng Đức.

[2]. Lê Thông - Nguyễn Minh Tuệ (2018), *Dạy học phát triển năng lực môn Địa lí THPT*, NXB. ĐHSP

[3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*.

6.45. KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP/ GRADUATION THESIS

- Số tín chỉ: 06 (0 LT; 0 TL; 0 TH), Tự học 270

- Mã học phần: 125060

- Bộ môn quản lý học phần: Địa lí

- Điều kiện tiên quyết: Hoàn thành tối thiểu 80% khối lượng CTĐT

1. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng tiếp cận nghiên cứu khoa học, vận dụng các kiến thức thuộc khối đại cương và chuyên ngành đã học để hoàn thành đề tài nghiên cứu lựa chọn.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: SV xác định được các đề tài tồn tại cần nghiên cứu liên quan đến chương trình ngành học.

- CO2: SV vận dụng được các kiến thức cơ sở và chuyên ngành để tiến hành nghiên cứu đề tài phù hợp.

- CO3: SV vận dụng hệ thống phương pháp nghiên cứu phù hợp để hoàn thành đề tài nghiên cứu

- CO4: SV có kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp ứng xử, xử lý vấn đề, chủ động trong nghiên cứu.

- CO5: Có thái độ nghiêm túc, khoa học; có tinh thần sáng tạo, chuyên nghiệp, sẵn sàng giải quyết các vấn đề phát sinh.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học có hệ thống kiến thức cơ bản trong việc thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học.

- CLO2: Vận dụng kiến thức cơ sở và chuyên ngành để lựa chọn và tiến hành nghiên cứu đề tài phù hợp.

- CLO3: SV lựa chọn và vận dụng hệ thống phương pháp nghiên cứu phù hợp khi nghiên cứu.

- CLO4: SV có kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp ứng xử, xử lý vấn đề, chủ động khi nghiên cứu.

- CLO5: Luôn có thái độ nghiêm túc, khoa học; có tinh thần sáng tạo, chuyên nghiệp, sẵn sàng giải quyết các vấn đề phát sinh khi nghiên cứu.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Lựa chọn đề tài nghiên cứu 1.1. Các chuyên ngành có thể lựa chọn 1.2. Yêu cầu khi lựa chọn đề tài						50
Chương 2: Xây dựng đề cương và tập hợp tài liệu tham khảo. 1.1. Xây dựng đề cương 1.2. Tập hợp tài liệu tham khảo						50
Chương 3: Xây dựng kế hoạch và tiến hành nghiên cứu 3.1. Xây dựng kế hoạch 3.2. Tiến hành nghiên cứu						50
Chương 4: Hoàn thiện công trình nghiên cứu 4.1. Yêu cầu khi hoàn thiện các nội dung nghiên cứu. 4.2. Hoàn thiện Phụ lục đề tài						50
Chương 5: Bản tóm tắt đề tài 5.1. Yêu cầu khi hoàn thiện bản tóm tắt 5.2. Hoàn thiện bản tóm tắt						30
Chương 6. Báo cáo kết quả nghiên cứu 6.1. Yêu cầu về báo cáo 6.2. Các sản phẩm báo cáo 6.3. Phương pháp báo cáo						40
Tổng	0	0	0	0	0	270

5. Phương pháp dạy - học

Học phần sử dụng hệ thống câu hỏi gợi mở kết hợp hướng dẫn, thực hành...; Chú ý vận dụng phương pháp thảo luận nhằm rèn luyện khả năng nghiên cứu độc lập, tự chủ cho SV.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên			
II	Kiểm tra giữa kỳ			
III	Thi cuối kì			
	Báo cáo tổng kết đề tài nghiên cứu	- Rubric đánh giá khóa luận	CLO1,2,3,4,5	100%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ các buổi đánh giá đề cương, kiểm tra tiến độ nghiên cứu do bộ môn tổ chức.
- Sinh viên phải tích cực nghiên cứu, đảm bảo tiến độ theo kế hoạch và nộp báo cáo tổng kết đề tài và những sản phẩm liên quan đúng hạn theo yêu cầu của cơ sở đào tạo.
- Có thái độ nghiên cứu nghiêm túc, khoa học, cầu thị, tích cực, sáng tạo...

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

1) Vũ Cao Đàm (2012), *Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nxb Giáo dục

2) Nguyễn Trọng Phúc (2011), *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong dạy học - học Địa lí*, NXB Đại học SP.

8.2. Tài liệu tham khảo:

1) Phạm Viết Vượng (2015), *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục: Giáo trình đào tạo giáo viên THCS*, Nxb Giáo dục

2) Phạm Viết Vượng (2002), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nxb ĐHQGHN.

3) Vũ Hồng Tiến (Chủ biên) (2022), *Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học*, Nxb ĐHQGHN.

6.45. Học phần thay thế KLTN: Chọn 2 trong 4 học phần:

6.45a. BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU/ CLIMATE CHANGE

- Số tín chỉ: 03 (27 LT; 30 TL; 6 TH)
- Mã số học phần: 125312
- Bộ môn quản lý học phần: Địa lí
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về: khái niệm biến đổi khí hậu; nguyên nhân của biến đổi khí hậu, biểu hiện của biến đổi khí hậu; hậu quả của biến đổi khí hậu, dự báo và ứng xử, thích ứng, giảm thiểu thiệt hại do biến đổi khí hậu.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị một số phương pháp trong đánh giá mức độ nhạy cảm tai biến môi trường do biến đổi khí hậu nguy hiểm như lũ lụt, hạn hán, bão tố, sóng thần, khai thác thông tin từ các bảng số liệu, tranh ảnh, băng từ ghi lại những biểu hiện của biến đổi khí hậu đã diễn ra trên thế giới, Việt Nam và ở địa phương.

- CO2: Người học có khả năng xây dựng và áp dụng các biện pháp, chiến lược cụ

thể trong ứng phó với biến đổi khí hậu cho từng địa phương cụ thể. Đồng thời có kỹ năng đề xuất các giải pháp phù hợp với từng khu vực nhằm ứng phó và giảm thiểu thiệt hại do biến đổi khí hậu gây ra nhờ nắm rõ nguyên nhân và những nhạy cảm tại biến.

- CO3: Người học có nhận thức đúng về mức độ nhạy cảm tại biến, hậu quả của tại biến môi trường do biến đổi khí hậu, từ đó có thái độ đúng đắn trong việc ngăn chặn những hành vi làm tăng tính nhạy cảm tại biến và gia tăng biến đổi khí hậu, hạn chế được những thiệt hại do biến đổi khí hậu gây ra.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Làm rõ được các khái niệm biến đổi khí hậu; nguyên nhân của biến đổi khí hậu, biểu hiện của biến đổi khí hậu; hậu quả của biến đổi khí hậu, dự báo và ứng xử, thích ứng, giảm thiểu thiệt hại do biến đổi khí hậu.

- CLO2: xây dựng và áp dụng các biện pháp, chiến lược cụ thể trong ứng phó với biến đổi khí hậu cho từng địa phương cụ thể. Đồng thời có kỹ năng đề xuất các giải pháp phù hợp với từng khu vực nhằm ứng phó và giảm thiểu thiệt hại do biến đổi khí hậu gây ra nhờ nắm rõ nguyên nhân và những nhạy cảm tại biến.

- CLO3: Hợp tác làm việc trong các dự án về biến đổi khí hậu của Chính phủ và các tổ chức phi chính phủ như dự án trồng rừng, duy trì bảo vệ hệ sinh thái, giáo dục cộng đồng và điều tra thực tế. Những kỹ năng này đặc biệt phù hợp với sinh viên chuyên ngành Địa lý học và kỹ sư quản lý Tài nguyên môi trường

- CLO4: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lý thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực biến đổi khí hậu

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<p>Nội dung 1: MỘT SỐ KIẾN THỨC CHUNG VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU</p> <p>1. Một số khái niệm cơ bản về biến đổi khí hậu</p> <p>2. Một số thuật ngữ có liên quan với biến đổi khí hậu</p> <p>3. Một số phương pháp nghiên cứu biến đổi khí hậu</p>	2	0				5
<p>Nội dung 2: BIỂU HIỆN VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRÊN THẾ GIỚI</p> <p>1. Nhiệt độ không khí tăng, khí hậu Trái đất nóng lên</p> <p>2. Biến động trong chế độ mưa và lượng mưa</p> <p>3. Các hiện tượng thời tiết cực đoan</p>	3	3				10

4. Sự dâng cao của mực nước biển.						
Nội dung 3: BIỂU HIỆN CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU Ở VIỆT NAM 1. Biểu hiện của biến đổi khí hậu ở Việt Nam 2. Đặc điểm của biến đổi khí hậu.	3	3				10
Nội dung 4: NGUYÊN NHÂN TỰ NHIÊN CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU 1. Thuyết kiến tạo mảng và biến đổi khí hậu 2. Giả thuyết về sự va chạm của các thiên thạch với Trái đất 3. Sự hoạt động của núi lửa 4. Sự dao động trong quỹ đạo của Trái đất và biến đổi khí hậu 5. Dao động quỹ đạo chuyển động của Trái đất quanh Mặt trời và biến đổi khí hậu 6. Chu kì hoạt động của Mặt trời và biến đổi khí hậu.	2	3				10
Nội dung 5: NGUYÊN NHÂN DO CON NGƯỜI CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU 1. Mối liên hệ giữa sự gia tăng khí nhà kính và nhiệt độ Trái đất 2. Các chất khí nhà kính chính mà con người phát thải vào khí quyển 3. Các hoạt động phát thải khí nhà kính trên thế giới 4. Mức độ phát thải khí nhà kính tính theo quốc gia.	3	3				10
Nội dung 6: KỊCH BẢN BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU, NƯỚC BIỂN DÂNG 1. Cơ sở xây dựng kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng 2.. Kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng trên thế giới 3. Lựa chọn phương pháp để xây dựng kịch bản biến đổi khí hậu cho Việt Nam 4. Kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng cho Việt Nam 5. Một số điều cần lưu ý khi sử dụng kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng.	3	3				10
Nội dung 7: TÁC ĐỘNG CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TOÀN CẦU	3	3				10

1. Tác động của biến đổi khí hậu đến hệ tự nhiên và hệ sinh thái 2. Tác động của biến đổi khí hậu đến các lĩnh vực kinh tế - xã hội 3. Tác động của biến đổi khí hậu đến các khu vực trên thế giới.						
Nội dung 8: TÁC ĐỘNG CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU Ở VIỆT NAM 1. Tác động của biến đổi khí hậu đến các ngành kinh tế - xã hội 2. Tác động của biến đổi khí hậu đến cuộc sống và sức khỏe cộng đồng 3. Tác động của biến đổi khí hậu đến các vùng khí hậu.	3	3				15
Nội dung 9: ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU 1. Ứng phó với biến đổi khí hậu trên phạm vi toàn cầu 2. Ứng phó với biến đổi khí hậu ở Việt Nam	3			3		10
Nội dung 10: CHIẾN LƯỢC ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU Ở VIỆT NAM 1. Các chính sách giảm phát thải khí nhà kính 2. Chiến lược thích ứng với biến đổi khí hậu ở Việt Nam 3. Nhiệm vụ của cộng đồng trong ứng phó với biến đổi khí hậu	5	3				15
Nội dung 11: GIÁO DỤC ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU 1. Tác động của biến đổi khí hậu trong ngành giáo dục 2. Vai trò của ngành giáo dục trong ứng phó với biến đổi khí hậu.	3	3				15
Nội dung 12: CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRONG NGÀNH GIÁO DỤC 1. Các hoạt động giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu trong nhà trường 2. Các biện pháp giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu trong ngành giáo dục	4	3		3		15
Tổng	27	30	0	6		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1,2, 3,4	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO3	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	20%
III. Thi cuối kì				
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3,4	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 03 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm KT giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* **Giáo trình bắt buộc:**

1) Đặng Duy Lợi - Đào Ngọc Hùng (2014), *Giáo trình Biến đổi khí hậu*, NXB ĐHSP.

* **Tài liệu tham khảo:**

1) Lê Văn Khoa – Trần Trung Dũng – Lưu Đức Hải – Nguyễn Văn Việt (2012), *Giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu*, NXB Giáo dục Việt Nam.

2) Đặc Ngọc San, Nguyễn Văn Minh, Nguyễn Văn Dũng (đồng chủ biên) (2022), *Đặc điểm khí hậu Thanh Hóa*, NXB Thanh Hóa.

6.45b. XÂY DỰNG VÀ SỬ DỤNG CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN TRONG DẠY HỌC ĐỊA LÍ Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG/DEVELOP PLANS AND ORGANIZE GEOGRAPHY TEACHING IN HIGH SCHOOLS

- Số tín chỉ: 03 (27 LT; 30 TL; 6 TH)

- Mã học phần: 125313

- Bộ môn quản lý học phần: Địa lí

- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Học phần xây dựng và sử dụng câu hỏi trắc nghiệm khách quan trong dạy học địa lí ở trường phổ thông trang bị các kiến thức về: các dạng câu hỏi trắc nghiệm khách quan; quy trình và kỹ thuật xây dựng, sử dụng các dạng câu hỏi trắc nghiệm khách quan phù hợp trong dạy học địa lí: câu đúng sai, điền khuyết, câu nhiều lựa chọn, ghép đôi, bài tập ô chữ...; kỹ thuật sử dụng một số phần mềm công cụ để thiết kế các câu hỏi trắc nghiệm khách quan trong dạy học địa lí và hoàn thiện bài kiểm tra trắc nghiệm trực tuyến.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hiểu sâu được kiến thức lý thuyết về câu hỏi trắc nghiệm khách quan trong dạy học: khái niệm, thang đánh giá nhận thức, ưu điểm và nhược điểm của từng loại câu hỏi trắc nghiệm khách quan, các phần mềm biên soạn đề trắc nghiệm; Hiểu và phân tích được hệ thống kiến thức cơ bản của chương trình Địa lí phổ thông.

- CO2: Hiểu rõ các dạng câu hỏi, quy trình và kỹ thuật biên soạn; Vận dụng vào xây dựng và sử dụng hệ thống các loại câu hỏi trắc nghiệm khách quan cho các bài dạy địa lí ở trường phổ thông.

- CO3: Hình thành kỹ năng biên soạn câu hỏi và bài soạn kiểm tra trắc nghiệm khách quan; Sử dụng thành thạo một số phần mềm soạn thảo bài kiểm tra trắc nghiệm và tổ chức kiểm tra trực tuyến. Thiết kế và sử dụng được một số công cụ đánh giá kết quả học tập môn Địa lí phát triển năng lực, phẩm chất của người học.

- CO4: Hoàn thiện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu; tìm kiếm và xử lý thông tin; Tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của học sinh chính xác và theo định hướng năng lực.

- CO5: Có thái độ chủ động, nghiêm túc trong học tập; xây dựng thái độ làm việc chuyên nghiệp, có trách nhiệm với công việc, cộng đồng và xã hội. Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể (trong nhà trường và trong lớp học); độc lập trong tự học, tự nghiên cứu.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Hiểu và phân tích được hệ thống kiến thức cơ bản của chương trình Địa lí ở phổ thông. Hiểu sâu được về các dạng câu hỏi trắc nghiệm trong dạy học; các phần mềm biên soạn đề trắc nghiệm.

- CLO2: Hiểu rõ quy trình thiết kế, kỹ thuật biên soạn; Vận dụng vào xây dựng và sử dụng hệ thống các loại câu hỏi trắc nghiệm khách quan cho các bài dạy địa lí ở trường

phổ thông.

- CLO3: Hình thành kỹ năng biên soạn câu hỏi và bài soạn kiểm tra trắc nghiệm khách quan; Sử dụng thành thạo một số phần mềm soạn thảo bài kiểm tra trắc nghiệm, và tổ chức KT trực tuyến.

- CLO4: Tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của học sinh chính xác. Thiết kế và sử dụng được một số công cụ đánh giá kết quả học tập môn Địa lí phát triển năng lực, phẩm chất của người học.

- CLO5: Thiết kế và sử dụng được một số công cụ đánh giá kết quả học tập môn Địa lí phát triển năng lực, phẩm chất của người học. Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể (trong nhà trường và trong lớp học).

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<p>Chương 1. Đặc điểm, ý nghĩa, lịch sử nghiên cứu và ứng dụng PP trắc nghiệm khách quan</p> <p>1.1. Khái niệm, đặc điểm của hình thức kiểm tra trắc nghiệm</p> <p>1.2. Trắc nghiệm khách quan trong dạy học địa lí; Ý nghĩa, vai trò và những hạn chế của phương pháp trắc nghiệm khách 1.3. Lịch sử nghiên cứu và ứng dụng phương pháp trắc nghiệm khách quan.</p>	8	8		2		45
<p>Chương 2. Các loại câu hỏi trắc nghiệm; Các khuynh hướng sử dụng, khả năng ứng dụng TNKQ trong kiểm tra, đánh giá môn địa lí</p> <p>2.1. Phân biệt trắc nghiệm khách quan và trắc nghiệm tự luận.</p> <p>2.2. Các khuynh hướng sử dụng, khả năng ứng dụng TNKQ trong kiểm tra, đánh giá môn địa lí</p>	10	12		2		45
<p>Chương 3. Kỹ thuật viết câu hỏi trắc nghiệm khách quan; Quy trình biên soạn đề; Soạn các bài kiểm tra TNKQ trong CT địa lí</p> <p>3.1. Kỹ thuật viết câu hỏi trắc nghiệm khách quan</p> <p>3.2. Quy trình biên soạn đề kiểm tra trắc nghiệm khách quan</p> <p>3.3. Soạn các bài kiểm tra trắc nghiệm</p>	9	12		2		45

khách quan cho chương trình địa lí THCS						
3.4. Soạn các bài kiểm tra trắc nghiệm khách quan cho chương trình địa lí THPT						
Tổng	27	30	0	6		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4,5	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1,2,3,4,5	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO1,2,3,4	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4,5	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	20%
III. Thi cuối kì				
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3,4,5	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 04 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không

có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Giáo trình bắt buộc**

1. Nguyễn Trọng Phúc (2008), *Trắc nghiệm khách quan và vấn đề đánh giá trong giảng dạy Địa lý*, NXB ĐHSP.

2. Nguyễn Ngọc Minh – Nguyễn Đức Vũ, *Thiết kế bài dạy học và trắc nghiệm khách quan môn địa lí trung học phổ thông*. NXB Giáo dục.

*** Tài liệu tham khảo**

1. Sách giáo khoa địa lí lớp 6,7,8,9,10,11,12 (Cập nhật thay sách đến thời điểm thực hiện học phần)

2. Phạm Hồng Tung-Nguyễn Việt Thịnh (Đồng chủ biên) (2019), *Hướng dẫn dạy học môn Lịch sử và Địa lí THCS theo CTGDPT mới*, NXB ĐHSP.

3. Lê Thông (Chủ biên) (2019), *Hướng dẫn dạy học môn Địa lí THPT theo CTGDPT mới*, NXB ĐHSP.

6.45c. HỘI NHẬP KINH TẾ THẾ GIỚI CỦA VIỆT NAM/ VIETNAM'S WORLD ECONOMIC INTEGRATION

- Số tín chỉ: 3 (27 LT; 30 TL; 6 TH)

- Mã học phần: 125318

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Địa lí

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần Hội nhập kinh tế thế giới của Việt Nam cung cấp hệ thống các kiến thức cơ bản về Liên kết kinh tế quốc tế; Hội nhập kinh tế quốc tế; các vấn đề về HNKTTG của Việt Nam như: Tiến trình HNKTTG của Việt Nam, tác động của HNKTTG đối với đời sống KTXH, định hướng của chiến lược HNKTTG, thách thức đặt ra trong xu hướng HNKTTQT và những thuận lợi của HNKTTG.

2. Mục tiêu học phần:

- CO1: Học phần nhằm mục tiêu: Cung cấp các kiến thức về khái niệm liên kết kinh tế TG; Các đặc trưng cũng như loại hình liên kết kinh tế TG hiện nay; Tác động của liên kết kinh tế TG; Cung cấp các kiến thức về khái niệm hội nhập kinh tế TG; Bản chất của hội nhập kinh tế quốc tế; Tiến trình hội nhập kinh tế Thế giới của VN; những kết quả đạt được và những mặt còn hạn chế của quá trình hội nhập; Các tác động của quá trình hội nhập đến KT - XH VN; Định hướng chiến lược HNKTTG của VN và những thuận lợi cũng như thách thức đặt ra trong xu hướng HNKTTG mới.

- CO2: Người học đạt được năng lực hiểu, phân tích, đánh giá các điều kiện cũng như tác động của HNKTTG ở Việt Nam. Biết vẽ biểu đồ, xử lý, phân tích số liệu thống kê. Người học cũng đạt được năng lực tự học, tự tìm tòi để hoàn thiện tri thức và kỹ năng; từ đó có thể xác định những giải pháp mang tính hệ thống, hài hòa, phù hợp để thúc đẩy phát triển KT - XH bền vững.

- CO3: Bồi dưỡng tình yêu quê hương đất nước; có ý thức trách nhiệm công dân đối với sự phát triển và Hội nhập quốc tế của đất nước;

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Người học nắm vững được các kiến thức về khái niệm liên kết kinh tế TG; khái niệm hội nhập kinh tế TG; Các đặc trưng cũng như loại hình liên kết kinh tế TG hiện nay.

- CLO2: Hiểu và phân tích được bản chất của hội nhập kinh tế quốc tế, tác động của liên kết kinh tế TG; Nắm vững và đánh giá được tiến trình hội nhập kinh tế Thế giới của VN; những kết quả đạt được và những mặt còn hạn chế của quá trình hội nhập; Các tác động của quá trình hội nhập đến KT - XH VN; đánh giá được định hướng chiến lược HNKTQT của VN và những thuận lợi cũng như thách thức đặt ra trong xu hướng HNKTQT mới.

- CLO3: Phân tích, xử lý được bảng số liệu, lập biểu đồ và rút ra nhận xét, từ đó đánh giá định tính và định lượng thực trạng hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam.

- CLO4: Thể hiện thái độ và tinh thần xây dựng; đồng thời đưa ra được những kiến nghị và giải pháp phát triển hội nhập hiệu quả.

- CLO5: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lý thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Liên kết kinh tế quốc tế 1.1. Khái niệm 1.2. Đặc trưng 1.3. Nguyên nhân 1.4. Các hình thức liên kết kinh tế quốc tế 1.5. Tác động của liên kết kinh tế quốc tế	7	10		2		35
Chương 2. Hội nhập kinh tế quốc tế 2.1. Khái niệm 2.2. Các mức độ hội nhập 2.3. Các nội dung cơ bản của HNKTQT 2.4. Bản chất của hội nhập kinh tế quốc tế 2.5. Các mô hình cơ bản của tiến trình hội nhập	10	10		1		50
Chương 3. HNKTQT của Việt Nam. 3.1. Tiến trình HNKTQT của Việt Nam 3.2. Tác động của HNKTQT đối với đời sống, KTXH 3.3. Định hướng của chiến lược	10	10		3		50

HNKTQT						
3.4. Thách thức đặt ra trong xu hướng HNKTQT						
3.5. Những thuận lợi của HNKTQT						
Tổng	27	30	0	6		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1,2, 4,5	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4,5	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	20%
III. Thi cuối kì (01)				
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3,4,5	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 03 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* **Giáo trình bắt buộc:**

1. Nguyễn Thị Bằng, 2005, *Giáo trình kinh tế quốc tế*, NXB Tài chính.

*** Giáo trình tham khảo**

1. Đặng Hữu (Chủ biên) (2001), *Phát triển kinh tế tri thức rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, NXB Chính trị quốc gia.

2. Ông Thị Đan Thanh (2015), *Địa lí kinh tế xã hội thế giới*, NXB ĐHSP.

3. Viện nghiên cứu Đông Nam Á (Singapo) (1996), *APEC những thách thức và cơ hội*, NXB Chính trị quốc gia.

6.45d. ĐỊA LÍ ĐÔ THỊ / GEOGRAPHY OF URBAN

- Số tín chỉ: 03 (27 LT; 30 TL; 6 TH)

- Mã số học phần: 125319

- Bộ môn quản lý học phần: Địa lí

- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Học phần Địa lí đô thị trang bị các kiến thức về: Khái niệm và đặc điểm đô thị; Quá trình phát triển đô thị trên Thế giới và ở Việt Nam; Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển đô thị; Vai trò của đô thị trong quá trình phát triển KT - XH; Hệ thống các tiêu chí đánh giá sự phát triển của đô thị trên Thế giới và ở Việt Nam.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sau khi học xong học phần này, người học hiểu được khái niệm về đô thị, vai trò của đô thị; Nắm được hệ thống tiêu chí đánh giá sự phát triển của đô thị và biết vận dụng để đánh giá được mức độ phát triển của các đô thị cụ thể.

- CO2: Người học có kỹ năng tính toán các chỉ số KT-XH, kỹ năng phân tích, đánh giá, so sánh số liệu thống kê; vẽ các biểu đồ, sơ đồ; Kỹ năng viết báo cáo, viết bài luận; Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, kỹ năng giải quyết vấn đề; nâng cao tính sáng tạo, cách làm việc khoa học.

- CO3: Bồi dưỡng tình yêu quê hương đất nước; Ý thức được tầm quan trọng của đô thị và sự phát triển bền vững đối với học sinh, sinh viên thời kì công nghiệp 4.0 và nhu cầu phát triển KT-XH trong quá trình giáo dục theo định hướng PT năng lực người học.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Làm rõ được các khái niệm về đô thị, quá trình phát triển các đô thị trên thế giới; Nắm được hệ thống tiêu chí đánh giá sự phát triển của đô thị và biết vận dụng để đánh giá được mức độ phát triển của các đô thị cụ thể.

- CLO2: Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển đô thị và vai trò của đô thị trên thế giới cũng như ở Việt Nam. Thực trạng phát triển đô thị qua các giai đoạn lịch sử. Từ đó giải thích và dự báo được xu hướng phát triển đô thị trong tương lai.

- CLO3: Phân tích, xử lý được bảng số liệu, lập biểu đồ và rút ra nhận xét, từ đó đánh giá định tính và định lượng thực trạng phát triển đô thị.

- CLO4: Thể hiện thái độ và tinh thần gìn giữ, trân trọng các giá trị văn hóa; đồng thời đưa ra được những kiến nghị và giải pháp phát triển đô thị bền vững và hiệu quả.

- CLO5: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lý thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực địa lí đô thị.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Những vấn đề chung về đô thị 1.1. Một số khái niệm tiêu biểu về: đô thị, phát triển đô thị. 1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của đô thị. 1.3. Vai trò của đô thị đối với sự phát triển KT-XH. 1.4. Hệ thống các tiêu chí đánh giá sự phát triển của đô thị.	9	10		2		35
Chương 2. Quá trình phát triển các đô thị trên thế giới 2.1. Nguồn gốc hình thành đô thị 2.2. Lược sử phát triển đô thị 2.2.1. Đô thị thời kì cổ đại. 2.2.2. Đô thị thời kì trung đại và phục hưng. 2.2.3. Đô thị thời kì Barocco. 2.2.4. Đô thị cận hiện đại 2.2.5. Nguồn gốc hình thành đô thị	9	10		2		50
Chương 3. Quá trình phát triển đô thị ở Việt Nam. 3. 1 Thời kỳ Phong kiến 3. 2. Thời kỳ Pháp đô hộ 3. 3. Từ 1945 – 1975 3. 4. Từ 1975 - 1986 3. 5. Từ sau 1986 đến nay	9	10		2		50
Tổng	27	30	0	6		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1,2, 4,5	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4,5	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	20%
III. Thi cuối kì				
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3,4,5	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 03 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Giáo trình bắt buộc:**

- Trương Quang Thao (2003), *Đô thị học, những khái niệm mở đầu*, NXBXD

*** Giáo trình tham khảo**

- Đặng Thái Hoàng (2010), *Lịch sử đô thị*, NXB Xây dựng.

- Conferences&Seminares (2015), *Phát triển đô thị bền vững*, NXB tri thức.

- Nguyễn Đăng Sơn (2005), *Phương pháp tiếp cận mới về quy hoạch và quản lý đô thị*, NXB Xây dựng.

- Carter H. Edward (1985), *The study of urban geography*, NXB Amold.

- Michael Pacione (2001), *Urban geography:a global perspective*, Routledge.

VII. TÀI LIỆU THAM KHẢO ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Về cơ sở pháp lý

- Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

- Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Căn cứ Chương trình Giáo dục phổ thông, Chương trình tổng thể (*Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT- BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*);

- Căn cứ Chiến lược phát triển Trường ĐH Hồng Đức đến năm 2030, tầm nhìn 2045 (*Ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐT ngày 28-6-2022 của HĐ trường Trường ĐH Hồng Đức*);

- Căn cứ Quyết định số 847 ĐHHĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Hiệu trưởng trường ĐHHĐ Về việc ban hành Quy định xây dựng, điều chỉnh, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần tại Trường Đại học Hồng Đức;

2. Về cơ sở thực tiễn

* *Tham khảo CTĐT của các trường ĐH trong nước:*

- Trường đại học Sư phạm Hà Nội, *Chương trình khung ĐHSP Địa lí, ĐHSP Hà Nội: 1. Chương trình khung ĐHSP Địa lí, ĐHSP Hà Nội năm 2022*

(xem tại: <https://hnue.edu.vn/Portals/0/SP-Dia-Khung-CTDT.pdf>, truy cập 7/2023)

- Trường đại học Sư phạm Thái Nguyên- Đại học Thái Nguyên, *Chương trình khung ĐHSP Địa lí*

(xem tại: [https://tnue.edu.vn/Data/Sites/107/media/Thaidtm/files/Khung%20CTDT%20K54%20\(22_8_2019\).pdf](https://tnue.edu.vn/Data/Sites/107/media/Thaidtm/files/Khung%20CTDT%20K54%20(22_8_2019).pdf), (truy cập 7/2023)

- Trường đại học Sư phạm Huế- ĐH Huế, *Chương trình khung ĐHSP Địa lí, năm 2021* (xem tại: http://www.dhsphue.edu.vn/media/db_html_cmp_010406/10__mt_ctdt_nganh_dia_ly.pdf, truy cập 7/2023)

- Chương trình khung ĐHSP Địa lí, Trường ĐH Vinh năm 2021

http://vinhuni.edu.vn/upload/ctdt/chinhquy/7140219_SPDialy.pdf

(truy cập 7/2023)

* *Kết quả khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan về CTĐT (Nhà tuyển dụng, chuyên gia, giảng viên, cựu sinh viên và sinh viên).*

VIII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

8.1. Chương trình đào tạo ngành được áp dụng:

- Đào tạo hình thức chính quy tuyển sinh từ học sinh tốt nghiệp THPT theo quy chế đào tạo chính quy;

- Đào tạo liên thông: Áp dụng quy chế đào tạo phù hợp với hình thức đào tạo chính quy hoặc giáo dục thường xuyên;

- Thực hiện việc xét miễn, bảo lưu kết quả học tập theo quy định hiện hành đối với các hình thức đào tạo.

8.2. Trưởng các khoa chuyên môn có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn các bộ môn tiến hành xây dựng và phê duyệt đề cương chi tiết học phần, trưởng bộ môn phê duyệt hồ sơ bài giảng theo quy định; xây dựng kế hoạch chi phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế và mua sắm bổ sung các trang thiết bị, máy móc, hóa chất, dụng cụ thí nghiệm chi tiết cho từng học phần và cho toàn khóa đào tạo; chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo và chuẩn đầu ra. Trưởng các phòng ban, trung tâm chức năng liên quan có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định kế hoạch và trình Hiệu trưởng phê duyệt cho triển khai thực hiện.

8.3. Phương pháp giảng dạy: Tăng cường tính tự học, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, lấy người học làm trung tâm. Hình thức, phương pháp giảng dạy được cụ thể hóa trong đề cương chi tiết học phần.

8.4. Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Số bài kiểm tra, hình thức kiểm tra, thời gian kiểm tra, hình thức thi kết thúc học phần được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần và phù hợp với quy chế đào tạo.

8.5. Chương trình đào tạo được định kỳ bổ sung, điều chỉnh. Khi cần điều chỉnh phải có văn bản đề nghị của Hội đồng khoa kèm theo luận cứ, hồ sơ minh chứng, sản phẩm chỉnh sửa, bổ sung gửi về Nhà trường qua đơn vị quản lý đào tạo. Chỉ được thực hiện khi Hội đồng khoa học và đào tạo nhà trường thông qua và có Quyết định của Hiệu trưởng./.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Đậu Bá Thìn